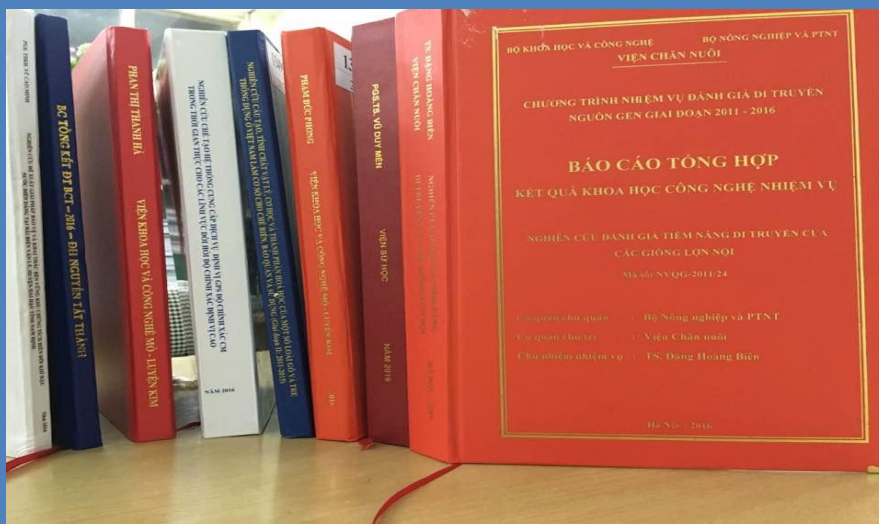


THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỐ 12 (2023)



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
National Agency for Science and Technology Information

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Định kỳ 01 số/tháng)

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban: THS. VŨ ANH TUẤN
Phó Trưởng ban: ThS. Võ Thị Thu Hà
Ủy viên thư ký: ThS. Nguyễn Thị Thưa
CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu
CN. Nguyễn Thu Hà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	2
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	9
Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	178

LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”***.

Xuất bản phẩm ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 01 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 3934-9116- Fax: (024) 3934-9127- E-mail: quanly@vista.gov.vn

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

①
②
③
④

82597. 08-2022 **Giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử về quản lý Bảo hiểm xã hội trong phạm vi cả nước/ ThS. Lê Nguyên Bồng, Nguyễn Hoàng Phương; Nguyễn Thị Thanh Mai; Trần Thanh Tùng; Nguyễn Thị Trà My; Dương Vương Tuấn; Đoàn Tràng Tuấn; Hà Trọng Hiếu; Nguyễn Thị Thu Hoài; Nguyễn Thị Thu Hương - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ thông tin, 2021; 05/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

⑤
⑥
⑦
⑧
⑨

Nghiên cứu bối cảnh, chiến lược chuyển đổi số, chiến lược dữ liệu quốc gia và của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Đánh giá thực trạng và tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý, vận hành các cơ sở dữ liệu điện tử của của Bảo hiểm Việt Nam. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử. ———⑩

Số hồ sơ lưu: 19779

①	Mã biểu ghi trong CSDL
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

1. Khoa học tự nhiên	9
10101. Toán học cơ bản.....	11
10102. Toán học ứng dụng	11
10201. Khoa học máy tính.....	12
10202. Khoa học thông tin.....	14
10299. Khoa học máy tính và khoa học thông tin khác.	16
10302. Vật lý các chất cô đặc	16
10303. Vật lý hạt và trường	17
10304. Vật lý hạt nhân.....	18
10306. Quang học	19
10402. Hoá vô cơ và hạt nhân	19
10501. Địa chất học	20
10508. Trắc địa học và bản đồ học	21
10509. Các khoa học môi trường.....	21
10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển.....	24
10513. Thủy văn; Tài nguyên nước.....	25
10612. Động vật học.....	26
10613. Sinh học biển và nước ngọt	27
10616. Công nghệ sinh học.....	27
199. Khoa học tự nhiên khác	28
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....	28
20101. Kỹ thuật kiến trúc	29
20102. Kỹ thuật xây dựng.....	29
20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị	34
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải.....	36
20105. Kỹ thuật thủy lợi	38
20106. Kỹ thuật địa chất công trình.....	40
20201. Kỹ thuật điện và điện tử.....	40

20202. Người máy và điều khiển tự động	43
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),.....	43
20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông	47
20205. Viễn thông.....	47
20299. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin không xếp vào mục nào khác	48
20303. Chế tạo máy công cụ.....	49
20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp	51
20310. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy xây dựng	52
20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng	52
20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng.....	52
20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân.....	53
20399. Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy khác.....	54
20403. Kỹ thuật hoá dược.....	54
20405. Kỹ thuật hoá hữu cơ.....	55
20406. Kỹ thuật hoá dầu	55
20499. Kỹ thuật hóa học khác	55
20503. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim màu	56
20504. Luyện kim bột.....	56
20505. Cán kim loại; kéo kim loại; sản xuất sản phẩm kim loại; sản xuất ống kim loại, v.v..	57
20506. Luyện các chất bán dẫn.....	57
20507. Vật liệu xây dựng.....	58
20508. Vật liệu điện tử.....	64
20510. Gốm.....	65
20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ	66
20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...).....	67
20513. Gỗ, giấy, bột giấy.....	70
20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp	70
20515. Vật liệu tiên tiến.....	71

20599. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim khác;	72
20601. Kỹ thuật và thiết bị y học.....	73
20604. Kỹ thuật chẩn đoán bệnh	73
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật	74
20704. Viễn thám.....	78
20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất	79
20799. Kỹ thuật môi trường khác	79
21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)	85
21002. Các quy trình nano (các ứng dụng ở cấp nano). (Vật liệu sinh học kích thước không phải nano được xếp vào 209)	86
21101. Kỹ thuật thực phẩm.....	87
21102. Kỹ thuật đồ uống.....	88
21199. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống khác	88
299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác	89
3. Khoa học y, dược	89
30104. Thần kinh học (bao gồm cả Tâm sinh lý học).....	91
30211. Ngoại khoa (Phẫu thuật)	91
30221. Ung thư học và phát sinh ung thư.....	92
30222. Nhân khoa. Bệnh mắt	94
30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..).....	94
30305. Y tế môi trường và công cộng	96
30308. Bệnh truyền nhiễm.....	96
30402. Dược học lâm sàng và điều trị.....	97
30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc.....	97
30404. Hoá dược học	100
30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế	100
4. Khoa học nông nghiệp	101
40102. Thổ nhưỡng học.....	106
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm	106
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả.....	107
40105. Cây công nghiệp và cây thuốc	110

40106. Bảo vệ thực vật	113
40107. Bảo quản và chế biến nông sản.....	114
40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác.....	115
40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi	116
40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi	117
40206. Sinh trưởng và phát triển của động vật nuôi.....	118
40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác	119
40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản	120
40503. Bệnh học thủy sản.....	121
40504. Nuôi trồng thủy sản.....	121
40505. Hệ sinh thái và đánh giá nguồn lợi thủy sản.....	125
40599. Khoa học công nghệ thủy sản khác	125
40699. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp khác	127
499. Khoa học nông nghiệp khác	128
5. Khoa học xã hội	128
50102. Tâm lý học chuyên ngành.....	129
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh	129
50202. Kinh doanh và quản lý.....	134
50299. Kinh tế học và kinh doanh khác	142
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.....	144
50302. Giáo dục chuyên biệt	146
50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác.....	147
50401. Xã hội học nói chung.....	148
50404. Dân tộc học	149
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội.....	149
50501. Luật học	156
50601. Khoa học chính trị.....	158
50602. Hành chính công và quản lý hành chính.....	161
50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị	164
50704. Quy hoạch giao thông và các khía cạnh xã hội của giao thông vận tải.	166

50799. Địa lý kinh tế và xã hội khác	166
50801. Báo chí	167
50802. Thông tin học	168
599. Khoa học xã hội khác.....	168
6. Khoa học nhân văn.....	170
60101. Lịch sử Việt Nam.....	170
60103. Khảo cổ học và tiền sử.....	172
60199. Các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác	173
60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung	174
60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam.....	175
60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ.....	175
60402. Mỹ thuật.....	176
699. Khoa học nhân văn khác	176

THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

1. Khoa học tự nhiên

89712. 12-2023 **Phân vùng nguy cơ và lập bản đồ cảnh báo sạt lở đất, đá do mưa ở tỉnh Khánh Hòa.**/ Võ Anh Kiệt, - ThS. Trần Văn Hưng - KS. Vũ Đình Hưng - KS. Đỗ Thị Huệ - TS. Vũ Mạnh Hải - KS. Lê Thị Mỹ Dung - TS. Bùi Văn Chanh - KS. Nguyễn Thị Hiền - ThS. Phạm Xuân Thạch - KS. Đào Quang Luân - Nha Trang, Khánh Hòa - Đài Khí tượng Thủy văn Khu vực Nam Trung Bộ, 2023; 11/2021 - 04/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập, tổng hợp, xử lý gồm tài liệu khí tượng thủy văn, bản đồ, khảo sát địa hình, tài liệu điều tra khảo sát thực địa được chuẩn hóa, kết hợp điều tra trên 13 tuyến khảo sát, với 970 điểm điều tra, dọn vết lộ 97 vị trí, đào 9 hố khảo sát, khoan địa chất công trình 9 lỗ, lấy mẫu đất 32 vị trí với 32 mẫu nguyên dạng và 7 mẫu không nguyên dạng. Thu thập phiếu điều tra xã hội học để đánh giá tính dễ bị tổn thương và khả năng chống chịu thiên tai của cộng đồng, với việc phỏng vấn trên 400 người dân và cán bộ địa phương ở 70 xã, phường của các thành phố, huyện, thị trong tỉnh. Xây dựng công cụ hỗ trợ công tác dự báo, cảnh báo mưa lớn cũng như công cụ giám sát, cảnh báo sạt lở đất, đá với các cấp độ rủi ro trên website, với sự hỗ trợ của ArcGIS Desktop 10.8 nên có độ chính xác cao, dễ sử dụng cho nhiều

đối tượng, từ người quản lý đến cộng đồng dân cư. Hệ thống được phát triển dựa trên nền tảng mã nguồn mở Openlayer, Geo Server, MySQL và một số công cụ khác, hoạt động trên máy tính và các thiết bị điện thoại thông minh (nếu có kết nối internet và cài app). Phân vùng chi tiết các khu vực có nguy cơ cao và rất cao đã từng và có khả năng xảy ra sạt lở đất, đá tại các địa phương, đã tổng kết đánh giá khách quan hiện trạng, cũng như phân tích các nguyên nhân tự nhiên, nguyên nhân xã hội gây xảy ra tai biến sạt lở, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp, để hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do sạt lở đất đá gây ra tại địa phương.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/352

89834. 12-2023 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.**/ ThS. Phan Thị Hoàng Mai, ThS. Trần Kim Hoàng; ThS. Đỗ Thanh Nhân; ThS. Trần Hòa Thuận; ThS. Bùi Minh Nhật; KS. Nguyễn Hoàng Nhung - An Giang - Trường chính trị Tôn Đức Thắng, 2023; 11/2022 - 05/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xác định ý nghĩa lý luận và thực tiễn của việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất trong phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng 03 tiêu chí đánh giá với 12 chỉ tiêu cụ thể làm cơ sở để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất

khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang. Nghiên cứu về thực trạng sử dụng đất của các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang; từ đó đánh giá các cơ hội, thách thức ảnh hưởng đến việc sử dụng đất tại các khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030. Đề xuất các giải pháp sử dụng đất các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, góp phần phát triển kinh tế và thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ XI đã đề ra.

Số hồ sơ lưu: AGG-2023-019

89961. 12-2023 **Khảo sát một số phương trình cấp không nguyên/** ThS. Trần Thanh Phong, ThS. Lê Đình Long; ThS. Trần Ngọc Thạch và ThS. Nguyễn Đức Phương - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2023; 09/2021 - 05/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đưa ra các đánh giá sai số giữa nghiệm chính xác và nghiệm chính hóa dưới cách chọn tham số chính hóa tiên nghiệm và tham số chính hóa hậu nghiệm. Tác giả chứng minh bài toán xấp xỉ ủa bài toán ban đầu là bài toán chính. Xem xét tính chính/không chính và một số tính chất nghiệm của các phương trình có chứa đạo hàm cấp không nguyên. Khảo sát tốc độ hội tụ giữa nghiệm chính hóa và nghiệm chính xác. Phương pháp số cho một vài phương trình cụ thể. Chính hóa các bài toán ngược cho vài loại phương trình cụ thể.

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-031

89962. 12-2023 **Tổng hợp vật liệu nano Ag@Au dạng hình sao, hình thanh và định hướng ứng dụng xác định dư lượng hóa chất độc hại trong thực phẩm/** ThS. Quang Thị Ngọc Anh, PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Phong; TS. Võ Quốc Khương và ThS. Nguyễn Thị Bích Thảo - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2023; 12/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng hợp thành công vật liệu nano Ag@Au dạng hình sao bằng phương pháp khử một giai đoạn, kích thước hạt khoảng hơn 100 nm, ổn định trong 3 tháng ở điều kiện nhiệt độ phòng. - Tổng hợp thành công vật liệu nano Ag@Au dạng thanh bằng phương pháp tạo mầm trung gian với tác nhân khử là acid ascorbic, kích thước hạt 40-60 nm, độ ổn định từ 3 – 6 tháng. - Thiết lập qui trình khảo sát ảnh hưởng của các yếu tố phản ứng (tỷ lệ tiền chất HAuCl_4 - AgNO_3 , nồng độ acid ascorbic, hàm lượng chất bảo vệ, chất hoạt động bề mặt, thời gian phản ứng, nhiệt độ, pH môi trường,...) đến quá trình kiểm soát hình dạng và kích thước hạt nano Ag@Au dạng hình sao và hình thanh. - Thử nghiệm khả năng phát hiện Thiram và Dicyandamide bằng phương pháp tăng cường tán xạ Raman (SERS) với bộ thông số đầy đủ, chi tiết quá trình chuẩn bị bề mặt tăng cường, nồng độ các hợp chất hữu cơ và thời gian thực hiện.

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-032

89969. 12-2023 **Phân tích hiệu suất các hệ thống thu năng lượng trong mạng chuyên tiếp được đặc**

trung bởi mật độ phân bố kênh Log-Normal./ ThS. Văn Hoàng Phương, - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2023; 01/2021 - 07/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá hiệu suất của lược đồ lựa chọn chuyển tiếp (RS) được gọi là lược đồ RS tối ưu trong ngữ cảnh của LPEH WSN. Đáng chú ý, các rơ le được trang bị pin và hoạt động với kỹ thuật FD-AF với các kênh truyền log-normal. Việc sử dụng kỹ thuật SWIPT trong các mạng chuyển tiếp hợp tác đã thu hút sự chú ý đáng kể từ cộng đồng nghiên cứu. Tác giả có thể tìm thấy một số nghiên cứu tập trung vào các kênh Rayleigh và Nakagami-m, được sử dụng để mô hình hóa các kịch bản ngoài trời. Khác với một số nghiên cứu hiện có, nghiên cứu này được thực hiện trong bối cảnh kịch bản trong nhà được mô hình hóa bằng các kênh log-normal

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-036

10101. Toán học cơ bản

89380. 12-2023 **Một số hướng nghiên cứu trong đại số địa phương**/ PGS.TS. Phạm Hùng Quý, GS.TSKH. Nguyễn Tự Cường; PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Loan; TS. Phạm Hữu Khánh; TS. Nguyễn Tuấn Long; ThS. Dương Thị Hương - Hà Nội - Trường Đại học FPT, 2023; 10/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đại số Giao hoán có thể xem như là cách tiếp cận đại số cho các vấn đề hình học. Chẳng hạn, vành địa phương tại một điểm kỳ dị của một đa tạp đại số chứa đựng các

thông tin về tính kỳ dị của đa tạp tại điểm đó. Do đó, nghiên cứu về đại số địa phương là một lĩnh vực trung tâm của đại số giao hoán. Nhóm nghiên cứu về đại số địa phương thực hiện theo ba vấn đề chính sau: Nghiên cứu về vành địa phương đặc số dương: bao đóng Frobenius, F-kỳ dị. Bài toán nhiều trong vành địa phương. Vành địa phương nói chung như đối đồng điều địa phương, bao đóng giới hạn, hệ số Hilbert.

Số hồ sơ lưu: 22833

10102. Toán học ứng dụng

89117. 12-2023 **Nghiên cứu một số phương trình toán tử và phương trình vi phân**/ PGS. TS. Nguyễn Bích Huy, TS. Bùi Thế Quân; TS. Võ Việt Trí - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đối với bài toán chứng minh một số kết quả trừu tượng về tồn tại điểm bất động chung của hai ánh xạ đa trị tăng yếu, cô đặc theo một độ đo phi compact với giá trị vectơ và áp dụng cho hệ bao hàm thức vi phân có chậm. Nghiên cứu sự tồn tại, duy nhất nghiệm cho hai lớp bài toán Cauchy có chậm trong thang các không gian Banach thỏa mãn điều kiện Lipschitz - Holder hoặc điều kiện cô đặc theo độ đo phi compact, ứng dụng vào một phương trình vi phân đạo hàm riêng có chậm. Chứng minh sự tồn tại nghiệm không âm, không tầm thường của bất đẳng thức biên vi phân chứa số hạng phi tuyến dạng logistic trong mối liên hệ với độ tăng của số hạng

phi tuyến. Nghiên cứu tính chính quy nghiệm trong không gian Lorentz có trọng và không gian Orlicz có trọng cho các phương trình elliptic và parabolic bậc cao và phương trình parabolic chứa toán tử Hermite với bậc không nguyên trong không gian Besov liên kết với toán tử Hermite.

Số hồ sơ lưu: 22730

10201. Khoa học máy tính

89351. 12-2023 **Khai phá các cấu trúc rời rạc trong tối ưu hoá hoạt động một số mạng tự trị/ TS. Nguyễn Phi Lê, TS. Lê Chí Ngọc; TS. Lê Minh Thùy; PGS.TS. Đỗ Phan Thuận; ThS. Nguyễn Đức Dương - Hà Nội - Trường Công nghệ thông tin và Truyền thông, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Khai phá các tính chất đặc biệt của một số cấu trúc rời rạc nói chung và đồ thị đặc biệt nói riêng có lợi cho các bài toán tối ưu trong mạng tự trị. Cung cấp một sự hiểu biết toàn diện về các vấn đề tối ưu hóa trong mạng tự trị, đặc biệt là các mạng tự trị với cấu hình phức tạp. Đề xuất các mô hình toán học nhằm tìm ra lời giải chính xác cho các bài toán tối ưu trong triển khai mạng tự trị có cấu hình phức tạp; tối ưu lịch trình của các thành phần di động trong mạng tự trị; tối ưu hoạt động của các thành phần mạng trong mạng tự trị. Thực hiện các phân tích lý thuyết chặt chẽ và các chứng minh lý thuyết liên quan tới các cấu trúc tổ hợp, các dạng đồ thị đặc biệt và các thuật toán tối ưu được đề xuất. Đánh

giá các thuật toán đề xuất bằng các phương pháp mô phỏng mạng, sử dụng các hệ mô phỏng nổi tiếng như NS2, OMNET++.

Số hồ sơ lưu: 22827

89411. 12-2023 **Nghiên cứu ứng dụng hệ thống mạng nơ-ron nhân tạo và các thuật toán tối ưu dự báo chấn động nổ mìn cho các mỏ lộ thiên Việt Nam/ GS. TS. Bùi Xuân Nam, ThS. Nguyễn Hoàng; PGS.TS. Bùi Hoàng Bắc; TS. Trần Quang Hiếu; TS. Nguyễn Đình An; TS. Lê Thị Thu Hoa; ThS. Lê Quý Thảo; ThS. Nguyễn Quốc Long - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2023; 04/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu, đánh giá đặc tính của sóng chấn động sinh ra do nổ mìn, điều kiện hình thành và tác động của chúng tới môi trường xung quanh. Giám sát chấn động nổ mìn nhằm thu thập dữ liệu tại các mỏ than Cọc Sáu, mỏ đồng Sin Quyền và mỏ đá Thường Tân 3. Phát triển một số mô hình trí tuệ nhân tạo dự báo chấn động nổ mìn cho mỏ than Cọc Sáu, mỏ đồng Sin Quyền và mỏ đá Thường Tân 3 dựa trên dữ liệu thu thập được. Áp dụng thử nghiệm các mô hình trí tuệ nhân tạo đã xây dựng và so sánh với các giá trị thực tế tại mỏ than Cọc Sáu, mỏ đồng Sin Quyền và mỏ đá Thường Tân 3. Đồng thời, phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới chấn động nổ mìn và đề xuất các yếu tố chính cần được kiểm soát chặt chẽ nhằm giảm thiểu chấn động nổ mìn, đảm bảo an

toàn cho các công trình và môi trường xung quanh.

Số hồ sơ lưu: 22856

89706. 12-2023 **VIFO – Nền tảng kết nối tất cả các bên tham gia bảo hiểm/** Vương Việt Linh, - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp, 2022; 12/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình doanh thu và kế hoạch phát triển thị trường và thống kê các hoạt động gọi vốn. Tổng hợp và đánh giá các giải pháp đã được triển khai ở Việt Nam và thế giới trong ngành Bảo hiểm. Nghiên cứu, xây dựng quy trình bán hàng đa kênh và chuẩn bị data cho các dữ liệu bảo hiểm. Hoàn thiện vấn đề bảo mật và xây dựng phần mềm bảo hiểm VIFO. Nghiên cứu, xây dựng chiến lược, kế hoạch Marketing và truyền thông và triển khai đối tác B2B.

Số hồ sơ lưu: HCM-049-2023

89928. 12-2023 **Hệ thống trình diễn trực quan trên web phục vụ cho liên hoan tuổi trẻ sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh/** ThS. Trần Ngọc Đạt Thành, Huỳnh Việt Thám; Trần Mai Khiêm; Lê Công Luận - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2021; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát các sản phẩm đang có trên thị trường để tìm ra thế mạnh, yếu điểm của nó nhằm lập kế hoạch xây dựng hệ thống hoàn thiện hơn.

Tìm hiểu công nghệ đang được sử dụng để xây dựng môi trường hiện có. Xây dựng môi trường ảo 3D: gồm sảnh chào mừng và các phòng liên thông. Gắn các thông tin đa phương tiện vào môi trường ảo bao gồm ảnh và video. Thực hiện tương tác cho phép xem xung quanh 360 độ trong môi trường ảo bằng chuột. Thực hiện tương tác phóng to, thu nhỏ tại 1 vị trí hoặc cho phép di chuyển bên trong môi trường ảo 3D. Xây dựng giao diện tương tác liên kết giữa các phòng. Giao diện tương tác với các thông tin đa phương tiện. Giao diện tổng quan chung của Web. Build ứng dụng trên môi trường Website.

Số hồ sơ lưu: HCM-148-2023

89930. 12-2023 **Nhận dạng và sửa lỗi văn bản OCR sử dụng các mẫu ký tự sửa lỗi và thuật toán tối ưu/** ThS. Phạm Toàn Định, Lê Thị Kim Ngọc; Lê Đức Anh; Nguyễn Quốc Dũng; Phan Nguyệt Minh; Huỳnh Nhật Triều - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2021; 12/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng các tập dữ liệu training và test tiêu chuẩn, trong đó dữ liệu training cần được thực hiện sắp xếp canh hàng theo mức từ và mức ký tự giữa các văn bản OCR (chứa các từ lỗi OCR) và các văn bản gốc đúng (ground truth - GT) tương ứng. Xây dựng các bảng sửa lỗi ký tự từ các tập dữ liệu training. Các bảng sửa lỗi được tạo ra bằng cách tìm trong các văn bản gốc đúng

các mẫu ký tự sửa lỗi cho các mẫu ký tự sai được tìm thấy trong các văn bản OCR bị lỗi tương ứng. Đồng thời, thiết kế và viết chương trình tạo các bảng sửa lỗi ký tự. Đề xuất và xây dựng mô hình hậu xử lý văn bản OCR bao gồm các giai đoạn: tách từ (tokenization), phát hiện từ lỗi OCR (error detection), tạo từ sửa lỗi (candidate generation) và tính điểm và xếp hạng từ sửa lỗi (candidate scoring and ranking). Đồng thời, thiết kế và viết chương trình cho các giai đoạn xử lý trong mô hình hậu xử lý văn bản OCR đề xuất. Đề xuất các mô hình ngôn ngữ n-gram trong việc tìm từ lỗi OCR; bên cạnh đó, đề xuất thuật toán tối ưu trong việc tìm từ sửa lỗi, cũng như nâng cao chất lượng các từ sửa lỗi và xếp hạng các từ sửa lỗi một cách hiệu quả. Đồng thời, thiết kế và viết chương trình cho các thuật toán và mô hình này.

Số hồ sơ lưu: HCM-151-2023

89931. 12-2023 **Nghiên cứu, xây dựng và triển khai thử nghiệm hệ thống cảnh báo sớm ngập lụt đô thị dựa trên nền tảng trí tuệ nhân tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh/** ThS. Lê Ngọc Quyên, ThS. Nguyễn Việt Hưng; TS. Ngô Võ Kế Thành; TS. Lê Quốc Cường; ThS. Đỗ Tấn Long; PGS. TS. Trần Minh Triết; ThS. Trần Thành Công; ThS. Nguyễn Tuấn Khoa; PGS. TS. Bùi Việt Hưng; ThS. Đặng Quang Thanh - TP. Hồ Chí Minh - Đài Khí tượng thủy văn khu vực Nam Bộ, 2022; 12/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Thu thập, biên hội, chỉnh lý và cập nhật cơ sở số liệu khí tượng thủy văn; số liệu về hệ thống cống tiêu thoát nước, hệ thống kênh rạch, số liệu về giao thông, số liệu camera, quy hoạch đô thị, số liệu về sử dụng đất; bản đồ số độ cao....Xây dựng được nền tảng công nghệ thông tin nhằm xử lý, lưu trữ dữ liệu khí tượng thủy văn, dữ liệu cơ sở hạ tầng, dữ liệu địa lý, dữ liệu từ camera kết nối với hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn và ngập đô thị để thu thập dữ liệu quan trắc theo thời gian thực; Xây dựng hệ thống công cụ, phần mềm dự báo và cảnh báo sớm ngập lụt đô thị dựa trên nền tảng Trí tuệ nhân tạo cho Thành phố Hồ Chí Minh; Xây dựng phần mềm giao tiếp, tương tác với người dân, nhà quản lý, cơ quan chuyên trách để thông báo ngập, cảnh báo ngập theo thời gian thực; Triển khai thử nghiệm hệ thống cảnh báo sớm ngập dựa trên nền tảng Trí tuệ nhân tạo tại khu vực Đông Bắc Thành phố bao gồm các quận : quận 2, quận 9 và quận Thủ Đức.

Số hồ sơ lưu: HCM-152-2023

10202. Khoa học thông tin

89621. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng nền tảng dữ liệu không gian đô thị trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển đô thị thông minh/** ThS. Nguyễn Ngọc Vũ, ThS. Hoàng Thu Trang; KS. Hoàng Hồng Nghĩa; KS. Bùi Công Thịnh; KS. Trần Thị Mai Thu; KS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Phạm Văn Hiếu; KS. Lê Văn Hùng; ThS. Bùi Hồng Sơn; KS. Đặng Xuân

Trường - Hà Nội - Trung tâm Thông tin, lưu trữ và Thư viện tài nguyên môi trường quốc gia, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, đánh giá và xác định nhu cầu xây dựng nền tảng dữ liệu không gian đô thị trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển đô thị thông minh ở Việt Nam. Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng nền tảng dữ liệu không gian đô thị. Đề xuất mô hình kiến trúc và giải pháp xây dựng nền tảng dữ liệu không gian đô thị trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển đô thị thông minh ở Việt Nam. Xây dựng và thử nghiệm nền tảng dữ liệu không gian trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển đô thị thông minh.

Số hồ sơ lưu: 22942

89739. 12-2023 **Myleague** - **Ứng dụng quản lý giải đấu/** Bùi Anh Toàn, - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển khởi nghiệp VSV, 2022; 12/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng hệ thống ranking cho từng môn đấu và hoàn thiện tính năng cho MyTeam Premium. Xây dựng cấu trúc dữ liệu lưu trữ từ MyTeam và xây dựng chiến lược khai thác database MyTeam. Xây dựng, hoàn thiện tính năng cho MyShop và phân tích, tìm kiếm, kết nối đối tác cho tính năng MyShop. Xây dựng chiến lược Marketing - Quảng bá thương hiệu, hình ảnh ứng dụng Myleague và chiến lược Sales -

Cách tiếp cận và biến khách hàng tiềm năng thành người dùng trả phí. Tổng hợp và phân tích dữ liệu tăng trưởng số lượng giải đấu, đội bóng mới sau khi áp dụng chiến lược Marketing và Sales.

Số hồ sơ lưu: HCM-057-2023

89880. 12-2023 **Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và cung cấp thông tin trực tuyến về thời tiết và thiên tai trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn/KS.** Vũ Hồng Quân; ThS. Nguyễn Văn Hiếu; TS. Đoàn Thanh Hải; KS. Phạm Thái Hoàng; KS. Nguyễn Anh Tuấn; KS. Đào Quang Trung. KS. Dương Văn Huy; KS. Mùi Minh Tùng; CN. Trịnh Thị Mai Trang. - Trung tâm Nghiên cứu Địa tin học, Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên - Trung tâm Nghiên cứu Địa tin học, Trường ĐH Nông lâm, 2021; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát thực địa và thu thập thông tin số liệu về thời tiết và thiên tai tại Đài khí tượng Thủy văn, các cơ quan trong tỉnh và tại 122 xã/phường/thị trấn (hiện nay là 108 xã/phường/thị trấn). Các dữ liệu thu thập được đã đáp ứng được yêu cầu cho hệ thống CSDL thời tiết và thiên tai tỉnh Bắc Kạn. Xây dựng cơ sở dữ liệu thời tiết, thiên tai tỉnh Bắc Kạn hoàn chỉnh gồm 12 nhóm CSDL khai thác online, cập nhật theo giờ, theo ngày và theo phạm vi toàn tỉnh, huyện, xã và chi tiết đến tọa độ điểm. Xây dựng trang thông tin thời tiết, thiên tai tỉnh Bắc Kạn tích hợp các module

phần mềm, đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin về thời tiết, cung cấp thông tin dự báo cho các loại hình thiên tai như nắng nóng, mưa lớn, lũ, sạt lở đất. Đồng thời đã xây dựng được các module cảnh dự tính thiệt hại do thiên tai gây ra như nhà ở và công trình xây dựng, số người, diện tích đất nông nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 05/2021 Quyển số 01-STD-QLCNCN

10299. Khoa học máy tính và khoa học thông tin khác.

89722. 12-2023 **Nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong các hội nghị của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định/Lê Văn Thế; Nguyễn Tuấn Hùng; Mai Thanh Nga; Phạm Thanh Hưng; Cao Thành Nam; Trịnh Quốc Tuấn - Nam Định - Văn phòng tỉnh ủy Nam Định, 2022; 12/2021 - 05/2022.** (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong các hội nghị của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định; Ứng dụng phần mềm PHKG phục vụ các hội nghị của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Định; Trang bị trang thiết bị CNTT phục vụ triển khai phần mềm PHKG trong các hội nghị của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025; Tập huấn hướng dẫn sử dụng phần mềm.

Số hồ sơ lưu: 02-2023

90120. 12-2023 **Bất đẳng thức cho tích phân Sugeno/ Trần Nhật Luận, PGS.TS. Lý Kim Hà; ThS. Nguyễn Thanh Hiếu ThS. Mai Văn Thanh Tâm - Tp. Hồ Chí Minh -**

Viện khoa học và công nghệ tính toán, 2022; 09/2021 - 08/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu các loại bất đẳng thức cho tích phân Sugeno. Bao gồm: Bất đẳng thức Jensen, Holder và Hardy. Sử dụng kiến thức cơ bản về giả tích mờ áp dụng cho tích phân Sugeno. Sau đó, áp dụng mở rộng các tính chất cơ bản này trên các loại bất đẳng thức sau: i. Loại bất đẳng thức Jensen cho tích phân Sugeno. ii. Loại bất đẳng thức Holer cho tích phân Sugeno. iii. Loại bất đẳng thức Hardy cho tích phân Sugeno. Khi đó, ta thu được dạng Jensen, Holder, Hardy cho tích phân Sugeno dựa trên một số điều kiện cho trước.

Số hồ sơ lưu: HCM-026-2023

10302. Vật lý các chất cô đặc

89876. 12-2023 **Động học của chuyển pha trạng thái ngưng tụ exciton trong các hệ bán kim loại, bán dẫn/ TS. Đỗ Thị Hồng Hải, PGS.TS. Trần Minh Tiến; PGS.TS. Phan Văn Nhâm; TS. Nguyễn Xuân Chung; ThS. Nguyễn Thị Hậu; ThS. Hồ Quỳnh Anh; ThS. Nguyễn Dương Bộ - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2023; 01/2021 - 12/2022.** (Đề tài cấp Bộ)

Áp dụng lý thuyết trường trung bình cho mô hình Falicov - Kimball hai chiều mở rộng khi xét tới cả tương tác với phonon của điện tử, trong đó thiết lập được biểu thức giải tích xác định hàm cảm ứng exciton và độ dẫn quang. Thiết lập được chương trình tính số để giải các phương trình tự hợp, từ đó tìm được

giá trị cụ thể của hàm cảm ứng exciton tĩnh, hàm cảm ứng exciton động và độ dẫn quang. Xây dựng được các giản đồ pha mô tả chuyển pha trạng thái ngưng tụ exciton trong mô hình, trong đó thể hiện được kích bản giao nhau của các trạng thái ngưng tụ exciton dạng BCS và BEC. Bản chất động học của trạng thái ngưng tụ exciton trong các hệ bán kim loại, bán dẫn được làm rõ thông qua phân tích tính chất của độ dẫn quang trong trạng thái ngưng tụ exciton và hàm cảm ứng exciton động trước khi trạng thái ngưng tụ xuất hiện. Sự tồn tại của exciton ngoài trạng thái ngưng tụ, ngay cả khi hệ ở trong pha bán kim loại cũng đã được khẳng định.

Số hồ sơ lưu: 23012

10303. Vật lý hạt và trường

89121. 12-2023 **Vật lý mới từ đóng góp bổ đính của các fermion nặng trong các mô hình mở rộng mô hình chuẩn**/ TS. Lê Thọ Huệ, TS. Nguyễn Thị Kim Ngân; ThS. Trịnh Thị Hồng; ThS. Nguyễn Thị Thắm; ThS. Huỳnh Lê Tuyết Mai - Hà Nội - Viện Vật lý, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định phổ hạt fermion trong các mô hình cụ thể, bao gồm trạng thái riêng và trị riêng khối lượng, ma trận trộn các fermion, trong đó phân loại được các SM fermion và các fermion nặng dự đoán bởi mô hình. Xác định hệ số tương tác của tất cả các fermion, từ đây dự đoán các quá trình vật lý mới có các đại lượng đặc trưng nhận đóng góp bổ đính đủ lớn từ các fermion nặng. Khảo sát sự ảnh

hưởng của các số liệu thực nghiệm neutrino, các quá trình LFV, các quá trình rã nhận đóng góp bổ đính bậc cao, moment từ dị thường, mô men điện các lepton, tham số rho... vào các tham số độc lập của mô hình có liên quan đến các fermion nặng.

Số hồ sơ lưu: 22724

89140. 12-2023 **Nghiên cứu chế tạo và tính chất quang của chấm lượng tử bán dẫn AgInX₂ (X=S, Se)**/ PGS. TS. Ứng Thị Diệu Thuý, GS.TS. Nguyễn Quang Liêm; TS. Nguyễn Thu Loan; ThS. Trần Thị Thu Hương; PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng; TS. Lê Văn Long - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2023; 04/2020 - 04/2024. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo thành công một số loại chấm lượng tử bán dẫn AgInS₂, AgInSe₂ và cấu trúc lõi/vỏ của chúng. Chấm lượng tử chế tạo được có chất lượng cao, chủ động đáp ứng nhu cầu mẫu tốt cho các nghiên cứu cơ bản về các quá trình quang-điện tử xảy ra trong chấm lượng tử và trong hệ thống chấm lượng tử với các ligand khác nhau. Hiểu được cơ chế phát huỳnh quang, cơ chế tán xạ trên các loại phonon trong các chuyển dời phát quang trong hệ vật liệu chấm lượng tử bán dẫn AgInS₂, AgInSe₂ và cấu trúc lõi/vỏ của chúng. Góp phần đào tạo nhân lực khoa học công nghệ: nâng cao trình độ chuyên môn, chất lượng nghiên cứu khoa học và luận án/luận văn của cán bộ tham gia đề tài, đặc biệt là cán bộ trẻ, NCS/HVCH.

Số hồ sơ lưu: 22725

89160. 12-2023 **Phương pháp kiểm tra không phá hủy khuyết tật trong kết cấu nhiều lớp dựa trên trí tuệ nhân tạo/** TS. Lê Minh Huy, TS. Lương Văn Sử; TS. Nguyễn Đăng Khoa; TS. Lê Đăng Khánh - Hà Nội - Trường Đại học PHENIKAA, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát, đánh giá các hệ thống NDE kiểm tra vết khuyết tật trong kết cấu nhiều lớp và các kỹ thuật trong AI liên quan tới mục tiêu dự án. Đánh giá sự ảnh hưởng của các thông số như nguồn từ trường, sensor lift-off đến khả năng phát hiện và độ tin cậy của tín hiệu của hệ thống NDE. Đưa ra phương án thiết kế hợp lý và tiên tiến cho hệ thống NDE. Thiết kế và thực hiện thí nghiệm để xây dựng datasets chất lượng. Phát triển các giải thuật thông minh trong đánh giá định lượng vết khuyết tật dựa trên công nghệ AI. Mở rộng giải thuật phát triển được áp dụng cho các trường hợp tương tự. Linh hoạt và đơn giản hóa giải thuật cho việc dễ dàng chỉnh sửa phù hợp với hệ thống NDE khác có cùng miền dữ liệu nhỏ. Đánh giá những ưu điểm và hạn chế của hệ thống NDE. Đề xuất giải thuật trong định hướng bước phát triển tiếp theo cho mục đích thương mại hóa.

Số hồ sơ lưu: 22745

10304. Vật lý hạt nhân

87793. 12-2023 **Nghiên cứu cấu trúc của các hạt nhân giàu neutron lân cận ^{49}Ar và ^{78}Ni thông qua thí nghiệm phản ứng**

hạt nhân trực tiếp trong vùng năng lượng trung gian/ TS. Đỗ Công Cương, TS. Bùi Duy Linh; ThS. Nguyễn Đức Tôn; PGS.TS. Phạm Đức Khuê; TS. Lê Xuân Chung; TS. Phạm Ngọc Đồng; CN. Nguyễn Hải Ninh - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích phổ gamma của các đồng vị lân cận ^{49}Ar bao gồm $^{49,50}\text{Ar}$, $^{47,49}\text{Cl}$, $^{51,52}\text{Ca}$, và các đồng vị lân cận ^{78}Ni bao gồm ^{76}Zn , $^{80,82,83,84}\text{Ge}$. Kết quả phân tích phổ gamma đưa ra những đánh giá về năng lượng kích thích, độ tin cậy của đỉnh, loại phân rã và tiết diện phản ứng. Kết hợp với các tính toán lý thuyết của mẫu vỏ hiện đại, sơ đồ mức kích thích của các đồng vị giàu neutron lân cận hạt nhân ^{49}Ar đã được xây dựng. Tiết diện phản ứng hạt nhân tạo thành các đồng vị này cũng đã được xác định. Đối với các hạt nhân giàu neutron lân cận đồng vị ^{78}Ni , các thiết lập thí nghiệm HiCARI để nghiên cứu các đồng vị đã được thực hiện và bước đầu cho các kết quả khá phù hợp với các số liệu thực nghiệm thu được trước đó.

Số hồ sơ lưu: 22445

89873. 12-2023 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo các khối: Đo độ phản ứng, điều khiển duy trì công suất, kiểm soát các thông số công nghệ thuộc hệ điều khiển lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt/** ThS. Võ Văn Tài, ThS. Lê Văn Diệp; TS. Nguyễn Văn Kiên; CN. Phan Quốc Minh; KS. Phan La Sơn; KS. Nguyễn Huy

Bách - Lâm Đông - Viện Nghiên cứu Hạt Nhân, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát khối đo độ phản ứng, điều khiển và duy trì tự động công suất lò BNO-102R1 và khối đo đặc kiểm soát các thông số công nghệ lò BPM-108R1 thuộc hệ ASUZ-14R của lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt; Xây dựng phần mềm thu nhận, biểu diễn thông tin trên máy tính; Thiết kế, chế tạo và thử nghiệm khối đo đặc kiểm soát các thông số công nghệ lò phản ứng; Thiết kế, chế tạo khối đo độ phản ứng, điều khiển và duy trì tự động công suất lò; Thử nghiệm khối đo độ phản ứng và điều khiển duy trì tự động công suất lò phản ứng đã được chế tạo tại phòng thí nghiệm và trên lò phản ứng.

Số hồ sơ lưu: 23018

10306. Quang học

89208. 12-2023 Nghiên cứu các quá trình quang-vật lý của chất hấp thụ tia cực tím hữu cơ có tiềm năng sử dụng trong vật liệu bảo vệ quang bằng mô phỏng lý thuyết phiếm hàm mật độ theo thời gian/ TS. Nguyễn Thị Lê Anh, TS. Đào Duy Quang; TS. Ngô Thị Chinh; ThS. Trương Đình Hiếu - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2023; 04/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu khả năng hấp thụ tia cực tím, tính ổn định quang và cơ chế quang-vật lý của các chất lọc tia cực tím dựa trên các hợp chất mới có nguồn gốc thiên nhiên và có tiềm năng ứng dụng trong các vật liệu bảo

vệ quang như kính râm hoặc cửa sổ, v.v. Để thực hiện các mục tiêu đó, các hợp chất lọc tia UV đơn giản có chứa hệ thống liên hợp π / liên kết đôi, dị tố (N, S, P) và các hợp chất phenol sẽ được nghiên cứu chuẩn hóa bằng các phương pháp tính toán TD-DFT khác nhau. Các quá trình quangvật lý bao gồm hấp thụ UV và phục hồi chậm về trạng thái năng lượng thấp (relaxation) sẽ được đánh giá để hiểu rõ hơn về các cơ chế bảo vệ quang và tính bền quang của các hợp chất này. Một số thí nghiệm hấp thụ UV có thể được thực hiện để xác nhận độ chính xác của các tính toán lý thuyết.

Số hồ sơ lưu: 22764

10402. Hoá vô cơ và hạt nhân

89119. 12-2023 Nghiên cứu chế tạo các cấu trúc dị thể ba chiều MoS₂/ôxít kim loại nhằm nâng cao hiệu suất quang điện hóa trong phản ứng tách hydrô/ TS. Trần Năm Trung, TS. Trần Văn Bảy; ThS. Hồ Quốc Đại; TS. Nguyễn Tấn Lâm; ThS. Hồ Xuân Vinh - Bình Định - Trường Đại học Quy Nhơn, 2023; 04/2019 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp các vật liệu ôxít kim loại TiO₂ và Fe₂O₃ có cấu trúc nano một chiều dạng thanh thẳng đứng. Pha tạp các nguyên tố vào các thanh nano ôxít kim loại TiO₂ và Fe₂O₃ chế tạo được nhằm làm tăng tính xúc tác quang của các vật liệu thông qua việc nâng cao khả năng hấp thụ phổ ánh sáng và tăng khả năng vận chuyển các hạt mang điện trong vật liệu. Tổng hợp vật liệu hai chiều

(2D) MoS_2 có cấu trúc nano ở dạng tấm mỏng với chiều dày ở mức vài lớp nguyên tử và chế tạo các điện cực quang có cấu trúc dị thể ba chiều (3D) thông qua sự kết cặp giữa vật liệu 2D MoS_2 và các vật liệu 1 chiều (1D) TiO_2 và Fe_2O_3 không pha tạp và có pha tạp nhằm tăng cường hiệu suất quang điện hóa của các điện cực quang.

Số hồ sơ lưu: 22736

89147. 12-2023 **Phát triển phương pháp không lưới cho phân tích nứt biến dạng lớn**/ TS. Nguyễn Thanh Nhã, PGS.TS. Trương Tích Thiện; TS. Nguyễn Ngọc Minh; PGS.TS. Bùi Quốc Tính - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các mô vật liệu phi tuyến cho các loại vật liệu siêu đàn hồi và kim loại dẻo bao gồm ảnh hưởng của biến dạng lớn. Phát triển một phương pháp không lưới mới cho mô hình nứt 2D với vật liệu phi tuyến. Xem xét cải tiến cho phương pháp không lưới, các hàm làm giàu hay mô hình nứt phi tuyến. Thiết lập các hàm, module chương trình để thực hiện tính toán các thông số nứt phi tuyến như tích phân J, hướng lan truyền vết nứt. Xây dựng các giải thuật và phát triển chương trình tính toán số dựa trên thủ tục của phương pháp không lưới cải tiến mở rộng được đề xuất cho phân tích nứt phi tuyến sử dụng mã nguồn tự phát triển của nhóm với ngôn ngữ Matlab.

Số hồ sơ lưu: 22737

89181. 12-2023 **Xác định các mức năng lượng của các ion lanthanide trong hợp chất vô cơ và phát quang dị thường**/ PGS. TS. Hồ Văn Tuyền, TS. Nguyễn Ngọc Trác; GS.TSKH. Vũ Xuân Quang; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Sơn; TS. Trần Thị Hồng; TS. Lê Văn Khoa Bảo; ThS. Nguyễn Thị Thái An; ThS. Lê Xuân Hùng - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2023; 04/2019 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiên đoán (xác định bán thực nghiệm) các mức năng lượng của các ion lanthanides hóa trị 2 và hóa trị 3 trong các nền hợp chất khác nhau như oxide, fluoride...đánh giá sai số và nhận xét về các phương pháp thực nghiệm đã sử dụng. Quan hệ giữa vị trí các mức năng lượng của các ion lanthanides, nhất là năng lượng EdC và EVf với tính chất hóa học và tính chất cấu trúc của vật liệu nền và khảo sát vị trí mức EdC. Khảo sát hiện tượng huỳnh quang dị thường trong tương quan với năng lượng EdC của các ion lanthanides.

Số hồ sơ lưu: 22755

10501. Địa chất học

89400. 12-2023 **Lịch sử tiến hóa địa chất vùng Nam Trung Bộ Việt Nam và mối liên quan với quá trình trầm tích ở trũng Tây Nam biển Đông trong giai đoạn Kainozoi**/ TS. Nguyễn Hữu Hiệp, TS. Phạm Như Sang; TS. Khương Thế Hùng; TS. Nguyễn Khắc Du; ThS. Phan Văn Bình; TS. Ngô Thị Kim Chi; ThS. Bùi Thị Thu Hiền;

PGS.TS. Ngô Xuân Thành - Hà Nội
- Trường Đại học Mỏ - Địa chất,
2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp
Quốc gia)

Nghiên cứu cấu trúc địa chất: phân tích các số liệu biến dạng và cấu tạo thu thập được trong quá trình khảo sát thực địa kết hợp với các tài liệu địa vật lý gồm tài liệu địa chấn và trọng lực hàng không cả phần đất liền và thềm lục địa Nam Trung bộ. Nghiên cứu thành phần vật chất, đặc điểm địa hóa đồng vị phóng xạ và tuổi tuyệt đối của các đá magma trong khu vực dựa trên kết quả phân tích lát mỏng thạch học, tuổi thành tạo magma (U-Pb zircon), tuổi sử dụng vết vạch của khoáng vật Apatit và và định tuổi (U-Th)/He trên khoáng vật Apatit, thành phần địa hóa và đồng vị phóng xạ... để xác định các giai đoạn hình thành magma, giai đoạn nâng trôi và tốc độ bóc mòn chính của khu vực. Nghiên cứu đặc điểm trầm tích và địa tầng trũng Tây Nam Biển Đông trên cơ sở các tài liệu địa chấn và tài liệu giếng khoan thu thập được nhằm luận giải cấu tạo, kiến trúc, lịch sử lắng đọng cũng như quá trình tiến hóa trầm tích từ nguồn đến nơi lắng đọng (source to sink analysis). Phân tích tổng hợp các yếu tố cấu trúc – kiến tạo, địa tầng, thành phần vật chất, địa hóa và định tuổi tuyệt đối để thiết lập mối quan hệ nhân quả giữa quá trình tiến hóa địa chất vùng Nam Trung Bộ và quá trình trầm tích trũng Tây Nam biển Đông. Từ đó, đánh giá mối quan hệ giữa các yếu tố địa chất trên lục địa và dưới đại dương trong thời kỳ Kainozoi.

Số hồ sơ lưu: 22853

10508. Trắc địa học và bản đồ học

89391. 12-2023 Nghiên cứu xây dựng bản đồ đánh giá rủi ro lũ lụt cho tỉnh Quảng Bình sử dụng các mô hình học máy và học sâu kết hợp với các phương pháp phân tích ra quyết định đa tiêu chí/ TS. Lưu Thị Diệu Chinh, TS. Nguyễn Công Thành; TS. Lê Ngọc Thạch; TS. Nguyễn Hoàng Việt; TS. Phạm Thái Bình; ThS. Hà Đình Phương; ThS. Trần Văn Phong - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng công cụ đánh giá rủi ro lũ lụt cho tỉnh Quảng Bình sử dụng các kỹ thuật học máy và học sâu kết hợp với các phương pháp phân tích ra quyết định đa tiêu chí. Các kỹ thuật học máy và học sâu là các kỹ thuật trí tuệ nhân tạo tiên tiến đã được áp dụng hiệu quả trong đánh giá và dự báo tai biến thiên nhiên. Các số liệu lũ lịch sử, thủy văn, mưa, thạch học, địa hình, địa mạo, phân loại sử dụng đất, và các số liệu thông kê về dân số, kinh tế xã hội được thu thập và phân tích, mô hình hóa sử dụng kỹ thuật học máy và học sâu kết hợp với các công cụ đánh giá đa tiêu chí sau đó tích hợp cùng các công cụ GIS để xây dựng bản đồ đánh giá rủi ro lũ lụt tại khu vực nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 22842

10509. Các khoa học môi trường

89382. 12-2023 Nghiên cứu xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà

kính (KNK) cho các đô thị và công trình xây dựng. (Thí điểm kiểm kê cho các đô thị loại đặc biệt, loại I, loại II và các công trình xây dựng trong đô thị) / TS. Trần Thanh Tú, ThS. Nguyễn Thị Truyền; TS. Nguyễn Đình Tuấn; TS. Phạm Thị Hoa; TS. Nguyễn Vũ Hoàng Phương; TS. Báo Văn Tuy; ThS. Nguyễn Thị Hồng; ThS. Nguyễn Ngọc Thiệp; ThS. Nguyễn Châu Thoại; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang; ThS. Nguyễn Kim Chung; ThS. Phạm Thị Diễm Phương; ThS. Lê Bảo Việt; ThS. Lê Thị Ngọc Diễm; ThS. Huỳnh Thị Thanh Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; ThS. Ngô Thị Hiệp; ThS. Trần Mỹ Hào; TS. Vũ Phương Thư; ThS. Mai Thị Mỹ Nhân; ThS. Nguyễn Quốc Bảo; ThS. Trần Minh Long; ThS. Nguyễn Thị Kim Tuyền; ThS. Đỗ Thị Hồng Hòa; ThS. Vũ Thị Thúy Hồng; ThS. Trương Lê Thanh Thảo; ThS. Nguyễn Thị Minh Thanh; ThS. Nguyễn Võ Quý Châu; ThS. Nguyễn Trung Thảo; ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo; ThS. Từ Thị Cẩm Loan - TP. Hồ Chí Minh - Trung Tâm Tư Vấn và Dịch Vụ Tài Nguyên và Môi Trường (NREC), 2021; 12/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định nguồn thải trong đô thị, tòa nhà; Xây dựng phương pháp thu thập, tính toán phát thải khí nhà kính cho đô thị, tòa nhà; Khảo sát, thu thập số liệu tại một số địa phương (chọn Thí điểm kiểm kê cho các đô thị loại I: TP. Vũng Tàu, loại II: TP. Bến Tre, đô thị loại đặc biệt: sử dụng số liệu sẵn có của TP. Hồ

Chí Minh). Đối với một số tòa nhà: sử dụng số liệu kế thừa các kết quả trước đó hoặc khảo sát bổ sung dựa trên các tiêu chí báo cáo cần thiết; Tính toán lượng phát thải khí nhà kính, lượng bù trừ, hấp thụ cacbon đối với đô thị Vũng Tàu, Bến Tre cho năm cơ sở và năm mục tiêu 2030, đối với tòa nhà trong phạm vi nghiên cứu của số liệu kế thừa; Đề xuất giải pháp thực hiện hiệu quả giảm phát thải khí nhà kính cho đô thị và tòa nhà.

Số hồ sơ lưu: 22832

89388. 12-2023 **Nghiên cứu lịch sử hoạt động gió mùa và biến đổi môi trường ghi nhận trong trầm tích hồ núi lửa Biển Hồ, vùng Tây Nguyên/ TS. Nguyễn Văn Hường, PGS.TS. Nguyễn Thùy Dương; ThS. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt; TS. Nguyễn Thùy Dương; TS. Nguyễn Đình Thái; TS. Nguyễn Thị Hồng; ThS. Đỗ Trọng Quốc - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 04/2019 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Khôi phục lịch sử hoạt động gió mùa và môi trường qua dấu hiệu trầm tích và địa hóa từ năm 1900 - hiện tại với độ phân giải cao, trong đó sử dụng số liệu thời tiết ghi nhận ở Pleiku giai đoạn 1961 - nay để kiểm chứng các chỉ thị về trầm tích với sự thay đổi gió mùa và môi trường nhằm áp dụng ở các lớp trầm tích sâu hơn. Đánh giá sự thay đổi hệ thống trầm tích ở Biển Hồ qua các khía cạnh như cấu trúc trầm tích, thành phần trầm tích, thành phần vật chất hữu cơ do ảnh hưởng của nước

lũ tràn từ hồ thủy lợi vào hồ tự nhiên từ năm 1983 – nay cũng như ảnh hưởng tích cực từ hoạt động trồng rừng bảo vệ môi trường xung quanh hồ. Bước đầu đánh giá lịch sử hoạt động gió mùa khu vực trong Holocen nhờ tầng độ sâu lấy mẫu trầm tích nguyên dạng đến độ sâu 6 - 8 m, tương ứng ranh giới 12.000 năm.

Số hồ sơ lưu: 22841

89431. 12-2023 **Nghiên cứu xác định bổ sung các chỉ thị đặc trưng về nguyên tố đất hiếm đối với vật liệu khảo cổ khu di tích Cát Tiên và triển khai áp dụng cho khu di tích Óc Eo – Ba Thê bằng các kỹ thuật hạt nhân và liên quan/** TS. Trần Tuấn Anh, ThS. Hồ Văn Doanh; TS. Phạm Ngọc Sơn; TS. Cao Đông Vũ; TS. Nguyễn Khánh Trung Kiên; TS. Lưu Anh Tuyên; ThS. Nguyễn Thị Thọ; ThS. Trần Quang Thiện; ThS. Trương Đức Toàn; ThS. Võ Trần Quang Thái - Đà Lạt - Viện Nghiên cứu Hạt Nhân, 2022; 01/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích bổ sung 14 nguyên tố REE và Th, U bằng phương pháp ICP-MS cho 50 mẫu vật đất, đất nung các loại thu thập tại khu di tích Cát Tiên. Biên tập, xử lý thống kê bộ số liệu cho các đối tượng mẫu vật đất sét nguyên liệu và đất nung khác nhau của khu di tích Cát Tiên. Khảo sát, quy hoạch vị trí lấy mẫu, số lượng mẫu cho từng đối tượng di vật và thu thập mẫu nghiên cứu tại khu di tích Óc Eo – Ba Thê. Tiến hành phân tích 29 nguyên tố trong 200

mẫu vật các loại bằng NAA thu thập tại khu di tích Óc Eo – Ba Thê và phân tích 14 nguyên tố REE và Th, U trong 80 mẫu vật các loại bằng ICP-MS thu thập tại khu di tích Óc Eo – Ba Thê. Nghiên cứu xác định niên đại 20 mẫu vật đất nung bằng phương pháp nhiệt phát quang (TLD). Qua đó, xử lý thống kê cho bộ số liệu khoảng 33 nguyên tố trong 200 mẫu (~ 6.600 chỉ tiêu phân tích) bằng phương pháp thống kê đa biến sử dụng các phần mềm SPSS, MURRAP, MASP-1.0; đánh giá mô hình REE-pattern, tỉ số Th/U và bình luận đánh giá tương quan theo nhóm, loại.

Số hồ sơ lưu: 22868

89451. 12-2023 **Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách hợp tác trong điều tra, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước, tài nguyên địa chất, khoáng sản liên quốc gia của Việt Nam/** ThS. Lê Thị Hương, ThS. Lương Thị Phương Thảo; ThS. Trần Thuỳ Nhung; ThS. Lê Văn Linh; ThS. Lê Ngọc Tuấn; ThS. Hoàng Xuân Huy; ThS. Nguyễn Thị Bích Hương; ThS. Nguyễn Kiều Loan; TS. Nguyễn Đại Trung; KS. Nguyễn Hoàng Vân - Hà Nội - Viện Khoa học tài nguyên nước, 2023; 01/2022 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng, tác động của các cơ chế chính sách hợp tác trong điều tra, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước, tài nguyên địa chất, khoáng sản liên quốc gia của Việt Nam. Qua đó, đề xuất được cơ chế, chính sách hợp tác trong điều tra, sử dụng và bảo vệ tài

nguyên nước, tài nguyên địa chất, khoáng sản liên quốc gia của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22870

89710. 12-2023 **Đánh giá thực trạng, nguyên nhân sạt lở bờ sông Gò Gia trên địa bàn huyện Cần Giuộc và đề xuất các giải pháp nhằm ngăn ngừa/** PGS.TS. Nguyễn Thị Bảy, ThS. Đỗ Quang Lĩnh; PGS. TS. Huỳnh Công Hoài; ThS. Trà Nguyễn Quỳnh Nga; PGS. TS. Đào Nguyên Khôi; TS. Nguyễn Thị Thụy Hằng; TS. Nguyễn Văn Hồng; ThS. Nguyễn Quang Long; CN. Nguyễn Thị Diễm Thủy; ThS. Phạm Thị Lợi; ThS. Hà Phương; CN. Hoàng Trang Thư; CN. Phạm Việt Hải; CN. Trần Quang Trà; CN. Trần Thị Thanh Dung - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2022; 12/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, thu thập và tổng hợp tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, khí tượng – thủy văn – hải văn, diễn biến sạt lở và phù sa. Phân tích, đánh giá thực trạng sạt lở khu vực bờ sông Gò Gia. Dự báo diễn biến sạt lở theo kịch bản quy hoạch nạo vét luồng tàu và kịch bản nước biển dâng khu vực bờ sông Gò Gia. Đề xuất các giải pháp (công nghệ và quản lý) nhằm ngăn ngừa tình trạng sạt lở cho khu vực bờ sông Gò Gia

Số hồ sơ lưu: HCM-052-2023

89881. 12-2023 **Nghiên cứu nâng cao mức độ tự động hóa**

nhằm hoàn thiện công nghệ tiếp nhận, phân loại chất thải rắn sinh hoạt trong hệ thống kín và xử lý theo hướng thu hồi tài nguyên, không gây ô nhiễm môi trường/ KS. Đặng Hữu Tiến, Phùng Văn Huy; PGS.TS. Lê Xuân Quế; GS.TSKH. Trần Đình Long; TS. Nguyễn Trí Ngọc; ThS. An Công Duẩn; ThS. Châu Đoàn Trúc; Phùng Thị Linh; KS. Đỗ Đình Đức; ThS. Dương Quyết Thắng - Hà Nội - Viện Môi trường và Nông nghiệp Eco, 2022; 08/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng xử lý Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) tại Việt Nam và đưa ra được quy trình tiếp nhận và phân loại kín CTRSH phù hợp với điều kiện và tiềm lực của Việt Nam. Đưa ra quy trình phân loại và tái chế CTRSH ở mức tự động hóa cao, nhằm giảm tỷ lệ sử dụng lao động trong môi trường độc hại, giảm sự ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Ngoài ra hệ thống phân loại tự động sẽ nâng cao hiệu suất và độ chính xác giúp việc phân loại và thu được những nguyên liệu để tái chế mang lại lợi ích về kinh tế - xã hội cũng như giải quyết bài toán môi trường.

Số hồ sơ lưu: 23019

10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển

89925. 12-2023 **Nghiên cứu thành phần và đánh giá môi nguy sức khỏe của hợp chất hữu cơ dễ bay hơi tại các trường tiểu học ở Thành phố Hồ Chí Minh/** KS. Lữ Hoàng Khang, Lê Thị Kim Oanh;

Vũ Công Danh; Nguyễn Thanh Quang; Trần Quang Hiếu; Phạm Nguyễn Quang Trường; Nguyễn Nhật Huỳnh - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tiến hành lấy mẫu không khí trong các phòng học tại một số trường tiểu học ở TP. Hồ Chí Minh. Phân tích các mẫu không khí để xác định thành phần các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC). Phân tích các nguồn phát VOC trong trường học và đánh giá mối nguy sức khỏe do VOC hiện diện trong lớp học.

Số hồ sơ lưu: HCM-146-2023

90039. 12-2023 **Nghiên cứu, xây dựng hệ thống quản lý về công tác kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo trong lĩnh vực khí tượng thủy văn/** TS. Đỗ Huy Dương, CN. Nguyễn Thị Hân; TS. Ngô Tiên Giang; CN. Trần Văn Duẩn; CN. Nguyễn Thị Thanh Nga; CN. Nguyễn Đức Mạnh; ThS. Lê Thị Hạnh; CN. Đỗ Văn Thanh; ThS. Lê Xuân Đức; CN. Vũ Thị Minh - Hà Nội - Trung tâm Mạng lưới khí tượng thủy văn quốc gia, 2023; 10/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, tổng quan về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo. Tìm hiểu về phạm vi, đối tượng và phương pháp nghiên cứu. Đánh giá, lựa chọn, đề xuất danh mục phương tiện đo và cơ sở xây dựng quy định kỹ thuật về kiểm định, hiệu chuẩn. Đồng thời, đánh

giá và xây dựng hệ thống quản lý, giám sát thông tin kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí tượng thủy văn. Qua đó, đề xuất giải pháp, mô hình hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo khí tượng thủy văn.

Số hồ sơ lưu: 23092

10513. Thủy văn; Tài nguyên nước

88506. 12-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp chỉnh trị hệ thống sông Tiên, sông Hậu phục vụ phát triển kinh tế xã hội bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long/** GS. TS. Lê Mạnh Hùng, PGS.TS. Nguyễn Nghĩa Hùng; PGS.TS. Trần Bá Hoàng; PGS.TS. Võ Khắc Trí; ThS. Đinh Quốc Phong; TS. Lâm Vũ Thanh Nội; ThS. Đỗ Đức Hải; TS. Lê Xuân Thuyên; PGS.TS. Lê Trung Thành; ThS. Nguyễn Thị Vân Anh; TS. Phạm Trung; ThS. Phạm Khắc Thuần; KS. Hồ Trọng Bằng; ThS. Lê Quân Quân; KS. Trần Thị Minh Nguyệt; KS. Lê Thị Vân Anh; KS. Đinh Quốc Khánh; KS. Phan Việt Dũng; KS. Lê Thị Cúc; KS. Trần Quốc Bảo - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2022; 12/2018 - 07/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng tuyến chỉnh trị hợp lý để ổn định hệ thống sông Tiên, sông Hậu đến 2050 và tầm nhìn 2100 phù hợp với các quy hoạch phát triển kinh tế xã hội; Đề xuất được các giải pháp chỉnh trị cho hệ thống sông Tiên, sông Hậu đảm bảo tiết kiệm, khả thi cho từng phân đoạn, có các thiết kế mẫu chi tiết. Xây dựng cơ chế và kế hoạch đầu tư nhằm ổn

định bờ sông và luồng lạch giao thông thủy trên hệ thống sông Tiền và sông Hậu trong điều kiện phát triển thượng nguồn, biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Số hồ sơ lưu: 22153

89212. 12-2023 Nghiên cứu đa dạng và tiềm năng ứng dụng của vi khuẩn lam tại một số thủy vực Hà Nội/ TS. Phạm Thị Lương Hằng, TS. Nguyễn Thùy Liên; PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Liên; ThS. Ngô Thị Trang; ThS. Trần Thị Thùy Anh; ThS. Nguyễn Thị Bích Loan - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 12/2018 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân lập, định danh và bảo tồn một số đại diện vi khuẩn lam phổ biến tại ao hồ và ruộng lúa khu vực Hà Nội. Bước đầu đánh giá, xác định một số hoạt chất chống ung thư từ vi khuẩn lam. Phân lập 100 chủng vi khuẩn lam từ các ao, hồ và ruộng lúa tại Hà Nội. Ít nhất 15 chủng vi khuẩn lam được định danh, đánh giá hoạt tính ức chế tế bào ung thư và lưu giữ lâu dài trong phòng thí nghiệm. Ít nhất 01 hợp chất tự nhiên từ sinh khối của vi khuẩn lam được tinh sạch và đánh giá khả năng ức chế tế bào ung thư.

Số hồ sơ lưu: 22769

10612. Động vật học

89182. 12-2023 Nghiên cứu đa dạng và hệ thống học phân loại các loài thuộc họ Éch cây Rhacophoridae (Amphibian: Anura) ở Việt Nam/ PGS. TS. Nguyễn Thiên Tạo, ThS. Ngô Ngọc Hải; TS. Phạm Văn Anh; CN. Ninh

Thị Hòa; ThS. Bùi Tuấn Hải; NCS. Nguyễn Văn Thịnh; CN. Nguyễn Quốc Huy - Hà Nội - Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định mức độ đa dạng và đánh giá mối quan hệ di truyền của các quần thể và các loài thuộc năm giống *Gracixalus*, *Kurixalus*, *Rhacophorus*, *Theloderma* và *Zhangixalus* nhằm làm hệ thống phân loại của các loài ếch cây ở Việt Nam. Đánh giá mức độ đa dạng các loài ếch cây ở Việt Nam, đặc biệt chú trọng phát hiện khoa học. Đánh giá mối quan hệ phát sinh loài và hệ thống phân loại các loài ếch cây ở Việt Nam dựa di truyền phân tử, hình thái và âm sinh học.

Số hồ sơ lưu: 22753

90002. 12-2023 Xây dựng quy trình kỹ thuật cứu hộ các loài động vật có vú ở biển Việt Nam/ TS. Hoàng Đình Chiểu, ThS. Lưu Xuân Hòa; KS. Phạm Trần Đình Nho; ThS. Lê Văn Bôn; ThS. Trần Văn Hương; ThS. Bùi Minh Tuấn; TS. Đỗ Anh Duy; CN. Nguyễn Văn Thành; ThS. Nguyễn Kim Thoa; ThS. Phan Đăng Liêm; ThS. Phạm Văn Tuấn; KS. Nguyễn Thành Công - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu rà soát, đánh giá giá thực trạng các nghiên cứu liên quan, các quy định trong nước và quốc tế về quản lý, cứu hộ động vật có vú ở biển Việt Nam. Khảo sát, đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nghề khai thác hải sản đến các loài

động vật có vú ở vùng biển Việt Nam. Đồng thời nghiên cứu khảo sát, đánh giá tình trạng mắc cạn và cứu hộ các loài động vật có vú ở vùng ven biển Việt Nam. Qua đó, đề xuất các giải pháp bảo vệ và giảm thiểu ảnh hưởng từ các hoạt động khai thác đến các loài động vật có vú ở biển Việt Nam và xây dựng quy trình kỹ thuật cứu hộ các loài động vật có vú ở biển Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 23085

10613. Sinh học biển và nước ngọt

89139. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sản xuất giống rong mơ Sargassum bằng bào tử/** ThS. Nguyễn Thị Quý Chi, KS. Lê Hồng Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Thoa - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất giống rong mơ Sargassum bằng bào tử. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất giống cho 01 loài rong mơ có sản lượng và giá trị kinh tế cao bằng bào tử (sinh sản hữu tính), đạt tiêu chí kỹ thuật: Tỷ lệ sống từ giai đoạn hợp tử đến cây giống (kích thước ≥ 2 cm) > 10 %, thời gian ra giống từ 5 đến 7 tháng, sản phẩm đạt 1.000 tản (kích thước ≥ 2 cm).

Số hồ sơ lưu: 22726

89158. 12-2023 **Nghiên cứu lý thuyết và mô phỏng về các phân tử sinh học và sự bám dính sinh học/** PGS. TS. Trịnh Xuân Hoàng, TS. Bùi Phương Thúy; TS. Lê Duy

Mạnh; ThS. Nguyễn Thị Thùy Nhung; CN. Phạm Văn Hoàng - Hà Nội - Viện Vật lý, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu ảnh hưởng của hình dạng và các tương tác của đường hầm thoát ribosome lên quá trình cuộn và thoát của các protein mới sinh tại đường hầm ribosome. Nghiên cứu vai trò của chuỗi bên lên quá trình chuyển pha và cấu trúc của protein. Xây dựng mô hình hạt thô cho các peptide dựa trên cấu trúc sợi amyloid. Nghiên cứu cơ chế tạo nhân của quá trình kết tụ của các peptide về cấu trúc sợi amyloid. Xây dựng mô hình lý thuyết nghiên cứu phương thức đóng gói ADN trong cấu trúc ngưng tụ dạng vòn xuyên. Mô phỏng sự hình thành các cấu trúc ngưng tụ của ADN sử dụng mô hình polymer bán linh động. Xây dựng mô hình vật lý thống kê cho sự bám dính của vi sinh vật biển lên các bề mặt vi đồ họa. Mô phỏng sự bám dính và kết tụ của vi sinh vật trên các bề mặt vi đồ họa khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 22751

10616. Công nghệ sinh học

89256. 12-2023 **Nghiên cứu điều chế một số xúc tác giả sinh học kích thước nano trên cơ sở hematin và đánh giá khả năng thay thế enzyme horseradise peroxidase (HRP) trong các phân tích sinh hóa hay chế tạo vật liệu y sinh học/** PGS. TS. Trần Ngọc Quyền, TS. Lê Thị Phương; GS.TS. Nguyễn Cửu Khoa; TS. Vũ Văn Vân; ThS. Nguyễn Đình Trung; ThS.

Huỳnh Hoàng Hạnh; KS. Nguyễn Công Trục - TP. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Vật liệu ứng dụng, 2023; 09/2019 - 09/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp các dẫn xuất hematin có cấu trúc nano tan hoặc phân tán tốt trong nước và tương hợp sinh học như: nano từ tính mang dẫn xuất hematin hòa tan mà có thể thu hồi khỏi dung dịch polymer hóa, nano polyamidoamine dendrimer biến tính bề mặt với hematin hay hệ gelatin-hematin. Các sản phẩm điều chế có nhiều tâm xúc tác và có tiềm năng thay thế enzyme HRP trong các phân tích sinh hóa cũng như chế tạo vật liệu y sinh học.

Số hồ sơ lưu: 22788

199. Khoa học tự nhiên khác

89723. 12-2023 **Nghiên cứu đề xuất mô hình dạy học kết hợp (trực tuyến và trực tiếp) tại trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong và một số trường THPT trên địa bàn tỉnh Nam Định/Phạm Thị Huệ; Nguyễn Hữu Thiêm; Trần Hải Tú; Nguyễn Thị Thái; Nguyễn Thị Hồng; Hà Trung; Nguyễn Ngọc Tú; Phạm Thị Bích Đào; Nguyễn Thị Hảo; Phan T Bích Lợi - Nam Định - Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong, 2022; 10/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn về mô hình DHKH (trực tuyến và trực tiếp), đề xuất mô hình DHKH tại trường THPT chuyên Lê Hồng Phong và một số trường THPT khác trên địa bàn tỉnh Nam Định nhằm

đáp ứng yêu cầu triển khai CT GDPT 2018. Đánh giá thực trạng việc DHKH theo hướng phát triển NL người học đáp ứng yêu cầu của CT phổ thông 2018 tại Nam Định; Đề xuất, triển khai thực nghiệm mô hình DHKH tại trường THPT chuyên Lê Hồng Phong và một số trường THPT khác trên địa bàn tỉnh Nam Định

Số hồ sơ lưu: 03-2023

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

89714. 12-2023 **Đề tài: Nghiên cứu thử nghiệm lựa chọn công nghệ thi công nhằm bảo tồn di sản kiến trúc nhà truyền thống dân tộc Mông trên cao nguyên đá Đồng Văn/ ThS. Nguyễn Mạnh Tùng, 1. ThS. Hoàng Hải Yên; 2. TS. Hà Ngọc Anh; 3. ThS. Thái Hồng; 4. ThS. Đào Minh Đức; 5. ThS. Nguyễn Văn Long; 6. ThS. Nguyễn Ánh Dương; 7. TS. Lại Hợp Phòng. - Hà Nội - Viện Địa Chất, 2022; 08/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Lựa chọn công nghệ phù hợp xây dựng nhà trình tường của người Mông sử dụng vật liệu địa phương, khắc phục được những hạn chế của nhà trình tường tại Việt Nam; Xây dựng tài liệu hướng dẫn thi công nhà trình tường phù hợp với phong tục tập quán của đồng bào dân tộc Mông trên cao nguyên đá Đồng Văn và chuyển giao tới cấp xã; Nghiên cứu, xây dựng 1 mô hình nhà trình tường theo công nghệ mới phù hợp với truyền thống của dân tộc Mông tại Đồng Văn. Nghiên cứu và đề xuất

được công nghệ thi công nhà truyền thống dân tộc Mông trên cao nguyên đá Đồng Văn.

Số hồ sơ lưu: HSDKTTKHCN-HG-2023

20101. Kỹ thuật kiến trúc

90007. 12-2023 Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng tiêu chuẩn Nhà cao tầng - Hướng dẫn thiết kế về an toàn cháy/ TS. Hoàng Anh Giang, TS. Nguyễn Cao Dương; TS. Trần Hùng; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Diệp; ThS. Hà Văn Hạnh; ThS. Nguyễn Việt Sơn; TS. Đỗ Tiến Thịnh; ThS. Nguyễn Trung Kiên; TS. Phạm Anh Tuấn; ThS. Ngô Mạnh Toàn; Đào Mạnh Hà; Nguyễn Minh Tiến; Đặng Minh Tuấn - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan từ các tài liệu trong và ngoài nước liên quan đến an toàn cháy nói chung, an toàn cháy cho nhà cao tầng nói riêng. Khảo sát thông tin, số liệu thực tế trong nước để có đánh giá hiện trạng và nhu cầu phát triển nhà cao tầng. Đồng thời nghiên cứu các chuyên đề liên quan đến an toàn cháy cho nhà cao tầng để xây dựng các cơ sở phục vụ cho việc biên soạn dự thảo tiêu chuẩn. Tiến hành tổng hợp thông tin, phân tích và xây dựng nội dung dự thảo tiêu chuẩn có xét đến những điều kiện của Việt Nam. Tổ chức tọa đàm, hội nghị để lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, đơn vị tư vấn, cơ quan quản lý đối với những nội dung kỹ thuật của đề tài.

Số hồ sơ lưu: 23077

20102. Kỹ thuật xây dựng

88434. 12-2023 "Nghiên cứu hoàn thiện bộ tiêu chuẩn thiết kế kết cấu công trình xây dựng" - Phần công việc "Nghiên cứu cơ sở dữ liệu hoàn thiện Tiêu chuẩn thiết kế công trình chịu động đất TCVN 9386:2012"/ TS. Đỗ Tiến Thịnh, Nguyễn Trung Kiên; Lê Minh Long; Nguyễn Hồng Hà; Trần Hùng; Ngô Mạnh Toàn; Đỗ Trần Hùng; Nguyễn Thanh Tùng; Nguyễn Phương Tùng; Phạm Quốc Dự - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, soát xét các điểm chưa phù hợp của tiêu chuẩn hiện hành về dịch thuật, thuật ngữ, cập nhật các thay đổi của tiêu chuẩn gốc BS EN 1998-1; Bổ sung các tham số quốc gia; Áp dụng đường cong phổ loại 2; Nghiên cứu, soát xét tỉ số nén dọc; Lựa chọn cấp độ dẻo trong thiết kế công trình; Nghiên cứu, xem xét việc kết nối giữa tiêu chuẩn này và tiêu chuẩn tải trọng và tác động, cũng như các tiêu chuẩn thiết kế hiện hành khác của Việt Nam (KC BTCT, KC thép, móng cọc ...); Thực hiện một số ví dụ tính toán đối chứng theo dự thảo tiêu chuẩn mới và tiêu chuẩn hiện hành. Nghiên cứu, chuyển đổi tiêu chuẩn EN 1998 các phần 3, 4, 6 thành dự thảo tiêu chuẩn Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22448

88435. 12-2023 "Nghiên cứu hoàn thiện bộ tiêu chuẩn thiết kế

kết cấu công trình xây dựng" - Phần công việc: "Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu và hoàn thiện tiêu chuẩn quốc gia TCVN 2737:20xx Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế"/ TS. Vũ Thành Trung, Đỗ Văn Mạnh; Nguyễn Võ Thông; Nguyễn Đại Minh; Lê Minh Long; Nguyễn Hồng Hà; Phạm Trung Thành; Hồ Hữu Thắng; Nguyễn Ngọc Huy; Nguyễn Hữu Quyền - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu và hoàn thiện tiêu chuẩn TCVN 2737:20xx "Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế". Đưa ra các cơ sở để phục vụ cho công tác biên soạn Dự thảo TCVN 2737: 20xx về các nội dung được bổ sung và điều chỉnh chính như: tổ hợp tải trọng, tải trọng cho gara ô tô, tải trọng xe cứu hỏa, tải trọng do trực thăng, phương pháp tính tải trọng gió.

Số hồ sơ lưu: 22447

88539. 12-2023 Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn thiết kế kết cấu liên hợp thép - bê tông chịu lửa theo định hướng mới/ PGS. TS.Chu Thị Bình, TS. Phạm Thanh Hùng; PGS.TS. Vũ Thanh Thủy; ThS. Đỗ Trường Giang; TS. Nguyễn Việt Phương; TS. Chu Thị Hoàng Anh; TS. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Phan Thanh Lượng; TS. Trương Quang Vinh; TS. Đào Minh Hiếu; ThS. Nguyễn Thanh Hòa; ThS. Nguyễn Lê Thủy; ThS. Mai Trọng Nghĩa; ThS. Ngô Xuân Tùng - Hà Nội - Trường Đại học Kiến trúc Hà

Nội, 2022; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở khoa học các phương pháp thiết kế kết cấu liên hợp thép-bê tông chịu lửa; Phương pháp thiết kế kết cấu liên hợp thép-bê tông chịu lửa theo tiêu chuẩn châu Âu; Xây dựng hướng dẫn thiết kế kết cấu liên hợp thép-bê tông chịu lửa theo định hướng mới.

Số hồ sơ lưu: 22452

89196. 12-2023 Nghiên cứu đánh giá phạm vi, mức độ ảnh hưởng khi thi công đào ngầm dạng tuyến trong khu vực đô thị Việt Nam đến sự ổn định các công trình hiện hữu và lựa chọn những giải pháp giảm thiểu tác động/ ThS. Nguyễn Ngọc Thuyết, TS. Trịnh Việt Cường; TS. Phan Hữu Duy Quốc; TS. Lê Quang Hanh; TS. Phạm Quyết Thắng; ThS. Nguyễn Xuân Thành; TS. Trần Huy Tấn; ThS. Nguyễn Thị Ngân; TS. Trần Toàn Thắng; TS. Nguyễn Giang Nam; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; ThS. Trần Đức Hiếu; KS. Trịnh Việt Dũng ; KS. Nguyễn Thị Bé - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu vấn đề ảnh hưởng của việc thi công hầm đến các công trình lân cận trên bề mặt. Những yếu tố tác động, những phương thức hạn chế các ảnh hưởng này. Xây dựng nhưng công cụ theo dõi, quản lý để giảm thiểu những tác động không mong muốn lên các công trình lân cận trong quá trình thi công

hàm. Nghiên cứu đánh giá phạm vi, mức độ ảnh hưởng khi thi công đào ngầm dạng tuyến trong khu vực đô thị Việt Nam đến sự ổn định các công trình hiện hữu và lựa chọn những giải pháp giảm thiểu tác động

Số hồ sơ lưu: 22731

89315. 12-2023 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Nanoindentation trong đánh giá tính chất cơ học vật liệu kết cấu hạ tầng/** PGS. TS. Phạm Thái Hoàn, TS. Nguyễn Tuấn Trung; TS. Phan Minh Tuấn; TS. Nguyễn Đăng Nguyên; ThS. Dương Văn Hai; TS. Nguyễn Minh Thu; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Thị Phương Lan; ThS. Phạm Mai Phương; KS. Nguyễn Thị Thanh Thảo - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2022; 06/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đề xuất phương pháp xác định tính chất cơ học của vật liệu kết cấu hạ tầng sử dụng công nghệ nanoindentation; Ứng dụng xác định được tính chất cơ học trong vật liệu kết cấu hạ tầng, đánh giá hiện trạng kết cấu hạ tầng.

Số hồ sơ lưu: 22823

89363. 12-2023 **Nghiên cứu, xây dựng mô hình không gian xanh (KgX) nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (KNK) trong đô thị, áp dụng thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng/** TS. Ngô Minh Hùng, PGS.TS. Trần Thị Mỹ Diệu; PGS.TS. Trần Ngọc Quang; PGS.TS. Lê Thị Kim Oanh; TS. Vũ Thị Quyên; ThS. Lý Ngọc Phượng;

ThS. Ngô Thị Ngọc Thủy; ThS. Mai Lê Ngọc Hà; KTS. Nguyễn Ngọc Tú; KTS. Nguyễn Thanh Bình - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Văn Lang, 2020; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng mô hình KgX phù hợp với kiến trúc và điều kiện tự nhiên nhằm đề xuất các giải pháp nhằm giảm nhẹ phát thải KNK cho các đô thị (nghiên cứu từng bước thí điểm tại TP. Hồ Chí Minh và TP. Đà Nẵng). Đề xuất các giải pháp tương thích với hình thái đô thị để từng bước bổ sung, hoàn thiện văn bản pháp quy nhằm thúc đẩy chiến lược phát triển đô thị có lượng phát thải CO₂ thấp, xanh và tăng trưởng xanh. Ứng dụng các mô hình nghiên cứu nhằm tăng cường sử dụng hiệu quả KgX, góp phần làm giảm phát thải KNK và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: 22829

89390. 12-2023 **Hiệu năng gia cường kháng uốn của tấm CFRP cho dầm bê tông căng sau dùng cáp không bám dính bị ăn mòn/** PGS. TS. Nguyễn Minh Long, TS. Phạm Minh Thông; ThS. Huỳnh Xuân Tín; ThS. Trương Thị Phương Quỳnh - Hà Nội - Trường Đại học Bách khoa, 2023; 04/2019 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích ảnh hưởng của mức độ ăn mòn của cáp (thông qua sự giảm ứng suất căng ban đầu) và sự tương tác giữa chúng và tấm CFRP đến hiệu quả gia cường kháng uốn của tấm CFRP cho dầm bê tông căng

sau dùng cáp không bám dính (UPC); Phân tích ứng xử lặp và sau lặp của dầm UPC gia cường kháng uốn bằng tấm CFRP; Phân tích ảnh hưởng của quỹ đạo căng cáp đến hiệu quả gia cường kháng cắt của tấm CFRP cho dầm UPC; Khảo sát đặc tính bám dính giữa tấm CFRP và dầm UPC và xây dựng mô hình ứng suất bám dính – độ trượt cho liên kết giữa tấm CFRP và bê tông phục vụ cho công tác thiết kế và mô phỏng ứng xử của dầm UPC gia cường tấm CFRP.

Số hồ sơ lưu: 22839

89410. 12-2023 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thực tế ảo VR (Virtual Reality) trong đào tạo lĩnh vực xây dựng/** PGS. TS. Trần Anh Bình, ThS. Nguyễn Thanh Bản; ThS. Nguyễn Thị Lệ Hải; ThS. Nguyễn Đình Anh; ThS. Nguyễn Xuân Linh; KS. Trần Tiến Đạt; ThS. Nguyễn Thị Hải Như; ThS. Đỗ Quốc Hoàng; KS. Chu Thị Bình; Vũ Thị Hoàng Hồng - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2022; 06/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan ứng dụng VR trong đào tạo xây dựng. Kỹ thuật ứng dụng VR trong lĩnh vực xây dựng. Xây dựng phần mềm ứng dụng công nghệ thực tế ảo VR chạy trên các thiết bị di động cho phép tiếp cận được với dữ liệu công trình. Xây dựng thử nghiệm 01 bộ dữ liệu 3D công trình và đánh giá hiệu năng ứng dụng của phần mềm trong đào tạo lĩnh vực xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 22849

89430. 12-2023 **Nghiên cứu ứng xử cơ học của kết cấu dầm ống có khuyết tật trong môi trường đất bị biến đổi cục bộ về độ ẩm hoặc sụt lún cục bộ/** TS. Phan Chí Hiếu, PGS.TS. Bùi Đức Năng; TS. Phạm Đức Tiệp; TS. Dương Thành Huân - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2023; 10/2020 - 10/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu và xây dựng mô hình dự báo ứng xử của kết cấu ống chịu uốn có các khuyết tật do ăn mòn. đồng thời, nghiên cứu kết cấu ống có hoặc không có khuyết tật đặt trong môi trường đất với những tải trọng và tác động khác nhau. Từ những nghiên cứu trên, xây dựng bộ số liệu từ mô phỏng số kết cấu ống có hoặc không có khuyết tật đặt trong môi trường đất xuất hiện thay đổi độ ẩm hoặc sụt lún cục bộ. Từ đó xây dựng mô hình học máy dự báo ứng xử của kết cấu.

Số hồ sơ lưu: 22865

89443. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật về quy trình phá dỡ công trình và phân loại chất thải rắn xây dựng tại nguồn/** PGS.TS. Nguyễn Đức Lượng, TS. Nguyễn Lan Hương; PGS.TS. Trần Thị Việt Nga; PGS.TS. Nguyễn Hoàng Giang; TS. Hoàng Minh Giang; ThS. Trần Hoài Sơn; ThS. Nguyễn Thúy Liên; ThS. Lưu Ngọc Châm; ThS. Lê Việt Phương; CN. Lê Trần Bích Ngọc; CN. Vũ Thị Phương Lâm - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2022; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập, tổng quan các tài liệu trong nước và quốc tế có liên quan để biên soạn tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật về quy trình phá dỡ công trình và phân loại chất thải rắn xây dựng tại nguồn.. Điều tra, khảo sát hiện trạng phát sinh, thu gom, phân loại, xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng ở một số đô thị ở Việt Nam. Tiến hành biên soạn dự thảo chỉ dẫn kỹ thuật quy trình phá dỡ công trình và phân loại chất thải rắn xây dựng tại nguồn và tiến hành áp dụng thử nghiệm công tác phân loại chất thải rắn xây dựng tại một công trình cụ thể.

Số hồ sơ lưu: 22874

89857. 12-2023 **Hướng dẫn tính toán cốt thép kết cấu lõi - vách bê tông cốt thép tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5574:20XX/ TS.** Nguyễn Hồng Hà, Cao Duy Bách; Nguyễn Đại Minh; Nguyễn Mạnh Cường; Phùng Ngọc Phan; Nguyễn Văn Thắng; Nguyễn Quang Hưng; Trần Văn Đông - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2019; 04/2017 - 04/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Sưu tầm, lựa chọn các tài liệu phục vụ nghiên cứu phù hợp với nội dung của đề tài, cơ bản gồm: Các tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông cốt thép (BTCT) TCVN 5574:2012, BS 8110-1997, ACI 318-05, EN 1992-1-1 và EN 1998, SP. 63.13330.2012; Các phần mềm tính toán cột/vách phổ biến tại Việt Nam và tài liệu hướng dẫn sử dụng của các phần mềm này: ETAB, Prokons, PCAWall, Midas Set, CSICOL, ADsec; Tham khảo hồ sơ thiết kế kết cấu cột vách của một số công trình

nhà cao tầng tiêu biểu xây dựng tại Việt Nam, được thiết kế bởi tư vấn trong và ngoài nước: Keangnam, Vietinbank, The Sun, Lanmark 81, SOLEIL Đà Nẵng, Trụ sở Viettel; Các bài báo, tài liệu về phương pháp tính toán cột/vách dựa trên quan hệ ứng suất-biến dạng của vật liệu bê tông và cốt thép. Nghiên cứu các phương pháp tính toán và thiết kế cột/vách theo tiêu chuẩn ACI318, EC2 và tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành TCVN 5574:2012.

Số hồ sơ lưu: 23010

90008. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng TCVN Khoan kích ngầm - Yêu cầu kỹ thuật đối với vỏ ống bê tông cốt thép dùng cho hệ thống thoát nước/ TS.** Đinh Quốc Dân, TS. Nguyễn Giang Nam; TS. Trịnh Việt Cường; TS. Trần Toàn Thắng; ThS. Nguyễn Ngọc Thuyết; ThS. Đinh Đức Hiệp; ThS. Trần Đức Hiếu; KS. Trịnh Việt Dũng - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 08/2017 - 08/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu dự thảo tiêu chuẩn đã được tham khảo dựa trên tiêu chuẩn của các quốc gia phát triển tại Châu Âu và Nhật bản. Tiến hành chỉnh sửa, tiếp thu trên cơ sở so sánh một số nội dung tiêu chuẩn ống kích của châu Âu (BS EN 1916:2002 Concrete pipes and fitting, unreinforced, steel fibre and reinforced và tiêu chuẩn BS 5911-1:2002 Concrete pipes and ancillary concrete products – Part 1: Specification for unreinforced and reinforced concrete pipes (including

jacking pipes) and fittings with flexible joints) và Nhật Bản (JSWAS A-1, JSWAS A-2, JSWAS A-6) làm cơ sở khi xây dựng tiêu chuẩn vỏ ống kích.

Số hồ sơ lưu: 23082

90011. 12-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng tiêu chuẩn Cọc khoan nhồi - Thi công và nghiệm thu/** TS. Nguyễn Giang Nam, ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; TS. Trần Huy Tấn; ThS. Đỗ Hồng Lương; ThS. Trần Đức Hiếu; ThS. Nguyễn Thị Ngân; TS. Trần Toàn Thắng, ThS. Dương Văn Tuấn; ThS. Nguyễn Chí Quyết; ThS. Bùi Đăng Lương - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 06/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan, đánh giá thực trạng về các tiêu chuẩn Cọc khoan nhồi – Thi công và nghiệm thu trong công trình xây dựng hiện nay. Thu thập và nghiên cứu, phân tích các tài liệu trong và ngoài nước về các tiêu chuẩn hướng dẫn công tác thi công và nghiệm thu cọc khoan nhồi. Nghiên cứu xây dựng biên soạn tiêu chuẩn "Cọc khoan nhồi – Thi công và nghiệm thu" trong công trình xây dựng theo định hướng mới.

Số hồ sơ lưu: 23088

20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị

89175. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy chế quản lý đầu tư phát triển khu đô thị thông minh/** ThS. Đỗ Thanh Tùng, ThS. Lê Phong Lan; ThS. Đặng Tuấn Anh; ThS. Lê Lan Phương; KTS. Đinh Thị Ngọc Anh; KTS. Đặng Trần

Hung; CN. Phạm Thị Thanh; CN. Phan Thanh Hải; KTS. Nguyễn Thủy Dung; KTS. Nguyễn Vinh Thăng - Hà Nội - Viện kiến trúc quốc gia, 2021; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát trên thực địa, thể hiện qua báo cáo khảo sát, ảnh chụp và các số liệu phân tích... nhằm đánh giá tình hình thực trạng các khu đô thị tự nhận là khu đô thị thông minh ở một số thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh... Thu thập các số liệu thứ cấp từ các công trình nghiên cứu từ trước có liên quan: các dự án, chương trình đã và đang thực hiện. Sau đó phân tích, đánh giá, tổng hợp các tài liệu, số liệu thứ cấp này. Tổng hợp, phân tích và đánh giá nhằm đưa ra các vấn đề cần giải quyết phục vụ việc xây dựng Quy chế phù hợp với điều kiện thực tế.

Số hồ sơ lưu: 22748

89198. 12-2023 **Nghiên cứu mô hình đô thị trung hòa Các-bon; đánh giá thí điểm cho 02 đô thị ở Việt Nam/** TS. Ngô Minh Hùng, TS. Vũ Thị Quyên; ThS. Mai Lê Ngọc Hà; PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Điệp; ThS. Ngô Ngân Hà; ThS. Quảng Văn Sơn; ThS. Nguyễn Tuấn Khang; KTS. Nguyễn Ngọc Tú; ThS. Ngô Thị Ngọc Thủy; KTS. Nguyễn Thanh Bình - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Văn Lang, 2023; 09/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, đánh giá các tiêu chí phát triển đô thị trung hòa các -bon ở

một số nước trên thế giới, những bài học kinh nghiệm có tính khả thi cho Việt Nam. Phân tích tiềm năng phát triển đô thị trung hòa các-bon ở Việt Nam và đề xuất mô hình đô thị trung hòa các-bon cho TP. HCM và Đà Nẵng. Đề xuất dự thảo tiêu chí xây dựng và phát triển đô thị trung hòa các-bon ở Việt Nam và xây dựng hướng dẫn kỹ thuật cho phát triển đô thị trung hòa các-bon.

Số hồ sơ lưu: 22760

89440. 12-2023 **Nghiên cứu đề xuất tiêu chuẩn đánh giá công trình xanh**/ TS. Lê Thị Bích Thuận, ThS. Trần Thị Thanh Ý; TS. Nguyễn Thị Nga; PGS.TS. Hoàng Mạnh Nguyên; KS. Trần Văn Hành; ThS. Đỗ Thị Thuỳ - Hà Nội - Tổng hội xây dựng Việt Nam, 2022; 08/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan hệ thống đánh giá công trình xanh trong và ngoài nước. Nghiên cứu làm cơ sở để xây dựng các tiêu chuẩn cụ thể khi đánh giá công trình xanh cho từng loại công trình dân dụng (nhà ở và công trình công cộng). Qua đó, đề xuất khung tiêu chuẩn đánh giá công trình xanh phù hợp với điều kiện của Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 22863

89598. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng Hướng dẫn đánh giá kết cấu bê tông cốt thép sau cháy**/ PGS. TS. Chu Thị Bình, TS. Chu Thị Hoàng Anh; TS. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Phạm Thanh Hùng; ThS. Đỗ Trường Giang; PGS. TS. Vũ Thanh Thủy; TS. Trương Quang Vinh; TS. Lê Hữu Thanh; TS.

Dương Quang Hùng; ThS. Lê Thị Thanh Hà; ThS. Nguyễn Thị Thùy Liên; ThS. Mai Trọng Nghĩa; ThS. Ngô Xuân Tùng - Hà Nội - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, 2023; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về đánh giá an toàn của kết cấu bê tông sau cháy. Cơ sở khoa học và thực tiễn đánh giá khả năng chịu lực của kết cấu bê tông sau cháy. Nghiên cứu phương pháp tính toán khả năng chịu lực của kết cấu bê tông sau cháy. Nghiên cứu phương pháp thử nghiệm, đánh giá cường độ của vật liệu bê tông và cốt thép sau cháy. Xây dựng hướng dẫn đánh giá kết cấu bê tông cốt thép sau cháy.

Số hồ sơ lưu: 22931

89615. 12-2023 **Nghiên cứu các biện pháp nâng cao khả năng chống cháy cho kết cấu thép và lập chỉ dẫn thiết kế kết cấu thép đảm bảo điều kiện an toàn cháy**/ PGS. TS. Chu Thị Bình, TS. Phạm Thanh Hùng; TS. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Chu Thị Hoàng Anh; TS. Đào Minh Hiếu; ThS. Giáp Văn Tấn; ThS. Lê Thị Thanh Hà; ThS. Lê Quang Việt Hưng; ThS. Ngô Xuân Tùng - Hà Nội - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, 2023; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về ứng xử của kết cấu thép trong điều kiện cháy. Thiết kế kết cấu thép đảm bảo an toàn cháy theo quy chuẩn của Việt Nam, châu Âu và Hoa Kỳ. Nghiên cứu đánh giá các biện pháp nâng cao khả năng chống cháy cho kết cấu thép.

Các phương pháp tính toán giới hạn chịu lửa của cấu kiện kết cấu thép được bọc vật liệu chống cháy. Đề xuất phương pháp thiết kế kết cấu thép đảm bảo an toàn cháy phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22939

89769. 12-2023 **Nghiên cứu cải tạo và nâng cấp hệ thống thoát nước nhằm kiểm soát ngập lụt do lượng mưa và triều cường tăng trong điều kiện biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh/** PGS. TS. Châu Nguyễn Xuân Quang, ThS. Hồ Văn Hòa; PGS. TS. Nguyễn Hồng Quân; TS. Lê Thanh Hòa; TS. Phạm Trần Hải; ThS. Trần Tuấn Hoàng; ThS. Trần Thị Vân Thư; ThS. Phan Thị Thanh Hòa; ThS. Lê Thị Thu Hà; PGS. TS. Nguyễn Đình Tứ - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Môi trường và Tài nguyên, 2022; 09/2019 - 09/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập, tổng hợp và biên tập dữ liệu, bản đồ. Đánh giá hiện trạng khả năng thoát nước của hệ thống hạ tầng thoát nước. Đề xuất quy mô nâng cấp và cải tạo hệ thống thoát nước theo các kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Đề xuất giải pháp kỹ thuật nâng cấp và cải tạo hệ thống thoát nước. Đề xuất giải pháp quản lý và mức độ ưu tiên triển khai thực hiện nâng cấp và cải tạo hệ thống thoát nước đô thị. Thí điểm lập kế hoạch nâng cấp và cải tạo hệ thống thoát nước ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho 01 tiểu lưu vực điển hình.

Số hồ sơ lưu: HCM-069-2023

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải

89445. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng bộ tài liệu về hệ thống cung cấp điện sức kéo đường sắt phục vụ công tác đào tạo chuyên môn về hệ thống điện giao thông vận tải/** TS. Hồ Ánh Sáng, TS. Triệu Việt Linh; TS. Võ Thanh Hà; TS. Đặng Việt Phúc; TS. Trần Văn Khôi; ThS. Vũ Duy Nghĩa; ThS. Đông Anh Nam; ThS. Đào Thế Dân; ThS. Nguyễn An; ThS. Bùi Thị Thúy Nga; ThS. Nguyễn Thị Thủy; ThS. Tạ Quang Huy; ThS. Lê Anh Tuấn - Hà Nội - Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I, 2022; 01/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan ứng dụng và phát triển đường sắt điện khí hóa trên thế giới. Đồng thời, nghiên cứu khả năng tích hợp kiến thức trong việc xây dựng bộ tài liệu chuyên khảo về hệ thống cung cấp điện sức kéo đường sắt phục vụ công tác đào tạo kỹ sư hệ thống điện giao thông vận tải. Tiến hành xây dựng các nội dung chi tiết bộ tài liệu về hệ thống điện sức kéo đường sắt phục vụ công tác đào tạo chuyên môn hệ thống điện giao thông vận tải

Số hồ sơ lưu: 22867

89480. 12-2023 **Nghiên cứu áp dụng kết cấu hầm bảo vệ chống sụt trượt và đá rơi ở các tuyến đường vùng núi có nguy cơ sạt lở cao/** TS. Phùng Bá Thắng, TS. Lê Văn Mạnh; GS.TS. Đỗ Như Tráng; TS. Lại Văn Anh; TS. Nguyễn Văn Quang; TS. Nguyễn Thanh Hưng;

TS. Trần Việt Hùng; TS. Hoàng Vũ; ThS. Đào Quang Huy; ThS. Nguyễn Thái Khanh - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất một giải pháp công trình để đảm bảo an toàn trong khai thác về công trình, người và phương tiện giao thông, đảm bảo giao thông thông suốt, tránh ách tắc tại các tuyến đường vùng núi có nguy cơ sạt lở cao. Đi sâu nghiên cứu giải pháp kết cấu, phương pháp phân tích tính toán và công nghệ thi công công trình hầm bảo vệ chống sạt trượt và đá rơi đã và đang được áp dụng trên thế giới. Từ đó đề xuất áp dụng phù hợp trong điều kiện Việt Nam ở các tuyến mới hoặc tuyến đang khai thác nhưng có nguy cơ mất an toàn.

Số hồ sơ lưu: 22887

89501. 12-2023 **Nghiên cứu tổng quan tình hình phát triển và hệ thống tiêu chuẩn của đường sắt tốc độ cao trên thế giới, đề xuất định hướng xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đường sắt tốc độ cao phù hợp với điều kiện Việt Nam/** TS. Lê Công Thành, ThS. Bùi Xuân Học; TS. Hồ Ánh Sáng; TS. Phạm Trường Thắng; ThS. Nguyễn Tiến Thịnh; TS. Mai Văn Thắm; TS. Nguyễn Tiến Quý; ThS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Bùi Văn Mạnh; ThS. Bùi Ngọc Nam; ThS. Phạm Đình Sang; ThS. Vũ Thị Trường Giang - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2022; 12/2021 - 05/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập tài liệu liên quan đến hệ thống đường sắt tốc độ cao (ĐSTĐC), hệ thống các tiêu chuẩn cho ĐSTĐC của một số quốc gia có ĐSTĐC phát triển; Tổng hợp, phân tích, làm rõ công nghệ ĐSTĐC của các nước, và hệ thống tiêu chuẩn sử dụng cho ĐSTĐC; Nghiên cứu kinh nghiệm phát triển đường sắt tốc độ cao và hệ thống tiêu chuẩn áp dụng cho đường sắt tốc độ cao của các nước trên thế giới để đề xuất định hướng xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đường sắt tốc độ cao theo hướng đồng bộ, phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22893

89515. 12-2023 **Nghiên cứu khả năng ứng dụng gia cố đất lateritic bằng chất kết dính geopolymer tro bay/xỉ lò cao cho mục đích xây dựng đường bộ/** TS. Đào Phúc Lâm, TS. Nguyễn Thu Trang; TS. Nguyễn Minh Khoa; ThS. Trọng Kiến Dương; TS. Ngô Thanh Hải; TS. Trịnh Hoàng Sơn; ThS. Trần Bá Hải; ThS. Ngô Quốc Trường; ThS. Trần Việt Quý; ThS. Vũ Trung Hiếu - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2023; 01/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý thuyết, yêu cầu về thành phần vật liệu chế tạo geopolymer tro bay sử dụng cho gia cố đất lateritic. Nghiên cứu thực nghiệm thiết kế thành phần đất lateritic gia cố geopolymer tro bay/xỉ lò cao. Nghiên cứu thực nghiệm một số đặc tính cơ học chủ yếu của đất lateritic gia cố geopolymer tro bay/xỉ

lò cao. Đề xuất quy trình gia cố đất lateritic bằng geopolymer tro bay/xỉ lò cao cho mục đích xây dựng đường giao thông.

Số hồ sơ lưu: 22896

89569. 12-2023 **Nghiên cứu đánh giá thực trạng màng biển bảo phản quang trên các tuyến cao tốc tại Việt Nam và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng/** ThS. Đỗ Văn Tài, ThS. Nguyễn Thúy Hằng; KS. Nguyễn Xuân Vũ; ThS. Doãn Văn Toàn; TS. Nguyễn Việt Hoàng; KS. Nguyễn Việt Bách; KS. Đào Minh Tuệ; KS. Nguyễn Thị Thêu; KS. Đỗ Bá Dũng; KS. Đặng Thị Thanh Quỳnh - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2023; 01/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan chung về màng biển bảo phản quang sử dụng cho đường cao tốc. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng màng biển bảo phản quang cho đường cao tốc. Đánh giá thực trạng màng biển bảo phản quang tại Việt Nam. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng màng biển bảo phản quang trên tuyến cao tốc tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22918

89595. 12-2023 **Nghiên cứu ứng xử của lớp bảo trì microsurfacing trong kết cấu mặt đường/** ThS. Bùi Việt Cường, PGS. TS. Trần Thị Kim Đăng; PGS. TS. Vũ Đức Chính; TS. Nguyễn Quang Tuấn; ThS. Vũ Văn Thắng; ThS. Trần Thị Thùy Anh; ThS. Lưu Ngọc

Lâm; ThS. Đặng Minh Hoàng; ThS. Lê Anh Tuấn; KS. Lê Văn Thi - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2023; 01/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về nghiên cứu và ứng dụng lớp phủ mỏng microsurfacing trong công tác bảo trì kết cấu mặt đường ô tô trên thế giới và tại Việt Nam. Phân tích và mô phỏng sự làm việc/ứng xử của lớp phủ mỏng microsurfacing trong kết cấu mặt đường ô tô. Lựa chọn các chỉ tiêu kỹ thuật đặc trưng cho ứng xử lớp phủ microsurfacing trong bảo trì kết cấu mặt đường ô tô. Nghiên cứu thử nghiệm trong phòng thí nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật đặc trưng cho ứng xử của vật liệu lớp phủ mỏng microsurfacing dùng trong bảo trì mặt đường.

Số hồ sơ lưu: 22930

20105. Kỹ thuật thủy lợi

88467. 12-2023 **Phát triển mô hình học máy sâu trong giám sát biến động bờ biển Trung Bộ/** TS. Đặng Kinh Bắc, ThS. Phạm Thị Phương Nga; PGS.TS. Đặng Văn Bào; TS. Ngô Văn Liêm; TS. Nguyễn Hữu Duy; TS. Giang Văn Trọng; ThS. Giang Tuấn Linh; ThS. Phan Thị Thanh Hải - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 04/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng các mô hình học máy sâu tự động hóa giải đoán đường bờ biển (bờ trong và bờ ngoài) từ ảnh viễn thám độ phân giải cao; Xác định được đặc điểm biến động

đường bờ, tai biến do xói lở bờ biển, bồi tụ cửa sông một số khu vực trọng điểm và đề xuất được giải pháp áp dụng mô hình học máy cho giám sát cho một số kiểu bờ biển khác nhau ở Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 22328

89820. 12-2023 **Nghiên cứu giải pháp hợp lý và công nghệ thích hợp phòng chống xói lở, ổn định bờ biển đoạn từ Sóc Trăng đến Mũi Cà Mau/** ThS. Lê Thanh Chương, PGS.TS. Trần Bá Hoàng; GS.TS. Lê Mạnh Hùng; TS. Nguyễn Duy Khang; PGS.TS. Đinh Công Sản; PGS.TS. Tô Văn Thanh; PGS.TS. Nguyễn Nghĩa Hùng; PGS.TS. Nguyễn Thanh Hải; ThS. Nguyễn Tuấn Long; ThS. Đinh Quốc Phong; ThS. Nguyễn Bình Dương; KS. Nguyễn Công Phong; KS. Nguyễn Đức Hùng; KS. Phạm Văn Hiệp; KS. Lương Thanh Tùng; ThS. Lê Xuân Tú; ThS. Trần Thị Trâm; ThS. Lê Thị Phương Thanh; ThS. Trần Thùy Linh; ThS. Trần Tuấn Anh; ThS. Lê Thị Minh Nguyệt; TS. Nguyễn Nguyệt Minh; KS. Trần Bá Hoàng Long; KS. Khổng Văn Tuấn; KS. Trương Ngọc Đạt; CN. Lê Duy Tú; CN. Nguyễn Thị Bình - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2023; 01/2017 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, phân tích, đánh giá những tác động lớn tới vùng nghiên cứu theo không gian và thời gian, là những nhân tố có khả năng gây ra, ảnh hưởng tới diễn biến xói bồi bờ biển. Phân tích, đánh giá diễn biến, nguyên nhân và cơ chế gây xói bồi

dải bờ biển đoạn từ Sóc Trăng đến Mũi Cà Mau theo không gian và thời gian. Phân tích, đánh giá các giải pháp công nghệ phòng chống xói lở, ổn định dải bờ biển, cửa sông đã sử dụng trong và ngoài nước có điều kiện tự nhiên phù hợp và đặc biệt là phân tích đánh giá được nguyên nhân thành công, thất bại của tất cả các công trình đã xây dựng trong khu vực nghiên cứu của đề tài. Hồ sơ thiết kế sơ bộ giải pháp công nghệ phòng chống xói lở, ổn định dải bờ biển, cửa sông phù hợp cho từng khu vực thuộc vùng nghiên cứu (đưa ra một số phương án rồi tính toán so chọn, sử dụng phương pháp nghiên cứu bằng mô hình toán và mô hình vật lý). Xây dựng mô hình thử nghiệm công trình chống xói lở ngoài thực tế và theo dõi đánh giá kết quả, hiệu quả, dự báo diễn biến do tác động của công trình theo các mốc thời gian. Xây dựng sổ tay hướng dẫn tính toán thiết kế, thi công giải pháp công nghệ bảo vệ bờ biển.

Số hồ sơ lưu: 23009

90031. 12-2023 **Nghiên cứu giải pháp hợp lý và công nghệ thích hợp phòng chống xói lở, ổn định bờ biển vùng đồng bằng sông Cửu Long, đoạn từ Mũi Cà Mau đến Hà Tiên/** TS. Nguyễn Anh Tiến, ThS. Trương Thị Nhàn (Thư ký đề tài); PGS.TS. Hoàng Văn Huân; PGS.TS. Nguyễn Thế Biên; ThS. Đỗ Hoài Nam; KS. Lê Đức Vĩnh; ThS. Nguyễn Văn Điển; ThS. Phan Thị Hà Tuyên; ThS. Trịnh Công Dân; TS. Lê Văn Tuấn; ThS. Hoàng Đức Cường; ThS. Lương Văn

Khanh; ThS. Bùi Văn Hùng; KS. Mai Hồng Hải Hà; KS. Ngô Tiến Khiêm; KS. Vũ Phúc Đông; KS. Đinh Văn Thắng; KS. Cao Văn Đệ; CN. Phạm Thị Kim Châu; CN. Nguyễn Thị Thanh Thảo; ThS. Hoàng Thị Kim Anh; ThS. Dương Đình Đi - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2023; 01/2017 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá đúng thực trạng , nguyên nhân và cơ chế xói lở , bồi tụ từng phân đoạn cụ thể dải ven biển thuộc vùng nghiên cứu. Phân tích đánh giá ưu điểm và những tồn tại của các loại , dạng công trình đã xây dựng với mục đích chống xói lở dải bờ biển trong vùng nghiên cứu. Trên cơ sở tổng kết từ các nghiên cứu, các kết quả đánh giá về nguyên nhân xói, lở bờ biển và kinh nghiệm rút ra của các công trình xây dựng đề xuất được một số giải pháp , công nghệ hợp lý chống xói lở cho một số đoạn bờ biển bị xói lở điển hình , đặc trưng. Đặc biệt , đề xuất được giải pháp hợp lý và công nghệ thích hợp bảo đảm về mặt kỹ thuật , kinh tế ổn định lâu dài đoạn bờ biển bị xói lở nghiêm trọng trong những năm qua.

Số hồ sơ lưu: 23094

20106. Kỹ thuật địa chất công trình

89481. 12-2023 **Khảo sát khảo cổ học dưới nước khu vực vùng biển Dung Quất, Quảng Ngãi, ứng dụng phương pháp địa vật lý/** TS. Trần Quý Thịnh, TS. Lê Hải Đăng; CN. Bùi Văn Hùng; TS. Phạm Nguyễn Hà Vũ; CN. Lê Thị Xuân; CN. Nguyễn Phương Kiều Linh; TS.

Phan Thanh Tùng - Hà Nội - Viện Khảo cổ học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, nghiên cứu khảo cổ học dưới nước vùng biển Dung Quất, Quảng Ngãi bằng các phương pháp địa vật lý. Xem xét những di tích khảo cổ học dưới nước đã phát hiện được ở đây trong những điều kiện cảnh quan môi trường nhất định, trong mối liên hệ với các di tích khác ở phạm vi không gian và thời gian rộng hơn để có cái nhìn đầy đủ hơn về các di tích này.

Số hồ sơ lưu: 22886

20201. Kỹ thuật điện và điện tử

89143. 12-2023 **Các tính chất động trong các hệ điện tử tương quan mạnh có chuyển pha trật tự/** PGS. TS. Phan Văn Nhâm, PGS.TS. Bùi Đức Tĩnh; TS. Nguyễn Hữu Nhã; ThS. Ninh Quốc Huy; ThS. Đỗ Thị Hồng Hải - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2023; 04/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu bản chất chuyển pha điện, từ của vật liệu manganite pha tạp và DMS thông qua khảo sát các tính chất động của hệ. Bản chất thăng giáng, hồi phục spin trong các hệ này xung quanh điểm chuyển pha sẽ được thảo luận; Nghiên cứu cơ chế chuyển pha trạng thái ngưng tụ của các hệ exciton, polariton, photon cân bằng hoặc không cân bằng hay trạng thái siêu dẫn trong các hệ tương quan mạnh, đặc biệt thông qua phân tích các tính chất động của hệ.

Số hồ sơ lưu: 22733

89155. 12-2023 **Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang-điện của linh kiện LED sử dụng chấm lượng tử hợp kim CdSxSe1-x và CdSxSe1-x/ZnS lõi/vỏ/** TS. Nguyễn Hữu Tuân, TS. Nguyễn Việt Hương; TS. Vũ Ngọc Hải; ThS. Phạm Kim Ngọc; CN. Võ Thị Lê Na - Hà Nội - Trường Đại học PHENIKAA, 2023; 10/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp các chấm lượng tử (QD) CdSxSe1-x và CdSxSe1-x/ZnS hợp kim có tính chất quang học đặc biệt để sử dụng làm chất phát quang cho linh kiện LED. Để đạt được mục tiêu này, cần phải điều chỉnh tỷ lệ thành phần của các nguyên tố trong hợp kim (Cd, S, Se, Zn) nhằm tăng cường tính chất phát quang của QD, đồng thời đảm bảo tính ổn định của QD trong quá trình sử dụng. Tổng hợp QD hợp kim CdSxSe1-x và CdSxSe1-x/ZnS có hiệu suất lượng tử cao, tối ưu hoá quy trình công nghệ chế tạo các QD chất lượng cao; Nghiên cứu ảnh hưởng của điều kiện chế tạo tới kích thước và tính chất quang của QD CdSxSe1-x và CdSxSe1-x/ZnS; Chế tạo các linh kiện QLED sử dụng QD CdSxSe1-x và CdSxSe1-x/ZnS, khảo sát sự ảnh hưởng của thời gian và tỉ lệ các tiền chất phản ứng lên hiệu suất phát sáng ngoài của linh kiện; Xây dựng nhóm nghiên cứu đạt trình độ quốc tế; công bố công trình khoa học trên các tạp chí quốc tế và hướng tới phát triển khả năng ứng dụng của QLED ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22742

89169. 12-2023 **Truyền dẫn lượng tử trong các mạch Kondo "điện tích"/** TS. Nguyễn Thị Kim Thanh, PGS.TS. Nguyễn Hồng Quang; CN. Đỗ Thanh Hà - Hà Nội - Viện Vật lý, 2023; 10/2020 - 05/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Giải quyết trực tiếp vấn đề truyền dẫn nhiệt điện lượng tử trong các thiết lập khác nhau của chấm lượng tử trong chế độ Kondo "điện tích" đa kênh. Chúng tôi trả lời các câu hỏi cơ bản về cách đặc tính chất lỏng không Fermi của mô hình Kondo đa kênh và tương tác giữa các điện tử trong hệ một chiều ảnh hưởng đến sự truyền dẫn nhiệt điện lượng tử. Chúng tôi khảo sát các tính chất của các hệ số nhiệt điện và phân tích sự phụ thuộc của các đặc tính chất lỏng không Fermi theo nhiệt độ trong các điều kiện liên kết mạnh để từ đó dự đoán các tính chất của các hạt Z_N parafermion.

Số hồ sơ lưu: 22744

89187. 12-2023 **Nghiên cứu vật liệu biến hoá có từ thẩm âm định hướng ứng dụng trong truyền năng lượng không dây dựa trên hiệu ứng cộng hưởng từ/** TS. Phạm Thanh Sơn, GS.TS. Vũ Đình Lâm; TS. Bùi Xuân Khuyển; TS. Hoàng Thu Trang; ThS. Phạm Thanh Bình; ThS. Trần Thị Châm - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2023; 04/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở vật lý để nghiên cứu vật liệu biến hoá có từ thẩm âm ứng dụng trong truyền năng lượng không dây dựa trên hiệu ứng

cộng hưởng từ; Xây dựng quy trình công nghệ chế tạo vật liệu biến hoá có từ thẩm âm ở dải tần số MHz. Chứng minh khả năng tăng cường hiệu suất truyền năng lượng không dây của cấu trúc vật liệu biến hoá có từ thẩm âm với hốc cộng hưởng từ là trên 50% so với cấu trúc vật liệu biến hoá có từ thẩm âm đồng nhất.

Số hồ sơ lưu: 22759

89192. 12-2023 **Nghiên cứu động học điện hóa của các phản ứng đan cài cation Li^+/Na^+ vào các vật liệu polyanionic 1D và oxide 2D bằng các kỹ thuật điện hóa/** PGS. TS. Trần Văn Mẫn, PGS.TS. Lê Mỹ Loan Phụng; TS. Huỳnh Lê Thanh Nguyên; TS. Nguyễn Đình Quân; CN. Huỳnh Thị Kim Tuyên; CN. Lê Phạm Phương Nam; ThS. Nguyễn Văn Hoàng - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mô hình hoá chuyển động của các cation đan cài Li^+/Na^+ trong cấu trúc vật liệu polyanion 1D và oxide kim loại 2D. Nghiên cứu các yếu tố động học (năng lượng hoạt hoá của phản ứng đan cài, tốc độ khuếch tán của cation trong vật liệu, năng lượng tương tác...) của các quá trình đan cài Li^+/Na^+ trong các vật liệu 1D, 2D bằng các kỹ thuật điện hoá hiện đại.

Số hồ sơ lưu: 22762

89249. 12-2023 **Mô hình hóa vận chuyển điện tích trong điện môi polyme không chứa và có chứa chất độn nano dưới ứng suất điện-nhiệt/** TS. Hoàng Mai Quyền,

TS. Nguyễn Mạnh Quân; TS. Vũ Thị Thu Nga; TS. Trần Anh Tùng; TS. Séverine Le Roy; TS. Gilbert Teyssède; TS. Nguyễn Xuân Trường - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2023; 09/2019 - 07/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển một công cụ số có thể dự đoán hành vi của điện tích không gian trong vật liệu cách điện polyme dưới ứng suất điện - nhiệt. Mô hình này sẽ được phát triển theo không gian 2D để giải quyết các câu hỏi cụ thể như phun điện tích ở điện cực thô, ảnh hưởng của độ nhám bề mặt và của các quá trình vật lý tại kích thước nano trong vật liệu đối với các đặc tính điện của vật liệu, sự hiện diện của chất độn nano trong ma trận điện môi làm nhiều điện trường. Sự quan tâm của đề tài sẽ được đặt lên vật liệu polyethylene - đang được sử dụng ngày càng nhiều trong các ứng dụng như cách điện trong truyền tải điện một chiều cao áp, dưới đất hoặc trên không, trong lưu trữ năng lượng.

Số hồ sơ lưu: 22773

89261. 12-2023 **Tính chất điện, từ và chuyển pha trong các tinh thể hai chiều đa lớp/** PGS. TS. Bạch Hương Giang, GS.TS. Bạch Thành Công; GS. Nguyễn Duy Huy; TS. Nguyễn Từ Niệm; TS. Phạm Hương Thảo; TS. Nguyễn Thị Kim Oanh; TS. Giang Kiên Trung - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 04/2020 - 05/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình thực của các hệ từ tính (sắt điện) đa lớp, xác định

được cấu trúc vùng năng lượng, cấu trúc điện tử, các thông số cơ bản của hệ từ nguyên lý ban đầu ở trạng thái cơ bản. Mô hình hóa các tương tác trong các hệ từ (sắt điện) đa lớp dựa trên kết quả tính toán sơ bộ của nguyên lý đầu. Đưa ra được cơ chế hoạt động, cạnh tranh tương tác trong các hệ tinh thể 2D ảnh hưởng đến sự hình thành các pha từ (sắt điện) với độ dày màng được thay đổi. Nghiên cứu được sự ảnh hưởng của các tham số vật lý như trường ngoài, trường nội, sự bất đẳng hướng, tạp chất ... lên các tính chất điện và từ của hệ tinh thể 2D khi hệ ở các pha khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 22782

20202. Người máy và điều khiển tự động

89337. 12-2023 **Thiết kế bộ điều khiển trượt phi tuyến dạng phân thứ cho các hệ động lực dưới ảnh hưởng của nhiễu/** TS. Trần Minh Đức, ThS. Ngô Văn Hòa; TS. Đỗ Hoàng Thịnh; TS. Đào Thanh Phong - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 2021; 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế các bộ điều khiển phân thứ cho các hệ động lực khác nhau. Thiết kế các mặt trượt phân thứ mới nhằm khắc phục những điểm yếu của mặt trượt truyền thống như mặt trượt đôi khi ở dạng số phức và tồn tại các điểm kỳ dị. Khắc phục được các nhược điểm trong bộ điều khiển trượt truyền thống như tín hiệu điều khiển dao động ở tần số cao, chất lượng điều khiển giảm khi có sự tác

động của nhiễu. Tối ưu hóa các thông số trong bộ điều khiển. Phân tích và chứng minh toàn bộ hệ thống ổn định trong thời gian hữu hạn và so sánh với những tiếp cận truyền thống.

Số hồ sơ lưu: 22747

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v.) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..

88689. 12-2023 **Nghiên cứu, thiết kế chế tạo robot thông minh hình dáng giống người, hỗ trợ dạy tiếng Anh trong trường tiểu học/** TS. Lê Đình Sơn, ThS. Hà Huy Hưng; TS. Trần Văn An; ThS. Nguyễn Thế Hưng; PGS.TS. Tăng Quốc Nam; TS. Trịnh Quang Kiên; TS. Phan Thị Hải Hồng; TS. Nguyễn Đình Quân; ThS. Kiều Ngọc Dung; TS. Hoàng Tuấn Hào; ThS. Phạm Thế Hùng; TS. Trương Xuân Cảnh; TS. Nguyễn Văn Hải; TS. Trần Ngọc Châu; CN. Trần Thị Tiến - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2023; 10/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ thiết kế, chế tạo, điều khiển robot thông minh hình dáng giống người trên cơ sở tích hợp các công nghệ tiên tiến: hệ điều hành robot (ROS), cơ điện tử, trí tuệ nhân tạo, hệ thống thông tin. Thiết kế, chế tạo thành công một robot thông minh hình dáng giống người, hỗ trợ dạy tiếng Anh cấp tiểu học. Thử nghiệm hỗ trợ dạy học tại 2 trường tiểu học. Định hướng, tạo nền tảng về công nghệ và kỹ thuật để phát triển các

loại sản phẩm robot thông minh ở các ứng dụng khác nhau. Phát triển phần mềm nhận dạng và xử lý tiếng nói, giao tiếp bằng tiếng Anh cho robot. Phát triển phần mềm nhận dạng khuôn mặt cho robot. Làm chủ ROS, ứng dụng, phát triển các gói phần mềm điều khiển các bộ phận và toàn thể robot. Ứng dụng và phát triển các thuật toán điều khiển để điều khiển cánh tay, mô đun di chuyển của robot. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo, học máy để giải quyết các bài toán nhận dạng, xử lý thông minh của robot. Phát triển hệ thống thông tin giải quyết các bài toán điều hành, giám sát, hỗ trợ xây dựng tri thức cho robot. Chế tạo một robot thông minh hình dáng giống người hỗ trợ dạy tiếng Anh trong trường tiểu học,

Số hồ sơ lưu: 22155

88871. 12-2023 **Nghiên cứu, thiết lập hạ tầng kỹ thuật hoạt động kiểm tra xác nhận chất lượng mã số, mã vạch/** TS. Hoàng Quốc Việt, ThS. Đặng Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Thành Trung; Ngô Minh Dương; Trần Ngọc Chính; ThS. Nguyễn Đắc Minh; ThS. Trần Văn Việt; ThS. Bùi Quang Tân; ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền - Hà Nội - Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam, 2022; 07/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ban đầu phục vụ việc kiểm tra xác nhận chất lượng MSMV. Thí điểm hoạt động kiểm tra xác nhận chất lượng MSMV nhằm đánh giá hiệu lực và hiệu quả của quy trình. Đề

xuất phương án triển khai hoạt động xác nhận chất lượng MSMV ở Việt Nam giai đoạn 2021 -2023. Thông tin, phổ biến về hoạt động xác nhận chất lượng MSMV và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động kiểm tra xác nhận chất lượng mã số, mã vạch (MSMV) đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và hỗ trợ doanh nghiệp, đồng thời cung cấp thông tin bổ sung phát triển cơ sở dữ liệu (CSDL) MSMV quốc gia.

Số hồ sơ lưu: 21923

89226. 12-2023 **Nghiên cứu thiết lập hệ thống quan trắc tự động cảnh báo đảm bảo an toàn công trình bến cảng/** PGS. TS. Nguyễn Thị Bạch Dương, ThS. Trần Đức Công; TS. Lê Văn Hiến; TS. Mai Quang Huy; ThS. Trần Minh Long; PGS.TS. Nguyễn Thành Trung; ThS. Nguyễn Duy Hoan; PGS.TS. Nguyễn Hữu Hưng; TS. Đỗ Văn Mạnh; KS. Nguyễn Quang Dũng - Hà Nội - Cục Hàng hải Việt Nam, 2023; 01/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thiết lập hệ thống quan trắc tự động chuyển vị đảm bảo an toàn công trình bến cảng. Nghiên cứu phương pháp xử lý tín hiệu đo đạc, đề xuất một số tình huống rủi ro cho kết cấu bến cầu tàu. Xây dựng chương trình cảnh báo an toàn (tự động cảnh báo trong trường hợp rủi ro bằng âm thanh hoặc ánh sáng) tích hợp được thiết lập trực tuyến trên các thiết bị di động. Đề xuất và nghiên cứu ứng dụng phương pháp quan trắc chuyển vị bằng hệ thống

truyền tín hiệu không dây mới thông qua chương trình giám sát, quản lý cảnh báo an toàn (tự động cảnh báo trong trường hợp rủi ro bằng âm thanh hoặc ánh sáng) tích hợp đọc thiết lập trực tuyến trên các thiết bị di động có tính thời sự, quan trắc tự động real-time cho kiểm định chất lượng, kiểm định điều kiện ổn định công trình bên cảng.

Số hồ sơ lưu: 22770

89255. 12-2023 **Ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào phát hiện tấn công cho các nền tảng mạng tương lai dựa trên SDN/** TS. Nguyễn Gia Trí, TS. Đinh Thái Hoàng; TS. Nguyễn Hoàng Hải; TS. Lê Trần Đức; ThS. Phan Văn Trung - Hà Nội - Trường Đại học FPT, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu về các thiết kế dựa trên công nghệ mạng SDN cho các mạng khác nhau bao gồm mạng biên, mạng lõi và mạng cho trung tâm dữ liệu. So sánh chi tiết và đưa ra các đặc điểm đặc thù của các hệ thống mạng đã tìm hiểu. Đề xuất một mô hình chung với thiết kế thích hợp để có thể triển khai các cơ chế phát hiện tấn công mạng. Phân tích hệ thống mạng SDN và đưa ra các thông số đặc tính lưu lượng khả dụng làm đầu vào cho việc mô hình hoá bài toán tối ưu. Thiết lập các bài toán tối ưu dựa trên các thông số, cấu hình đã chọn. Đề xuất phương pháp mới dựa trên các thuật toán trí tuệ nhân tạo, máy học để nâng cao hiệu năng phát hiện tấn công, và dự đoán vấn đề quá tải của các thiết bị mạng. Đề xuất phương pháp giải các

bài toán tối ưu phát hiện tấn công mạng dựa trên thuật toán học tăng cường sâu, học liên kết cho các nền tảng mạng SDN khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 22771

89764. 12-2023 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống vận chuyển thuốc và y cụ trong bệnh viện/** TS. Phạm Văn Anh, - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu Thiết bị và Công nghệ Cơ khí Bách Khoa, 2022; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Giới thiệu những phương pháp vận chuyển thuốc và y cụ hiện nay trong các bệnh viện. Tổng quan công nghệ cảm biến và phương án điều khiển thường sử dụng cho hệ thống vận chuyển. Tính toán thiết kế cơ khí cho module băng tải thẳng, module chuyển line, module băng tải nâng hạ và module băng tải cong. Nghiên cứu tính toán, thiết kế hệ thống treo băng tải sử dụng không gian phía trên trần. Tiêu chí và tổng quan thiết kế lựa chọn thiết bị điện. Tiêu chí và tổng quan thiết kế module điều khiển. Xây dựng cơ sở dữ liệu và giải thuật điều khiển và lưu đồ giải thuật. Chương trình mô phỏng hệ thống 3 trạm đặt tại trung tâm BKRECME và chương trình mô phỏng 3 trạm theo sa bàn thực tế tại bệnh viện quận 11. Thực nghiệm hệ htoongs và đánh giá kết quả.

Số hồ sơ lưu: HCM-065-2023

89768. 12-2023 **Thiết kế mạng băng rộng cho thành phố thông minh/** TS. Tân Hạnh, TS. Lê Quốc Cường; ThS. Nguyễn Huỳnh

Phuong Bảo; ThS. Trần Minh Tuấn; TS. Huỳnh Trọng Thưa; PGS. TS. Trần Trung Duy; TS. Huỳnh Thanh Tâm; ThS. Nguyễn Hoàng Thành; CN. Nguyễn Hữu Thịnh; CN. Nguyễn Đức Minh Quân; CN. Ngô Đức Huy; CN. Nguyễn Chế Minh Trí - Thành phố Hồ Chí Minh - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cơ sở Hồ Chí Minh, 2022; 12/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập thông tin hiện trạng và xác định nhu cầu về hạ tầng thông tin phục vụ đô thị thông minh. Đánh giá tình trạng hạ tầng hạ tầng thông tin phục vụ đô thị thông minh và tính khả thi cho triển khai hạ tầng băng rộng. Phân tích, xác định yêu cầu hệ thống và thiết kế mô hình tổng quan cho mạng băng rộng phục vụ đô thị thông minh. Thiết kế các giải pháp truy cập/kết nối mạng băng rộng. Phân tích, đề xuất giải pháp công nghệ truyền dẫn và các giao thức truyền thông. Thiết kế giải pháp tổng quan giám sát mạng và đánh giá mô hình thiết kế.

Số hồ sơ lưu: HCM-068-2023

89770. 12-2023 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo và điều khiển cụm thay dao trong máy phay CNC/** PGS. TS. Bùi Trọng Hiếu, TS. Phạm Minh Tuấn; TS. Nguyễn Thanh Trương; TS. Lê Thanh Long; TS. Nguyễn Vũ Thịnh; TS. Ngô Mạnh Dũng; ThS. Huỳnh Hữu Nghị; TS. Lê Khánh Điền; KS. Đồng Văn Keo; TS. Trần Việt Thắng; KS. Nguyễn Quang Tiến; KS. Nguyễn Văn Lực; TS. Bùi Thanh Luân; KS. Đặng

Phong; KS. Quách Hữu Lợi - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa, 2022; 05/2019 - 03/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu các nguyên lý thay dao và kết cấu của cụm thay dao trong máy phay CNC của các hãng nổi tiếng trên thế giới (OKUMA, MAZAC, FANUC, MAKINO,...). Nghiên cứu hệ thống thủy lực và hệ thống khí nén của cụm thay dao trong máy phay cnc. thiết kế chi tiết ổ chứa dao. lập qui trình công nghệ gia công ổ chứa dao. tính toán động học, động lực học mâm chứa dao. mô phỏng, phân tích ứng suất và chuyển vị trong mâm chứa dao. lập qui trình công nghệ gia công mâm chứa dao. thiết kế hệ thống truyền động mâm chứa dao. mô phỏng, phân tích ứng suất và chuyển vị trong thân đỡ mâm chứa dao. tính toán động học, động lực học tay quay gấp dao. mô phỏng, phân tích ứng suất và chuyển vị trong tay quay gấp dao.

Số hồ sơ lưu: HCM-070-2023

90136. 12-2023 **Nghiên cứu phát triển hệ thống quản lý, tích hợp và hỗ trợ phân tích dữ liệu camera thông minh (SVMS) ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo - triển khai thí điểm tại công an quận 10/** TS. Nguyễn Lê Duy Lai, ThS. Lê Quốc Tuấn; TS. Dương Ngọc Hiếu; KS. Lê Nguyễn Minh Trí; KS. Trương Ngọc Anh; ThS. Trịnh Văn Quảng; ThS. Hoàng Xuân Lộc; KS. Lương Gia Kiện; KS. Nguyễn Thị Thanh Vy; ThS. Vũ Quốc Hưng; CN. Trần Phương; ThS.

Nguyễn Xuân Thành; Nguyễn Hoàng Minh; Lê Đình Trí; Nguyễn Quốc Việt - Tp. Hồ Chí Minh - Trung tâm Kỹ thuật điện toán, 2022; 06/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu kiến trúc hệ thống quản lý và phân tích camera thông minh. Trong đó lưu ý các vấn đề: 1) Khả năng mở rộng hệ thống khi tích hợp nhiều camera và cho phép nhiều người truy cập vào hệ thống; 2) Khả năng tích hợp các phân hệ phân tích camera bằng công nghệ trí tuệ nhân tạo; 3) Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn trong phân tích dữ liệu giao thông. Nghiên cứu phát triển các tích năng quản lý (tích hợp và lưu trữ) camera. Nghiên cứu phát triển một số tính năng phân tích camera bằng công nghệ trí tuệ nhân tạo; ứng dụng các tính năng phân tích giải quyết các vấn đề giám sát an ninh và giao thông công cộng. Nghiên cứu phát triển giải pháp lưu trữ dữ liệu lớn cho hệ thống SVMS. Nghiên cứu phát triển một số tính năng phân tích trên dữ liệu lớn nhằm hỗ trợ ra quyết định các vấn đề về giao thông. Khảo sát hiện trạng lắp đặt hệ thống camera trên địa bàn Quận 10. Phân tích khả năng và mức độ ứng dụng hệ thống SVMS cho Công an Quận 10. Triển khai hệ thống SVMS tại Công an Quận 10 và đánh giá hiệu quả sử dụng hệ thống.

Số hồ sơ lưu: HCM-036-2023

20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông

89425. 12-2023 Nghiên cứu về quan hệ công-tư trong việc thúc

đẩy sự phát triển của hệ thống **Điểm Bưu điện-Văn hoá xã tại Việt Nam/** TS. Đỗ Mạnh Thái, TS. Đặng Đình Đường; PGS.TS. Vũ Phi Tuyên; TS. Trần Thị Anh Thư; ThS. Nguyễn Công Minh; ThS. Lê Doãn Huyền - Hà Nội - Viện Chiến lược thông tin và truyền thông, 2023; 05/2019 - 05/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu về bưu điện - văn hóa xã thuộc Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam (VNPost) để tìm ra các bên liên quan đến hoạt động của bưu điện - văn hóa xã. Phân tích mối quan hệ, sự tương tác giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, hay mối quan hệ, sự tương tác giữa các bên liên quan ảnh hưởng đến sự phát triển của bưu điện - văn hóa xã và đề xuất với Bộ Thông tin và Truyền thông/VNPost và các bên liên quan khác về mối quan hệ, sự tương tác thích hợp giữa các bên liên quan này để vận hành, quản lý bưu điện - văn hóa xã hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 22860

20205. Viễn thông

88688. 12-2023 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thử nghiệm thiết bị phát sóng wifi sử dụng công nghệ 5G/** KS. Vĩnh Tuấn Bảo, TS. Nguyễn Xuân Nghĩa; ThS. Phùng Xuân Bình; ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Đỗ Văn Phương; ThS. Bùi Công Đường; KS. Lê Đức Lộc; CN. Phạm Tiến Mạnh; CN. Nguyễn Thành Vĩ - Hà Nội - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về công nghệ 5G và WiFi 6 và hiện trạng triển khai; Nghiên cứu các vấn đề cơ bản về nguyên lý hoạt động của thiết bị phát sóng WiFi sử dụng công nghệ 5G. Nghiên cứu thiết kế thiết bị phát sóng WiFi sử dụng công nghệ 5G. Xây dựng các bài đo đánh giá chất lượng thiết bị. Lắp ráp thiết bị mẫu. Thống kê kết quả triển khai và đề xuất hướng phát triển đề tài.

Số hồ sơ lưu: 22154

20299. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin không xếp vào mục nào khác

88749. 12-2023 **Nghiên cứu, đề xuất khung pháp lý phát triển ngành công nghiệp dữ liệu lớn/** ThS. Nguyễn Gia Bắc, Nguyễn Phi Hùng; Nguyễn Thị Thảo; Đặng Thị Phương Thảo - Hà Nội - Viện Chiến lược thông tin và truyền thông, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tại Việt Nam, việc nghiên cứu về phát triển dữ liệu lớn chưa được chú trọng đúng mức. Ứng dụng dữ liệu lớn trong kinh tế - xã hội chưa được đẩy mạnh, do chưa có định hướng rõ ràng, cụ thể. Cũng chưa có nghiên cứu, đề xuất cụ thể nào về khung chính sách phát triển đối với dữ liệu lớn để cơ quan quản lý tham khảo, hoạch định các chính sách phù hợp, để định hướng cho sự phát triển của dữ liệu lớn này. Chính vì vậy, đề tài mong muốn xây dựng nên một bộ khung pháp lý nhằm phát triển ngành công nghiệp dữ liệu lớn tại Việt Nam, khai thác hiệu quả dữ liệu lớn phục vụ cho xã hội, đáp ứng

được yêu cầu chuyển đổi số, xây dựng một nền kinh tế số, xã hội số thực sự dựa trên dữ liệu.

Số hồ sơ lưu: 21811

90140. 12-2023 **Xây dựng hệ thống chuyển tự tự động văn bản chữ nôm sang chữ quốc ngữ/** PGS.TS. Đinh Điền, ThS. Lương An Vinh; PGS.TS. Lê Quang Trường; TS. Bùi Thanh Tường Thụy; ThS. Nguyễn Hồng Bửu Long; Trần Thị Anh Thư; Nguyễn Thị Kim Phương - Tp. Hồ Chí Minh - Trường ĐH Khoa học Tự nhiên – ĐHQG-HCM, 2022; 12/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập và xây dựng các tài nguyên chữ Nôm, chữ Hán và chữ Quốc ngữ như sau: Xây dựng tự điển chữ Nôm gồm 22.264 mục tự. Xây dựng từ điển chữ Nôm – Quốc ngữ với 6.198 mục từ. Xây dựng tự điển Hán-Việt gồm 26.330 mục Hán tự với nghĩa tiếng Việt tương ứng. Xây dựng tự điển Hán-Việt 66.450 mục từ. Xây dựng ngữ liệu song song Nôm - Quốc ngữ gồm 53.757 cặp câu song song với 418.935 tự, 13.304 tự khác nhau. Xây dựng ngữ liệu đơn ngữ chữ Quốc ngữ gồm hơn 822.569 câu, 8.978.807 từ và xây dựng mô hình ngôn ngữ chữ Quốc ngữ dựa trên ngữ liệu này. Xây dựng mô hình ngôn ngữ và mô hình dịch trên những ngữ liệu thu thập được. Xây dựng website hỗ trợ chuyển tự tự động từ chữ Nôm sang chữ Quốc ngữ

Số hồ sơ lưu: HCM-040-2023

20303. Chế tạo máy công cụ

89489. 12-2023 **Nghiên cứu thiết kế và chế tạo máy xay nghiền rác thải hữu cơ ứng dụng cho nhà bếp trong các nhà hàng và khách sạn/** TS. Võ Huy Hoàn, PGS.TS. Nguyễn Huy Công; TS. Vũ Duy Thuận; TS. Phạm Thị Thùy Linh; TS. Bùi Văn Bình; ThS. Nguyễn Thị Hương; CN. Cù Huy Hoàng; KS. Phan Đăng Đạo; KS. Mạc Đình Dũng; Vũ Quang Lâm - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ năng lượng và môi trường, 2020; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích đánh giá các phương pháp đã và đang sử dụng trong và ngoài nước và đưa ra các ưu nhược điểm của từng phương pháp. Nghiên cứu tổng hợp các giải pháp công nghệ cũng như các ứng dụng của các quốc gia tiên tiến trong việc thiết kế chế tạo máy xay nghiền rác thải. Tìm hiểu, đánh giá hệ thống thu gom và nước thải tại Việt Nam, làm cơ sở đề xuất giải pháp làm giảm thiểu sự ô nhiễm môi trường ở Việt Nam. Đề xuất giải pháp và chế tạo thiết bị xử lý chất thải hữu cơ từ bếp ăn của các nhà hàng, khách sạn, góp phần giải quyết vấn đề tắc đường ống nước thải và ô nhiễm môi trường.

Số hồ sơ lưu: 22889

89562. 12-2023 **Nghiên cứu công nghệ và thiết kế, chế tạo thiết bị chế biến sâu dầu vỏ hạt điều thành các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu/** TS. Đỗ Thanh Hải, TS. Đỗ Mạnh Hùng; TS. Phạm Thị Nam

Bình; GS.TS. Vũ Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; TS. Nguyễn Thị Phương Hòa; ThS. Nguyễn Thanh Hải; KS. Nguyễn Minh Đăng; ThS. Hoàng Văn Thắng; ThS. Nguyễn Trung Thành - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ lọc, hóa dầu, 2023; 04/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Phòng Thí nghiệm trọng điểm (PTNTĐ) đã có nhiều nghiên cứu từ quy mô PTN đến quy mô pilot công nghiệp với các quá trình phản ứng trên các đối tượng là dầu thực vật, quá trình phản ứng được thực hiện trên hệ thiết bị phản ứng dòng liên tục, lớp xúc tác cố định. Đây là cơ sở để PTNTĐ tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện được công nghệ phản ứng decarboxyl hóa dầu vỏ hạt điều tạo ra sản phẩm dầu cardanol. Ngoài kinh nghiệm trong chế tạo xúc tác, nghiên cứu và hoàn thiện các thông số 2 công nghệ của các quá trình phản ứng, PTNTĐ còn có nhiều kinh nghiệm trong thiết kế, chế tạo các thiết bị phục vụ nghiên cứu, thử nghiệm. Đây cũng là một cơ sở rất quan trọng để PTNTĐ có thể triển khai nghiên cứu chế biến dầu vỏ hạt điều.

Số hồ sơ lưu: 22914

90062. 12-2023 **Nghiên cứu thiết kế và điều khiển cụm truyền động tịnh tiến trong máy CNC/** TS. Trần Thanh Vũ, KS. Hoàng Thị Ngọc Bích; TS. Trần Mạnh Sơn; TS. Nguyễn Trọng Hải; TS. Nguyễn Hữu Cường; TS. Đoàn Thị Bằng; TS. Trần Việt Thắng; ThS. Lê Trường Giang; ThS. Trần Minh

Nhật; KS. Nguyễn Văn Chiến Thắng; KS. Trần Việt Tâm; KS. Trần Minh Tâm; KS. Nguyễn Đức Anh; KS. Bùi Hữu Quốc Anh - TP. Hồ Chí Minh - Phân viện Nghiên cứu Điện tử, Tin học, Tự động hóa tại TP. Hồ Chí Minh, 2022; 05/2019 - 03/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tìm hiểu tổng quan về các thành phần cụm điều khiển truyền động tịnh tiến (Thanh trượt, vít me,...) của máy phay CNC. Nghiên cứu các thông số kỹ thuật yêu cầu của một cụm truyền động tịnh tiến trong máy phay CNC và các điều kiện công nghệ thiết kế, gia công cụm truyền động tịnh tiến. Tìm hiểu nguyên vật liệu và phương pháp chế tạo cụm truyền động tịnh tiến CNC và các nguyên nhân dẫn đến sai số. Nghiên cứu phương pháp mô hình hóa AC Servo Motor với tải là cụm truyền động tịnh tiến X, Y và Z. Qua đó, nghiên cứu thiết kế, lắp ráp cũng như thi công và thử nghiệm phần cứng bộ điều khiển động cơ AC servo.

Số hồ sơ lưu: HCM-011-2023

90063. 12-2023 **Nghiên cứu giải pháp tối ưu cho hệ thống tưới nguội và bôi trơn trong máy CNC/** TS. Nguyễn Huy Hùng, ThS. Võ Thị Bích Ngọc; TS. Dương Văn Tú; TS. Trần Việt Thắng; TS. Trần Đức Anh Minh; ThS. Võ Phi Sơn; ThS. Trịnh Hoài Ân; TS. Lê Nhật Bình; ThS. Phan Hoàng Long; ThS. Nguyễn Hữu Phúc; ThS. Phạm Hùng Kim Khánh; ThS. Dương Hiền Thuận; ThS. Lê Quốc Đán; ThS. Phạm

Thanh Đàm - TP. Hồ Chí Minh - PTN Trọng điểm Điều khiển số và Kỹ thuật hệ thống Trường Đại học Bách Khoa – Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2022; 05/2019 - 03/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu các thông số ảnh hưởng đến sự thay đổi nhiệt độ của dao và phôi trong quá trình gia công. Đánh giá ảnh hưởng của các phương pháp tưới nguội như phương pháp dòng chảy tự do, dòng chảy với áp suất cao và đề xuất phương pháp tưới nguội phù hợp với lượng dầu tưới nhỏ nhất. Phân tích, đánh giá và lựa chọn phương pháp bôi trơn cho các chi tiết trong máy cnc bao gồm: dẫn hướng 3 trục, các vitme đai ốc bi. Đồng thời, phân tích, đánh giá và lựa chọn phương pháp bôi trơn cho các chi tiết trong máy CNC bao gồm: trục chính và các ổ của trục chính. Thiết kế, thi công hệ thống khí nén, hệ thống thủy lực, hệ thống lấy phôi..qua đó kết nối toàn bộ hệ thống và chạy thử nghiệm.

Số hồ sơ lưu: HCM-012-2023

90130. 12-2023 **Nghiên cứu chế tạo máy sấy chân không thanh long, năng suất 500kg/mẻ/** PGS.TS. Trần Anh Sơn, Nguyễn Thị Nguyên; Trương Quốc Thanh; Dương Huyền Linh; Đặng Quang Kỳ; Bành Quốc Nguyên; Nguyễn Văn Thành; Ngô Hà Quang Thịnh; Nguyễn Minh Dương; Nguyễn Lê Dũng - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách Khoa - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, 2023; 09/2020 - 05/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu và xác định quy trình công nghệ sấy chân không cho thanh long, đáp ứng yêu cầu chất lượng của các thị trường tiêu thụ trong nước và ngoài nước. Làm chủ công nghệ chế tạo máy sấy chân không quy mô sản xuất công nghiệp, thiết bị làm việc ổn định, tin cậy. Ứng dụng IoT vào giám sát quá trình sấy. Đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và được thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu chấp nhận đối với sản phẩm thanh long sau khi sấy. Nâng cao chuỗi giá trị đối với trái trái thanh long bằng việc giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng và giá trị của sản phẩm thanh long sấy.

Số hồ sơ lưu: HCM-033-2023

90138. 12-2023 **Nghiên cứu thiết kế chế tạo máy ủ phân gà dạng bồn đứng năng suất 2 m³/ngày/** ThS. Đào Vĩnh Hưng, ThS. Nguyễn Trọng Minh Khiêm; KS. Lương Văn An; ThS. Lê Văn Quý; KS. Huỳnh Tiến Trung; ThS. Ngô Văn Bình; ThS. Nguyễn Vĩnh Phúc; KS. Trần Ngọc Linh - Tp. Hồ Chí Minh - Phân Viện Cơ Điện NN & Công Nghệ Sau Thu hoạch, 2022; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu và xác định thông số công nghệ cho quá trình ủ phân gà dạng bồn đứng và lên men theo phương pháp tự nhiên chỉ sử dụng 100% phân gà, không dùng thêm men vi sinh. Ứng dụng thành công vào sản xuất 01 mẫu ủ phân gà năng suất đầu vào 2 m³/ngày cho trang

trại có quy mô 20.000 con, có đầu ra là bán thành phẩm để làm các loại phân hữu cơ hoặc phân hữu cơ vi sinh. Giá thành chế tạo máy chỉ dao động từ 1/2 đến 2/3 giá máy nhập từ Nhật Bản.

Số hồ sơ lưu: HCM-038-2023

20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp

89713. 12-2023 **Hoàn thiện thiết kế, công nghệ chế tạo thiết bị lọc cơ học dạng trống sử dụng trong nuôi tôm nước lợ/** TS. Nguyễn Minh Hà, Lê Minh Vương; Lê Đình Cận; La Thanh Hải; Lâm Văn Ny; Đỗ Văn Vô; Võ Văn Thành; Nguyễn Minh Hà; Phan Phương Trinh; Phạm Ngọc Tuấn - Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ CENINTEC, 2022; 12/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu các đặc tính của nước nuôi tôm cần xử lý. Thiết kế bộ phận loại bỏ vỏ tôm và tôm chết trước khi vào thiết bị lọc cơ học. Cải thiện năng suất lọc của thiết bị lọc cơ học và sử dụng vật liệu nhựa để chế tạo thiết bị. Điều chỉnh thiết kế nhằm gia tăng độ tin cậy của thiết bị lọc cơ học. Cải tiến thiết kế nhằm giảm thời gian bảo trì thiết bị lọc cơ học. Thiết kế và chế tạo các đồ gá phục vụ chế tạo và lắp ráp thiết bị lọc cơ học. Nghiên cứu quy trình hóa quá trình chế tạo, lắp ráp, kiểm tra và bảo hành, bảo trì thiết bị lọc cơ học. Chế tạo thiết bị lọc cơ học mẫu cải tiến hoàn thiện và xây dựng, thử nghiệm

hệ thống xử lý nước nuôi tôm ứng dụng thiết bị lọc cơ học.

Số hồ sơ lưu: HCM-054-2023

20310. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy xây dựng

89736. 12-2023 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thiết bị thu hồi và sàng lọc chất thải rắn sau xử lý bề mặt kết cấu công trình thủy/ Th.S, Đoàn Lê Trung Thắng, PGS.TS Lê Tấn Hiền; TS. Lê Khánh Điền; PGS.TS. Nguyễn Duy Anh; ThS. Lê Thanh Sơn; Phạm Hà Vĩnh Phúc; Lê Trần Danh; TS. Huỳnh Văn Vũ; Lâm Thanh Vi Dân; Trần Lê Văn - Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Kỹ Thuật Công Nghiệp Đồng Tâm, 2022; 12/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu tổng quan để xây dựng thông số thiết kế hệ thống thu hồi, sàng lọc hạt mài từ các dạng làm sạch bề mặt. Chế tạo cụm thu gom hạt mài từ hoạt động làm sạch. Thiết kế hệ thống sàng lọc hạt mài tái sử dụng, phân tách bụi công nghiệp, tạp chất. Thiết kế phần mềm điều khiển giám sát hệ thống. Vận hành thử nghiệm và hoàn thiện thiết bị.

Số hồ sơ lưu: HCM-055-2023

20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng

90019. 12-2023 **Nghiên cứu chế tạo hệ composite trên cơ sở Epoxy/MS polymer/Polyester chống ăn mòn tại vị trí gổĩ đỡ các đường ống thu gom và vận chuyển dầu khí trên các giàn khai thác ngoài khơi/ ThS. Nguyễn Đình**

Dũng, PGS.TS. Nguyễn Thị Lê Hiền; ThS. Phạm Thị Hương; CN. Đoàn Thành Đạt; ThS. Phạm Vũ Dũng; ThS. Lê Thái Sơn; ThS. Lê Thị Hồng Giang; ThS. Nguyễn Thị Hoa; TS. Nguyễn Đắc Thắng; CN. Hoàng Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Lan Anh; TS. Nguyễn Thu Phương; KS. Nhâm Điện Biên; TS. Lê Thị Duyên - Hà Nội - Viện dầu khí Việt Nam, 2023; 01/2021 - 07/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, chế tạo thành công hệ composite chống ăn mòn đường ống thu gom, vận chuyển dầu khí tại các vị trí gổĩ đỡ, nhằm đảm bảo an toàn cho các công trình khai thác dầu khí ngoài khơi. Xây dựng quy trình công nghệ sử dụng hệ composite trên cơ sở epoxy/ MS polymer/ polyester chống ăn mòn tại vị trí gổĩ đỡ các đường ống thu gom và vận chuyển dầu khí trên các giàn khai thác ngoài khơi. Tiến hành thử nghiệm và áp dụng thành công tại một số vị trí gổĩ đỡ trên 01 giàn khoan ngoài khơi của Vietsovpetro.

Số hồ sơ lưu: 23089

20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng

89142. 12-2023 **Nghiên cứu lựa chọn giải pháp và xây dựng chỉ dẫn thiết kế, thi công kết cấu tuabine phát điện sức gió được xây dựng ở Việt Nam/ TS. Mai Hồng Quân, TS. Mai Cao Trí; PGS.TS. Phạm Hiền Hậu; ThS. Đỗ Thành Long; ThS. Vũ Đan Chính; ThS. Bùi Thế Anh; ThS. Dương Thanh Quỳnh; ThS. Nguyễn Quang Tạo; PGS.TS. Nguyễn Quốc Hòa - Hà**

Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2021; 06/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các vấn đề tổng quan liên quan đến lĩnh vực xây dựng các công trình điện gió trên thế giới và ở Việt Nam, nghiên cứu bổ sung các kiến thức về giải pháp kết cấu đỡ Tua bin gió, sự làm việc của kết cấu dưới tác động của các loại tải trọng, phương pháp luận trong tính toán thiết kế, so sánh phân tích và lựa chọn giải pháp kết cấu phù hợp với điều kiện Việt Nam. Tổng kết các kiến thức nền tảng, chuyên sâu liên quan đến việc phân tích, thiết kế, thi công và vận hành các công trình điện gió. Phân tích, so sánh lựa chọn kết cấu phù hợp đỡ các tua bin gió xây dựng ở điều kiện Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp kết cấu khả dụng khi phát triển điện gió ở độ sâu nước nông ngoài biển. Thiết lập các chỉ dẫn thiết kế và thi công các công trình đỡ tua bin gió ngoài biển.

Số hồ sơ lưu: 22728

20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân

89568. 12-2023 **Nghiên cứu phát triển phương pháp đánh dấu kết hợp đo điện thế tự nhiên để định vị dòng rò mất nước thấm qua đê và đập/** CN. Huỳnh Thị Thu Hương, CN. Lê Văn Sơn; CN. Vương Đức Phụng; KS. Nguyễn Hữu Quang; ThS. Đặng Quốc Triệu; CN. Trần Trọng Hiệu; CN. Lại Viết Hải; ThS. Phan Thị Luân; CN. Dương Thị Bích Chi - Đà Lạt -

Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp, 2023; 01/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về điện thế tự nhiên của đất đá; phương pháp đo điện thế tự nhiên và điện trở đất. Nguyên lý phương pháp điện thế tự nhiên kết hợp đánh dấu trong khảo sát thăm qua đập. Nghiên cứu sự đáp ứng của tín hiệu điện thế với các tham số như nồng độ muối, lưu lượng dòng chảy và khoảng cách đo trên mô hình vật lý trong phòng thí nghiệm. Ứng dụng thử nghiệm phương pháp khảo sát thăm rò tại hạ lưu đập Đơn Dương và đập Phụ số 2 Hàm Thuận.

Số hồ sơ lưu: 22921

90035. 12-2023 **Nghiên cứu thiết lập trường chuẩn liều đối với bức xạ gamma và tia X mức an toàn phù hợp tiêu chuẩn ISO 4037 tại Trung tâm hạt nhân Tp. Hồ Chí Minh/** CN. Nguyễn Hoàng Long, ThS. Ông Quang Sơn; TS. Hồ Mạnh Dũng; CN. Nguyễn Văn Mai; CN. Đào Văn Hoàng; CN. Ninh Đức Tuyên; ThS. Nguyễn Văn Hoài Nam; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Huệ; ThS. Lê Hữu Lợi; ThS. Đặng Minh Phước; CN. Võ Văn Tiên - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Hạt nhân TP. Hồ Chí Minh, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về trường chuẩn liều đối với bức xạ gamma và tia X mức an toàn phù hợp tiêu chuẩn ISO 4037. Thiết lập trường chuẩn liều đối với bức xạ gamma và tia X mức an toàn phù hợp tiêu chuẩn ISO 4037. Nghiên cứu kết quả thiết lập

trường chuẩn liều đối với bức xạ gamma và tia X mức an toàn phù hợp tiêu chuẩn ISO 4037 tại Trung tâm Hạt nhân Tp. Hồ Chí Minh. Qua đó tiến hành hiệu chuẩn thiết bị đo liều/ suất liều bức xạ ion hóa, hiệu chuẩn liều kế cá nhân với trường chuẩn liều bức xạ gamma và tia X mức an toàn phù hợp tiêu chuẩn ISO 4037.

Số hồ sơ lưu: 23081

20399. Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy khác

90129. 12-2023 **Nghiên cứu công nghệ và thiết kế, chế tạo khuôn preform phối nhựa PET 96 cavity phục vụ cho sản xuất chai nhựa PET/** KS. Đặng Khiêm Cương, KS. Trương Lê Quốc Minh; Ông Đỗ Phước Tổng; Bà Trương Vân Tiên; KS. Phạm Thanh Tâm; KS. Lý Bá Ngọc; Ông Nguyễn Khiêm; KS. Lê Minh Trường; KS. Phạm Trung Liễm; KS. Trần Đình Khang; KS. Trần Nguyễn Minh Thắng; KS. Lã Xuân Trường - TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Cơ khí Duy Khanh, 2023; 07/2022 - 07/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, tính toán, mô phỏng, thiết kế và chế tạo hoàn chỉnh khuôn preform phối nhựa PET 96 cavity, phục vụ cho quá trình sản xuất chai nhựa tại các nhà máy sản xuất chai PET, các nhà máy sản xuất nước giải khát tại Việt Nam và làm chủ được quá trình tính toán thiết kế và công nghệ gia công chế tạo bộ khuôn preform 96 cavity cũng như hướng đến thiết kế, chế tạo các bộ

khuôn nhiều cavity hơn tại Việt Nam khi thị trường có nhu cầu.

Số hồ sơ lưu: TPHCM-2023-032

20403. Kỹ thuật hoá dược

89141. 12-2023 **Phát triển một thể hệ hạt nanocomposite tiên tiến dựa trên các hạt nano từ tính định hướng ứng dụng trong điều khiển phân phối thuốc vào cơ thể bằng từ trường và điều trị ung thư/** TS. Raja Das, Nguyễn Hữu Tuân TS. Nguyễn Hữu Tuân; PGS.TS. Phạm Văn Vĩnh; TS. Đỗ Thành Việt; ThS. Phạm Kim Ngọc; KS. Đào Thị Thủy - Hà Nội - Trường Đại học PHENIKAA, 2023; 04/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp các oxit sắt từ Fe₃O₄ và Fe₂O₃ sử dụng phương pháp giải nhiệt (thủy nhiệt) và đồng kết tủa, khảo sát đặc tính cấu trúc và hình thái của chúng. Tổng hợp các cấu trúc nano Ag-Au/Fe-oxit cấu trúc lõi-vỏ đặc biệt là các hạt nano dị hướng và đặc tính của chúng. Điều chỉnh tỷ lệ khung hình của cấu trúc nano. Chức năng hóa cấu trúc nano từ tính bằng cách sử dụng các dấu hiệu cụ thể để có khả năng tương thích sinh học phù hợp. Nạp thuốc chống ung thư vào các cấu trúc nano được chức năng hóa. Đo các giá trị SAR bằng các phép đo nhiệt lượng kế. Thử nghiệm in vitro các cấu trúc nano được đề cập ở trên để điều trị tăng thân nhiệt và giải phóng thuốc.

Số hồ sơ lưu: 22739

20405. Kỹ thuật hoá hữu cơ

89180. 12-2023 **Tổng hợp và xác định một số chất hữu cơ trong mẫu dược phẩm và sinh phẩm bằng phương pháp Von-ampe hòa tan dùng điện cực biến tính composite của ZIF-67/ GS. TS. Đinh Quang Khiếu, TS. Nguyễn Ngọc Trác; GS.TSKH. Vũ Xuân Quang; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Sơn; TS. Trần Thị Hồng; TS. Lê Văn Khoa Bảo; ThS. Nguyễn Thị Thái An; ThS. Lê Xuân Hùng - Thừa Thiên Huế - Trường Đại học khoa học, 2023; 12/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tổng hợp graphene oxide dạng khử (rGO) theo phương pháp điện hóa. Tổng hợp ZIF-67 bằng phương pháp vi sóng. Tìm ra được các điều kiện tối ưu tổng hợp ZIF-67/graphene có tính chất bề mặt tốt (diện tích bề cao, lỗ xốp lớn, ZIF-67 phân tán đều trên graphene). Tổng hợp ZIF-67/rGO, ZIF-67/g-C₃N₄. Tìm ra các điều kiện tối ưu tổng hợp ZIF-67/g-C₃N₄ có tính chất bề mặt tốt. Sử dụng các vật liệu tổng hợp được phát triển hệ điện cực mới dùng trong phương pháp von-ampe hòa tan để xác định đồng thời một số dược chất trong thuốc thương mại và kết quả này có thể công bố trên các tạp chí quốc tế được xếp hạng của ISI.

Số hồ sơ lưu: 22756

20406. Kỹ thuật hoá dầu

89403. 12-2023 **Nghiên cứu vai trò, hiệu quả và tác động của phụ gia đa năng đối với quá trình cháy của nhiên liệu trên hiện**

trường/ GS. TS. Vũ Thị Thu Hà, ThS. Bùi Duy Hùng; PGS.TS. Phạm Hữu Tuyền; TS. Nguyễn Thế Trục; TS. Đỗ Thanh Hải; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Quang Minh; TS. Đỗ Mạnh Hùng; TS. Trần Thị Liên; CN. Nguyễn Tiến Hoàng - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ lọc, hóa dầu, 2023; 04/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu vai trò, hiệu quả của phụ gia đa năng đối với quá trình cháy của mẫu xăng pha phụ gia; mẫu dầu diesel pha phụ gia; mẫu nhiên liệu xăng, dầu DO pha phụ gia; Nghiên cứu vai trò, hiệu quả và tác động của phụ gia đa năng đối với quá trình cháy trong động cơ máy phát điện; Vai trò, hiệu quả và tác động của phụ gia đa năng đối với quá trình cháy trong động cơ máy phát điện và lò đốt nồi hơi sử dụng nhiên liệu DO, FO.

Số hồ sơ lưu: 22850

20499. Kỹ thuật hóa học khác

90131. 12-2023 **Nghiên cứu chế tạo mẫu sinh phẩm đông khô dùng kiểm chuẩn xét nghiệm Hoá sinh đối với sáu thông số thường quy/ TS. Trần Hữu Tâm, - Tp. Hồ Chí Minh - Trung tâm Kiểm chuẩn Xét nghiệm Thành phố, 2022; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xác định sáu thông số xét nghiệm trong hóa sinh lâm sàng có tỉ lệ xét nghiệm cao nhất tại các phòng xét nghiệm, kèm theo khoảng giới hạn nồng độ đo. Xác định được thiết bị, phương pháp phân tích dựa trên phương pháp tham chiếu và vật liệu

tham chiếu. Tìm được chất bảo quản và nồng độ bảo quản thích hợp. Thiết lập quy trình sản xuất mẫu sinh phẩm ở quy mô phòng thí nghiệm. Tạo được mẫu sinh phẩm hóa sinh lâm sàng dùng cho ngoại kiểm tra chất lượng, chứa sáu thông số với nồng độ ấn định, ở quy mô phòng thí nghiệm, phù hợp một số bệnh cảnh. Tạo mẫu sinh phẩm dạng đông khô chứa sáu thông số hóa sinh lâm sàng thoyòng quy, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, dùng định kỳ (hoặc hàng ngày) để đánh giá, giám sát chất lượng xét nghiệm hóa sinh lâm sàng.

Số hồ sơ lưu: HCM-034-2023

20503. Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim màu

89183. 12-2023 Nghiên cứu ứng dụng học máy để phát triển vật liệu mới có từ tính tốt trên nền hợp kim của kim loại chuyển tiếp và kim loại đất hiếm/ TS. Phạm Tiến Lâm, TS. Nguyễn Tiến Cường; PGS.TS. Thân Quang Khoát; TS. Lê Hoàng Anh; TS. Nguyễn Văn Duy - Hà Nội - Viện nghiên cứu tiên tiến PHENIKAA, 2023; 09/2019 - 09/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển và xây dựng các phương pháp và kỹ thuật học máy hiệu quả để dự đoán các cấu trúc vật liệu từ mới, dựa trên nền kim loại chuyển tiếp và kim loại đất hiếm: các mô hình học máy sau khi được huấn luyện sẽ có khả năng học để mã hoá các tri thức hoá học ẩn trong các tập dữ liệu về các vật liệu, và từ đó có khả năng tạo ra các vật liệu (từ) mới. Thiết lập một quy trình tìm

kiếm các vật liệu mới bằng việc kết hợp giữa học máy và các tính toán DFT: dựa trên những nghiên cứu trong mục tiêu chúng tôi sẽ phát triển các chương trình máy tính (robot) để tự động hoá tìm kiếm các vật liệu mới và huấn luyện lại mô hình học máy dựa trên các dữ liệu mới; các ứng cử viên mới sau đó sẽ được nghiên cứu tính chất bằng các tính toán DFT. Xây dựng cơ sở dữ liệu về các vật liệu từ: trên cơ sở những vật liệu thu thập được từ những nguồn sẵn, các vật liệu mới sinh ra, chúng tôi sẽ bước đầu xây dựng cơ sở dữ liệu về các vật liệu từ theo định dạng SQL hoặc MongoDB để có thể chia sẻ với các nhà khoa học khác.

Số hồ sơ lưu: 22752

20504. Luyện kim bột

89594. 12-2023 Nghiên cứu tổng quan về các phương pháp chế tạo và ứng dụng Titan bột, đề xuất sơ đồ chế tạo theo phương pháp điện phân TiF_4 / KS. Nguyễn Trọng Vũ, ThS. Võ Thị Ngọc Cẩm; PGS. TS. Lê Thị Mai Hương; CN. Phan Văn Phúc; ThS. Bùi Quang Trí - Đà Lạt - Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp, 2023; 04/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng hợp tài liệu về công nghệ chế biến Ilmenite để sản xuất bột TiO_2 và so sánh các phương pháp. Tổng hợp tài liệu về công nghệ flo để chế biến quặng Ilmenite, đánh giá các hướng phát triển và ưu nhược điểm của các hướng trên. Tổng hợp

tài liệu về bột titan kim loại: Tính chất, ứng dụng và phương pháp chế tạo. Tổng hợp tài liệu tổng quan phương pháp chế tạo bột titan kim loại từ TiF_4 – sản phẩm trung gian đi từ chế biến quặng – và nguyên lý điện phân TiF_4 để chế tạo bột titan kim loại. Tổng hợp tài liệu về tính chất của TiF_4 , phương pháp chế tạo và sơ đồ điện phân từ khâu nguyên liệu thô.

Số hồ sơ lưu: 22929

20505. Cán kim loại; kéo kim loại; sản xuất sản phẩm kim loại; sản xuất ống kim loại, v.v..

90151. 12-2023 **Nghiên cứu công nghệ và thiết bị rung siêu âm ứng dụng đúc hợp kim nhôm trong khuôn kim loại/** TS. Nguyễn Thanh Hải, NCV. Bùi Duy Khanh; TS. Phạm Quang Trung; TS. Nguyễn Hải Đăng; KS. Đào Duy Quý ; PGS. TS. Nguyễn Hữu Lộc; TS. Nguyễn Vinh Dự; ThS. Lê Quang Thành; KS. Trương Đăng Khoa; KS. Nguyễn Thanh Nhựt; KS. Nguyễn Thanh Đông - Tp. Hồ Chí Minh - Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, 2022; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý thuyết của quá trình đông đặc đối với hợp kim nhôm trong khuôn kim loại dưới tác động của rung siêu âm; Nghiên cứu sự ảnh hưởng của các thông số công nghệ đến tổ chức hạt và cơ tính của vật đúc; Thiết kế chế tạo thiết bị rung siêu âm tần số 20 kHz, công suất 2 kW. Nghiên cứu ảnh hưởng của rung động siêu âm đến quá trình đông đặc của hợp kim nhôm ADC

12, tổ chức hạt và cơ tính vật đúc . Thiết kế, chế tạo thiết bị nấu đúc hợp kim nhôm trong khuôn kim loại có hồ siêu âm gồm các module.

Số hồ sơ lưu: HCM-045-2023

20506. Luyện các chất bán dẫn

89156. 12-2023 **Nghiên cứu chế tạo vật liệu cấu trúc dị thể từ các bán dẫn cấu trúc lớp vùng cấm hẹp để cho ra một thế hệ vật liệu mới có độ phẩm chất nhiệt điện (ZT) cao/** PGS. TS. Dương Anh Tuấn, TS. Phạm Thị Lan Hương; TS. Hoàng Như Vân; TS. Dương Văn Thiết; ThS. Mạc Trung Kiên - Hà Nội - Trường Đại học PHENIKAA, 2023; 04/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo thành công các vật liệu nền $SnSe_2$, Cu_2Se , Mg_3Sb_2 , và các hợp chất lai hóa giữa chúng và kết hợp chúng với các bán dẫn có cùng cấu trúc. Điều khiển được nồng độ các khuyết tật, các cấu trúc nano dị thể trong mạng tinh thể vật liệu nền bằng các thay đổi các thông số chế tạo và nồng độ các chất đầu vào để đồng thời đạt được hai mục đích là tăng nồng độ hạt tải và giảm độ dẫn nhiệt. Đưa ra được những quy trình chế tạo và nồng độ các tiền chất để cho giá trị ZT tốt nhất. Chế tạo thành công và khảo sát tính chất nhiệt điện của các cấu trúc dị thể trên màng mỏng. Tối ưu hóa thành phần, độ dày của các lớp vật liệu trên màng mỏng để thu được hiệu ứng nhiệt điện cao nhất. Chế tạo thành công hợp chất đơn tinh thể $SnSe_2$ và Mg_3Sb_2 khảo sát các thông số nhiệt điện của chúng.

Số hồ sơ lưu: 22743

20507. Vật liệu xây dựng

88505. 12-2023 **Soát xét TCVN 3114:1993, Bê tông nặng - Phương pháp xác định độ mài mòn/** ThS. Trần Quốc Hoàn, ThS. Hà Trọng Cường; ThS. Trần Quốc Toán - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tham khảo các tài liệu và các kết quả nghiên cứu có liên quan, tổng hợp các kết quả thí nghiệm đã thực hiện trong những năm qua tại các phòng thí nghiệm để tiến hành rà soát xét lại tiêu chuẩn TCVN 3114:20xx bê tông. Soát xét lại bộ tiêu chuẩn các phương pháp lấy mẫu và phương pháp thử xác định các tính chất công nghệ của hỗn hợp bê tông và tính chất cơ, lý của bê tông là cần thiết. Việc soát xét bộ tiêu chuẩn sẽ đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý chất lượng sản phẩm, phục vụ sản xuất, phù hợp với trình độ công nghệ và các tiến bộ kỹ thuật chuyên ngành, với yêu cầu hòa nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 22156

89197. 12-2023 **Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo dự đoán sức kháng cắt của kết cấu dầm bê tông cốt thanh FRP/** TS. Lê Hoàng Anh, ThS. Phạm Thanh Hải; ThS. Nguyễn Thái Khanh; ThS. Nguyễn Thanh Tuấn; ThS. Nguyễn Kim Thành; ThS. Nguyễn Quang Dư; TS. Vũ Tuấn; ThS. Lê Đức Anh; ThS. Lê Hoài Phương; ThS. Nguyễn Đình Du - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải,

2023; 01/2022 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về sức kháng cắt của dầm bê tông cốt thanh FRP; Tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng mô hình dự báo về sức kháng cắt của dầm bê tông cốt thanh FRP. Nghiên cứu ứng dụng mô hình trí tuệ nhân tạo, xây dựng công cụ số dự báo sức kháng cắt của dầm bê tông cốt thanh FRP (công cụ số này được xây dựng trên nền ngôn ngữ lập trình như MATLAB, PYTHON... có khả năng phân tích biểu thị các kết quả và xác định sự tác động của các biến đầu vào và dự đoán khả năng chịu cắt của dầm bê tông cốt thanh FRP). Dự thảo hướng dẫn ứng dụng công cụ số dự báo khả năng chịu cắt của dầm bê tông cốt thanh FRP.

Số hồ sơ lưu: 22757

89326. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật sử dụng thạch cao phospho làm lớp móng cho đường giao thông và làm vật liệu san lấp cho công trình xây dựng/** ThS. Trịnh Thị Châm, KS. Phạm Hữu Thiên; TS. Lưu Thị Hồng; ThS. Tạ Văn Luân; TS. Dương Thanh Qui; KS. Đỗ Đình Đức; KS. Nguyễn Thị Mai - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2023; 04/2022 - 04/2024. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp các quy định liên quan (tiêu chuẩn, quy chuẩn, văn bản) tại Việt Nam và trên thế giới về các tính chất cơ lý, các ảnh hưởng môi trường của thạch cao PG (phosphogypsum) (PG) làm lớp móng cho đường giao thông và làm

vật liệu san lấp cho các công trình xây dựng. Khảo sát, lấy mẫu và đánh giá chất lượng của PG tại Việt Nam, các nguyên vật liệu sử dụng trong nghiên cứu. Nghiên cứu sử dụng PG làm lớp móng (base, subbase) cho các công trình giao thông, làm vật liệu san lấp trong phòng thí nghiệm phục vụ việc xây dựng Chỉ dẫn kỹ thuật. Thi công thử nghiệm hiện trường bãi san lấp, lớp móng cho đường giao thông và theo dõi, đánh giá tác động tới môi trường. Xây dựng dự thảo Chỉ dẫn kỹ thuật sử dụng thạch cao PG làm lớp móng cho đường giao thông và làm vật liệu san lấp cho công trình xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 22824

89424. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng 10 tiêu chuẩn quốc gia: Bê tông - Phương pháp thử**/ TS. Hoàng Minh Đức, TS. Lê Phương Ly; ThS. Đỗ Thị Lan Hoa; ThS. Đoàn Thị Thu Lương; ThS. Lê Thuận An; KS. Đặng Đức Trung; KS. Nguyễn Văn Chiến; KS. Phan Công Hậu; KS. Lê Văn Thắng - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng 10 tiêu chuẩn quốc gia "Bê tông - Phương pháp thử" theo hướng hài hòa với các tiêu chuẩn Châu Âu. Tiến hành biên soạn, tuân theo các quy định của TCVN 1- 2:2008 "Xây dựng tiêu chuẩn - Phần 2: Quy định về trình bày và thể hiện nội dung tiêu chuẩn quốc gia", đồng thời cố gắng hài hòa tối đa với bộ cục của tiêu chuẩn gốc.

Số hồ sơ lưu: 22861

89444. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng 06 tiêu chuẩn quốc gia: Hỗn hợp bê tông - phương pháp thử**/ TS. Lê Phương Ly, ThS. Đỗ Thị Lan Hoa; ThS. Lê Thuận An; ThS. Đoàn Thị Thu Lương; ThS. Đỗ Văn Công; KS. Nguyễn Văn Thanh; KS. Phan Công Hậu; KS. Lê Văn Thắng; KS. Đặng Đức Trung; KS. Nguyễn Văn Chiến - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng 06 tiêu chuẩn quốc gia "Bê tông - Phương pháp thử" theo hướng hài hòa với các tiêu chuẩn Châu Âu. Tiến hành biên soạn, tuân theo các quy định của TCVN xxxxx-1:20xx "Xây dựng tiêu chuẩn - Phần 1: Quy định về trình bày và thể hiện nội dung tiêu chuẩn quốc gia", đồng thời cố gắng hài hòa tối đa với bộ cục của tiêu chuẩn gốc.

Số hồ sơ lưu: 22872

89459. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn " Bê tông tiêu nước dùng lát vỉa hè"**/ TS. Lê Phương Ly, ThS. Lê Thuận An; KS. Phan Công Hậu - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về tình hình sử dụng bê tông thoát nước trên thế giới và ở Việt Nam. Tìm hiểu về vật liệu sử dụng cũng như nghiên cứu thực nghiệm việc áp dụng các phương pháp thí nghiệm xác định các kích thước và sai lệch kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan, cường

độ chịu nén, cường độ chịu uốn, khối lượng thể tích, độ thoát nước. Từ đó đưa ra các kết quả nghiên cứu cũng như chỉ tiêu thí nghiệm với gạch lát bê tông thoát nước

Số hồ sơ lưu: 22878

89470. 12-2023 **Nghiên cứu, tổ chức thực hiện thử nghiệm thành thạo hỗ trợ quản lý phòng thí nghiệm LAS-XD, lĩnh vực: Thép xây dựng, cốt liệu lớn (đá) và cốt liệu nhỏ (cát) cho sản xuất bê tông/ThS. Đỗ Thị Lan Hoa, ThS. Trần Quốc Toán; ThS. Chu Mạnh Hà; ThS. Hà Trọng Cường; KS. Nguyễn Thị Thanh Tâm; KS. Trần Quốc Hoàn; KS. Đoàn Anh Thái; KS. Nguyễn Văn Thạnh; KTV. Hà Văn Nghị; KS. Hoàng Hoài Giao; TNV. Nguyễn Thị Kim Khanh; KS. Trần Ngọc Đăng; TNV. Lê Văn Hưng; TNV. Nguyễn Văn Tuấn; TNV. Nguyễn Tiên Mạnh; KS. Đỗ Ngọc Khoa - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu xây dựng chương trình thử nghiệm thành thạo để áp dụng cho hệ thống Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (LAS-XD), bước đầu thực hiện đối với một số loại vật liệu xây dựng cũng như phép thử thông dụng. Tiến hành tổ chức thử nghiệm việc triển khai thực hiện thử nghiệm thành thạo thông qua so sánh liên phòng LAS-XD trên phạm vi các phòng thí nghiệm trong hệ thống LAS-XD trên cơ sở các chương trình thử nghiệm thành thạo đã được nghiên cứu lựa chọn. Từ kết quả triển khai thử nghiệm của

chương trình, đánh giá khả năng áp dụng chương trình cho đối tượng các PTN trong hệ thống LAS-XD. Cung cấp dữ liệu về đánh giá kỹ năng, trình độ, các tồn tại của các phòng thí nghiệm trong hệ thống LAS-XD trong thực hiện các chỉ tiêu thử nghiệm đối với các vật liệu được lựa chọn trong chương trình. Đồng thời cũng cung cấp cho các phòng thí nghiệm tham gia chương trình những đánh giá về độ tin cậy và các khuyến cáo về nguyên nhân sự không phù hợp đối với các phép thử mà phòng thí nghiệm tham gia, từ đó có thể giúp phòng thí nghiệm nâng cao hiệu quả, cải tiến hoặc khắc phục những tồn tại được phát hiện.

Số hồ sơ lưu: 22883

89471. 12-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất phương pháp đánh giá chất lượng bê tông nhựa ở Việt Nam thông qua phương pháp xử lý thống kê/ TS. Bùi Ngọc Hưng, PGS.TS. Nguyễn Quang Phúc; ThS. Phan Văn Chương; ThS. Trần Đăng Ninh; ThS. Đào Duy Phúc; KS. Nguyễn Văn Thiệp; ThS. Lưu Ngọc Lâm; TS. Đồng Xuân Trường; ThS. Nguyễn Thanh Tuấn; KS. Phan Đào Anh Tú - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, 2022; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Tổng quan công tác đánh giá chất lượng bê tông nhựa trên Thế giới và Việt Nam. Nghiên cứu áp dụng phương pháp xác suất thống kê trong đánh giá chất lượng bê tông nhựa. Đồng thời, nghiên cứu áp dụng hệ số thanh toán tổng hợp CPF

trong đánh giá chất lượng bê tông nhựa. Xây dựng dự thảo hướng dẫn đánh giá chất lượng bê tông nhựa bằng phương pháp xử lý thống kê và xây dựng dự thảo hướng dẫn tính toán hệ số thanh toán tổng hợp CPF khi nghiệm thu lớp bê tông nhựa. Phân tích, đánh giá những vấn đề tồn tại trong các văn bản QPPL, tiêu chuẩn kỹ thuật và đề xuất lộ trình thực hiện

Số hồ sơ lưu: 22881

89592. 12-2023 **Nghiên cứu soát xét tiêu chuẩn "TCVN 9340 Hỗn hợp bê tông trộn sẵn - Yêu cầu cơ bản đánh giá chất lượng và nghiệm thu"**/ ThS. Đỗ Thị Lan Hoa, ThS. Trần Quốc Toán; ThS. Chu Mạnh Hà; KS. Trần Quốc Hoàn; KS. Đoàn Anh Thái; KS. Nguyễn Văn Thạnh; KS. Đỗ Ngọc Khoa; Hà Văn Nghị; Nguyễn Đức Anh - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tiêu chuẩn áp dụng cho hỗn hợp bê tông của các loại bê tông nặng, bê tông hạt nhỏ và bê tông nhẹ cốt liệu rỗng dùng chất kết dính xi măng được cấp cho người sử dụng để thi công các kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối và toàn khối-đúc sẵn hoặc được dùng để sản xuất các cấu kiện và kết cấu bê tông và bê tông cốt thép tại nhà máy hoặc xưởng sản xuất. Tiêu chuẩn này qui định các yêu cầu đối với các tính chất/đặc trưng công nghệ của hỗn hợp bê tông, các qui trình kiểm tra khi sản xuất, đánh giá sự phù hợp đối với các chỉ tiêu chất lượng, cũng

như khối lượng hỗn hợp bê tông cấp cho người sử dụng.

Số hồ sơ lưu: 22923

89597. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn Cốt liệu cho bê tông - Yêu cầu kỹ thuật theo định hướng mới**/ ThS. Đỗ Thị Lan Hoa, ThS. Trần Quốc Toán; ThS. Chu Mạnh Hà; ThS. Trần Quốc Hoàn; KS. Đoàn Anh Thái; KS. Nguyễn Văn Thạnh; KS. Đỗ Ngọc Khoa; Hà Văn Nghị; Nguyễn Đức Anh - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan các quy định kỹ thuật đối với cốt liệu cho bê tông trong tiêu chuẩn châu Âu EN 12620. Yêu cầu về tính chất cơ lý và tính chất hóa học của cốt liệu bê tông. Thu thập dữ liệu về các tính chất kỹ thuật của các nguồn cốt liệu trong nước để làm cơ sở đối chiếu so sánh với các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn châu Âu. Thí nghiệm kiểm chứng các tính chất hiện được nêu trong tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn châu Âu trên một số nguồn cốt liệu thông dụng theo các phương pháp thử của hai hệ thống tiêu chuẩn. Đánh giá sự tương đồng, hoặc mức độ đáp ứng các tính chất quy định của cốt liệu tại Việt Nam so với các cấp phân loại, quy định nêu trong tiêu chuẩn châu Âu. Đề xuất các mức chỉ tiêu có thể lựa chọn để áp dụng trong sản xuất, sử dụng trong thiết kế, sản xuất bê tông thi công các kết cấu bê tông được thiết kế theo tiêu chuẩn châu Âu.

Số hồ sơ lưu: 22924

89609. 12-2023 **Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất gạch xi măng cốt liệu từ các nguyên liệu sẵn có khác tại tỉnh Nghệ An/** KS. Nguyễn Hữu Giang, Hồ Thị Duyên; Hồ Thị Phương Thúy; Nguyễn Hữu Vĩ; Nguyễn Hữu Vinh; Nguyễn Đức Thắng; Phạm Vũ Việt Hoàng; Phạm Văn Bằng; Lê Minh Đức; Hoàng Văn Tài - Nghệ An - Công ty CP xây lắp Giang Sơn, 2023; 05/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình công nghệ, thiết bị sản xuất gạch không nung từ nguyên liệu sẵn có tại Nghệ An với công suất 24 triệu viên/năm theo TCVN 6477-2016. Sản xuất thử lô số 0 với 2 triệu viên gạch kích thước 220x105x60 mm mác gạch M5,0; M7,5 và M10 đạt TCVN 6477-2016. Đào tạo cán bộ kỹ thuật và tập huấn người dân nắm vững các quy trình được chuyển giao.

Số hồ sơ lưu: 22936

89663. 12-2023 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ in 3D trong chế tạo vật liệu xây dựng tính năng cao/** PGS. TS. Lê Trung Thành, TS. Phùng Thị Mai Phương; KS. Lê Cao Chiên; KS. Nguyễn Hồng Quang; KS. Nguyễn Đức Thịnh; ThS. Lê Việt Hùng; PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn; PGS.TS. Vũ Lê Huy; ThS. Nguyễn Văn Tuấn; TS. Ngô Văn Lực - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2023; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết kế và chế tạo máy in 3D bê tông có khả năng in được kết cấu, sản phẩm tối đa tới 2m. Làm chủ được quy trình công nghệ in 3D để ứng dụng chế tạo cấu kiện bê tông tính năng cao. Thiết kế cấp phối vật liệu đạt các tính năng phù hợp để ứng dụng trong máy in 3D bê tông. Ứng dụng công nghệ in 3D bê tông để chế tạo một số cấu kiện bê tông tính năng cao.

Số hồ sơ lưu: 21438

89741. 12-2023 **Nghiên cứu chế tạo bê tông hàm lượng tro bay cao dùng cho mục đích kết cấu các công trình xây dựng/** TS. Lê Văn Quang, Phạm Đức Tuấn; Phạm Đức Nhuận; Đàm Thị Mỹ Lương; Nguyễn Ngọc Nam; Phạm Tuấn Anh; Mai Trọng Nguyên; Lương Đức Long; Lê Việt Hùng; Hoàng Minh Đức - Thành phố Hồ Chí Minh - Phân viện Vật liệu xây dựng miền Nam, 2022; 12/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về bê tông hàm lượng tro bay cao HVFC. Xác định ảnh hưởng hàm lượng vôi hợp lý trong vữa và sử dụng phụ gia tăng cường độ sớm cho vữa. Nghiên cứu cấu trúc và độ bền của bê tông hàm lượng tro bay cao HVFC. Nghiên cứu ứng dụng bê tông HVFC vào sản xuất cấu kiện cụ thể cọc vuông bê tông cốt thép đúc sẵn. Đề xuất quy trình sản xuất bê tông HVFC và tính toán giá thành, hiệu quả kinh tế kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: HCM-058-2023

90009. 12-2023 **Soát xét tiêu chuẩn TCVN 8257:2009 “Tấm thạch cao – Phương pháp thử”**/ ThS. Ninh Xuân Thắng, KS. Nguyễn Quý An - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2021; 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Tham khảo một số tiêu chuẩn ở trong nước và của nước ngoài về phương pháp thử cho các sản phẩm tấm thạch cao, cũng như các chỉ tiêu đặc trưng khác cho loại tấm thạch cao đặc biệt khác. Nghiên cứu nội dung kỹ thuật của tiêu chuẩn được sửa đổi theo ASTM C 473-19, một số phần được sửa lại cho phù hợp với điều kiện thử nghiệm tại Việt Nam. Qua đó, đánh giá chất lượng của sản phẩm tấm thạch cao nói chung sao cho phù hợp với tình hình sản xuất ở trong nước, nâng cao hiệu quả kinh tế, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và uy tín cho người sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 23080

90010. 12-2023 **Nghiên cứu, khảo sát, xây dựng báo cáo thành tựu khoa học công nghệ lĩnh vực VLXD trong nước và trên thế giới năm 2019**/ TS. Lưu Thị Hồng, TS. Phùng Thị Mai Phương; PGS.TS. Lê Trung Thành; TS. Vũ Văn Dũng; ThS. Phùng Trọng Quyền; ThS. Hoàng Lê Anh; ThS. Lê Văn Quang; ThS. Nguyễn Thị Tâm; ThS. Lê Việt Hùng; ThS. Nguyễn Văn Hoan - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2020; 05/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, khảo sát, viết báo cáo thành tựu và dự báo xu thế phát triển khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực Xi măng; Gôm sứ, thủy tinh; Bê tông và phụ gia cho bê tông và vật liệu chịu lửa và chống cháy trong nước và trên thế giới. Đồng thời, nghiên cứu, khảo sát, viết báo cáo thành tựu và dự báo xu thế phát triển khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực vật liệu hữu cơ và hóa phẩm xây dựng; Công nghệ khai thác mỏ khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây cũng như sự phát triển của khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực xử lý chất thải, thiết bị môi trường trong nước và trên thế giới. Qua đó, đề xuất nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ trong lĩnh vực vật liệu xây dựng năm 2020.

Số hồ sơ lưu: 23079

90013. 12-2023 **Thanh trong khung thép không chịu lực - Yêu cầu kỹ thuật**/ThS. Thái Duy Đức - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2023; 04/2017 - 04/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu dự thảo tiêu chuẩn "Cấu kiện trong khung thép không chịu lực - Yêu cầu kỹ thuật" được chuyển dịch hoàn toàn tương đương với tiêu chuẩn ASTM C645-18. Tìm hiểu, nghiên cứu các chỉ tiêu và các thông tin về vật liệu đưa ra hoàn toàn phù hợp với công bố chất lượng của các nhà sản xuất và các chi cục Đo lường chất lượng các tỉnh và thành phố.

Số hồ sơ lưu: 23084

90014. 12-2023 **Tập huấn về chỉ dẫn kỹ thuật lĩnh vực VLXD, tiêu chuẩn lĩnh vực vật liệu xây dựng**/ ThS. Phùng Trọng Quyền, CN. Hoàng Thuý Hồng Anh; ThS. Nguyễn Thị Hải Yên; ThS. Nguyễn Thị Kim; TS. Trịnh Minh Đạt; ThS. Nguyễn Hữu Tài; ThS. Nguyễn Văn Đoàn; ThS. Lê Việt Hùng; ThS. Trần Thị Thu Hà; KS. Phạm Toàn Thắng - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2020; 05/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, xây dựng bộ bài giảng về phổ biến CDKT lĩnh vực vật liệu xây dựng, tiêu chuẩn lĩnh vực vật liệu xây dựng, là cơ sở lý luận cho các nghiên cứu về QCVN, tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) trong lĩnh vực vật liệu xây dựng. Tổ chức lớp tập huấn “Phổ biến QCVN, TCVN, CDKT lĩnh vực vật liệu xây dựng”. Qua lớp tập huấn, các doanh nghiệp, cá nhân tăng cường nhận thức về công tác quản lý nhà nước, khoa học – kỹ thuật trong lĩnh vực vật liệu xây dựng. Thông qua các hoạt động trao đổi giữa giảng viên và học viên trước, trong và sau lớp tập huấn, hình thành và duy trì kết nối trao đổi và tiếp nhận ý kiến góp ý của các CQQLNN, doanh nghiệp và cá nhân phục vụ cho công tác biên soạn QCVN, TCVN. Từ đó, các CDKT, TCVN và QCVN mới ban hành sẽ có tính thực tiễn cao, dễ dàng đi vào cuộc sống

Số hồ sơ lưu: 23078

90123. 12-2023 **Khảo sát, đánh giá tác động của tro, xỉ, thạch cao FGD, thạch cao PG làm**

vật liệu san lấp/ TS. Thái Phương Vũ, TS. Trần Thị Thanh Ngọc; GS.TS. Phan Đình Tuấn; TS. Nguyễn Huy Cương; TS. Trần Hậu Vương; TS. Đinh Thị Nga; TS. Lý Cẩm Hùng; ThS. Trần An - Tp. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TPHCM, 2022; 12/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá nguồn phát thải, kho chứa, và công trình sử dụng tro, xỉ, thạch cao FGD, thạch cao PG làm vật liệu san lấp mặt bằng tại thành phố Hồ Chí Minh; Đánh giá sự ảnh hưởng của tro, xỉ, thạch cao FGD, thạch cao PG đến sức khỏe con người và môi trường tại khu vực phát thải và khi được sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng ở qui mô pilot; Đề xuất qui trình đánh giá nguy cơ về sức khỏe lồng ghép trong tác động môi trường khi sử dụng tro, xỉ làm vật liệu san lấp.

Số hồ sơ lưu: HCM-029-2023

20508. Vật liệu điện tử

89316. 12-2023 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo ma trận cảm biến nhạy quang trên cơ sở vật liệu bán dẫn hữu cơ**/ ThS. Trần Hà, KS. Nguyễn Thị Hồng; ThS. Nguyễn Minh Hiếu; ThS. Lê Bình Dương; ThS. Vũ Văn Liệu; CN. Vũ Thị Xen; KS. Đoàn Văn Thông; ThS. Quách Công Hoàng; PGS.TS. Mai Anh Tuấn - Hà Nội - Trung tâm Ươm tạo Công nghệ và Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ, 2023; 06/2021 - 05/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về vật liệu bán dẫn hữu cơ trên cơ sở Phthalocyanine và cảm biến nhạy quang; Nghiên cứu, chế tạo ma trận cảm biến nhạy quang trên cơ sở vật liệu bán dẫn hữu cơ; Đo lường, đánh giá đặc tuyến của ma trận cảm biến nhạy quang. Đóng gói, thử nghiệm bằng kỹ thuật hàn chíp siêu âm.

Số hồ sơ lưu: 22822

89439. 12-2023 **Nghiên cứu chế tạo vật liệu dẫn ion natri phủ carbon sử dụng chế tạo linh kiện tích trữ năng lượng/** TS. Nguyễn Văn Nghĩa, TS. Nguyễn Sĩ Hiếu; TS. Ngô Quý Quyền; PGS.TS. Phạm Duy Long; TS. Trần Viết Thứ; TS. Trần Bảo Trung; ThS. Nguyễn Thị Tú Oanh; TS. Hoàng Mạnh Hà; ThS. Nguyễn Thị Thu Hòa; ThS. Nguyễn Văn Kỳ; ThS. Tô Văn Nguyễn - Hà Nội - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, 2023; 04/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp vật liệu cấu trúc lớp bằng phương pháp phản ứng pha rắn, phương pháp sol-gel, phương pháp thủy nhiệt. Chế tạo vật liệu cấu trúc lớp nền mangan P2 NaxRyMni-yCh (R = Li; kim loại chuyển tiếp) có khả năng tích trữ điện tử và ion (khả năng tích trữ năng lượng) lớn đáp ứng được yêu cầu sử dụng làm linh kiện CR2032. Xây dựng quy trình phủ các bon lên bề mặt vật liệu NaxRyMni-yCh và xây dựng quy trình chế tạo điện cực dùng vật liệu NaxRyMni-yCh phủ các bon. Nghiên cứu, chế tạo linh kiện tích trữ năng lượng (pin ion natri CR2032) có dung lượng đạt trên 100

mAh g⁻¹, dung lượng duy trì trên 70% sau 100 chu kỳ. Đồng thời, nghiên cứu, chế tạo sản phẩm mẫu: 50 viên pin CR2032 có dung lượng đạt trên 100 mAh g⁻¹, dung lượng duy trì trên 70% sau 100 chu kỳ.

Số hồ sơ lưu: 22871

90137. 12-2023 **Khảo sát ảnh hưởng của cầu nối hữu cơ đến cấu trúc, hình thái tinh thể và hoạt tính quang xúc tác của vật liệu Bi-MOF/** ThS. Nguyễn Hữu Vinh, KS. Nông Xuân Linh; TS. Nguyễn Duy Trinh; ThS. Nguyễn Thị Thương; KS. Trương Chí Lâm - Tp. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Tổng hợp Bi-MOF với cầu nối hữu cơ khác nhau bao gồm H2BDC, H3BTC và H3TATB. Phân tích cấu trúc tinh thể, hình thái tinh thể, tính chất hấp thụ ánh sáng và tính chất xốp của Bi-MOF. Khảo sát hoạt tính quang xúc tác phân hủy chất màu hữu cơ rhodamine b của vật liệu Bi-MOF. Nghiên cứu cơ chế quang xúc tác phân hủy chất màu hữu cơ của vật liệu Bi-MOF

Số hồ sơ lưu: HCM-037-2023

20510. Gồm

88225. 12-2023 **Xây dựng, áp dụng thí điểm các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm tại cơ sở sản xuất sứ vệ sinh/** ThS. Khổng Thị Giang, ThS. Trần Thị Phương Thúy; KS. Dư Mạnh Khang; KS. Nguyễn Văn Hùng; KS. Vũ Tiến Dũng; KS. Phạm Hồng

Quỳnh; KS. Cao Thị Tú Mai; ThS. Nguyễn Thị Tâm; ThS. Ngô Thị Bích; KS. Nguyễn Đức Thịnh - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2021; 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp các quy định liên quan đến năng suất, chất lượng sản phẩm; Khảo sát, đánh giá hiện trạng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm tại nhà máy ứng dụng; Đánh giá thực trạng áp dụng các giải pháp quản lý, các công cụ kỹ thuật trong quản lý lao động và chất lượng sản phẩm, các vấn đề tồn tại, nguyên nhân tại nhà máy ứng dụng; Đề xuất các giải pháp quản lý nội vi, kỹ thuật tại nhà máy ứng dụng; Nghiên cứu, ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015, hệ thống quản lý môi trường ISO 14001: 2015, ISO 50001, ISO 45001 tại nhà máy sứ vệ sinh Long Hầu; Đánh giá hiệu quả nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm sau khi triển khai ứng dụng các giải pháp.

Số hồ sơ lưu: 22446

20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ

89146. 12-2023 **Điều khiển sự định hướng tinh thể của màng mỏng poly-Si bằng phương pháp tinh thể hóa sử dụng laser mục đích nâng cao tính đồng nhất của transistor hiệu suất siêu cao/** TS. Nguyễn Thị Thúy, PGS.TS. Trần Mạnh Cường; TS. Nguyễn Đình Lãm; PGS.TS. Lục Huy Hoàng; ThS. Vương Văn Cường - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội,

2023; 09/2019 - 09/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chế tạo thành công màng mỏng poly-Si trên đế thủy tinh trong suốt sử dụng laser với các hạt tinh thể kích thước lớn, có các tính chất tinh thể đồng nhất trên miền rộng. Điều khiển được sự định hướng tinh thể của màng mỏng poly-Si sử dụng laser. Khảo sát được ảnh hưởng của các điều kiện tinh thể hóa lên tính chất tinh thể của màng mỏng poly-Si. Điều khiển được các khuyết tật trong màng mỏng tinh thể poly-Si. Chế tạo thành công các transistor hiệu suất cao trên màng mỏng tinh thể poly-Si có định hướng (100) và nâng cao được tính chất đồng nhất về hiệu suất của các transistor với sai số trung bình không vượt quá 20%.

Số hồ sơ lưu: 22738

89508. 12-2023 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất vật liệu Nanocellulose từ gỗ Keo lai để nâng cao chất lượng sơn phủ đáp ứng được các yêu cầu cho đồ gỗ xuất khẩu/** PGS. TS. Cao Quốc An, TS. Nguyễn Tất Thắng; TS. Phạm Tường Lâm; ThS. Lê Xuân Ngọc; PGS.TS. Lý Tuấn Trường; TS. Nguyễn Trọng Kiên; TS. Nguyễn Văn Diễn; PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; KS. Trần Hoài Nam; ThS. Phạm Thị Thanh Miền - Hà Nội - Trường Đại học Lâm nghiệp, 2023; 01/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng Quy trình công nghệ sản xuất vật liệu nanocellulose từ nguyên liệu gỗ keo lai đáp ứng được tiêu chuẩn TAPPI dùng để chế tạo

sơn phủ dùng trong đồ gỗ xuất khẩu. Xây dựng Quy trình công nghệ nâng cao chất lượng sơn phủ bằng vật liệu nanocellulose sử dụng cho đồ gỗ xuất khẩu; Tạo ra được 30 Kg Nanocellulose đạt được các thông số đường kính nhỏ hơn 100 nm; độ tinh khiết $\geq 90\%$. Sản phẩm được kiểm định các tiêu chí vật liệu dùng được cho các ngành công nghệ thực phẩm, sơn phủ. Tạo được 1000 kg sơn phủ chất lượng cao có sử dụng nanocellulose, phù hợp với tiêu chuẩn cho đồ gỗ xuất khẩu. Từ đó Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất nanocellulose từ nguyên liệu gỗ keo lai; Ứng dụng sản phẩm nanocellulose để nâng cao chất lượng sơn phủ đáp ứng được các yêu cầu cho đồ gỗ xuất khẩu. Ứng dụng sản phẩm nanocellulose để tạo ra sơn PU-nanocellulose chất lượng cao đáp ứng được các yêu cầu cho đồ gỗ xuất khẩu.

Số hồ sơ lưu: 22890

20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)

89241. 12-2023 Nghiên cứu tổng hợp, cấu trúc phức chất cơ kim chứa carbene dị vòng N định hướng ứng dụng trong xúc tác tổng hợp hữu cơ và hoá dược/ PGS. TS. Nguyễn Thị Thanh Chi, TS. Nguyễn Văn Hải; PGS.TS. Lê Thị Hồng Hải; TS. Trương Thị Cẩm Mai; ThS. Phạm Văn Thống; ThS. Phạm Thị Minh Thảo - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội,

2023; 09/2019 - 09/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện phương pháp tổng hợp phức chất của Pt(II) chứa đồng thời NHC đơn càng và arylolefin thiên nhiên. Khởi thảo được phương pháp chung tổng hợp phức chất của Pt(II) hoặc Pd(II) chứa NHC đơn càng và dẫn xuất của 8-hydroxiquinoline (phương pháp mới) Tổng hợp được dãy phức chất mới của Pt(II) chứa NHC và arylolefin thiên nhiên, dãy phức chất mới chứa NHC và dẫn xuất của 8-hidroxiquinoline, phức chất mới chứa hai phối tử NHC đơn càng hoặc NHC hai càng (tập trung là phức chất của Pt(II) và Pd(II)). Xác định được cấu trúc của các phức chất tổng hợp được, phát hiện được những nét tinh tế trong cấu trúc của chúng đồng thời lý giải chúng. Tìm kiếm được phức chất mới có hoạt tính kháng tế bào ung thư cao ($IC_{50} < 5\mu g/ml$) làm đối tượng cho nghiên cứu y dược học, phức chất mới có hoạt tính xúc tác cao cho phản ứng hydrosilic hóa, phản ứng hidroamin hóa hoặc phản ứng đề hidro hoá ghép cặp.

Số hồ sơ lưu: 22792

89247. 12-2023 Thiết kế các vật liệu tiên tiến và ứng dụng như những điện cực trong pin Natri-ion hiệu năng cao/ TS. Nguyễn Tuấn Lợi, TS. Hoàng Hải; TS. Nguyễn Văn Dũng; ThS. Phùng Việt Đức - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế các vật liệu tiên tiến và nghiên cứu về ảnh hưởng của các điều kiện tổng hợp đến thành phần, hình thái và cấu trúc của các vật liệu này; Nghiên cứu thành phần, hình thái và cấu trúc của các vật liệu, đặc biệt là vật liệu có cấu trúc nano (nanostructure), cấu trúc sheet (sheet structure) hoặc cấu trúc Prussian Blue sử dụng các phương pháp phân tích vật lý và hóa học; Nghiên cứu những đặc tính điện hóa của các vật liệu này như các điện cực trong bán pin Na-ion bằng cách sử dụng các phương pháp phân tích điện hóa; Nghiên cứu và làm rõ những đặc tính điện hóa của pin Na-ion hoàn chỉnh.

Số hồ sơ lưu: 22790

89248. 12-2023 **Phát triển công nghệ lăn ép cho quá trình gia công tinh các sản phẩm cơ khí/** PGS. TS. Nguyễn Trung Thành, PGS.TS. Nguyễn Trường An; ThS. Lê Xuân Ba; TS. Trịnh Quang Hưng; ThS. Phạm Long Hải; ThS. Lê Xuân Hùng - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2023; 10/2022 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển một công nghệ lăn ép mới với hiệu năng cao và thân thiện với môi trường phục vụ quá trình gia công tinh cho các sản phẩm cơ khí. Công nghệ lăn ép mới được đề xuất trên cơ sở phát triển một dụng cụ lăn ép-con lăn có độ cứng vững cao và một hệ thống bôi trơn làm nguội tối thiểu sử dụng các loại dung dịch thân thiện với môi trường. Các đặc tính gia công quan trọng như chất lượng bề mặt, năng lượng tiêu thụ và

sai số hình dáng (độ tròn và độ trụ) dưới tác động của công nghệ lăn ép mới sẽ được phân tích để đánh giá hiệu quả của phương pháp được đề xuất. Các kỹ thuật thiết kế và chế tạo tiên tiến được sử dụng để sản xuất dụng cụ lăn ép-con lăn và hệ thống bôi trơn làm nguội tối thiểu. Các mô hình của hàm mục tiêu được xây dựng thông qua một số kỹ thuật mô hình hóa có chính xác cao. Một số thuật toán tối ưu hóa tiên tiến sẽ được sử dụng để xác định thông số tối ưu và đánh giá độ tin cậy của kết quả thu được.

Số hồ sơ lưu: 22784

89253. 12-2023 **Chế tạo vật liệu nano graphene oxide từ - ghép polymer và nghiên cứu biến đổi cấu trúc bề mặt định hướng ứng dụng trong tăng cường thu hồi dầu/** PGS. TS. Nguyễn Phương Tùng, TS. Lương Thị Bích; TS. Đinh Văn Phúc; ThS. Nguyễn Thị Liễu; ThS. Mai Xuân Trường; ThS. Lưu Anh Tuyên; KS. Phạm Duy Khanh - Hà Nội - Viện Khoa học Vật liệu Ứng dụng, 2023; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo vật liệu nano PMGO với bề mặt mang tính lưỡng cực phù hợp trên cơ sở phản ứng polymer hóa ghép gốc tự do. Tác nhân kích hoạt phản ứng gốc tự do hiệu quả, an toàn và thân thiện với môi trường. Quy trình chế tạo khả thi, có khả năng scale up khi cần thiết. Vật liệu nano PMGO được nghiên cứu cấu trúc bằng các phương pháp phân tích hiện đại và phù hợp. Xác định được các điều kiện cần thiết để biến tính

được bề mặt các phiến GO mang các tính chất bề mặt như mong muốn.

Số hồ sơ lưu: 22785

89258. 12-2023 **Vật liệu khung hữu cơ-kim loại với ứng dụng trong cảm biến khí và với vai trò xúc tác trong chuyển hóa sinh khối/** TS. Nguyễn Tăng Sơn, GS.TS. Nguyễn Văn Hiếu; TS. Phạm Thị Lánh; TS. Nguyễn Việt Thông; TS. Đỗ Đăng Trung; TS. Nguyễn Văn Hoàng; ThS. Nguyễn Thị Hồng - Hà Nội - Trường Đại học PHENIKAA, 2023; 09/2019 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế và tổng hợp vật liệu khung hữu cơ-kim loại (MOF) với vai trò vật liệu xúc tác cho quá trình chuyển hóa nguồn nguyên liệu sinh khối thành hóa chất/nhiên liệu tái tạo và ứng dụng trong cảm biến khí. Tuy không tập trung phát triển vật liệu MOF như trong thuyết minh ban đầu nhưng nhóm tác giả đã phát triển được một hệ các vật liệu xúc tác chuyển tiếp rất tiềm năng với chi phí thấp và đặc biệt là độ bền tốt hơn MOF và thể hiện được hoạt tính xúc tác cao với nguồn sinh khối của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu được công bố trên 02 tạp chí ISI uy tín, 01 tạp chí trong nước uy tín và 02 hội nghị khoa học quốc gia, vượt về mặt chất lượng so với cam kết trong thuyết minh là 01 tạp chí ISI uy tín, 01 tạp chí quốc tế uy tín, 01 tạp chí trong nước uy tín và 02 hội nghị khoa học quốc gia. Các kết quả nghiên cứu trong đề tài được thực hiện hoàn toàn với nội lực trong nước, thể hiện qua việc tác giả của các công bố trên

đều là người Việt Nam và hiện đang công tác trong các cơ sở nghiên cứu trong nước. Chủ nhiệm đề tài là tác giả đứng tên đầu (first author) đồng thời là tác giả liên hệ (corresponding author) của tất cả các sản phẩm được công bố của đề tài.

Số hồ sơ lưu: 22783

89290. 12-2023 **Nghiên cứu chế tạo vật liệu nano tổ hợp $Fe_3O_4@SiO_2-GO$, $Fe_3O_4/ZnO-Graphene$ có cấu trúc lõi@vỏ-lai hóa nhằm tăng cường hiệu suất xử lý các ion kim loại nặng và phân hủy chất màu hữu cơ trong nước/** TS. Phạm Thị Lan Hương, ThS. Hà Thu Hường; ThS. Nguyễn Thị Huyền; TS. Dương Anh Tuấn; TS. Nguyễn Tư - Hà Nội - Viện nghiên cứu tiên tiến PHENIKAA, 2023; 09/2019 - 09/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển quy trình công nghệ mới để chế tạo vật liệu nano tổ hợp $Fe_3O_4@SiO_2-GO$ có cấu trúc (lõi@vỏ - lai hóa) nhằm nâng cao hiệu quả xử lý các ion kim loại nặng (Cr, As) và chất màu hữu cơ (MB, CR). Quy trình đảm bảo tính đơn giản, chi phí hợp lý phù hợp điều kiện ở Việt Nam và có độ lặp lại cao. Chế tạo vật liệu nhiều thành phần $Fe_3O_4/ZnO-GR$ có cấu trúc tổ hợp và nghiên cứu làm sáng tỏ cơ chế tăng cường đặc tính quang xúc tác đối với quá trình phân hủy chất màu hữu cơ (MB, CR) của vật liệu tổ hợp chế tạo dưới kích thích ánh sáng trong vùng nhìn thấy.

Số hồ sơ lưu: 22787

89593. 12-2023 **Nghiên cứu tổng hợp vật liệu composite trên nền carbon hoạt tính và ferrit kim loại định hướng ứng dụng trong chế tạo máy phát 99Mo/99mTc.** ThS. Nguyễn Thanh Bình, ThS. Nguyễn Thị Khánh Giang; KS. Nguyễn Đình Lâm; CN. Bùi Văn Cường; TS. Nguyễn Thị Thu; ThS. Nguyễn Thị Ngọc; TS. Phạm Thành Minh; CN. Đặng Hồ Hồng Quang; ThS. Nguyễn Trọng Hoàn Phong; TS. Nguyễn Mậu Thành - Lâm Đồng - Viện Nghiên cứu Hạt Nhân, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Mô tả quá trình tổng hợp than hoạt tính tảo và nano ferrite kim loại $MnFe_2O_4$, $NiFe_2O_4$. Sử dụng than hoạt tính và các ferrite làm nguyên liệu để tổng hợp composite AC-M Fe_2O_4 (M: Ni, Mn). Các vật liệu được đánh giá đặc trưng bằng các phương pháp phân tích hóa lý hiện đại như: SEM, XRD, EDX, phổ Raman, BET, ... Sau đó tiến hành nghiên cứu các điều kiện tối ưu như: pH, thời gian, nhiệt độ, nồng độ 99Mo,.... cho quá trình hấp phụ 99Mo lên vật liệu composite cũng như quá trình giải hấp 99mTc ra khỏi vật liệu. Từ đó, định hướng ứng dụng vật liệu composite trong chế tạo máy phát 99Mo/99mTc.

Số hồ sơ lưu: 22925

20513. Gỗ, giấy, bột giấy

89491. 12-2023 **Hoàn thiện công nghệ sản xuất gỗ khối chất lượng cao từ một số loài gỗ rừng trồng phục vụ sản xuất đồ mộc nội thất và hàng thủ công mỹ nghệ.** ThS. Hà Tiến Mạnh, TS. Bùi Duy

Ngọc; KS. Trần Đức Trung; ThS. Lê Thị Hưng; TS. Nguyễn Văn Định; TS. Nguyễn Bảo Ngọc; TS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Nguyễn Trọng Nghĩa; KS. Tạ Thị Thanh Hương; CN. Nguyễn Thái Thu - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ tạo ván bóc từ 03 loại gỗ Bạch đàn Uro, Thông caribê và Mỡ rừng trồng. Hoàn thiện công nghệ tạo 3 loại ván LVL từ 3 sự kết hợp ván bóc của 2 loại gỗ (Keo tai tượng - Mỡ, Bạch đàn Uro - Mỡ, Thông Caribê - Bạch đàn Uro) và hoàn thiện công nghệ tạo gỗ ghép khối dạng tấm ván từ 3 sự kết hợp ván bóc của 2 loại gỗ (Keo tai tượng - Mỡ, Bạch đàn Uro - Mỡ, Thông Caribê - Bạch đàn Uro). Đồng thời, hoàn thiện công nghệ tạo gỗ ghép khối dạng hộp từ 3 sự kết hợp ván bóc 2 loại gỗ (Keo tai tượng - Mỡ, Bạch đàn Uro - Mỡ, Thông Caribê - Bạch đàn Uro). Xây dựng mô hình quy mô 2000 m³ /năm sản xuất vật liệu gỗ ghép khối từ gỗ Keo tai tượng, Bạch đàn Uro, Thông caribê và Mỡ rừng trồng. Sản xuất thử nghiệm gỗ ghép khối và sản phẩm mộc nội thất, mỹ nghệ và đào tạo tập huấn

Số hồ sơ lưu: 22880

20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp

89456. 12-2023 **Nghiên cứu, xây dựng quy trình công nghệ sản xuất vải chức năng, ứng dụng trong lĩnh vực thể thao (áo Polo)**

từ sợi I-Cool, Aerocool/ ThS. Nguyễn Đức Hóa, KS. Nguyễn Thanh Hương; ThS. Phó Thu Thủy; ThS. Nguyễn Diệp Linh; KS. Nguyễn Văn Huỳnh; ThS. Trần Đức Trung; KS. Nguyễn Thị Phương Thảo; KS. Phạm Thị Vui; KS. Tạ Việt Hùng; CN. Ngô Thị Hương - Hà Nội - Công ty Cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May, 2023; 04/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về công nghệ sản xuất áo polo và ứng dụng xơ sợi I - Cool, Aerocool trong ngành dệt may, tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến các chỉ tiêu chất lượng của vải (độ bền màu giặt, độ bền màu ma sát, độ co, quản lý ẩm, khả năng kháng tia UV, khả năng kháng khuẩn, ngoại quan vải....). Đồng thời, nghiên cứu ảnh hưởng các thông số công nghệ dệt (chiều dài vòng sợi, mật độ, khối lượng g/m², khô vải...) và xây dựng thông số công nghệ dệt vải và cổ từ sợi I - Cool, Aerocool. Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ tiền xử lý, nhuộm vải từ sợi I - Cool, Aerocool và xây dựng quy trình công nghệ hoàn tất vải từ sợi I - Cool, Aerocool. Triển khai sản xuất dệt, nhuộm và hoàn tất 2 loại vải trên thiết bị công nghiệp và phân tích đánh giá các chỉ tiêu cơ lý hóa của sợi, vải và đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội và khả năng triển khai sản phẩm trên thị trường.

Số hồ sơ lưu: 22876

20515. Vật liệu tiên tiến

89549. 12-2023 **Chế tạo, khảo sát đặc trưng, tính chất của lớp**

phủ lai hữu cơ - vô cơ đa chức năng có sử dụng phụ gia vô cơ kích thước nano ứng dụng trong các công trình dân dụng và công nghiệp/ ThS. Đào Phi Hùng, TS. Nguyễn Thúy Chinh; GS.TS. Thái Hoàng; ThS. Nguyễn Anh Hiệp; GS.TS. Trần Đại Lâm; ThS. Mạc Văn Phúc; PGS.TS. Vũ Quốc Trung; CN. Lê Thị Ngọc; CN. Đinh Thị Mỹ Bình; KS. Trịnh Văn Thành - Hà Nội - Viện kỹ thuật nhiệt đới, 2023; 04/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Biến tính các hạt nano SiO₂, ZrO₂ bằng các tác nhân hữu cơ thích hợp để phối trộn, phân tán tốt vào lớp phủ lai hữu cơ - vô cơ trên cơ sở polyacrylic nhũ tương. Xây dựng các quy trình chế tạo lớp sơn lót, lớp sơn lớp giữa, lớp phủ bề mặt/lớp hoàn thiện trên cơ sở chất tạo màng lai hữu cơ - vô cơ phân tán các hạt nano biến tính hữu cơ và phụ gia hữu cơ có khả năng ức chế phát triển nấm mốc, vi khuẩn. Đánh giá hiệu quả hiệp đồng làm mát/chống nóng, bền thời tiết của các hạt nano biến tính hữu cơ đưa vào lớp phủ lai hữu cơ - vô cơ cũng như hiệu quả hiệp đồng ức chế phát triển nấm mốc, vi khuẩn của các phụ gia đưa vào lớp phủ lai hữu cơ - vô cơ trên tường, bê tông xây dựng. Xây dựng quy trình chế tạo và thi công hệ sơn hoàn chỉnh từ các lớp sơn lót, lớp sơn lớp giữa, lớp phủ bề mặt/lớp hoàn thiện đáp ứng được các yêu cầu thân thiện môi trường, chống nóng, ức chế sự phát triển nấm mốc, có tuổi thọ cao ứng dụng cho tòa nhà, công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 22912

90144. 12-2023 **Nghiên cứu tổng hợp vật liệu tự lành trên cơ sở kết hợp cấu trúc mạng đan xen của polyurethane nhớ hình với liên kết Diels-Alder và mạch linh động/** PGS.TS. Nguyễn Thị Lệ Thu, PGS.TS. Nguyễn Trần Hà; TS. Trần Đức Châu; ThS. Nguyễn Quốc Việt; Ths. Lưu Hoàng Tâm; ThS. Trần Hùng Đạt; KS. Nguyễn Song Đức Anh ; KS. Đoàn Kim Bảo; KS. Trương Thị Thanh Nhung - Tp. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2022; 07/2020 - 01/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Các đặc trưng của các hệ polyme đề xuất nghiên cứu trong đề tài: Cơ chế tự lành “hóa học”: trên cơ sở thuận nghịch của liên kết Diels-Alder (đứt gãy ở nhiệt độ cao hoặc khi có tác động cơ học làm hư hỏng vật liệu, tái hợp ở nhiệt độ thấp < 90 oC). Các yếu tố hỗ trợ quá trình tự lành: Liên kết Hydro thuận nghịch của nhóm urethane; Hiệu ứng nhớ hình hỗ trợ đóng miệng vết rạch khi có kích thích nhiệt, đứt nhờ sự có mặt của phân đoạn polycaprolactone (PCL) đưa vào cấu trúc PU. Nhiệt độ kích ứng nhớ hình Ttrans là nhiệt độ chuyển pha kết tinh/nóng chảy của vùng pha PCL (> 60 oC).

Số hồ sơ lưu: HCM-043-2023

90157. 12-2023 **Kết quả nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ Smart toothbrush – hoàn thiện thiết kế, chế tạo bàn chải răng thông minh dạng nhai**

dành cho trẻ em/ Nguyễn Bá Hiền, TS. Nguyễn Tường Long; Nguyễn Kinh Doanh; Nguyễn Minh Duy; Nguyễn Quang Thúc; Huỳnh Lê Phước Sơn; Hồ Thị Thùy Dương. Trần Nam Cường - Tp. Hồ Chí Minh - Trung tâm Ươm tạo Doanh nghiệp Công nghệ - Trường Đại học Bách Khoa, 2022; 12/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, hoàn thiện thiết kế, chế tạo thử nghiệm dòng sản phẩm bàn chải răng thông minh dạng nhai dành cho trẻ em phiên bản “bản chải chưa có 4.0 (ngừa sâu răng)”, định hướng sản xuất và khai thác thương mại. Nghiên cứu, hoàn thiện thiết kế, chế tạo thử nghiệm dòng sản phẩm bàn chải răng thông minh dạng nhai dành cho trẻ em phiên bản “bản chải có 4.0 (Tích hợp wifi và nhật ký sử dụng)”, định hướng sản xuất và khai thác thương mại. Cung cấp giải pháp thiết thực giúp ngăn chặn quá trình mất khoáng của men răng, hạn chế hình thành sang thương sâu răng, góp phần giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng trong chiến lược điều trị và phòng ngừa bệnh sâu răng sớm ở trẻ nhỏ.

Số hồ sơ lưu: HCM-047-2023

20599. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim khác;

89624. 12-2023 **Nghiên cứu soát xét tiêu chuẩn quốc gia TCVN 2726:1987 Quặng tinh crômít - Yêu cầu kỹ thuật/** ThS. Phạm Đức Phong, ThS. Trần Thị Hiến; ThS. Đinh Sơn Dương; ThS. Trần Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang; ThS. Nguyễn Bảo Linh; KS.

Vũ Thùy Linh - Hà Nội - Viện khoa học và công nghệ mỏ - luyện kim, 2023; 08/2022 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về công nghệ tuyển, chế biến, yêu cầu kỹ thuật và nhu cầu sử dụng quặng tinh cromit. Nghiên cứu soát xét tiêu chuẩn quốc gia TCVN 2726 : 1987 quặng tinh cromit và yêu cầu kỹ thuật. Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia sửa đổi TCVN 2726 : 1987 quặng tinh cromit và yêu cầu kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 22938

20601. Kỹ thuật và thiết bị y học

89654. 12-2023 **Nghiên cứu chế tạo thiết bị mẫu mini-SPECT ứng dụng trên mẫu chuột phục vụ nghiên cứu y khoa/** ThS. Đặng Nguyễn Thế Duy, KS. Nguyễn Ngọc Nhật Anh; KS. Nguyễn Thanh Châu; KS. Nguyễn Văn Chuẩn; CN. Lại Việt Hải; ThS. Đặng Quốc Triệu; KS. Bùi Trọng Duy; ThS. Trần Thanh Minh; ThS. Bùi Ngọc Hà; KS. Đỗ Quang Minh; CN. Vương Đức Phụng; CN. Lê Văn Lộc - Lâm Đồng - Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp, 2023; 01/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về chụp cắt lớp đơn photon phát xạ động vật nhỏ. Thiết kế cơ sở thiết bị mẫu mini SPECT ứng dụng trên mẫu chuột phục vụ nghiên cứu y khoa. Chế tạo phần cứng thiết bị bao gồm hệ thống đầu dò nhạy vị trí, khối chuẩn trực, khung sườn và hệ thống vận hành. Xây dựng phần mềm tái tạo hình ảnh

SPECT và khảo sát, thử nghiệm thiết bị.

Số hồ sơ lưu: 22928

89760. 12-2023 **Hoàn thiện thiết kế, chế tạo và ứng dụng thiết bị soi cổ tử cung kỹ thuật số/** ThS. Trần Văn Tiên, Phạm Thanh Hải KS. Nguyễn Thị Nguyên; ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh; TS. Lý Anh Tú; TS. Lê Quang Thanh; Hồ Thị Hoa; Nguyễn Long; TS. Trần Anh Sơn; Đoàn Thị Qui; KS. Hồ Võ Quốc Anh; TS. Phạm Thị Hải Miên; Nguyễn Đình Hiền; Cao Duy Anh; Cà Hoàng Thiện Nhân; ThS. Trần Nguyễn Như Anh; Lê Thanh Bình; Nguyễn Thị Kiều Oanh; KS. Huỳnh Quốc Sang; KS. Trần Diễm Trúc - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa, 2022; 12/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan bệnh lý cổ tử cung và thiết bị hỗ trợ chẩn đoán bệnh lý cổ tử cung. Một số nghiên cứu gần đây về ứng dụng phân cực ánh sáng trong soi cổ tử cung. Nghiên cứu thuật toán nhận diện, đánh giá các đặc trưng bệnh lý trên bề mặt cổ tử cung. Ứng dụng và đánh giá hiệu quả thiết bị tại cơ sở y tế (Bệnh viện Từ Dũ)

Số hồ sơ lưu: HCM-063-2023

20604. Kỹ thuật chẩn đoán bệnh

89327. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị X-quang đo mật độ xương dùng trong chẩn đoán y tế/** ThS. Bùi Thị Dung, ThS. Lại Tiến Thịnh; TS. Bùi Duy Linh;

ThS. Nguyễn Thị Hoàn; ThS. Trương Quốc Hoài; ThS. Nguyễn Thị Mai Hiền; ThS. Nguyễn Thành Long; ThS. Phạm Trung Quân; KS. Nguyễn Hữu Việt; CN. Nguyễn Thị Sánh - Hà Nội - Văn phòng Cục, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, 2022; 04/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng dự thảo Quy chuẩn Việt Nam về thiết bị X-quang đo mật độ xương dùng trong chẩn đoán y tế và trình Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định. Bảo vệ lợi ích của người bệnh, bảo đảm an toàn bức xạ đối với bệnh nhân và nhân viên vận hành thiết bị X-quang đo mật độ xương.

Số hồ sơ lưu: 22825

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

89176. 12-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất quy định về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước đô thị, khu dân cư tập trung/** ThS. Lương Ngọc Khánh, ThS. Ngô Văn Yên; CN. Vũ Thanh Thủy; ThS. Lê Việt Phương; ThS. Trương Thị Thanh Hương; ThS. Trần Kiều Anh; ThS. Hoàng Mạnh Hiệp; CN. Phạm Thị Thanh Thúy; KS. Hoàng Diệu Thúy - Hà Nội - Cục Hạ tầng kỹ thuật, 2021; 05/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Rà soát các quy định về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị và khu dân cư tập trung. Tổng quan về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập

trung. Đánh giá hiện trạng quy định, thực trạng công tác vận hành và hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị và khu dân cư tập trung. Rà soát các quy định hướng dẫn của Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải. Đề xuất kiến nghị các quy định về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

Số hồ sơ lưu: 22746

89228. 12-2023 **Nghiên cứu chế tạo hệ thống xử lý khí thải phát sinh trong quá trình nấu luyện nhôm ứng dụng vật liệu hấp phụ cấu trúc khung cơ kim/ gốm xốp/** ThS. Lê Thanh Bắc, TS. Ngô Minh Tiến; TS. Lã Đức Dương; ThS. Phùng Khắc Nam Hồ; PGS.TS. Nguyễn Thị Hoài Phương; KS. Nguyễn Thị Phương; TS. Trương Ngọc Tuấn; ThS. Kim Xuân Lộc; KS. Hoàng Thái Sơn; KS. Lê Duy Hưng - Hà Nội - Viện Hóa học-Vật liệu, 2023; 04/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết kế chế tạo hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ bể nấu luyện nhôm sử dụng vật liệu hấp phụ cấu trúc khung cơ kim/gốm xốp có công suất >7000m³/h. Nghiên cứu chế tạo vật liệu hấp phụ cấu trúc khung cơ kim/gốm xốp. Nghiên cứu khả năng hấp phụ của vật liệu cấu trúc khung cơ kim/gốm xốp. Tính toán, thiết kế chế tạo hệ thống xử lý khí thải khu vực nấu luyện nhôm. Chế tạo, lắp

đặt và vận hành hệ thống xử lý khí thải từ khu vực nấu luyện nhôm.

Số hồ sơ lưu: 22749

89240. 12-2023 **Nghiên cứu giải pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt cho các huyện đảo ở Việt Nam/** PGS. TS. Nghiêm Vân Khanh, ThS. Nguyễn Hồng Vân; TS. Nguyễn Văn Hiến; ThS. Vũ Hoàng Điệp; TS. Nguyễn Thanh Phong; ThS. Nguyễn Quốc Anh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Trần Quang Huy; KS. Trần Thị Hằng; ThS. Ngô Huy Thanh; ThS. Trần Văn Hải; ThS. Nguyễn Hữu Phú; ThS. Nguyễn Thị Lan Anh; ThS. Đinh Thị Thu Hoài; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Uyên - Hà Nội - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, 2020; 06/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát tình hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại các huyện đảo: Cô Tô tỉnh Quảng Ninh và Côn Đảo tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Đánh giá thực trạng về công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại các huyện đảo ở Việt Nam. Nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại các huyện đảo. Xây dựng dự thảo về quy trình phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt cho các huyện đảo ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22794

89379. 12-2023 **Nghiên cứu phát triển công nghệ tích hợp sinh học - hóa lý nhằm ứng dụng để xử lý và tái sử dụng nước thải nuôi tôm độ mặn thấp/** TS. Chu Xuân Quang, ThS. Nguyễn Văn Tuyền; TS. Trần Hùng Thuận; ThS. Đặng

Thảo Yến Linh; ThS. Tường Thị Nguyệt Ánh; KS. Thái Thị Xuân Trang; KS. Bùi Thị Thủy Ngân; ThS. Phạm Ngọc Khánh; TS. Cao Vũ Hưng - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ vật liệu - Viện Ứng dụng Công nghệ, 2023; 06/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập thông tin về kỹ thuật, thực trạng và xu hướng ngành nuôi tôm tại Việt Nam. Khảo sát ảnh hưởng của các thông số vận hành và đánh giá hiệu quả xử lý nước thải nuôi tôm độ mặn thấp của quá trình xử lý sinh học sử dụng bùn hoạt tính ở quy mô phòng thí nghiệm. Khảo sát ở quy mô phòng thí nghiệm nhằm lựa chọn kỹ thuật hóa lý phù hợp để xử lý nước thải nuôi tôm độ mặn thấp sau xử lý sinh học. Xây dựng quy trình tích hợp công nghệ sinh học – hóa lý để xử lý, tái sử dụng nước thải nuôi tôm độ mặn thấp. Thiết kế, chế tạo hệ thống pilot xử lý nước thải tôm độ mặn thấp có công suất thiết kế 5-10 m³/ngày.đêm. Thử nghiệm, đánh giá hiệu quả xử lý nước thải độ mặn thấp nuôi tôm siêu thâm canh (300-500 con/m²) trong nhà kính của hệ thống pilot đã chế tạo.

Số hồ sơ lưu: 22835

89438. 12-2023 **Ứng dụng công nghệ đồng phân hủy kỵ khí hai giai đoạn xử lý nước thải, bùn thải và chất thải hữu cơ nhằm sản sinh năng lượng khí sinh học và thu hồi chất dinh dưỡng/** PGS.TS. Nguyễn Phước Dân, TS. Huỳnh Khánh An; TS. Võ Nguyễn Xuân Quế; TS. Lê Thị Minh Tâm; TS.

Phan Thế Nhật; KS. Trương Trần Nguyễn Sang - Hà Nội - Trường Đại học Bách khoa, 2023; 04/2019 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá tính khả thi thu hồi biogas và dinh dưỡng bằng công nghệ phân hủy kỵ khí hai giai đoạn (thủy phân nối tiếp lên men methane) cho chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ ở TP.HCM. Phân tích cân bằng vật chất, khối lượng và lợi ích kinh tế được thực hiện cho công nghệ này. Xác định khả năng thu hồi biogas và dinh dưỡng cho đồng phân hủy chất thải rắn hữu cơ nhà bếp và nước thải bằng công nghệ lọc màng sinh học kỵ khí hai giai đoạn (thủy phân và lên men methane).

Số hồ sơ lưu: 22857

89460. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng mô hình dự báo tính độc của kim loại nặng đối với loài thủy sinh trong hồ Hà Nội trên cơ sở ứng dụng phần mềm Bio-Ligand Model (BLM)**/ PGS.TS. Hoàng Thị Thu Hương, TS. Văn Diệu Anh; TS. Nguyễn Thủy Chung; PGS.TS. Đoàn Thị Thái Yên; TS. Nguyễn Thị Thu Hiền; ThS. Phạm Thị Hồng; TS. Lê Chí Ngọc - Hà Nội - Đại học Bách khoa Hà Nội, 2023; 04/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu phát triển công thức mô hình liên kết phối tử (BLM) phù hợp để tính toán ngưỡng độc cấp tính của chì đến *Moina Dubia* trong điều kiện thủy vực nước ngọt hồ Hà Nội. Cung cấp bộ số liệu độc học cấp tính của loài đặc trưng thủy vực nước ngọt (*Moina Dubia*) ở Hà nội

phục vụ cho việc phát triển nghiên cứu về BLM. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng mô hình tính toán độc cấp tính EC50 từ tính chất nước, phát triển thuật toán và làm rõ các quy trình xây dựng mô hình tính toán độc cấp tính EC50 làm cơ sở xây dựng mô hình tính toán EC50 cho Pb đối với các thủy vực có tính chất khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 22873

89509. 12-2023 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất chế phẩm từ phế phụ phẩm nông nghiệp để xử lý một số kim loại nặng trong nước sinh hoạt và nước thải công nghiệp**/ KS. Nguyễn Thị Bảy, ThS. Bùi Duy Hùng; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; TS. Nguyễn Thị Phương Hòa; KS. Hoàng Trọng Hà; ThS. Phạm Anh Tài; ThS. Trần Thị Liên; CN. Trần Thị Thanh Hằng; ThS. Nguyễn Thị Thảo; GS.TS. Vũ Thị Thu Hà - Hà Nội - Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ lọc, hóa dầu, 2023; 04/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng độ tin cậy của phương pháp phân tích kim loại nặng trong nước bằng phương pháp ICP-OES. Đồng thời, xây dựng quy trình biến tính vỏ cam và ứng dụng xử lý một số kim loại nặng (Pb, Cd, Ni, Hg trong nước thải công nghiệp. Tiến hành sản xuất thử nghiệm được 106 kg vật liệu vỏ cam biến tính ứng dụng xử lý một số kim loại nặng trong nước thải công nghiệp và ứng dụng thử nghiệm khả năng xử lý kim loại nặng (Pb, Cd, Ni, Hg) trong mẫu nước thải công nghiệp bằng vật liệu vỏ cam biến

tính, trên mô hình cột hấp phụ xây dựng tại phòng thí nghiệm. Qua đó, xây dựng quy trình biến tính vỏ bưởi và ứng dụng xử lý kim loại nặng As trong nước sinh hoạt và xây dựng đường đẳng nhiệt hấp phụ Langmuir và Freundlich cho quá trình

Số hồ sơ lưu: 22882

89874. 12-2023 **Nghiên cứu chế tạo chế phẩm hấp thụ VOC trong các nhà máy sử dụng Sơn/KS.** Lê Cao Chiến, ThS. Nguyễn Hồng Quang; KS. Lê Tuấn Anh; ThS. Phạm Bằng Hải; KS. Nguyễn Đức Thịnh; ThS. Ngô Thị Bích; TS. Lê Thị Song; KS. Nguyễn Thị Thùy Linh; ThS. Cao Thị Tú Mai; KS. Nguyễn Huy Biể - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2023; 04/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Báo cáo tổng quan nghiên cứu về công nghệ xử lý Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (Volatile Organic Compounds - VOC) trong ngành Sơn. Khảo sát, lấy mẫu tại một số cơ sở sản xuất sản xuất sơn và đơn vị ứng dụng. Nghiên cứu chế tạo chế phẩm hấp thụ VOC và xử lý mùi trong phòng thí nghiệm. Nghiên cứu thiết kế hệ thống xử lý mùi và VOC công nghiệp với công suất thiết kế là 8,000-10,000 m³ /giờ và công suất từ 20,000-25,000 m³ /giờ. Sản xuất thử và ứng dụng thử 2000L chế phẩm hấp thụ VOC và mùi.

Số hồ sơ lưu: 23016

89975. 12-2023 **Khảo sát, đánh giá chi tiết phóng xạ môi trường tại xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình/**

ThS. Võ Thị Hồng Anh, Võ Thị Hồng Anh; Giang Tấn Thông; Nguyễn Thị Ái Trinh; Lưu Minh Tuấn; Lê Thị Lệ Thúy; Đoàn Hoàng Đạt; Phan Thanh Giàn - Trung tâm Kỹ Thuật Đo lường Thử Nghiệm - Trung tâm kỹ thuật đo lường thử nghiệm, 2023; 06/2022 - 09/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, đánh giá phóng xạ môi trường thông qua việc đo suất liều 3 phóng xạ gamma, phân tích các đồng vị phóng xạ trong mẫu nước, thực phẩm, hải sản, khoáng sản (đá, cát) trên địa bàn xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Đưa ra các cảnh báo và đề xuất các giải pháp về phóng xạ môi trường, phục vụ công tác quản lý nhà nước về năng lượng nguyên tử và an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân.

Số hồ sơ lưu: 16/2023-QLKHCN

90065. 12-2023 **Đánh giá các nguy cơ gây mất an toàn nguồn nước cho TP.HCM do sự cố ô nhiễm và đề xuất giải pháp đảm bảo an toàn cấp nước/** TS. Lê Hoàng Anh, PGS.TS.Đào Nguyên Khôi; PGS.TS. Nguyễn Thị Bảy; PGS.TS. Đào Thanh Sơn; TS. Nguyễn Thị Thụy Hằng; TS. Trần Đức Dũng; ThS. Đỗ Quang Lĩnh; ThS.NCS.Phạm Thị Thảo Nhi; ThS. Nguyễn PhướcThạch Thảo; CN. Võ Xuân Khanh; CN. Phạm Thị Lợi; CN. Trương Thảo Sâm; CN. Nguyễn Thị DiễmThúy; CN. Hoàng TrangThư; CN. Trần Quang Trà; CN. Phạm Việt Hải; CN. Trần Thị

Thanh Dung - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2022; 09/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo Sát, thu thập và tổng hợp tài liệu, số liệu về môi trường nước nguồn cấp nước thô phục vụ nghiên cứu đề tài. Xác định nguồn gây nguy cơ ô nhiễm cho nguồn nước thô của TP.HCM. Đánh giá ảnh hưởng xâm nhập mặn đến an toàn cấp nước thô cho thành phố xem xét tác động của BĐKH và NBD. Đồng thời, đánh giá hiện trạng chất lượng nguồn nước cấp (DO, BOD, COD, TOC, và NH₄), và dự báo diễn biến chất lượng nguồn nước thô trong tương lai của khu vực nghiên cứu. Xây dựng kịch bản sự cố ô nhiễm và kịch bản ứng phó với sự cố ô nhiễm và đánh giá diễn biến chất lượng nguồn nước thô theo các kịch bản. Đề xuất giải pháp đảm bảo an toàn nguồn nước (chất lượng và trữ lượng) cho TP.HCM

Số hồ sơ lưu: HCM-014-2023

20704. Viễn thám

89387. 12-2023 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám đa nguồn, miễn phí để thử nghiệm tính sinh khối rừng/** TS. Nguyễn Đình Hùng, ThS. Phạm Ngọc Hải; ThS. Kiều Văn Quế; ThS. Đặng Quang Thuyên; KS. Đỗ Thị Thùy Dung; ThS. Đỗ Tố Như; ThS. Nguyễn Hữu Đức; Lưu Thị Minh Thủy; ThS. Cao Thị Thanh Huyền; ThS. Thái Hữu Quý - Hà Nội - Viện Điều tra, quy hoạch rừng, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, ứng dụng các loại dữ liệu viễn thám mới, đa nguồn (Radar, Lidar vệ tinh và quang học), và miễn phí trong việc ước tính một số chỉ tiêu sinh thái rừng (độ tán che, chiều cao cây) phục vụ tính toán sinh khối rừng. Xây dựng các mô hình ước tính sinh khối thí điểm cho kiểu rừng lá rộng thường xanh từ dữ liệu viễn thám đa nguồn và dữ liệu mặt đất tại vùng sinh thái Bắc Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 22840

90064. 12-2023 **Nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng urscape để phục vụ hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu tài nguyên và môi trường/** ThS. Bùi Hồng Sơn, - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Ứng dụng Hệ thống Thông tin Địa lý, 2022; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thử nghiệm ứng dụng URSCAPE cho tất cả các dạng dữ liệu hiện có , bao gồm vector , raster (grid) và đề xuất các mô hình dữ liệu có thể sử dụng trong URSCAPE. Tiến hành , nghiên cứu và đánh giá tổng thể về hệ thống đối với giải pháp URSCAPE , bao gồm: dữ liệu , chức năng và các công cụ phân tích chính của URSCAPE ; và khả năng áp dụng trong tương lai . Đồng thời, nghiên cứu và xây dựng công cụ hỗ trợ xử lý dữ liệu trên QGIS phục vụ cho URSCAPE. So sánh URSCAPE với các phần mềm GIS khác (như QGIS, ArcGIS Pro) và đề xuất phạm vi áp dụng của URSCAPE.

Số hồ sơ lưu: HCM-013-2023

20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất

89991. 12-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng yêu cầu Thiết kế - Thi công - Nghiệm thu giếng đứng trong điều kiện mỏ Việt Nam/** ThS. Trần Văn Điều, ThS. Trần Duy Học; ThS. Nguyễn Tiến Mạnh; ThS. Nguyễn Ngọc Diệp; ThS. Trần Ngọc Hùng; ThS. Lại Thị Thu Hương; KS. Lê Chí Kiên; ThS. Nguyễn Trung Kiên; KS. Ngô Đức Quyền; TS. Đặng Văn Kiên; ThS. Bùi Thanh Tuấn - Hà Nội - Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp-Vinacomin, 2023; 04/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan giếng đứng, phạm vi sử dụng tiêu chuẩn giếng đứng trên thế giới và tại Việt Nam. Khảo sát, đánh giá việc áp dụng tiêu chuẩn giếng đứng tại Việt Nam những năm vừa qua. Nghiên cứu, luận giải việc lựa chọn sử dụng tiêu chuẩn và nghiên cứu, dự thảo tiêu chuẩn giếng đứng.

Số hồ sơ lưu: 23068

20799. Kỹ thuật môi trường khác

89488. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống dự báo và cảnh báo chất lượng nước lưu vực sông Thị Vải phục vụ công tác quản lý môi trường lưu vực sông/** TS. Lê Hoài Nam, PGS.TS. Nguyễn Hồng Quân; TS. Nguyễn Hoàng Anh; PGS.TS. Trần Ngọc Anh; TS. Nguyễn Văn Hồng; ThS. Kỷ Văn Thành; ThS. Lương Duy Hà; ThS. Đặng Thiên Hưng ; ThS. Đồng Thị Minh Hậu ; ThS. Trần Đình Quốc ;

ThS. Nguyễn Thị Bích Vân ; ThS. Nguyễn Thị Kim Thoa ; ThS. Nguyễn Kim Uyên ; CN. Nguyễn Hữu Tín ; CN. Lê Văn Nghĩa ; KS. Nguyễn Minh Nhật ; ThS. Nguyễn Thị Nhung - Tp. Hồ Chí Minh - Trung tâm Quan trắc môi trường miền Nam, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng hệ thống dự báo và cảnh báo chất lượng nước lưu vực sông Thị Vải, kết hợp các công cụ quản lý số liệu, truyền nhận trực tuyến nhằm đánh giá hiện trạng, dự báo và cảnh báo sự biến đổi bất thường môi trường nước và các tác động của các nguồn xả thải và các hoạt động gây ô nhiễm nguồn nước của con người trên lưu vực. Thử nghiệm thành công hệ thống dự báo và cảnh báo chất lượng nước lưu vực sông Thị Vải (đoạn chảy qua huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai) bảo đảm cung cấp chuỗi số liệu tin cậy, tức thời và liên tục 24/24h làm cơ sở cho việc phát hiện và dự báo sớm các vấn đề môi trường, đánh giá hiện trạng, xu thế và diễn biến môi trường nước phục vụ công tác quản lý, bảo vệ môi trường trong vùng. Dự kiến thử nghiệm hệ thống dự báo trong vòng 3 ngày. Đánh giá tính phù hợp và khả thi của hệ thống, làm cơ sở đề xuất các giải pháp ứng dụng nhân rộng hệ thống tại các lưu vực sông khác của miền Nam.

Số hồ sơ lưu: 22888

89513. 12-2023 **Nghiên cứu chế tạo hệ thống giám sát và cảnh báo đa thông số môi trường không khí và nước/** TS. Đỗ Trung Kiên,

TS. Phạm Văn Thành; ThS. Nguyễn Cảnh Việt; TS. Đặng Thị Thanh Thủy; ThS. Lương Thị Minh Thúy; TS. Trần Vĩnh Thắng; TS. NCS. Đỗ Quang Lộc - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2022; 01/2018 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các cảm biến độ dẫn dung dịch và cảm biến nhiệt độ được chế tạo thành công sử dụng mạch cộng hưởng thụ động LC. Cảm biến đo độ đục online được chế tạo dựa trên cảm biến hồng ngoại Osram SHF4550 và cảm biến màu TCS3200; dải đo trong khoảng từ 0 đến 1000 NTU với độ tuyến tính cao. Đồng thời, trạm quan trắc tích hợp có khả năng đo đạc, thu thập và cảnh báo sơ bộ tình trạng ô nhiễm môi trường không khí và môi trường nước đã được chế tạo thành công. Các thông số đo môi trường không khí gồm nhiệt độ, độ ẩm, nồng độ khí CO, nồng độ khí CO₂, nồng độ bụi PM_{2.5}, PM₁₀; các thông số môi trường nước gồm nhiệt độ, pH, độ đục, nồng độ chất rắn hòa tan TDS, lượng oxy hòa tan DO. Các thông số này được đo liên tục và được gửi lên webserver thingspeak.com thông qua mạng GPRS/3G; các thông số sẽ được đánh giá sử dụng matlab của webserver thingspeak.com và hiển thị thành công lên 1 trang web hoặc bảng LED điện tử. Đặc biệt, hệ thống có khả năng gửi tin nhắn cảnh báo khi có ít nhất 1 trong các thông số môi trường không khí và nước vượt chuẩn. Bộ xử lý trung tâm có khả năng lưu trữ các thông số đo được trên thẻ nhớ và truy xuất thông số này qua tin nhắn SMS.

Số hồ sơ lưu: 22895

89516. 12-2023 **Nghiên cứu xác định xác suất đồng thời các tác động của điều kiện tự nhiên cực trị để thiết kế tối ưu công trình cảng biển ở khu vực Miền Trung - Việt Nam/** ThS. Nguyễn Đức Hậu, PGS.TS. Nguyễn Hữu Đầu; KS. Tô Trung Hiếu; TS. Ngô Doãn Dũng; KS. Đặng Công Minh; ThS. Đoàn Văn Môn; ThS. Trần Thị Phương Anh; ThS. Hoàng Sơn Đình; KS. Trần Đình Long; PGS.TS. Nguyễn Kiên Quyết - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2023; 01/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Lựa chọn, tập hợp, phân tích, xây dựng hệ thống dữ liệu về giá trị cực trị của điều kiện tự nhiên tại khu vực Miền Trung - Việt Nam. Phân tích, lựa chọn phương pháp xác định xác suất đồng thời các giá trị cực trị của điều kiện tự nhiên tại khu vực Miền Trung - Việt Nam. Phân tích, lựa chọn tổ hợp các giá trị cực trị của điều kiện tự nhiên gây bất lợi trong thiết kế công trình cảng biển tại khu vực Miền Trung - Việt Nam. Xác định xác suất xảy ra đồng thời các giá trị của sóng cao và mực nước cao, sử dụng trong thiết kế công trình cảng biển cho khu vực Miền Trung - Việt Nam, nhằm đạt được hiệu quả kinh tế - kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 22897

89518. 12-2023 **Quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường vùng nuôi trồng thủy sản tại một số tỉnh trọng điểm khu vực phía**

Bắc/ ThS. Nguyễn Hữu Nghĩa, ThS. Phan Trọng Bình; ThS. Nguyễn Đức Bình; TS. Trương Thị Mỹ Hạnh; TS. Phạm Thái Giang; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; KS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; BSTY. Nguyễn Thị Nguyễn; KS. Lê Thị Mây; ThS. Phạm Thị Thanh - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá diễn biến chất lượng môi trường tại khu vực nguồn nước cấp vùng nuôi tôm nước lợ tập trung tại các tỉnh Nam Định, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế; vùng nuôi cá rô phi và cá lồng nước ngọt tập trung tại Hòa Bình, Yên Bái và Hải Dương; vùng nuôi nhuyễn thể (nuôi ngao, nuôi hào) tập trung tại các tỉnh Quảng Ninh, Thái Bình và Thanh Hóa. Theo dõi, giám sát chất lượng nước trong ao nuôi và các tác nhân gây bệnh hoại tử gan tụy cấp (AHPND), bệnh đốm trắng (WSSD), bệnh do vi bào tử trùng (EHP) trên tôm nuôi nước lợ tại Nam Định và Hà Tĩnh. Đưa ra các cảnh báo, khuyến cáo nâng cao chất lượng môi trường nước, biện pháp phòng trị bệnh kịp thời nhằm hạn chế sự lây lan dịch bệnh, hạn chế thiệt hại cho người nuôi; đồng thời phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất nuôi trồng thủy sản bền vững của Tổng cục Thủy sản và cơ quan quản lý địa phương. Thiết lập cơ sở dữ liệu về môi trường từ Trung ương đến địa phương phục vụ cho công tác chỉ đạo sản xuất cũng như công tác nghiên cứu

Số hồ sơ lưu: 22899

89521. 12-2023 **Quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường vùng nuôi trồng thủy sản tại một số tỉnh trọng điểm khu vực phía Bắc/** ThS. Nguyễn Hữu Nghĩa, ThS. Phan Trọng Bình; ThS. Nguyễn Đức Bình; TS. Trương Thị Mỹ Hạnh; TS. Phạm Thái Giang; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; KS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; BSTY. Nguyễn Thị Nguyễn; KS. Lê Thị Mây; ThS. Phạm Thị Thanh; KS. Tống Trần Huy - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Quan trắc, đánh giá biến động chất lượng môi trường tại nguồn nước cấp vùng nuôi tôm nước lợ tại tỉnh Nam Định, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế với tổng số 24 đợt quan trắc, từ đó đưa ra được 24 bản thông báo kết quả, khuyến cáo giải pháp quản lý môi trường vùng nuôi tôm nước lợ. Quan trắc, đánh giá biến động chất lượng môi trường và một số tác nhân gây bệnh trên nhuyễn thể nuôi tỉnh Quảng Ninh, Thái Bình và Thanh Hóa với tổng số 08 đợt quan trắc, từ đó đưa ra được 08 bản tin thông báo kết quả, khuyến cáo giải pháp quản lý môi trường vùng nuôi nhuyễn thể và sức khỏe nhuyễn thể nuôi tại các điểm quan trắc. Quan trắc, đánh giá biến động chất lượng môi trường và một số tác nhân gây bệnh trên cá rô phi và cá nuôi lồng nước ngọt tại Hòa Bình, Yên Bái và Hải Dương với tổng số 07 đợt quan trắc, từ đó đưa ra được 07 bản tin thông báo kết

quả, khuyến cáo giải pháp quản lý môi trường vùng nuôi cá rô phi, nuôi lồng tại các điểm quan trắc. Chủ động theo dõi, giám sát chất lượng nước trong ao nuôi và các tác nhân gây bệnh nguy hiểm trên tôm như vi khuẩn gây bệnh hoại tử gan tụy cấp (VpAHPND), vi rút bệnh đốm trắng (WSSV), vi bào tử trùng (EHP) tại Nam Định và Hà Tĩnh. Từ đó đưa ra được 12 bản thông báo kết quả, khuyến cáo biện pháp nâng cao chất lượng môi trường nước, biện pháp phòng trị bệnh nhằm hạn chế sự lây lan dịch bệnh gây thiệt hại cho người nuôi. Thiết lập được cơ sở dữ liệu về môi trường từ Trung ương đến địa phương phục vụ cho công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất; công tác truy xuất nguồn gốc sản phẩm của các đoàn thanh tra nước ngoài về an toàn thực phẩm....

Số hồ sơ lưu: 22898

89523. 12-2023 **Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến an ninh nguồn nước vùng Châu thổ sông Mê Công làm cơ sở khoa học cho hợp tác về Tài nguyên nước giữa Việt Nam và Campuchia/** Tiến sỹ.Trương Hồng Tiến, TS. Lê Đức Trung; ThS. Phạm Tường; ThS. Trần Minh Khôi; ThS. Nguyễn Huy Phương; ThS. Vũ Minh Thiện; ThS. Nguyễn Đình Đạt; ThS. Nguyễn Trung Quân; ThS. Lê Văn Diệm; TS. Lâm Vừ Thanh Nội; ThS. Nguyễn Văn Trọng; PGS.TS. Triệu Ánh Ngọc; TS. Trần Xuân Thái; TS. Bùi Việt Hưng; KS. Nguyễn Thị Vuốt - Hà Nội - Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt

Nam, 2023; 09/2019 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu cơ bản với số liệu cập nhật phục vụ đánh giá tác động đến an ninh nguồn nước vùng Châu thổ sông Mê Công và phần mềm quản lý số liệu. Đánh giá tác động của hiện trạng và các phương án quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của toàn bộ Lưu vực sông Mê Công trong bối cảnh biến đổi khí hậu đến an ninh nguồn nước vùng Châu thổ sông Mê Công. Đề xuất giải pháp khả thi phục vụ hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia trong chia sẻ, quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên nước.

Số hồ sơ lưu: 22905

89532. 12-2023 **Ứng dụng công nghệ thông tin trong quan trắc và xây dựng trang web cảnh báo môi trường nông nghiệp (giai đoạn 2)/** ThS. Nguyễn Hữu Nghĩa, CN. Nguyễn Văn Nhiệm; CN. Nguyễn Hùng Hải; KS. Đỗ Ngọc Khánh Trường; KS. Nguyễn Hải Đăng; ThS. Nguyễn Đình Lượng; KS. Nguyễn Danh Thanh Hải; KS. Nguyễn Văn Bằng - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2013; 01/2010 - 12/2012. (Đề tài cấp Bộ)

Sau ba năm thực hiện nhiệm vụ đã thu được những kết quả sau: 1) Hoàn thành xây dựng trang web môi trường nông nghiệp; 2) Cập nhật thông tin/tin tức về hoạt động nông nghiệp của các lĩnh vực; 3) Hoàn thành xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu môi trường lâm

nghiệp; 4) Cập nhật dữ liệu môi trường lâm nghiệp. Các kết quả trên là những sản phẩm khoa học được xây dựng dựa trên các cơ sở lý thuyết và tư vấn từ các nhà quản lý trong ngành nông nghiệp. Các kết quả đạt được mang ý nghĩa thực tiễn cao trong công tác quản lý môi trường, thông tin diễn biến môi trường trong lĩnh vực nông nghiệp nói chung. Đây là cơ sở để xây dựng mở rộng cho các lĩnh vực khác trong ngành nông nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 22906

89534. 12-2023 **Quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường vùng nuôi trồng thủy sản tại một số tỉnh trọng điểm khu vực phía Bắc/** ThS. Nguyễn Hữu Nghĩa, ThS. Phan Trọng Bình; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; KS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; TS. Trương Thị Mỹ Hạnh; TS. Phạm Thái Giang; BSTY. Nguyễn Thị Nguyên; ThS. Nguyễn Đức Bình; KS. Lê Thị Mây; ThS. Phạm Thế Việt; ThS. Phạm Thị Thanh; ThS. Nguyễn Thị Là - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thực hiện mục tiêu quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường vùng nuôi tôm nước lợ, nuôi cá rô phi, cá lồng nước ngọt và và nuôi nhuyễn thể tập trung tại một số tỉnh phía Bắc nhằm phục vụ công tác quản lý và chỉ đạo hoạt động nuôi trồng thủy sản hướng tới phát triển bền vững. Nhiệm vụ được thực hiện trong thời gian 12 tháng (từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2020). Nhiệm vụ

đã thực hiện quan trắc định kỳ tại 35 điểm, bao gồm 13 điểm tại nguồn nước cấp vùng nuôi tôm nước lợ tại các tỉnh Nam Định, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, 11 điểm tại vùng nuôi ngao/nhuyễn thể tại các tỉnh Thái Bình, Thanh Hóa và Quảng Ninh, 11 điểm tại vùng nuôi cá lồng tại các tỉnh Hòa Bình, Yên Bái và Hải Dương. Nhiệm vụ đã thực hiện công tác giám sát môi trường và bệnh tại 6 ao nuôi đại diện thuộc hai tỉnh Nam Định và Hà Tĩnh. Nhiệm vụ cũng đã thực hiện 4 đợt quan trắc đợt xuất.

Số hồ sơ lưu: 22907

89552. 12-2023 **Ứng dụng công nghệ thông tin trong quan trắc và xây dựng trang Web cảnh báo môi trường ngành Nông nghiệp (giai đoạn I)/** ThS. Nguyễn Hữu Nghĩa, KS. Nguyễn Văn Khánh; CN. Nguyễn Hải Minh; CN. Nguyễn Hùng Hải; CN. Nguyễn Văn Nhiệm; KS. Đỗ Ngọc Khánh Trường; ThS. Phan Thị Vân; ThS. Mai Văn Tài; ThS. Lê Văn Lợi; ThS. Nguyễn Đình Lượng; KS. Nguyễn Kim Anh; KS. Vũ Việt Hùng; KS. Đặng Anh Tuấn; KS. Đoàn Quang Hưng - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2009 - 01/2009 - 12/2009. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng trang mạng và CSDL môi trường nông nghiệp để hướng tới việc xây dựng và phát triển cổng thông tin và CSDL dùng chung cho toàn ngành về lĩnh vực này. Nhiệm vụ được thực hiện từ 1/2009 đến tháng

12/2009. Sau 12 tháng thực hiện nhiệm vụ đã thu được những kết quả sau: 1) Đánh giá được hiện trạng quản lý dữ liệu môi trường của các đơn vị trong ngành nông nghiệp; 2) Xây dựng được một số nội dung cơ bản của trang mạng môi trường ngành Nông nghiệp; 3) Đề xuất được các giải pháp phát triển CSDL môi trường cho ngành Nông nghiệp; 4) Hoàn thành đề cương chi tiết “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và xây dựng trang web cảnh báo môi trường nông nghiệp, giai đoạn 2 (2010-2-12)”. Các kết quả trên là những sản phẩm khoa học ứng dụng, các định hướng và đề xuất cụ thể về nội dung nhiệm vụ thực hiện trong những năm tới. Kết quả đã có những đóng góp thực tiễn vào mục đích quản lý môi trường ngành nông nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 22910

89555. 12-2023 **Quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường vùng nuôi tôm nước lợ, nhuyễn thể, nuôi cá rô phi và nuôi lồng bè tập trung tại một số tỉnh trọng điểm khu vực phía Bắc/** ThS. Nguyễn Hữu Nghĩa, ThS. Nguyễn Thị Là; KS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; BSTY. Nguyễn Thị Nguyệt; ThS. Nguyễn Đức Bình; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; ThS. Phạm Thế Việt; ThS. Phạm Thị Yên; KS. Lê Thị Mây - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2018; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá diễn biến chất lượng môi trường tại khu vực nước cấp

vùng nuôi tôm nước lợ tập trung tại các tỉnh Nam Định, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế; vùng nuôi cá rô phi và cá lồng bè tại Hải Dương; vùng nuôi nhuyễn thể tập trung tại các tỉnh Quảng Ninh, Thái Bình và Thanh Hóa; Chủ động theo dõi, giám sát chất lượng nước trong ao nuôi và tình hình bệnh hoại tử gan tụy cấp (AHPND), bệnh đốm trắng (WSSV) và bệnh còi (EHP) trên tôm nuôi nước lợ tại Nam Định và Hà Tĩnh. Đưa ra các cảnh báo, khuyến cáo nâng cao chất lượng môi trường nước, biện pháp phòng trị bệnh kịp thời nhằm không chế sự lây lan dịch bệnh giúp giảm thiểu rủi ro gây thiệt hại cho người nuôi phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất nuôi trồng thủy sản bền vững của Tổng cục Thủy sản và cơ quan quản lý địa phương. - Thiết lập cơ sở dữ liệu về môi trường phục vụ cho công tác chỉ đạo sản xuất cũng như công tác nghiên cứu. Chủ động, phản ứng nhanh trong những trường hợp khẩn cấp, dịch bệnh/biến động môi trường tại các vùng nuôi trồng thủy sản trọng điểm.

Số hồ sơ lưu: 22911

90128. 12-2023 **Nghiên cứu cơ chế và tiềm năng cải tạo mặn của đất nông nghiệp bằng than sinh học sản xuất từ các phụ phẩm nông nghiệp/** PGS. TS. Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Phúc Thùy Dương; Đinh Đại Gái; Trần Thị Thu Hương; Vũ Ngọc Toán; Đỗ Doãn Dung; Nguyễn Xuân Tòng - Tp. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh,

2023; 07/2020 - 01/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Định lượng cơ chế và tiềm năng hấp phụ muối của than sinh học thông qua đẳng nhiệt hấp phụ; Khảo sát các pha hấp phụ muối của than sinh học thông qua động lực hấp phụ trên đất nhiễm mặn; Xác định các loại than sinh học và tỷ lệ than tối ưu cải thiện tính chất đất mặn và năng suất, sinh trưởng lúa nước; 4- Đánh giá được tỷ lệ và loại than sinh học tối ưu đối với sinh trưởng, năng suất lúa nước trên ruộng nhiễm mặn. Xác định cơ chế, tiềm năng hấp phụ muối, mức độ cải thiện các tính chất đất nhiễm mặn và sinh trưởng, năng suất lúa nước bằng than sinh học sản xuất từ các phụ phẩm nông nghiệp.

Số hồ sơ lưu: HCM-032-2023

90156. 12-2023 **Đề xuất giải pháp xử lý môi trường sau bão Durian nhằm nâng cao chức năng phòng hộ và quản lý bền vững Rừng ngập mặn Cần Giờ trong biến đổi khí hậu.**/ Nguyễn Thị Lan Thi, Trần Ngọc Diễm My; Phạm Quỳnh Hương; Huỳnh Đức Hoàn; Nguyễn Trần Nhân Tánh; Võ Thị Phi Giao; Nguyễn Thị Tố Ngân - Tp. Hồ Chí Minh - Đại học Quốc gia TP.HCM Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2022; 06/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá tình trạng sức khỏe của hệ sinh thái rừng ngập mặn sau quá trình tự phục hồi trong điều kiện có và không có tác động của con người. Mô phỏng và đánh giá quá trình tái sinh tự nhiên của rừng ngập

mặn trong điều kiện có và không có tác động của con người. Xây dựng giải pháp xử lý môi trường sau các xáo trộn do bão để tối ưu hóa tốc độ tự phục hồi của rừng ngập mặn nhằm nâng cao chức năng phòng hộ và phục vụ quản lý rừng bền vững. Đề xuất giải pháp xử lý môi trường rừng ngập mặn sau bão Durian nhằm nâng cao chức năng phòng hộ và phục vụ quản lý rừng bền vững của rừng ngập mặn Cần Giờ trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: HCM-046-2023

21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)

89118. 12-2023 **Nghiên cứu chế tạo hệ nanocomposite trên nền vật liệu từ ferrite spinel MFe_2O_4 (M=Fe, Mn, Zn) @ ZnO dạng lai và dạng vỏ-lõi nhằm xử lý một số kim loại nặng và chất hữu cơ độc hại trong nước/ TS.** Phạm Hoài Linh, TS. Phạm Hồng Nam; PGS.TS. Lê Văn Hồng; TS. Lâm Thị Kiều Giang; ThS. Lê Thị Hồng Phong; ThS. Nguyễn Hồng Nhung - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2023; 04/2019 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chế tạo, các đặc trưng và tính chất của vật liệu nano ferrite spinel MFe_2O_4 (M=Fe, Mn, Zn) và vật liệu nano ZnO có hình dạng và kích thước khác nhau bao gồm: hình cầu, thanh-ống, tấm nano (nanosheets). Làm chủ quy trình công nghệ chế tạo vật liệu tổ hợp nền liệu từ ferrite spinel MFe_2O_4 (M=Fe, Mn, Zn), $Fe_2O_4@ZnO$ có hiệu suất pháp

phụ/quang xúc tác tối ưu nhằm ứng dụng loại bỏ một số kim loại nặng (Pb, As) và phân hủy một số chất hữu cơ độc hại trong nước như: chất màu, chất hữu cơ gốc phenol hoặc thuốc trừ sâu. Đóng góp minh chứng thực nghiệm làm sáng tỏ thêm mối tương quan giữa động học hạt tải điện trong các quá trình sinh, tách và dẫn các cặp điện tử lỗ trống với hiệu suất hấp phụ/quang xúc tác trong vật liệu tháp chiều có kích thước nano mét.

Số hồ sơ lưu: 22727

89179. 12-2023 **Ảnh hưởng của quy luật phân bố hạt nano oxit bán dẫn và ion bán dẫn trong mạng tinh thể siêu dẫn lên các tính chất tới hạn của hệ siêu dẫn nhiệt độ cao Bi-Pb-Sr-Ca-Cu-O/** PGS. TS. Trần Hải Đức, TS. Nguyễn Khắc Mẫn; TS. Nguyễn Thị Minh Hiền; TS. Nguyễn Thị Minh Hồng; CN. Phạm Thế An; CN. Trần Tiến Dũng - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 10/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tối ưu hóa quá trình chế tạo vật liệu BSCCO có pha tạp hạt nano bán dẫn dạng khối và dạng màng mỏng. Khảo sát quy luật hình thành, tính chất và mức độ ảnh hưởng của nhiều loại hạt nano có tính chất khác nhau lên hệ siêu dẫn nhiệt độ cao BSCCO. Tìm ra quy luật phân bố hạt nano bán dẫn, các ion bán dẫn trong mạng tinh thể BSCCO, từ đó tổng quát hóa ứng dụng hạt nano để cải thiện các tính chất siêu dẫn của hệ vật liệu. Nâng cao kiến thức khoa học về việc ứng dụng vật liệu siêu dẫn nhiệt độ

cao BSCCO cùng công nghệ nano bán dẫn trong khoa học và đời sống định hướng ứng dụng. Góp phần đào tạo được nguồn nhân lực khoa học có trình độ cao về lĩnh vực siêu dẫn nhiệt độ cao và ứng dụng.

Số hồ sơ lưu: 22754

21002. Các quy trình nano (các ứng dụng ở cấp nano). (Vật liệu sinh học kích thước không phải nano được xếp vào 209)

89765. 12-2023 **Thiết kế và chế tạo đèn điốt bán dẫn kích thước micro mét cấu trúc ingan dây nano với hiệu suất phát quang cao ứng dụng trong kỹ thuật trình chiếu thông minh/** TS. Nguyễn Hoàng Duy, Phạm Cao Thanh Tùng; Đỗ Mạnh Huy; Nguyễn Phạm Trung Hiếu; Cù Thành Sơn; Phạm Minh Tiến; Lê Hồng Phúc; Vũ Hoàng Nam; Phạm Kim Ngọc; Trương Hữu Lý; Đỗ Thanh Sinh; Trần Bội An; Nguyễn Thị Thanh Thủy; Đoàn Thị Tuyết; Nguyễn Minh Tý; Lê Thanh Quang; Nguyễn Minh Nhã - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Công nghệ Hóa Học, 2022; 12/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mô phỏng các cấu trúc thanh nano InGaN/(Al)GaN tối ưu dựa trên các phần mềm APSYS Crosslight và Finite Different Time Domain. Thực nghiệm chế tạo vật liệu thanh nano InGaN/AlGaN trên đế Si bằng kỹ thuật chùm phân tử (MBE) dựa trên các kết quả mô phỏng (linh kiện InGaN/AlGaN-ngẫu nhiên). Đặc tính cấu trúc và tính chất quang học của linh kiện InGaN/AlGaN-ngẫu nhiên.

Chế tạo màng nhôm oxit (AAO) với các thông số khác nhau dựa trên kết quả chế tạo linh kiện InGaN/AlGaN-ngẫu nhiên. Ứng dụng màng AAO làm mặt nạ trong kỹ thuật MBE để phát triển vật liệu thanh nano InGaN/AlGaN trên đế Si với hình dạng và kích thước đồng đều (linh kiện InGaN/AlGaN-AAO). Xây dựng quy trình sử dụng màng AAO để chế tạo microLED phát quang với màu sắc khác nhau. Nghiên cứu đánh giá tính chất quang-điện của các microLED.

Số hồ sơ lưu: HCM-066-2023

89771. 12-2023 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo vật liệu nanocomposite dựa trên nền nano vàng với polyurethane nhằm tạo ra sản phẩm mẫu thử nghiệm băng dán kháng khuẩn/** TS. Ngô Võ Kế Thành, KS. Nguyễn Đăng Giang; ThS. Huỳnh Trọng Phát; ThS. Trần Thị Lệ Khanh; ThS. Trương Hữu Lý; ThS. Tiêu Tư Doanh; KS. Hồ Công Tài; ThS. Nguyễn Hữu Tuyền; ThS. Hoàng Thùy Dương; ThS. Đỗ Thanh Sinh - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm nghiên cứu triển khai khu công nghệ cao, 2022; 12/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thiết kế và chế tạo vật liệu nano vàng bằng phương pháp hoá học có sự hỗ trợ nhiệt vi sóng và sóng siêu âm nhằm tạo ra sản phẩm nano vàng với dự kiến mục tiêu đặt ra là hạt nano vàng có cấu trúc ngôi sao và lưỡng tháp tam giác. Chế tạo vật liệu nanocomposite trên nền tăng nano vàng với cấu trúc ngôi sao và

lưỡng tháp tam giác trên nền PU nhằm tạo ra vật liệu kháng khuẩn nanocomposite. Thiết kế và chế tạo mẫu miếng dán vết thương dựa trên vật liệu PU có sự gắn kết với hạt nano vàng với kích thước sản phẩm miếng dán mẫu với độ phân tán vàng trên miếng PU đồng đều và bám dính tốt.

Số hồ sơ lưu: HCM-071-2023

21101. Kỹ thuật thực phẩm

89926. 12-2023 **Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất bột bơ/** TS. Nguyễn Thị Vân Linh, ThS. Nguyễn Thị Thuỳ Dung; TS. Trần Bích Lam; ThS. Nguyễn Quốc Duy; ThS. Nguyễn Phước Bảo Duy - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2021; 05/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá chất lượng nguyên liệu bơ trong nghiên cứu; Nghiên cứu phương pháp tiền xử lý trong công nghệ sản xuất bột bơ; Nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình phối trộn maltodextrin; Nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp sấy đến đặc tính thoát ẩm và chất lượng bột bơ; Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng cơ sở cho sản phẩm bột bơ (cảm quan, hoá lý, vi sinh, kim loại nặng).

Số hồ sơ lưu: HCM-147-2023

90122. 12-2023 **Xây dựng qui trình phân tích đồng thời aflatoxin B1, b2, g1, g2 bằng phương pháp không dẫn xuất với kỹ thuật uplc-fld và khảo sát hàm lượng Aflatoxin trong một số loại thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ**

Chí Minh./ThS. Nguyễn Thành Duy; Lê Thành Thọ; Nguyễn Lâm Kiều Diễm; Đặng Thị Kim Hằng; Lý Tuấn Kiệt; Nguyễn Thúy Ngân Hà; Nguyễn Thị Phương Thảo; Phạm Thị Phương Nam; Nguyễn Thanh Phong; Nguyễn Ngọc Quang Huy - Tp. Hồ Chí Minh - Trung tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm TP.HCM, 2022; 07/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định điều kiện sắc ký thích hợp để phân tích đồng thời 4 aflatoxin B1, B2, G1, G2. Xây dựng qui trình chiết aflatoxin B1, B2, G1, G2 trong 5 nền mẫu đậu phộng, bột ớt, bắp hạt, nho khô và bột ăn dặm. Thẩm định qui trình phân tích aflatoxin B1, B2, G1, G2 trong 5 nền mẫu đậu phộng, bột ớt, bắp hạt, nho khô và bột ăn dặm theo hướng dẫn AOAC. Ứng dụng qui trình để định lượng aflatoxin B1, B2, G1, G2 trong 5 nền mẫu đậu phộng, bột ớt, bắp hạt, nho khô và bột ăn dặm trên địa bàn Tp.HCM. Hình thành số liệu bao quát, thực tế, mới nhất về tình hình nhiễm aflatoxin trong 5 nền mẫu đậu phộng, bột ớt, bắp hạt, nho khô và bột ăn dặm tại một số chợ, quầy bán thực phẩm nhỏ lẻ trên địa bàn Tp.HCM trong năm 2020-2022.

Số hồ sơ lưu: HCM-028-2023

21102. Kỹ thuật đồ uống

58831. 12-2023 **Nghiên cứu sản xuất thử nghiệm rượu Ba kích Tam Đảo tại Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN Vĩnh Phúc/ Nguyễn Thị Tĩnh, Lương Tuấn Vượng, - Hà Nội - Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ**

Vĩnh Phúc, 2016; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tình hình nghiên cứu về rượu, quy trình sản xuất rượu. Tiếp nhận dây chuyền lọc, chiết rót rượu gạo. Sản xuất thử nghiệm, phân tích chất lượng sản phẩm rượu Ba kích Tam Đảo. Đánh giá kết quả và đề xuất giải pháp nhân rộng mô hình.

Số hồ sơ lưu: VPC-0025-2017

21199. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống khác

89996. 12-2023 **Nghiên cứu sản xuất đồ uống chức năng bằng phương pháp lên men sử dụng vi khuẩn Acetobacter có hoạt tính probiotic/ ThS. Lê Văn Bắc, ThS. Nguyễn Minh Châu; ThS. Trần Hoàng Quyên; PGS.TS. Nguyễn La Anh; ThS. Đặng Thu Hương; KS. Phạm Linh Khoa; ThS. Đinh Huy Sơn; KS. Vũ Đức Mạnh; KS. Dương Thúy Quyên - Hà Nội - Viện Công nghiệp thực phẩm, 2023; 10/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu, tuyển chọn chủng giống nấm men Saccharomyces và chủng vi khuẩn Acetobacter, có hoạt tính lợi khuẩn, trong môi trường lên men cho chất lượng cảm quan tốt, khả năng tồn tại tốt, có khả năng cộng sinh và thử nghiệm đánh giá khả năng cộng sinh với LAB. Xây dựng quy trình công nghệ trích ly các dịch chiết từ thảo mộc, nấm dược liệu và trái cây. Đồng thời nghiên cứu tạo dịch nền lên men từ các dịch trích ly và thành phần dinh

dưỡng và tiến hành sản xuất thử nghiệm quy mô nhỏ.

Số hồ sơ lưu: 23072

299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác

90108. 12-2023 **Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thiết bị quan trắc tự động một số chỉ tiêu ô nhiễm không khí trên nền tảng IoT/Đỗ Quang Hiệp; Roãn Văn Hóa; Phạm Ngọc Minh; Ngô Mạnh Tiến; Bùi Văn Hậu; Hà Huy Giáp; Trần Ngọc Sơn; Phạm Ngọc Sâm; Lê Thúy Diệu; Nguyễn Hữu Quân - Nam Định - Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp, 2022; 11/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)**

Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thiết bị quan trắc các chỉ số ô nhiễm không khí gồm: Nhiệt độ, độ ẩm; nồng độ khí CO₂, nồng độ khí SO₂. Tổng lượng bụi lơ lửng TSP. Triển khai thử nghiệm và đánh giá thiết bị quan trắc các chỉ số ô nhiễm không khí gồm: nhiệt độ, độ ẩm, nồng độ khí CO₂, nồng độ khí SO₂. Tổng lượng bụi lơ lửng TSP tại Trung tâm PHTT và TVĐT khu công nghiệp tỉnh Nam Định (đường Phạm Ngũ Lão, Thành phố Nam Định)

Số hồ sơ lưu: 13-2023

3. Khoa học y, dược

89700. 12-2023 **Đánh giá quá trình can thiệp sớm trong 2 năm đầu đời cho trẻ có nguy cơ cao rối loạn tâm vận động tại tỉnh Khánh Hòa./ Phan Hữu Chính, - ThS.BS. Trần Lan Anh - CN. Nguyễn Hùng**

Rin - ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang - ThS. Đào Thị Bích Hiền - ThS. Trần Thị Mỹ Tuyết - ThS. Phạm Thị Thu Thủy - BSCKI. Biện Thị Thùy Dung - Nha Trang, Khánh Hòa - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa, 2023; 11/2019 - 04/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đặc điểm lâm sàng và đặc điểm bệnh lý của nhóm trẻ có nguy cơ cao rối loạn phát triển tâm vận động: Các trẻ sống tại các huyện 60,5%; tỷ lệ nam/ nữ là 1,03/1,0; sinh non < 37 tuần 63,7%, trẻ nhẹ cân so với tuổi thai 13,7%, lớn cân so với tuổi thai là 10,5%. Tỷ lệ yếu tố nguy cơ cao bao gồm: sinh non ≤ 33 tuần 48,3%, CNLS ≤ 1500 gram 25,0%, sinh ngạt 12,1%, bất thường não qua chẩn đoán hình ảnh não 8,9%, thở máy kéo dài 6,5%, nhiễm trùng bào thai 5,6%, viêm màng não mủ 4%, hạ đường huyết kéo dài 2,4%, đa dị tật 2,4%, bất thường nhiễm sắc thể 1,6%, vàng da nặng 0,8%, tật đầu nhỏ 0,8%. Bệnh lý nhiễm trùng sơ sinh 85,5%, nhiễm trùng bệnh viện 41,1%, vàng da 66,1%, suy hô hấp 59,7%. Tật tim nhiều nhất là còn ống động mạch 18,5%. Kết quả thính giác 100% bình thường, tỷ lệ ROP 12,9%, tỷ lệ bất thường vận động nhãn cầu là 4%. Kết quả can thiệp rối loạn phát triển tâm vận động của trẻ đến 2 tuổi: Tỷ lệ phát hiện và chẩn đoán các rối loạn tâm vận động của trẻ: Chậm phát triển về cá nhân và xã hội là 52,4%, vận động tinh tế-thích ứng là 46%, ngôn ngữ 61,2%, vận động thô 83,9%; rối loạn của trẻ phát hiện được rất sớm là vận động thô, các lĩnh vực khác phát hiện rõ

hơn khi trẻ 6 tháng tuổi. Tỷ lệ trẻ chậm phát triển ở 24 tháng tuổi ở các lĩnh vực là: ngôn ngữ 29,8%, vận động tinh tế thích ứng 16,9%, vận động thô 16,1%, và cá nhân xã hội 15,3%. Sau theo dõi và can thiệp đến 24 tháng tuổi chính kết quả trẻ phát triển bình thường 67,7%, nghi ngờ 12,1%, chậm phát triển là 20,2%. Yếu tố liên quan đến rối loạn phát triển tâm vận động của trẻ ở 2 tuổi Các yếu tố làm tăng thêm nguy cơ chậm và nghi ngờ chậm phát triển tâm vận động của trẻ ở 2 tuổi là nhẹ cân so với tuổi thai; hồi sức phòng sinh có bóp bóng, đặt nội khí quản, ép tim; và bất thường não qua chẩn đoán hình ảnh. Quy trình và mạng lưới: Qua thực hiện nghiên cứu đề tài đã xây dựng được quy trình và mạng lưới can thiệp sớm trong 2 năm đầu đời cho trẻ có nguy cơ cao rối loạn tâm vận động.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/351

89756. 12-2023 **Nghiên cứu trồng và sản xuất chế phẩm trị ho từ cây Bách bộ (*Stemona tuberosa* Lour.) tại Đắk Lắk.**/PGS.TS. Trần Cát Đông (chủ nhiệm); TS. Vũ Thanh Thảo (Thư ký); TS Lê Văn Thanh; ThS. Lê Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Thị Linh Giang; Dược sĩ.CKI. Nguyễn Khắc Sơn; Dược sĩ.CKI. Lê Bá Nguyên; DS. Đinh Hồng Nguyên; Y sĩ. Nguyễn Quang Ba; Y sĩ Võ Thuận Hóa - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Khoa học công nghệ Dược Sài Gòn, 2023; 12/2019 - 06/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Khảo sát và xác định vùng trồng thích hợp cho cây Bách bộ; trữ lượng Bách bộ khoảng 60-80 tấn/năm, 2 huyện có trữ lượng Bách bộ lớn nhất là Ea Súp và M'Drắk. Thử nghiệm trồng dược liệu Bách bộ (*Stemona tuberosa* Lour.) tại Đắk Lắk: điều kiện trồng Bách bộ với khoảng cách giữa các cây là 30x40 cm, điều kiện bón phân số 2, và giống Bách bộ thích hợp từ M'Drắk cho năng suất thu hoạch Bách bộ cao nhất. Thời điểm thu hoạch Bách bộ thích hợp là sau 2 năm, tiền xử lý trong nước sôi 10 phút và sấy Bách bộ ở 60 °C trong 36 giờ. Nghiên cứu chiết xuất và tiêu chuẩn hóa cao Bách bộ. Xây dựng phương pháp định lượng tuberostemonin bằng HPLC trong cao lỏng Bách bộ để làm cơ sở cho việc kiểm nghiệm dược liệu Bách bộ, cao và sirô Bách bộ. Thử tác dụng dược lý và độ an toàn của cao Bách bộ. Nghiên cứu quy trình bào chế sirô trị ho từ dược liệu Bách bộ gồm cao Bách bộ, Cam thảo và Cát cánh và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho sirô. Xây dựng quy trình sản xuất sản phẩm sirô trị ho ở quy mô 50 lít. Ba lô sirô sản xuất ở quy mô pilot đạt tiêu chuẩn cơ sở đã xây dựng.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2023-020

90018. 12-2023 **Ứng dụng dao Ligasure trong phẫu thuật ung thư tuyến giáp tại Thái Nguyên/** BSCK II. Hà Tiến Quang; PGS.TS. Nguyễn Công Hoàng; ThS. BSCK II. Nguyễn Thị Ngọc; TS. Lê Thị Hương Lan; BSCK II. Đào Minh Nguyệt; TS. Vi Trần Doanh; BSCK II. Hoàng Thanh Quang; BSCK II.

Vũ Quang Huy; BSCK I. Vũ Đình Kiên; ThS. Nguyễn Bạch Hương Lan; BSCK II. Vũ Mạnh Cường; ThS. Đặng Quang Dũng; ThS. Hoàng Minh Cương; ThS. Trần Hữu Hiệu; ThS. Đàm Thanh Mai; CN. Nguyễn Thị Thái; TS. Phạm Thị Lan; ThS. Lương Thị Thoa; DSCK I. Nguyễn Tố Khanh; TS. Nguyễn Thị Phương Thảo; CNĐD. Trịnh Thị Ngân; CNĐD. Vũ Bích Huyền; CNĐD. Trần Thị Thanh Huyền - Thái Nguyên - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, 2023; 12/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng thành công kỹ thuật sử dụng dao Ligasure trong phẫu thuật Ung thư tuyến giáp cho 100 bệnh nhân tại Bệnh viện trung ương Thái Nguyên. Chuyển giao công nghệ phẫu thuật Ung thư tuyến giáp có sử dụng dao Ligasure đến Bệnh viện tuyến tỉnh. Mô tả đặc điểm lâm sàng, chẩn đoán hình ảnh và mô bệnh học ung thư tuyến giáp. Đánh giá kết quả sớm phẫu thuật ung thư tuyến giáp sử dụng dao Ligasure tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên. Đánh giá các tai biến, biến chứng và một số yếu tố liên quan đến kết quả phẫu thuật. Chuyển giao được kỹ thuật phẫu thuật ung thư tuyến giáp có sử dụng dao Ligasure tới 03 Bệnh viện tuyến tỉnh (Bệnh viện A, Bệnh viện C và Bệnh viện Gang thép).

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-22

30104. Thần kinh học (bao gồm cả Tâm sinh lý học)

90118. 12-2023 **Nghiên cứu khả năng ứng dụng lâm sàng của xét nghiệm gen trên bệnh nhân Parkinson.**/ PGS.TS.BS. Mai Phương Thảo, PGS.TS.BS Đỗ Đức Minh; PGS.TS.BS Hoàng Anh Vũ; TS.BS.Lê Văn Tuấn; TS.BS. Trần Ngọc Tài; ThS. Lương Bắc An; ThS.Lê Thái Khương; ThS.Lê Gia Hoàng Linh; CN. Võ Văn Thành Niệm - Tp. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 07/2020 - 01/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích các thay đổi di truyền trên các gene liên quan đến bệnh Parkinson. Khảo sát thay đổi di truyền trên người thân trực hệ của bệnh nhân Parkinson có mang biến đổi di truyền. Phân tích mối liên quan kiểu gene – đặc điểm lâm sàng trên bệnh nhân Parkinson.

Số hồ sơ lưu: HCM-025-2023

30211. Ngoại khoa (Phẫu thuật)

89772. 12-2023 **Đánh giá kết quả phẫu thuật khâu treo điều trị táo bón do sa niêm trong trực tràng kết hợp sa trực tràng kiểu túi**/ TS. Nguyễn Trung Vinh, Cao Ngọc Khánh; Hà Quang Minh; Đặng Duy Anh; Lê Minh Lý; Phan Duy Thông - Thành phố Hồ Chí Minh - Bệnh viện Triều An, 2022; 12/2018 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan, đánh giá thực trạng về phẫu thuật khâu treo và điều trị táo bón. Thu thập thông tin

bệnh nhân, tư vấn chọn bệnh nhân vào nghiên cứu. Thực hiện phẫu thuật khâu treo điều trị táo bón cho các bệnh nhân được chọn nghiên cứu. Thu thập thông tin sau mổ và phân tích số liệu các bệnh nhân trong lô nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: HCM-072-2023

90061. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy trình phẫu thuật nội soi qua mũi điều trị u nền sọ trước/** TS.BS. Ngô Văn Công, PGS.TS. Huỳnh Lê Phương PGS.TS. Trần Minh Trường; TS.BS. Nguyễn Hữu Dũng; BS.CKII. Hoàng Bá Dũng; ThS.BS. Trần Hạnh Uyên; TS.BS. Nguyễn Ngọc Khang; TS.BS. Trần Anh Bích; ThS.BS. Trần Thiện Khiêm; CNĐD. Phạm Thị Diễm Kiều; TS. Châu Phú Thi; TS. Phạm Văn Đông; TS. Nguyễn Nhật Hải; KS. Nguyễn Thị Thanh Bình; KS. Huỳnh Hữu Pho - TP. Hồ Chí Minh - Bệnh viện Chợ Rẫy, 2022; 02/2020 - 01/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tiến hành khảo sát các triệu chứng thường gặp u nền sọ trước, khảo sát đặc điểm u nền sọ trước qua CT Scan, MRI, Khảo sát đặc điểm u nền sọ trước trong hốc mũi qua nội soi và khảo sát đặc điểm mô bệnh học u nền sọ trước thường gặp trên bệnh nhân người Việt. Xây dựng các bước để chẩn đoán chính xác bệnh lý u nền sọ trước. Tiến hành xây dựng quy trình phẫu thuật nội soi qua mũi điều trị u nền sọ trước và xây dựng quy trình tái tạo nền sọ khuyết qua nội soi mũi. Từ đó, xây dựng quy trình theo dõi, đánh giá

bệnh nhân sau phẫu thuật nội soi u nền sọ.

Số hồ sơ lưu: HCM-010-2023

30221. Ung thư học và phát sinh ung thư

89157. 12-2023 **Nghiên cứu phân tích ảnh cắt lớp CT sử dụng mạng nơ-ron tích chập ứng dụng trong can thiệp điều trị ung thư gan/** TS. Lưu Mạnh Hà, GS.TS. Chủ Đức Trình; PGS.TS. Nguyễn Linh Trung; PGS.TS. Phạm Cẩm Phương; CN. Lê Quốc Anh; ThS. Hoàng Hồng Sơn; PGS.TS. Theo van Walsum; PGS.TS. Daniel Franklin - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ, 2023; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển các phương pháp kỹ thuật dựa trên mạng nơ-ron tích chập nhằm ứng dụng hỗ trợ chẩn đoán và điều trị bệnh nhân ung thư gan sử dụng ảnh cắt lớp vi tính CT. Phát triển phương pháp tốt hơn cho việc tách vùng mạch máu gan theo khía cạnh chất lượng tách vùng, thời gian xử lý và mức độ tự động. Phát triển một khuôn khổ tham chiếu so sánh chất lượng một cách định lượng để đánh giá các phương pháp ghép ảnh gan sử dụng ảnh CT. Phát triển phương pháp tốt hơn cho tách vùng bị tiêu hủy theo khía cạnh chất lượng tách vùng, thời gian xử lý và mức độ tự động.

Số hồ sơ lưu: 22750

89161. 12-2023 **Nghiên cứu thành phần hóa học và thử nghiệm độc tính tế bào trên vài dòng ung thư người của các hoạt chất cô lập**

từ cây bông giấy tía (*Bougainvillea spectabilis*) và dũ dẻ trâu (*Melodorum fruticosum*)/ TS. Đỗ Thị Mỹ Liên, PGS.TS. Phạm Nguyễn Kim Tuyền; GS.TS. Nguyễn Kim Phi Phụng; TS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hương; TS. Nguyễn Thị Mỹ Dung; CN. Nguyễn Thị Thúy Hiền - Hà Nội - Trường Đại học Sài Gòn, 2023; 04/2019 - 07/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân lập các hợp chất thiên nhiên tinh sạch từ các bộ phận rễ, thân, lá và hoa của hai loài bông giấy tía và dũ dẻ trâu. Xác định cấu trúc hóa học của các hợp chất tinh sạch đã cô lập được. Đánh giá độc tính tế bào trên vài dòng tế bào ung thư người của các hợp chất phân lập; đánh giá hoạt tính ức chế enzym α -glucosidase. Từ những kết quả về thành phần hóa học và thử nghiệm sinh học, viết bài báo gửi đăng các tạp chí có uy tín ở trong và ngoài nước.

Số hồ sơ lưu: 22723

89262. 12-2023 Nghiên cứu miễn dịch tế bào kiểm soát các dạng ung thư gây ra bởi virus EBV thông qua thụ thể NKG2D/ TS. Nguyễn Hoàng Việt, TS. Nguyễn Thanh Bình; TS. Trần Thị Chi Mai; TS. Lê Mạnh Thường; TS. Nguyễn Trọng Tuệ; TS. Nguyễn Thị Nga; CN. Nguyễn Quý Linh - Hà Nội - Trường Đại học Y Hà Nội, 2023; 04/2019 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định tần suất của các kiểu gen NKG2D biểu hiện trên tế bào

miễn dịch trên bệnh nhân ung thư liên quan đến EBV tại Việt Nam. Làm rõ cơ chế tế bào miễn dịch có thể nhận diện các dòng ung thư dương tính với virus EBV thông qua thụ thể bề mặt NKG2D. Làm rõ cơ chế thoát miễn dịch của virus EBV đối với sự tấn công của hệ thống miễn dịch

Số hồ sơ lưu: 22789

89399. 12-2023 Các phương pháp phân tích dữ liệu hệ gene liên quan đến bệnh ung thư trên mạng sinh học/ TS. Trần Tiến Dũng, TS. Nguyễn Hoàng Tú; ThS. Nguyễn Quang Đại; ThS. Phạm Đức Tĩnh; CN. Trần Đông Kiên; ThS. Nguyễn Minh Tân - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 2023; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra mối quan hệ tương quan giữa 03 tính Modularity, Hierarchical Closeness (HC), và nguy cơ đột biến dựa trên các nghiên cứu bằng phương pháp Monte- Carlo và dữ liệu dẫn chứng sinh học. Điều tra mối quan hệ tương quan giữa nguy cơ đột biến và phân bố độ trung tâm HC trong mô hình mạng Boolean mô phỏng các mạng sinh học bằng phương pháp Monte- Carlo và dữ liệu dẫn chứng sinh học. Đồng thời, điều tra mối quan hệ tương quan giữa phân bố độ trung tâm HC và tỉ lệ sống sót sau 5 năm của bệnh ung thư trong các mạng tín hiệu tế bào ung thư ở người. Phân tích đặc điểm sinh học của các vùng mạng sinh học có nguy cơ đột biến cao và tìm các network biomarkers chỉ thị

bệnh. Phát triển phần mềm Cytoscape plug-in phân tích nguy cơ đột biến dựa trên vị trí trung tâm của các nút trên các mạng sinh học có hướng và phát triển phần mềm Cytoscape plug-in xác định các gene chỉ thị ung thư từ đường dẫn tín hiệu (pathways) các mạng sinh học có hướng

Số hồ sơ lưu: 22855

89428. 12-2023 **Hợp tác nghiên cứu một số yếu tố độc lực của Helicobacter pylori, nhiễm virút Epstein-Barr ở bệnh nhân ung thư dạ dày tại Việt Nam/ PGS.TS. Vũ Văn Khiên, PGS.TS. Phan Quốc Hoàn; TS. Dương Minh Thắng; TS. Nguyễn Mạnh Hùng; TS. Trần Thị Huyền Trang; ThS. Phạm Hồng Khánh; ThS. Trần Thị Thanh Huyền; GS.TS. Yoshio Yamaoka - Hà Nội - Viện nghiên cứu khoa học y dược lâm sàng 108, 2023; 12/2019 - 06/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xây dựng được quy trình giải trình tự gen mã hóa: cag-PAI, oipA, dupA ở bệnh nhân ung thư dạ dày, viêm dạ dày mạn, loét dạ dày và loét tá tràng. Đánh giá tỷ lệ nhiễm EBV và tính đa hình gen của Interleukin 1 β 511(IL-1 β -511), Interleukin-1RN (IL-1RN) và Interleukin-8+781 (IL-8+781) trong ung thư dạ dày, viêm dạ dày mạn, loét dạ dày và loét tá tràng. Đồng thời, phân tích mối liên quan của gen (cag-PAI, oipA, dupA), nhiễm virút EBV, tính đa hình gene (IL -1 β -511, IL -1RN, IL-8+781) ở bệnh nhân ung thư dạ dày tại Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 22864

30222. Nhân khoa. Bệnh mắt

90124. 12-2023 **Tầm soát bệnh glôcôm bằng chụp ảnh màu gai thị với ứng dụng phần mềm trí tuệ nhân tạo EyeDr./ TS.BS. Phạm Thị Thủy Tiên, KS.CNTT. Hồ Phương Thanh Tài; BS. CKII. Đỗ Quốc Hiệp; BS. CKII. Nguyễn Minh Khải; CNDD. Nguyễn Trọng Lộc; TS. Nguyễn Minh Sơn; BS. CKI. Lê Nhật Minh; BS CKI. Lâm Hoàng Yến; Lê Gia Tự - Tp. Hồ Chí Minh - Bệnh viện mắt, 2022; 03/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu công nghệ thuật toán trí tuệ nhân tạo với những bước trình tự sử dụng hình ảnh gai thị để phát hiện (chẩn đoán) glôcôm ở người trưởng thành. Tiến hành nghiên cứu cắt ngang để xác định tính giá trị của một thử nghiệm chẩn đoán. Xây dựng hạ tầng điện toán đám mây riêng phục vụ hệ thống chẩn đoán bệnh lý đáy mắt bằng hình ảnh tại Bệnh viện Mắt.

Số hồ sơ lưu: HCM-030-2023

30301. Khoa học về chăm sóc sức khoẻ và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..)

89742. 12-2023 **Xây dựng chương trình hỗ trợ tâm lý cho nhân viên y tế trong phòng chống dịch Covid-19/ TS. Đỗ Thị Hà, Huỳnh Ngọc Thành TS. Huỳnh Thị Phượng; ThS. Huỳnh Tấn Sơn; PGS. TS. Nguyễn Thanh Hiệp; TS. Trần Thùy Khánh Linh; ThS. Lê Thụy**

Bích Thủy; ThS. Nguyễn Văn Dừa - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, 2022; 12/2020 - 05/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về đại dịch Covid-19 và đặc thù công việc của nhân viên y tế trong tham gia phòng chống dịch. Xác định tỷ lệ nhân viên y tế có dấu hiệu trầm cảm, lo âu, căng thẳng trong phòng chống dịch Covid-19. Xác định nhu cầu cần hỗ trợ tâm lý ở nhân viên y tế theo từng nhóm công việc đặc thù trong phòng chống dịch Covid-19. Xây dựng chương trình hỗ trợ tâm lý cho nhân viên y tế trong phòng chống dịch Covid-19.

Số hồ sơ lưu: HCM-060-2023

90025. 12-2023 **Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công tại các bệnh viện công lập cấp Trung ương quản lý/** TS. Phạm Minh Hóa, ThS. Nguyễn Hữu Bình; ThS. Vũ Thùy Dương; ThS. Trịnh Thu Hiền; CN. Nguyễn Thị Nhung; ThS. Nguyễn Thu Thủy; ThS. Vũ Hồng Trang; ThS. Lê Ngọc Linh; ThS. Phan Minh Tuấn; ThS. Nguyễn Kim Cương - Hà Nội - Cục Quản lý công sản - Bộ Tài chính, 2021; 10/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về quản lý tài sản công tại các bệnh viện công lập. Tìm hiểu về thực trạng quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công tại các bệnh viện công lập thuộc trung ương quản lý ở Việt Nam. Qua đó

đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công tại các bệnh viện công lập thuộc trung ương quản lý ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 23091

90126. 12-2023 **Xây dựng giải pháp tổng thể về hệ thống bảo vệ an toàn nhân viên y tế, người bệnh trong các cơ sở điều trị tại Việt Nam/** PGS.TS. Phạm Lê An , TS. Trần Ngọc Đăng ; TS.BS. Huỳnh Minh Tuấn; ThS.BS. Huỳnh Quang Đại; KS. Bùi Huy Phúc; KS. Nguyễn Minh Thành ; CN. Nguyễn Trường Viên; CN. Trương Thị Thùy Dung ; CN. Đỗ Thị Hoài Thương ; CN. Huỳnh Ngọc Thanh; CN. Nguyễn Thị Thu Thảo - Tp. Hồ Chí Minh - Đại học Y Dược Tp. HCM, 2023; 06/2022 - 01/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trong tình hình dịch COVID-19, vấn đề bảo vệ bệnh nhân và nhân viên y tế (NVYT) dự phòng lây nhiễm chéo COVID-19 là hết sức cấp thiết, chưa có giải pháp tổng thể nhất là khi sử dụng chiến lược 4 tại chỗ, người bệnh đến bệnh viện tuyến quận để được chẩn đoán và điều trị sớm nếu có suy hô hấp nhẹ và vừa cần được thở O₂, CPAP, NIV và nặng hơn sẽ chuyển tuyến. Một trong các trở ngại cho giải pháp này là phát tán siêu vi COVID-19. Bên cạnh đó chưa có giải pháp khử khuẩn bề mặt cho NVYT khi mặc đồ bảo hộ chăm sóc bệnh nhân và rời khỏi phòng bệnh gây hệ lụy lây lan khi cởi bỏ đồ bảo hộ nhất là ở tuyến Quận/Huyện. Việc tái sử dụng dụng

cụ, khẩu trang trong điều kiện vật tư y tế Việt Nam đang là yêu cầu quan trọng.

Số hồ sơ lưu: HCM-031-2023

90133. 12-2023 **Kết quả nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ các chính sách quốc gia và hiệu quả phản ứng chính phủ trong cuộc chiến chống lại đại dịch covid-19/** ThS. Huỳnh Loqu Đức Toàn, - Tp. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2021; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm sáng tỏ yếu tố bao gồm phản ứng của chính phủ và mức độ nghiêm ngặt của chính sách mang đến hiệu quả phòng tránh dịch bệnh COVID-19 của các chính sách quốc gia. Đưa ra các bằng chứng trên thí nghiệm trực tiếp từ khu vực cách ly tập trung của chính phủ Việt Nam nhằm cho thấy sự khác biệt trong mức độ điều chỉnh hành vi tự bảo vệ của người nhiễm bệnh COVID-19 tại khu cách ly tập trung và cách ly tại nhà.

Số hồ sơ lưu: HCM-035-2023

30305. Y tế môi trường và công cộng

90006. 12-2023 **Nghiên cứu đánh giá đáp ứng miễn dịch sau tiêm chủng vaccine ChdOx1 nCoV-19 (AZD1222)/** PGS.TS. Nguyễn Hoàng Bắc, Nguyễn Thị Băng Sương; Trương Quang Bình; Nguyễn Hữu Huy; Lê Thị Xuân Thảo; Lê Minh Khôi; Nguyễn Phương Thảo; Nguyễn Tấn Hiệp; Huỳnh Phương Nguyệt Anh; Ngô

Thị Bình Minh; Vi Kim Phong; Nguyễn Hoàng Thanh Trúc; Nguyễn Chí Vinh; Nguyễn Bá Bằng Quỳnh - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Y Dược Tp. HCM, 2022; 10/2021 - 07/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan diễn biến, dịch tễ học của đại dịch do SARS-CoV-2. Tiến hành tổng hợp danh sách tất cả nhân viên và người thân của nhân viên vừa được tiêm đủ 2 liều vaccine vào 2 tầng: tầng nhân viên và tầng người thân. Tính tỉ lệ phần trăm số người cần lấy ở mỗi tầng so với tổng cỡ mẫu. Tính khoảng cách mẫu (k) tại mỗi tầng. Người đầu tiên được chọn ở mỗi tầng sẽ có vị trí là số ngẫu nhiên bất kỳ (n) trong khoảng từ 1 đến nhỏ hơn k . Các người tiếp theo được chọn sẽ có vị trí thứ tự là $2n, 3n, 4n, \dots$ Liên hệ người được chọn. Nếu người được chọn không thỏa tiêu chí chọn vào, thì từ mỗi danh sách còn lại, chọn người có số thứ tự tiếp theo như $1+n, 1+2n, 1+3n, \dots$ cho đến khi đủ cỡ mẫu cần thu thập.

Số hồ sơ lưu: HCM-018-2023

30308. Bệnh truyền nhiễm

90149. 12-2023 **Tỉ lệ tuân thủ phác đồ điều trị, các yếu tố liên quan và các phương pháp can thiệp ở trẻ em nhiễm hiv/aids tại phòng khám ngoại trú Bệnh viện nhi đồng 1/** BS Trương Hữu Khanh, BSCK2. Dư Tuấn Quy BSCK2. Dư Tuấn Quy - Tp. Hồ Chí Minh - Bệnh viện Nhi Đồng 1, 2022; 09/2018 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định tỷ lệ tuân thủ phác đồ điều trị ARV ở trẻ em nhiễm HIV/AIDS đang được quản lý tại phòng khám ngoại trú bệnh viện Nhi Đồng 1. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự tuân thủ điều trị ARV và tái khám đúng hẹn ở trẻ em nhiễm HIV/AIDS đang được quản lý tại phòng khám ngoại trú bệnh viện Nhi Đồng 1. Xác định ảnh hưởng của các yếu tố can thiệp đến tuân thủ điều trị ARV và tái khám đúng hẹn tại phòng khám ngoại trú bệnh viện Nhi Đồng 1.

Số hồ sơ lưu: HCM-044-2023

30402. Dược học lâm sàng và điều trị

90027. 12-2023 **Nghiên cứu ứng dụng giải trình tự gene để phát hiện các đột biến kháng thuốc kháng sinh của vi khuẩn *Helicobacter pylori***/ TS. Trần Thiện Trung, Nguyễn Tuấn Anh; Trần Anh Minh; Trần Thiện Khiêm; Quách Hữu Lộc; Quách Trọng Đức; Cao Minh Nga; Nguyễn Thanh Danh; Ngô Đông Kha - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, 2022; 08/2019 - 01/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tối ưu hóa các qui trình PCR nhân bản và giải trình tự các vùng gene 23S rRNA, 16S rRNA, rdxA/frxA, gyrA và pbp1A xác định các đột biến kháng thuốc clarithromycin, tetracycline, metronidazole, levofloxacin và amoxicillin tương ứng ở vi khuẩn *H. pylori*. Tiến hành ứng dụng các quy trình giải trình tự gene đã xây dựng để xác định tỷ lệ các đột biến

kháng thuốc kháng sinh của vi khuẩn *H. pylori* từ mẫu lâm sàng. Qua đó, đưa ra những quy trình chẩn đoán sinh học phân tử để ứng dụng trong chẩn đoán và hỗ trợ điều trị *H. pylori* nhằm đưa ra phác đồ điều trị tiết kiệm hiệu quả nhất.

Số hồ sơ lưu: HCM-024-2023

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc

89260. 12-2023 **Nghiên cứu hoạt tính sinh học một số loài dong riềng (*Canna*) nhằm phát triển cây dược liệu trọng điểm ứng dụng trong điều trị bệnh tim mạch**/ TS. Nguyễn Thị Vân Anh, GS.TS. Nguyễn Văn Hùng; TS. Dương Thị Ly Hương; TS. Nguyễn Thị Minh Hằng; TS. Vũ Thị Thơm; TS. Lê Hồng Luyến; TS. Bùi Đức Trung - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, 2023; 04/2019 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thành phần hóa học và tìm kiếm hoạt chất sinh học mới từ một số loài thuộc chi dong riềng (*Canna*) nhằm làm sáng tỏ giá trị khoa học thực sự các loài này, từ đó định hướng ứng dụng trong phòng và điều trị bệnh tim mạch và huyết khối và phát triển nguồn dược liệu.

Số hồ sơ lưu: 22791

89493. 12-2023 **Sản xuất thử nghiệm giống và dược liệu từ nguồn gen Độc hoạt (*Angelica pubescens* Ait.)**/ KS. Đinh Quang Chinh, KS. Đinh Hồng Thuận; ThS. Nguyễn Ngọc Dương; KS. Đặng

Hồng Khanh; KS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Vũ Đình Đại; CN. Phạm Quốc Hoàn; KS. Vũ Đức Tính; CN. Vũ Đình Đài; ThS. Nguyễn Xuân Trường - Đắc Lắc - Công ty Cổ phần Nicotex Đắc Lắc, 2023; 09/2019 - 02/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình và xây dựng được mô hình sản xuất giống từ nguồn gen Độc hoạt. Hoàn thiện quy trình và xây dựng được mô hình sản xuất dược liệu Độc hoạt theo hướng dẫn GACP – WHO. Hoàn thiện được hồ sơ đề nghị bổ sung giống Độc hoạt vào danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam. Từ đó, sản xuất thử nghiệm giống và dược liệu từ nguồn gen Độc hoạt (*Angelica pubescens* Ait.).

Số hồ sơ lưu: 22885

89766. 12-2023 Đánh giá hiệu quả điều trị của bài thuốc Sâm Thảo Can khương thang trên bệnh nhân mắc Covid-19 thể bệnh nhẹ và trung bình bằng thử dược lý in silico và thử nghiệm lâm sàng/ PGS. TS. Trịnh Thị Diệu Thường, ThS. Nguyễn Văn Đán; GS TS. Thái Khắc Minh; ThS. Trương Văn Đạt; PGS.TS. Nguyễn Hoàng Bắc; PGS. TS. Lê Đình Thanh; Trần Văn Khanh; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Nga; GS.TS. Võ Minh Tuấn; ThS. Mai Thành Tấn; TS. Nguyễn Hữu Lạc Thủy; ThS. Kiều Xuân Thy; ThS. Bùi Phạm Minh; ThS. Nguyễn Thị Nguyên Sinh; TS. Lê Minh Quân; Dương Nguyễn Ánh Ngọc; Trần Hòa An; Nguyễn Trọng Tín;

Nguyễn Thị Quý; Nguyễn Văn Duy; Nguyễn An Pháp; Nguyễn Công Nguyên; Nguyễn Thị Quế Chi; Nguyễn Thị Tâm Đan; Bùi Thị Yến Nhi; Lê Nhất Duy; Nguyễn Thị Mỹ Ái; Nguyễn Thành Trí; Nguyễn Hoàng Lên - Thành phố Hồ Chí Minh - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, 2022; 10/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tác dụng dược lý in silico kháng COVID-19 của các hợp chất tự nhiên trong dịch thuốc sắc của bài thuốc Sâm Thảo Can khương thang trên các mục tiêu tác động khác nhau của virus SARS-CoV-2. Nghiên cứu độc tính của dịch thuốc sắc bài thuốc Sâm Thảo Can khương thang và thử nghiệm can thiệp lâm sàng ngẫu nhiên nhãn mở, có nhóm chứng dịch thuốc sắc của bài thuốc Sâm Thảo Can khương thang trên người bệnh COVID 19 thể nhẹ và trung bình. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và đánh giá độ ổn định của dịch thuốc sắc bài thuốc Sâm Thảo Can khương thang. Xây dựng quy trình bào chế và tối ưu hoá quy mô 330 gói chứa 90ml dịch thuốc sắc của bài thuốc Sâm Thảo Can khương thang/ mẻ.

Số hồ sơ lưu: HCM-067-2023

89775. 12-2023 Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của một số loài thuộc chi Vú sữa (*Chrysophyllum*) họ Hồng xiêm (*Sapotaceae*) và chi Đại lăng (*Macropanax*) họ Nhân sâm (*Araliaceae*)/ PGS. TS. Nguyễn Quốc Vượng, ThS. Phạm Thị Hằng; ThS. Vũ Văn Nam; TS. Trịnh Thị

Thanh Vân; ThS. Vũ Văn Chiến; ThS. Nguyễn Thị Huệ - Hà Nội - Viện Hoá sinh biển, 2023; 04/2019 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập mẫu loài *Chrysophyllum roxburghii* (C. roxburghii) và loài *Macropanax membranifolius* (M. membranifolius), định danh tên khoa học, lập tiêu bản các mẫu thực vật nghiên cứu. Tạo cao chiết tổng, cao chiết các phân đoạn và đánh giá hoạt tính ức chế sự phát triển của một số dòng tế bào ung thư của một số cao chiết chọn lọc của 2 loài. Phân lập, xác định cấu trúc khoảng 20-30 chất sạch từ 2 loài, trong đó có từ 2 đến 3 chất mới. Đánh giá hoạt tính ức chế sự phát triển của một số dòng tế bào ung thư của 1 số chất chọn lọc phân lập được.

Số hồ sơ lưu: 23005

89929. 12-2023 **Nghiên cứu sản xuất sản phẩm bảo vệ sức khỏe từ bào tử linh chi đã được phá vách/** TS. Nguyễn Hữu Lạc Thủy, PGS. TS. Trịnh Thị Diệu Thường; ThS. Trương Văn Đạt; ThS. Phan Cảnh Trình; PGS. TS. Lê Minh Trí; PGS. TS. Trần Văn Thành; PGS. TS. Huỳnh Ngọc Trinh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; DS. Võ Linh Tử; DS. Huỳnh Thị Ngọc Trinh - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, 2023; 08/2020 - 02/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng phương pháp phá vách Bào tử Linh chi. Tiêu chuẩn hóa nguyên liệu Bào tử Linh chi và

Bào tử Linh chi đã phá vách. Xây dựng công thức và quy trình bào chế viên nang Bào tử Linh chi đã được phá vách. Tiêu chuẩn hóa và khảo sát độ ổn định của viên nang Bào tử Linh chi. Thử nghiệm một số hoạt tính sinh học của cao chiết Bào tử Linh chi và viên nang Bào tử Linh chi phá vách.

Số hồ sơ lưu: HCM-149-2023

89933. 12-2023 **Nghiên cứu sự tích lũy hoạt chất saponin theo tuổi cây và ứng dụng vào một số sản phẩm chất lượng cao từ sâm Việt Nam (*Panax vietnamensis* Ha et Grushv. - Araliaceae) trồng tại Lâm Đồng/** GS. TS. Nguyễn Minh Đức, - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Khoa học và Công nghệ Dược Sài Gòn, 2022; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Theo dõi động thái tích lũy hoạt chất saponin trong cây sâm Việt Nam trồng tại Lâm Đồng trong các bộ phận dưới đất qua từng năm tuổi từ 2-6 tuổi. Việc đánh giá hàm lượng các saponin chính sẽ dựa vào phương pháp HPLC hiện đại với các detector PDA/CAD/ELSD/MS sử dụng 5 chất chuẩn gồm các saponin đặc trưng của sâm Việt Nam là ginsenosid Rb1 (G-Rb1), ginsenosid Rd (G-Rd), ginsenosid Rg1 (G-Rg1), majonosid R2 (M-R2) và vinalginsenosid R2 (V-R2). Xây dựng TCCS cho sâm Việt Nam trồng tại Lâm Đồng. Nghiên cứu bào chế 4 sản phẩm từ nguyên liệu sâm Việt Nam trồng ở Lâm Đồng gồm: Cao lỏng sâm Việt Nam; Bột chiết chứa 20 % cao lỏng sâm Việt Nam; Sâm

Việt Nam tâm mật ong; Trà hòa tan sâm Việt Nam. Thiết lập quy trình bào chế, TCCS, thiết kế bao bì và theo dõi độ ổn định 4 sản phẩm nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: HCM-154-2023

30404. Hoá dược học

89252. 12-2023 **Thiết kế, tổng hợp một số dẫn chất ức chế acetylcholine esterase mới hướng ứng dụng trong phát triển thuốc điều trị bệnh mất trí nhớ/** PGS. TS. Nguyễn Thị Thuận, PGS.TS. Phan Thị Phương Dung; GS.TS. Nguyễn Hải Nam; ThS. Đỗ Thị Mai Dung; KS. Trần Quốc Trung; DS. Phạm Thị Hoa; DS. Đỗ Thị Mai Hương - Hà Nội - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2023; 04/2019 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế và tổng hợp được khoảng 50 dẫn chất kiểu tương tự donepezil mang khung 2-oxoindoline, 5-aryldenethiazolidin-2,4-dion và tương tự hướng ức chế AchE. Thử hoạt tính sinh học: Thử tác dụng ức chế AchE và ức chế butylcholine esterase (in vitro) của các dẫn chất tổng hợp được; Đánh giá mức độ chọn lọc ức chế AchE của các chất tổng hợp được. Đánh giá độc tính trên tế bào thường của các chất tổng hợp được. Đánh giá tác dụng in vivo của 1-2 chất đại diện triển vọng nhất. Thiết lập mối liên quan cấu trúc, tác dụng ức chế AchE của các dẫn chất tổng hợp được.

Số hồ sơ lưu: 22772

89761. 12-2023 **Phát triển mỹ phẩm trẻ hoá da từ protein tái tổ**

hợp FGF-2, EGF/ PGS.TS. Đặng Thị Phương Thảo, TS. Nguyễn Thị Mỹ Trinh; ThS. Trương Thị Bích Ngọc; CN. Lê Khả Hân; ThS. Ngô Thị Huyền Trang; ThS. Nguyễn Phạm Anh Thư; ThS. Lê Mai Hương; Xuân; TS. Nguyễn Trí Nhân; CN. Đào Mỹ Linh; CN. Trịnh Kim Thảo - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, 2022; 10/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan nhân tố tăng trưởng nguyên bào sợi FGF-2. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng biểu hiện protein ở chủng E. coli và tinh chế protein bằng phương pháp sắc ký. Tạo dòng E. coli mang gen và tổng hợp FGF-2 tái tổ hợp. Biểu hiện và thu nhận protein tái tổ hợp FGF-2 từ E. coli. Đánh giá số lượng và chất lượng nguyên liệu đầu vào. Tạo dòng E. coli mang gen và tổng hợp EGF tái tổ hợp. Biểu hiện và thu nhận EGF tái tổ hợp từ E.coli. Đánh giá số lượng và chất lượng EGF tái tổ hợp. Xây dựng công thức mỹ phẩm dưỡng -trẻ hoá da từ FGF-2 và EGF. Sản xuất thử nghiệm 1500 sản phẩm mỹ phẩm dưỡng – trẻ hóa da (30ml/chai) và đánh giá hiệu quả mỹ phẩm trên tình nguyện viên.

Số hồ sơ lưu: HCM-064-2023

30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế

89875. 12-2023 **Nghiên cứu chế tạo thiết bị Laser điều trị trong y tế công suất 30w theo công nghệ RF-CO2/** ThS. Phan Thị Cảnh, KS. Hà Hoài Nam; KS. Thái Quang Tùng; TS. Nguyễn Tuấn Anh; BS.

Nguyễn Minh Tân; KS. Nguyễn Đức Hùng; KS. Vũ Toàn Thắng; CN. Phạm Trung Kiên; KS. Phạm Văn Chính; ThS. Chu Thị Minh Hoa - Hà Nội - Trung Tâm Công Nghệ Laser, 2023; 06/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Trình bày một số khái niệm và cơ sở lý thuyết liên quan đến công nghệ chế tạo và cơ chế kích thích bức xạ laser RF-CO₂; Công nghệ công nghệ quang nhiệt phân đoạn chùm tia FP (Fractional Photothermolysis); Thiết kế, chế tạo phần cứng thiết bị laser điều trị vi điểm theo công nghệ RF-CO₂; Thiết kế và viết các chương trình điều khiển, quản lý thiết bị; Đo lường thông số kỹ thuật các tín hiệu điều khiển thiết bị.

Số hồ sơ lưu: 23017

89920. 12-2023 **Nghiên cứu bào chế tiểu phân nano Honokiol nhằm tăng khả năng hướng đích tế bào ung thư/** TS. Lê Thị Thuý Dương, PGS.TS. Nguyễn Thị Mai Phương; PGS.TS. Hồ Anh Sơn; TS. Nguyễn Trung Nam; TS. Lý Thị Bích Thuý; TS. Nguyễn Thị Thảo; ThS. Bùi Thị Lan Phương; ThS. Đinh Thị Ngọc Thuý; ThS. Quách Thị Liên; ThS. Lê Thị Huệ; CN. Vũ Mạnh Cường; TS. Lê Thanh Hoàng; ThS. Nguyễn Thị Thanh Lan - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học, 2023; 09/2019 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Chiết xuất và tinh sạch Honokiol từ vỏ cây Hậu phác; Tổng hợp copolymer PLGA-PEG-COOH;

Xây dựng quy trình bào chế tiểu phân nano Honokiol theo định hướng đường tiêm; Đánh giá hiệu quả hướng đích tế bào ung thư của các sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 23026

4. Khoa học nông nghiệp

88321. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất kiệu (Allium chinense) đạt chứng nhận Vietgap tại huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp/** TS. Võ Thị Bích Thủy; PGS.TS. Trần Thị Ba; PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga; TS. Trịnh Thị Xuân; TS. Đoàn Thị Kiều Tiên; ThS. Cao Bá Lộc; ThS. Nguyễn Thị Cẩm Hằng; ThS. Nguyễn Thị Minh Châu; ThS. Nguyễn Anh Tàu; KS. Nguyễn Thị Bích Dân - Trường Đại học Cần Thơ - Trường Đại học Cần Thơ, 2020; 02/2020 - 08/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hiện tại, cây Kiệu đã trở thành cây trồng đặc trưng mang lại giá trị kinh tế cao trong sản xuất nông nghiệp ở huyện Tam Nông. Thông tin từ Phòng Nông nghiệp huyện thì diện tích trồng Kiệu tính đến tháng 6/2018 vào khoảng 130 ha, tập trung chủ yếu ở các xã Phú Hiệp, Phú Đức và Phú Thành B. Mùa vụ chính là Đông Xuân, từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau để bán Kiệu tươi, năng suất bình quân 20-30 tấn/ha, duy nhất chỉ có 01 giống bản địa, được nông dân tự giữ giống. Bên cạnh sản xuất Kiệu thương phẩm, huyện Tam Nông còn cung cấp Kiệu giống phục vụ trồng Tết cho nhiều địa phương khác. Tuy nhiên, việc áp dụng tiến bộ khoa học

kỹ thuật vào sản xuất Kiệu của huyện cũng chưa được chú trọng nhiều (tương tự trên thế giới, rất hiếm công trình nghiên cứu Kiệu được công bố); tập quán sản xuất Kiệu vẫn là trồng liên tục nhiều năm trên một thửa ruộng, mật độ trồng cao, sử dụng phân hữu cơ với liều lượng rất thấp đối với loại rau lấy củ trong khi đất rất nghèo hữu cơ, còn lạm dụng phân hóa học đã dẫn đến suy thoái đất, sâu bệnh gây hại ngày càng nhiều, đặc biệt bị dòi đục lá (*Liriomyza sativae*), bệnh cháy lá, thối củ (do vi khuẩn *Xanthomonas* sp.) và chưa có biện pháp quản lý tốt Kiệu giống... Chỉ có một cơ sở làm dưa Kiệu (chủ yếu đem Kiệu về rửa sạch, ngâm muối, chưa được cấp giấy chứng nhận vì chưa có nguồn nguyên liệu Kiệu an toàn, đang trong quá trình xây dựng thương hiệu Kiệu Phú Hiệp nên nông dân trồng Kiệu ở Tam Nông ngày càng đổi mặt với nhiều khó khăn.

Số hồ sơ lưu: DTP-2023-006

89699. 12-2023 **Tiếp nhận kỹ thuật và nhân rộng mô hình nuôi thương phẩm sà sùng (*Sipunculus nudus* Linnaeus, 1767).**/ Nguyễn Ngọc Ý, - KS. Trần Thị Lệ Duyên - KS. Nguyễn Xuân Hữu - KS. Trần Thị Anh Thư - KS. Nguyễn Trọng Nhân - Vạn Ninh, Khánh Hòa - UBND huyện Vạn Ninh, 2023; 04/2022 - 09/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Sà sùng là đối tượng nuôi phù hợp và có khả năng phát triển tại khu vực ven biển các xã Vạn Khánh, Vạn Long và Vạn Phước. Đề tài đã tiếp nhận thành công Quy trình kỹ

thuật nuôi thương phẩm sà sùng trong ao đất từ Viện Nghiên cứu nuôi trồng Thủy sản III. Đề tài đã thực hiện thành công mô hình nuôi sà sùng thương phẩm trong 2 ao đất tại xã Vạn Khánh (quy mô: 1.000 m²/mô hình); tỷ lệ sống >84%, năng suất 5,9 tấn/ha. Sản lượng sà sùng thương phẩm: 1.180 kg, kích cỡ 87-90 con/kg, đạt hiệu quả kinh tế cao. Đề tài đã tổ chức 01 lớp hội thảo tập huấn kỹ thuật nuôi thương phẩm sà sùng trong ao đất cho 30 hộ dân để có thêm đối tượng nuôi mới hiệu quả, phát triển kinh tế gia đình. Để đảm bảo giống khỏe, xuống đáy nhanh, đạt tỷ lệ sống cao kích thước con giống nên từ 3 - 5 cm. Điều chỉnh thời gian cho sà sùng ăn từ 8 giờ thành 17 - 18 giờ cho kết quả tốt.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/350

89701. 12-2023 **Bảo tồn nguồn gen gà nhiều cựa của đồng bào Dao thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ/** GS.TS. Nguyễn Thị Kim Lan; PGS.TS. Nguyễn Thị Ngân; PGS.TS. Lê Minh; TS. Dương Thị Hồng Duyên; TS. Phạm Diệu Thùy; TS. Nguyễn Đức Trường; ThS. Trần Nhật Thắng; TS. Nguyễn Văn Quang; TS. Phạm Thị Hồng Phúc; PGS.TS. Nguyễn Thị Thúy My; TS. La Văn Công; TS. Hồ Thị Bích Ngọc; TS. Đỗ Thị Lan Phương; TS. Trần Thị Hoan; TS. Nguyễn Thu Trang; TS. Nguyễn Thị Bích Đào; TS. Nguyễn Thị Lương; ThS. Mai Hải Hà Thu; CN. Trần Thị Thắm - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông Lâm, 2023; 07/2020 -

05/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Bảo tồn bền vững và lưu giữ được nguồn gen Gà Nhiều Cựa của đồng bào Dao thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ phục vụ sản xuất gà thương phẩm và công tác chọn giống. Điều tra số lượng, địa bàn phân bố, sinh trưởng, sinh sản, khả năng sản xuất thịt và chất lượng thịt Gà Nhiều Cựa của đồng bào Dao thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ. Phân tích được giá trị kiểu gen Gà Nhiều Cựa của đồng bào Dao thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ và đăng ký trên ngân hàng gen quốc tế. Xây dựng được mô hình đàn hạt nhân gồm 04 mô hình bảo tồn tại vị (In-situ) và 01 mô hình bảo tồn chuyển vị (Ex-situ); Xây dựng được 04 mô hình đàn nhân thuần (đàn sản xuất) gà nhiều cựa của đồng bào Dao. Xây dựng 01 quy trình chăn nuôi Gà Nhiều Cựa. Xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn gen Gà Nhiều Cựa của đồng bào Dao thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ được bảo tồn.

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-19

89715. 12-2023 **Ứng dụng quy trình trồng mía (*Saccharum spp.*) phù hợp trên từng vùng đất khô hạn tại thị xã Ninh Hòa.**/ Trần Thiện Hùng, - ThS. Nguyễn Ngọc Ánh - KS. Trần Anh Việt - KS. Nguyễn Quốc Tuấn - ThS. Phạm Thị Hồng Phúc - Ninh Hòa, Khánh Hòa - Sở Nông nghiệp và PTNT Khánh Hòa, 2023; 03/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Trong thời gian triển khai đề tài: “ứng dụng quy trình trồng mía (*Saccharum spp.*) phù hợp trên từng vùng đất khô hạn tại TX. Ninh Hòa” qua triển khai rút ra một số kết luận như sau: Trồng mía bằng phương pháp đào hố với mật độ 14 hom/hố và trồng mía theo phương pháp đào rãnh sâu 50 cm với điều kiện tại TX. Ninh Hòa cây mía có năng suất cao nhất. Năng suất mía hố đạt 71,9 tấn/ha và mía rãnh sâu đạt 71,6 tấn/ha cao hơn so với đối chứng từ 25,0 - 25,5% và tỷ suất lợi nhuận đạt 1,5 lần góp phần mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân sản xuất mía tại Khánh Hòa. Qua đó hoàn thiện được 02 quy trình trồng mía cho năng suất cao: Quy trình trồng mía bằng phương pháp đào hố; Quy trình trồng mía bằng phương pháp đào rãnh sâu. Tập huấn chuyển giao kỹ thuật trồng mía bằng phương pháp đào hố và rãnh sâu cho 80 hộ dân tại thị xã Ninh Hòa.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/353

89721. 12-2023 **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trồng cây ngô Nữ hoàng đỏ (Siam Ruby Queen) Khánh Hòa/ Nguyễn Minh Hà, - ThS. Trần Thượng Hào - KS. Hồ Thị Lan Anh - Khánh Hòa - Sở Nông nghiệp và PTNT Khánh Hòa, 2023; 10/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Hầu hết các chỉ tiêu về sinh trưởng, năng suất đều cho thấy có sự nhỉnh hơn tại mật độ CT1 so với mật độ CT2. Tuy nhiên, khi so sánh yếu tố cấu thành nên năng suất thực thu là mật độ trồng và trọng lượng trung

bình bắp ngô, ta có thể thấy được sự vượt trội về năng suất tại các vụ Đông Xuân và Hè Thu của mật độ CT2 so với CT1. Cụ thể tại vụ Đông Xuân, năng suất thực thu tại mật độ CT2 cao hơn 2.177kg (17%) so với mật độ CT1. Vụ Hè Thu tại mật độ CT2, năng suất thực thu 13.061 kg/ha, cao hơn 2091 kg/ha (16,1%) so với mật độ CT1. Tuy nhiên, do mật độ của lô khảo nghiệm CT2 tới 60.600 cây/ha, cao hơn sơ với mật độ lô khảo nghiệm CT1 tới 21,45% nên ảnh hưởng tới tỷ lệ đạt kích cỡ bắp ngô loại 1, 2 và 3. Nhóm thực hiện đề tài khuyến cáo nông dân nên trồng ở mật độ 60.600 cây/ha để đạt hiệu quả về kinh tế tốt nhất. Ngô Nữ hoàng là giống ngô ngọt, có độ brix cao nên thu hút rất nhiều sinh vật gây hại. Cây rất dễ bị các đối tượng như sâu đục thân, châu chấu, dế, chuột tấn công ở tất cả các giai đoạn. Nhất là chuột tấn công giai đoạn phun râu và tạo hạt. Khi áp dụng triển khai nhân rộng, cần phòng ngừa các đối tượng này bằng nhiều biện pháp sinh học, vật lý để đảm bảo sản phẩm an toàn đến tay người sử dụng. Ngô Nữ hoàng là giống ngô ăn sống trực tiếp nên chi phí về phân bón hữu cơ cũng cao hơn nhiều so với giống ngô khác. Chi phí nhân công cao từ 28-30% trên cùng diện tích so với trồng ngô khác do mật độ cao hơn, chăm sóc cần nhiều nhân công hơn. So về lợi nhuận canh tác trên 1 ha, trồng ngô Nữ hoàng đem lợi nhuận gấp từ 2,5-3 lần so với các giống ngô khác.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/354

89774. 12-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp phục hồi sinh cảnh hoa hoàng đầu ấn (*Xyris indica* L.) tại Vườn Quốc gia Tràm Chim/** ThS. Đoàn Văn Nhanh; KS. Trần Văn Quý; KS. Nguyễn Hoàng Minh Hải; ThS. Lý Văn Lợi; KS. Dương Văn Sự - Đồng Tháp - Vườn Quốc gia Tràm Chim, 2021; 07/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Mục tiêu của đề tài là phục hồi Hoàng đầu ấn (*Xyris indica* L.) nhằm phục vụ cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học, tạo sản phẩm du lịch đặc trưng tại Vườn Quốc gia Tràm Chim. Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, đề tài đã bố trí thí nghiệm là khối hoàn toàn ngẫu nhiên (randomized Completed block design - RCBD) với 3 khối nghiệm thức và 3 lần lặp lại (mỗi một khối gồm 6 nghiệm thức khác nhau và 01 nghiệm thức đối chứng). Tổng số lô (đơn vị) thí nghiệm là 18 lô và 01 lô đối chứng. Diện tích của mỗi lô thí nghiệm là 500m² (25 m x 20 m), tổng diện tích cần cho thí nghiệm là 10.500 m² (1.05 ha). Thời gian thực hiện 18 tháng, bắt đầu từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 12 năm 2022.

Số hồ sơ lưu: DTP-2023-013

89833. 12-2023 **Xây dựng và phát triển mô hình nông lâm nghiệp kết hợp cho vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang./** TS. Võ Thái Dân, ThS. Phạm Thị Thùy Dương; ThS. Nguyễn Thị Lan Phương; TS. Nguyễn Châu Niên; ThS. Phạm Hữu Nguyên; ThS. Nguyễn Minh Tôn; TS. Trần Văn Thịnh; ThS. Nguyễn Quốc Bình; ThS. Trương Minh Thức

- TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh, 2022; 10/2018 - 10/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá thực trạng sản xuất, hiệu quả kinh tế các mô hình canh tác nông lâm nghiệp và các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất nông lâm nghiệp vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang; Cải thiện mô hình vườn hiện hữu của một số hộ dân cư vùng Bảy Núi; Xây dựng một số mô hình vườn rừng với cơ cấu cây trồng theo định hướng Nông - Lâm kết hợp; Đánh giá tác động của mô hình vườn rừng đến sinh kế người dân;

Số hồ sơ lưu: AGG-2023-004

89939. 12-2023 **Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất dưa lưới đạt tiêu chuẩn VietGAP tại Khánh Hòa.**/ Võ Thị Bích Chi, - CN. Phan Thị Hồng Thắm - ThS. Nguyễn Minh Hà - KS. Nguyễn Trần Thanh - KS. Hoàng Thị Thanh Mận - KS. Lê Thị Huyền Tâm - KS. Vũ Thị Kim Dung - ThS. Ngô Thị Anh Khôi - Nha Trang, Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Chế tạo máy SINCO, 2023; 04/2021 - 04/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Về đánh giá 5 giống thí nghiệm, kết quả đã chọn được 02 giống cết quả sinh trưởng, phát triển phù hợp với Khánh Hòa và cho hiệu quả nhất là giống To Love 999 và Thong ham 999. Về giá thể, kết quả chọn được giá thể c tỷ lệ 20% phân trùn quế và 40% đất phù sa + 40% than bùn, trấu hun phù hợp để làm giá thể trồng dưa lưới. Hoàn thiện

quy trình sản xuất dưa lưới: Đã bổ sung các bước trong quy trình trồng về chọn giống trồng, chọn giá thể trồng từ các kết quả của các nội dung triển khai và chọn đánh giá thử nghiệm lại qua việc triển khai mô hình.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/356

89970. 12-2023 **Dự án: Ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất nấm Đông trùng hạ thảo (Cordyceps militaris) trên giá thể gạo lứt và các ký chủ khác nhau tại tỉnh Hà Giang/** ThS. Nguyễn Thị Hoa Ánh, 1. PGS.TS. Trần Thị Thu Hà; 2. ThS. Vũ Kỳ Liên; 3. KS. Trần Đức Vinh; 4. PGS.TS. Khuất Hữu Trung; 5. PGS.TS. Bùi Văn Thắng; 6. KS. Đào Thị Thùy Linh; 7. KS. Trần Thị Lụa; 8. CN. Hồ Thanh Thúy; 9. CN. Nguyễn Thị Thu Trang. - Hà Giang - Chi nhánh Công ty Cổ phần phát triển Nông Lâm nghiệp và Môi trường Việt Nam, 2023; 05/2020 - 05/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tiếp nhận và làm chủ được 03 quy trình: Nuôi trồng nấm Đông trùng hạ thảo trên giá thể gạo lứt và trên một số loại ký chủ trong điều kiện bán tự nhiên; sơ chế và bảo quản nấm Đông trùng hạ thảo tại Hà Giang; Xây dựng được 02 mô hình: Sản xuất nấm Đông trùng Hạ thảo trên giá thể gạo; sản xuất nấm Đông trùng Hạ thảo trên ký chủ tầm dâu, tầm sắn, sâu chít; Đào tạo được 10 kỹ thuật viên và 20 lượt hộ nông dân về kỹ thuật sản xuất nấm Đông trùng hạ thảo. Ứng dụng thành công công nghệ sản xuất nấm Đông trùng

hạ thảo trên giá thể gạo lứt và các kí chủ khác nhau (*tầm dâu, tầm sắn, sâu chít*) tại tỉnh Hà Giang.

Số hồ sơ lưu: HSDKTTKHCN-HG-2023

90016. 12-2023 **Ứng dụng công nghệ trong thiết kế và chế tác ngọc trai theo chuỗi giá trị gắn với phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên/ThS. Trần Việt Vinh; KS. Nguyễn Quang Hùng; KS. Đỗ Thị Thu Hằng; CN. Nguyễn Thị Hằng; Nguyễn Thị Mai; Nguyễn Văn Mười - Thái Nguyên - Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Thảo Vân, 2023; 12/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)**

Ứng dụng công nghệ trong thiết kế và chế tác ngọc trai theo chuỗi giá trị gắn với phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên. Tiếp nhận và làm chủ công nghệ thiết kế, chế tác nhân cây nhằm chủ động, đa dạng nguồn nhân cây hiện nay tại Thái Nguyên. Thiết kế và chế tác thành công một số sản phẩm ngọc trai nước ngọt.

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-21

40102. Thổ dưỡng học

89150. 12-2023 **Nghiên cứu mức độ suy thoái, nguyên nhân và biện pháp phục hồi độ phì đối với đất trồng cà phê và hồ tiêu ở Tây Nguyên/ TS. Nguyễn Xuân Lai, PGS.TS. Trần Minh Tiến; TS. Nguyễn Quang Hải; TS. Nguyễn Thu Hà; ThS. Lê Thị Mỹ Hào; ThS. Nguyễn Đức Dũng; ThS. Nguyễn Việt Hiệp; ThS. Hồ Công Trục; TS. Nguyễn Xuân Hòa; TS. Ngô Vĩnh Viễn - Hà Nội - Viện Thổ Dưỡng**

Nông hóa, 2022; 01/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định các yếu tố hạn chế độ phì nhiêu đất (vật lý, hóa học và sinh học), nguyên nhân chính dẫn đến sự suy thoái đất trồng cà phê và hồ tiêu tại Tây Nguyên. Phân tích tương quan giữa một số tính chất đất với mật độ vi sinh vật đất (vi sinh vật có ích và vi sinh vật gây bệnh) trong đất trồng cà phê và hồ tiêu tại Tây Nguyên. Xác định giải pháp ổn định và phục hồi độ phì nhiêu đất, lập lại cân bằng hệ sinh vật trong đất, phục hồi và ổn định pH đất và xây dựng đọtọc hướng dẫn kỹ thuật cải tạo độ phì nhiêu đất trồng cà phê và hồ tiêu tại Tây Nguyên.

Số hồ sơ lưu: 22734

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

89145. 12-2023 **Thiết lập phương pháp mới trong khử trùng mẫu, môi trường nuôi cấy và khắc phục một số hiện tượng bất thường trong vi nhân giống trên một số đối tượng cây trồng có giá trị kinh tế/ TS. Hoàng Thanh Tùng, TS. Vũ Quốc Luận; TS. Nguyễn Bá Nam; TS. Hoàng Thị Như Phương; TS. Vũ Thị Hiền; TS. Trần Hiếu; TS. Đỗ Mạnh Cường - Lâm Đồng - Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Đưa ra phương pháp khử trùng môi trường và khử trùng mẫu cấy ex vitro mới cũng như khắc phục một số hiện tượng bất thường trong nuôi cấy in vitro trên một số cây trồng có giá trị kinh tế. Đánh giá hiệu quả

việc sử dụng nano bạc trong việc thay thế các chất khử trùng thông dụng như thủy ngân clorua hay canxi hypochlorite trong nuôi cấy in vitro trên một số đối tượng cây trồng. Đánh giá hiệu quả của nano bạc trong khử trùng môi trường nuôi cấy in vitro không cần trải qua giai đoạn hấp khử trùng nhằm đánh giá khả năng tiết trùng môi trường nuôi cấy. Khắc phục một số hiện tượng bất thường trong nuôi cấy in vitro như thủy tinh thể, vàng, rụng lá, hóa nâu... Xây dựng quy trình nhân giống in vitro từ giai đoạn khử trùng đến giai đoạn trồng ra ngoài vườn ươm trên môi trường có sử dụng nano bạc.

Số hồ sơ lưu: 22740

89767. 12-2023 Sản xuất thử và hoàn thiện quy trình canh tác giống lúa thuần KOJI tiến tới công nhận lưu hành giống cây trồng/ Bùi Cảnh Toàn, Lâm Văn Chiêu; Bùi Cảnh Toàn; Nguyễn Văn Hoàng; Trần Anh Tiến; Nguyễn Thị Thủy; Hoàng Thị Nguyệt; Lâm Thị Hà - Nam Định - Công ty TNHH Cường Tân, 2023; 06/2021 - 05/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sản xuất thử và hoàn thiện quy trình canh tác giống lúa thuần KOJI tiến tới công nhận lưu hành giống cây trồng: Hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất giống và kỹ thuật canh tác giống lúa thuần KOJI; Xây dựng mô hình trình diễn giống lúa thuần KOJI tại các tỉnh thuộc khu vực đồng bằng sông Hồng quy mô 500 ha (Nam Định 400 ha; Hải Dương 15 ha; Hà Nam 15 ha; Bình Bình 15 ha; Thái Bình 15 ha. ; năng suất bình

quân lớn hơn hoặc bằng 6,0 tấn/ha trong vụ xuân; đạt >5,5 tấn/ha vụ mùa; Hoàn thiện hồ sơ đề nghị Bộ NN&PTNT xem xét tiến tới quyết định công nhận lưu hành giống lúa thuần KOJI

Số hồ sơ lưu: 07-2023

90070. 12-2023 Thử nghiệm phân bón nano ĐH'93 vào sản xuất giống lúa Hương Bình trên địa bàn xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa/ KS. Đinh Sỹ Hoạt; Đinh Thị Thu Quý; Đinh Thị Thu Liễu; Đinh Thanh Hà; Nguyễn Văn Minh; Cao Thị Ánh Nguyệt; Nguyễn Thị Trang - Công ty TNHH Giải pháp Chất lượng VQB - Công ty TNHH giải pháp chất lượng VQB, 2023; 11/2022 - 10/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình sản xuất lúa Hương Bình sử dụng phân nano ĐH'93 với diện tích 4 ha. Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, chống chịu sâu bệnh, năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế của mô hình. Hoàn thiện quy trình sản xuất giống lúa Hương Bình sử dụng phân nano ĐH'93 phù hợp với điều kiện huyện Minh Hóa.

Số hồ sơ lưu: 18/2023-QLKHCN

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả

89207. 12-2023 Ứng dụng Khoa học và Công nghệ xây dựng mô hình phát triển cây Cam chất lượng cao, rải vụ trên địa bàn tỉnh Hà Giang/ ThS. Đoàn Đức Thành, KTV. Nguyễn Văn Phong; KTV.

Nguyễn Văn Tuyên; KTV. Nguyễn Quang Huy; Nguyễn Văn Dũng; Cao Văn Chí; Nguyễn Thị Ngọc Ánh; Nguyễn Thị Thúy; Nguyễn Văn Trọng; Nguyễn Việt - Hà Giang - Công ty cổ phần thương mại và dược phẩm Hoàng Giang, 2023; 04/2019 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận và làm chủ công nghệ nhân giống, trồng mới và thâm canh cam chín sớm giống CS 1 sạch bệnh trên đồng ruộng ứng dụng công nghệ nhỏ giọt kết hợp cung cấp chất dinh dưỡng; Xây dựng mô hình nhân giống: quy mô 2.200m², trong đó có 200 m² nhà lưới và 2.000 m² vườn ươm ngoài trời để sản xuất giống cam chín sớm CS 1 sạch bệnh với công suất 30.000 cây giống/năm tại huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang; Xây dựng được mô hình trồng mới giống cam chín sớm CS 1 với quy mô 30 ha tại các huyện Vị Xuyên, Bắc Quang và Quang Bình của tỉnh Hà Giang cây sinh trưởng, phát triển tốt, độ đồng đều đạt trên 98%; Xây dựng mô hình thâm canh cam CS1 sạch bệnh ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt kết hợp cung cấp chất dinh dưỡng quy mô 5 ha, tiết kiệm nước tưới từ 40-60%, tiết kiệm phân bón từ 20-30%, năng suất dự kiến tăng 10-15%.

Số hồ sơ lưu: 22763

89358. 12-2023 Sản xuất thử nghiệm 2 giống hoa lan kiểng Thanh Ngọc và Hoàng Vũ tại một số tỉnh phía Bắc/ PGS. TS. Đặng Văn Đông, ThS. Chu Thị Ngọc Mỹ; ThS. Đặng Tiến Dũng; TS. Nguyễn Văn Tiến; TS. Nguyễn Văn Tỉnh;

ThS. Dương Văn Minh; KS. Nguyễn Văn Tòng; KS. Đặng Thị Phương Anh - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2023; 09/2019 - 02/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hoàn thiện quy trình nhân giống hoa lan kiểng Thanh Ngọc (*Cymbidium sinense* var *co*) và Hoàng Vũ (*Cymbidium sinense* nd) bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào và phương pháp tách chồi; Hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc cho lan kiểng Thanh Ngọc, Hoàng Vũ. Xây dựng mô hình nhân giống hoa lan Thanh Ngọc và Hoàng Vũ, quy mô 15.000 - 20.000 cây/giống, cây giống đạt tiêu chuẩn xuất vườn. Xây dựng mô hình sản xuất hoa thương phẩm, quy mô 10.000 - 15.000 cây/giống với giá thành sản xuất bằng 70% so với áp dụng công nghệ xuất xứ có sự tham gia của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 22828

89606. 12-2023 Nghiên cứu chọn tạo một số dòng ớt chỉ địa cho các tỉnh phía Nam/ ThS. Huỳnh Thị Phương Liên, Trần Kim Cương; Nguyễn Ngọc Vũ; Lê Nguyễn Lan Thanh; Nguyễn Thị Hương Lan; Huỳnh Vũ Sơn - Tiền Giang - Viện cây ăn quả Miền Nam, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan nghiên cứu về nguồn gen và giá trị sử dụng của cây ớt. Phân lập và khảo sát, đánh giá các dòng ớt chỉ địa. Nghiên cứu khả năng kết hợp của các dòng ớt chỉ địa. Khảo sát đặc tính nông học các dòng

ớt chỉ địa. Đánh giá năng suất và mức độ nhiễm bệnh của các dòng ớt chỉ địa.

Số hồ sơ lưu: 22933

89878. 12-2023 **Phát triển sản xuất một số cây trồng hàng hóa góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn/** Ths. Ma Đình Tranh, KS Hoàng Thị Thùy; Ths Ma Đình Tranh; KS Nông Thị Bắc; KS Triệu Văn Sỹ; CN Ma Đình Toàn; Ths Vũ Trí Quân; Ths Nguyễn Văn Tuấn; CN Ma Thanh Lê - Trung Tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Chợ Đồn - Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Chợ Đồn, 2021; 03/2017 - 02/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng 5,0ha mô hình trồng thâm canh cây Chè Shan, Tỷ lệ sống đạt 88%, hiện nay chiều cao trung bình đạt 50-75 cm; đường kính gốc đạt 1,0-1,3 cm; đã tạo được bộ khung tán cho cây chè Shan. Trong năm 2020 đã bắt đầu được thu hái. Xây dựng thành công 10 ha mô hình trồng thâm canh hồng không hạt. Tỷ lệ sống đạt 90%; chiều cao cây trung bình đạt 100-150 cm; đường kính gốc trung bình đạt trên 1,5 cm trở lên, đã vít cành tạo tán cho cây. 40104. Xây dựng 5,0 ha mô hình trồng mới cây mận chín sớm. Tỷ lệ sống đạt 92%, chiều cao cây trung bình đạt 150 - 180 cm, đường kính gốc đạt 0,3- 0,5 cm đã bói quả từ năm thứ 3. Xây dựng được 3,5 ha mô hình cải tạo cây hồng không hạt, các cây cải tạo sinh trưởng, phát triển tốt. Năng suất, chất lượng và

hiệu quả mô hình đều đạt và vượt so với thuyết minh. Đào tạo tập huấn được 10 lớp, với 343 hộ dân về kỹ thuật nhân giống, trồng trọt, thâm canh và cải tạo các loại cây ăn quả mận, hồng và cây chè. Qua các lớp tập huấn năng lực của người dân được nâng cao về kiến thức và kỹ năng đề chủ động trồng và chăm sóc, cải tạo các loại cây ăn quả, cây chè tại các mô hình. Đã tổ chức được tham quan mô hình, hội thảo, các hộ dân đã trao đổi, học tập được kinh nghiệm tốt từ việc triển khai, quản lý, chăm sóc mô hình.

Số hồ sơ lưu: 04/2021 Quyền số 01-STD-QLCNCN

89879. 12-2023 **Ứng dụng khoa học công nghệ trong tuyển chọn cây ưu tú và phát triển cây mơ vàng tại tỉnh Bắc Kạn/** TS. Ngô Hồng Bình; KS. Phan Thị Thu; Ths. Bùi Thị Trâm Anh; KS. Nguyễn Đạt Hùng; Ths. Dương Vũ Gia Khánh; KS. Ngô Diệu Linh; KS. Ngô Hồng Quang; Ths. Đỗ Thị Thu Hằng; KS. Ngô Xuân Tùng. - Viện Nghiên cứu và Phát triển công nghệ Nông lâm nghiệp Thành Tây - Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Nông lâm nghiệp Thành Tây, 2021; 07/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tuyển chọn được 35 cây, giống mơ vàng ưu tú, các cây ưu tú sinh trưởng khỏe, năng suất cao (60,2-99,3 kg/cây 22 năm tuổi), ổn định, chất lượng tốt, đạt yêu cầu nhân giống phục vụ sản xuất. Đã cải tạo được 31,1 ha giống mơ vàng Bắc Kạn, các cây được cải tạo đều có năng suất cao, vượt trội so với cây

không cải tạo, năng suất mô hình cải tạo tăng 224,2-243,1% so với không tác động các biện pháp kỹ thuật. Xây dựng được mô hình trồng mới 10,0 ha mơ vàng Bắc Kạn. Cây giống trồng mới trong mô hình được nhân từ cây ưu tú được dự án tuyển chọn. Cây được nhân giống bằng phương pháp ghép. Tỷ lệ cây sống sau trồng cao (trên 85%), không sâu bệnh. Cây sinh trưởng khỏe, sau trồng 15 tháng, chiều cao cây mơ tại các điểm trồng mới đạt 1,5-1,8m, đường kính tán 1,3-1,5m, đường kính gốc 1,8-2,3cm, có 3-4 cành cấp 1, một số cây trong mô hình đã ra hoa và cho quả bói. Đã tổ chức tập huấn cho 112 lượt hộ dân trực tiếp tham gia mô hình. Sau tập huấn đa số các hộ dân đã nắm được kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hái, sơ chế cây mơ và tự áp dụng được các biện pháp kỹ thuật trên vườn hộ gia đình.

Số hồ sơ lưu: 04/2021 Quyển số 01-STD-QLCNCN

90036. 12-2023 **Phân tích đa dạng di truyền các giống mít (*Artocarpus heterophyllus*) ở đồng bằng sông Cửu Long bằng chỉ thị phân tử/** ThS. Ngô Thị Kim Anh, Nguyễn Minh Phương; Trần Thị Anh Thoa; Hồ Viết Thế; Đỗ Thị Hải Yến; Nguyễn Thị Thanh Thúy - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2021; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu tiến hành thu thập 20-30 mẫu mít từ các trại giống của trường đại học, viện nghiên cứu và các nhà vườn ở một số tỉnh của đồng bằng sông Cửu Long. Hoàn thiện

quy trình ly trích vật liệu di truyền (DNA) từ các mẫu mít, phân tích, đánh giá đa dạng di truyền của các mẫu mít bằng chỉ thị RAPD và ISSR. Qua đó, xác định mối quan hệ di truyền của các mẫu mít thu được dựa trên các cặp primer từ các công trình đã công bố. Từ đó, định danh các mẫu mít bằng giải trình tự mã vạch DNA vùng ITS

Số hồ sơ lưu: HCM-001-2023

90106. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất rau theo hướng hữu cơ và tổ chức sản xuất liên kết tại tỉnh Nam Định/** Lê Thị Thủy; Phạm Thị Tươi; Trịnh Thị Thanh Hương; Trần Thị Thu Trang; Nguyễn Văn Cường; Phạm Văn Tuấn; Cao Thị Loan - Nam Định - Trung tâm Thực nghiệm Sinh học Nông nghiệp Công nghệ cao, 2023; 01/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật trồng trọt cho 03 cây rau (cải củ, cà rốt, dưa lê) sử dụng phân bón hữu cơ tiên tiến đạt chứng nhận đang trong thời gian chuyển đổi sang canh tác hữu cơ tại tỉnh Nam Định; Xây dựng được mô hình 03ha sản xuất rau cải củ, dưa lê, cà rốt đạt chứng nhận đang trong thời gian chuyển đổi sang canh tác hữu cơ; Tổ chức sản xuất theo hướng liên kết tại địa phương.

Số hồ sơ lưu: 11-2023

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc

89432. 12-2023 **Nghiên cứu bảo tồn và xây dựng nguồn giống**

gốc cây sâm Ngọc Linh (*Panax vietnamensis* Ha et Grushv) tại huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam/ KS. Trịnh Minh Quý, KS. Nguyễn Mạnh Tuấn; ThS. Trịnh Minh Hải; KS. Lê Thị Thanh Hà; KS. Bùi Trọng Bình; CN. Hồ Thị Hoa; ThS. Hồ Thị Huyền Trân; ThS. Đặng Thị Thanh Hà; TS. Khuất Hữu Trung; TS. Đinh Xuân Tú; KS. Lê Thanh Sơn; KS. Hồ Thị Mười - Quảng Nam - Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp huyện Nam Trà My, 2023; 10/2017 - 06/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thu thập, xây dựng tập đoàn mẫu giống sâm Ngọc Linh bản địa của Việt Nam. Tiến hành bình tuyển, tuyển chọn và xây dựng bộ tiêu chuẩn cây đầu dòng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật chăm sóc cây đầu dòng. Xây dựng vườn nhân giống cây sâm Ngọc Linh đạt quy mô 500.000 cây giống (trong đó có 50.000 cây từ hạt cây đầu dòng/giống gốc đủ tiêu chuẩn xuất vườn), đồng thời xây dựng mô hình bảo tồn 100.000 cây sâm trên diện tích 4-5 ha

Số hồ sơ lưu: 22869

89564. 12-2023 Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen Quế trà my của tỉnh Quảng Nam/ ThS. Bùi Kiều Hưng, ThS. Lê Văn Quang; ThS. Phan Thị Luyến; TS. Lưu Cảnh Trung; TS. Đặng Văn Thuyết; ThS. Phạm Đôn; ThS. Trần Đức Mạnh; ThS. Trần Cao Nguyên; ThS. Đào Thị Huyền; PGS. TS. Khuất Hữu Trung - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam,

2023; 01/2018 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học và xác định giá trị sử dụng nguồn gen Quế Trà My. Chọn lọc cây trội; nghiên cứu bổ sung biện pháp kỹ thuật nhân giống; xây dựng vườn ươm, sản xuất giống và xây dựng vườn giống bằng cây ghép kết hợp khảo nghiệm dòng vô tính Quế Trà My. Nghiên cứu bổ sung một số biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng rừng và xây dựng mô hình thâm canh Quế Trà My theo hướng dẫn GACP-WHO. Tập huấn chuyển giao kỹ thuật và hội thảo phát triển bền vững cây Quế Trà My tại Quảng Nam.

Số hồ sơ lưu: 22922

89877. 12-2023 Nghiên cứu đặc điểm sinh học và kỹ thuật gây, trồng cây chè Hoa vàng (*Camellia spp.*) tại tỉnh Bắc Kạn/ TS. Trần Đình Hà; GS.TS. Đào Thanh Vân; ThS. Đỗ Thị Minh Hoa; TS. Hà Duy Trường; ThS. Lê Thị Kiều Oanh; TS. Đỗ Hoàng Chung; TS. Nguyễn Thị Thu Hoàn; CN. Dương Thị Ninh; KS. Nông Quốc Thụy; KS. Ma Đình Tranh. - Trung tâm Đào tạo, nghiên cứu giống cây trồng và vật nuôi, Đại học Nông lâm Thái Nguyên - Trung tâm Nghiên cứu cây trồng ôn đới miền núi phía Bắc Việt Nam (Nay là Trung tâm Đào tạo, nghiên cứu giống cây trồng và vật nuôi), 2021; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định thực trạng phân bố, khai thác và sử dụng cây chè Hoa

vàng tại một số điểm điều tra của huyện Chợ Đồn và Ba Bể. Việc khai thác nguồn vật liệu cây chè Hoa vàng trong tự nhiên để bán hoặc sử dụng hoa, lá, khai thác cây về trồng của người dân làm cho loài cây này ngày càng suy giảm. Sản phẩm cây chè Hoa vàng có giá trị kinh tế và dược liệu cao nên đã được một số ít hộ dân gây trồng tại xã Nghĩa Tá và Đồng Thắng với quy mô manh mún nhỏ lẻ và áp dụng nhân giống, trồng và chăm sóc cây chè chủ yếu theo kinh nghiệm. Đã xác định và thu thập được 01 loài chè Hoa vàng có đặc tính đặc trưng búp tím lá to khuyến cáo cho sản xuất, có tên khoa học là *Camellia murauchii* Ninh & Hakoda, với đặc tính ưu việt: Phân bố phổ biến, có khả năng nhân giống và trồng sản xuất, hoa và lá có kích thước lớn, thời gian ra hoa tập trung tháng 11 đến tháng 01 năm sau, được người dân địa phương quan tâm khai thác, trồng, sử dụng và tiềm năng thị trường tiêu thụ lớn với giá trị kinh tế cao. Nghiên cứu xác định được một số biện pháp kỹ thuật trong nhân giống bằng giâm hom phù hợp cho cây chè Hoa vàng Bắc Kạn búp tím lá to, góp phần khai thác tận dụng nguồn hom có kích thước bé mà người dân thường loại bỏ và hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác chè Hoa vàng Bắc Kạn tại địa phương.

Số hồ sơ lưu: 03/2021 Quyển số 01-STD-QLCNCN

89994. 12-2023 **Nghiên cứu giải pháp quản lý tổng hợp bệnh tua mực hại cây Quế tại tỉnh Quảng Nam và vùng phụ cận/ TS.**

Đào Ngọc Quang, TS. Nguyễn Minh Chí; GS.TS. Phạm Quang Thu; ThS. Nguyễn Mạnh Hà; TS. Lê Văn Bình; TS. Vũ Văn Định; TS. Nguyễn Thị Thúy Nga; TS. Trần Thanh Trăng; ThS. Lê Thị Xuân; ThS. Bùi Văn Dũng - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2023; 11/2018 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, đánh giá tình hình gây hại và phân bố của bệnh tua mực hại cây Quế tại tỉnh Quảng Nam và vùng phụ cận. Qua đó, xác định tác nhân gây bệnh, điều kiện phát sinh, phát triển và mức độ gây hại của bệnh tua mực trên cây Quế tại tỉnh Quảng Nam và vùng phụ cận. Từ những nghiên cứu, tìm hiểu trên đưa ra các biện pháp quản lý tổng hợp (IPM) bệnh tua mực trên cây Quế và chuyển giao, áp dụng có hiệu quả tại địa phương.

Số hồ sơ lưu: 23073

90029. 12-2023 **Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống, trồng và chế biến một số cây dược liệu (Đảng sâm Việt Nam, Đan sâm và Bạch chỉ) tại tỉnh Lào Cai/ Th.S.Nguyễn Thị Tần, CN.Nguyễn Quang Thắng; CN.Ngô Thị Nguyệt; Th.S.Nguyễn Hoài Nam; KS.Trần Thị Hợp; KS.Sý Trung Kiên; TS.Phan Thúy Hiền; Th.S.Đào Văn Núi; Th.S.Trịnh Văn Vượng; Th.S.Đặng Thị Hà; Th.S.Trần Đại Hải; Th.S.Trần Hữu Khánh Tân - Công ty TNHH Tâm Phát Green - Công ty TNHH Tâm Phát Green, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Tiếp cận các quy trình nhân giống, thu hoạch và sơ chế biến cây Đảng sâm Việt Nam, Đan sâm và Bạch chỉ phù hợp với điều kiện huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai; Xây dựng mô hình nhân giống cây Đảng sâm Việt Nam, Đan sâm và Bạch chỉ; Xây dựng mô hình sản xuất dược liệu 03 cây Đảng sâm Việt Nam, Đan sâm và Bạch chỉ; Xây dựng mô hình sơ chế biến dược liệu Đảng sâm Việt Nam, Đan sâm và Bạch chỉ tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai; Đào tạo tập huấn và hội nghị.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2023-058

40106. Bảo vệ thực vật

89404. 12-2023 **Nghiên cứu biện pháp quản lý bệnh hại dâu tằm do vi khuẩn tại các tỉnh miền Bắc/** ThS. Nguyễn Thuý Hạnh, KS. Hoàng Minh Tuấn; ThS. Phạm Minh Ngọc; ThS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Bùi Thị Thủy; ThS. Nguyễn Thị Khánh Ly - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ Trung ương, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu này điều tra, đánh giá tình hình hiện trạng phát sinh bệnh vi khuẩn hại tằm ở một số vùng nuôi tằm ở miền Bắc Việt Nam. Thu thập, phân lập và nuôi cấy các chủng vi khuẩn *Bacillus* sp và *Serratia marcescens* được thu thập Thái Bình, Yên Bái, Sơn La. Ứng dụng kỹ thuật hiển vi quang học Light Microscope (LM) để quan sát so sánh hình thái bên ngoài các chủng vi khuẩn có

nguồn gốc thu thập khác nhau. Đồng thời đã tiến hành lây nhiễm nhân tạo để xác định mức độ gây độc của các chủng vi khuẩn. Nghiên cứu độc lực của vi khuẩn, theo dõi tốc độ sinh trưởng của khuẩn lạc. Nghiên cứu cơ chế gây bệnh của vi khuẩn sau khi xâm nhiễm vào cơ thể tằm và xác định các con đường lây nhiễm chính. Nghiên cứu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến vi khuẩn để bước đầu đề xuất biện pháp phòng trừ phù hợp.

Số hồ sơ lưu: 22854

89785. 12-2023 **Nghiên cứu sử dụng hoạt chất sinh từ xạ khuẩn trong phòng trừ nấm *Fusarium oxysporum* f.sp *cubense* (Foc) gây bệnh héo rũ Panama trên chuối/** PGS. TS. Nguyễn Thanh Hải, PGS.TS. Nguyễn Xuân Cảnh; TS. Đinh Trường Sơn; ThS. Nguyễn Thanh Huyền; ThS. Trần Thị Đào; ThS. Trần Thị Hồng Hạnh; ThS. Phạm Thị Thu Trang; KS. Nguyễn Thị Thu - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2023; 01/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Phân lập được nấm *Fusarium oxysporum* f.sp *cubense* gây bệnh héo rũ trên chuối tại Việt Nam. Sàng lọc được một số chủng xạ khuẩn có khả năng đối kháng với nấm *Fusarium oxysporum* f.sp *cubense*. Xác định và tách chiết được hợp chất có hoạt tính đối kháng nấm từ các chủng xạ khuẩn đã tuyển chọn. Đánh giá được hoạt tính của hợp chất đã thu nhận với nấm *Fusarium oxysporum* f.sp *cubense*.

Số hồ sơ lưu: 23007

89917. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy trình quản lý tổng hợp sâu hại Quế tại một số vùng trồng Quế trọng điểm (Miền núi phía Bắc và Quảng Nam)/** TS. Lê Văn Bình, ThS. Nguyễn Quốc Thống; ThS. Lê Trung Thành; TS. Đào Ngọc Quang; KS. Nguyễn Thị Tuyên; ThS. Nguyễn Hoài Thu; ThS. Bùi Quang Tiệp; ThS. Lương Minh Tâm; KS. Trần Việt Thắng; ThS. Trần Xuân Hưng - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2023; 01/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Điều tra bổ sung thành phần loài sâu hại Quế và xác định loài sâu hại chính trên cây Quế ở vườn ươm và rừng trồng tại miền núi phía Bắc (Yên Bái) và miền Trung (Quảng Nam). Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, sinh thái của các loài sâu hại chính trên cây Quế ở vườn ươm và rừng trồng tại Yên Bái và Quảng Nam. Nghiên cứu quy trình quản lý tổng hợp sâu hại chính ở vườn ươm và rừng trồng Quế tại Yên Bái và Quảng Nam. Xây dựng mô hình phòng chống tổng hợp sâu hại chính ở rừng trồng Quế tại Yên Bái và Quảng Nam.

Số hồ sơ lưu: 23021

40107. Bảo quản và chế biến nông sản

89211. 12-2023 **Nghiên cứu quy trình chiếu xạ kiểm dịch nhãn, xoài, thanh long trên máy gia tốc chùm tia điện tử UELR-10-15S2/** ThS. Nguyễn Thị Lý, KS. Chu Nhật Khánh; ThS. Cao Văn Chung; ThS. Phạm Thị Thu Hồng; CN.

Đoàn Bình; CN. Lê Quang Thành; TS. Phan Thị Thu Hiền; CN. Ngô Tường Vy - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu và triển khai công nghệ Bức xạ, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình chiếu xạ trái xoài, nhãn và thanh long hoàn chỉnh đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu cho thị trường Úc. Quy trình được xây dựng trên mô hình máy gia tốc năng lượng cao UELR-10-15S2 10 MeV có tại Trung tâm Nghiên cứu và Triển khai Công nghệ Bức xạ (VINAGAMMA). Quy trình đảm bảo sản phẩm sau xử lý phù hợp các tiêu chuẩn nhập khẩu của thị trường Úc về độ đồng đều liều hấp thụ bên trong thùng hàng, trong quả, chất lượng tự nhiên của quả (độ Brix, hàm lượng vitamin C, độ cứng trái, màu sắc quả, cảm quan). Đáp ứng định hướng phát triển của ngành chiếu xạ cũng như định hướng phát triển mở rộng thị trường chiếu xạ của Trung tâm VINAGAMMA. Ngoài ra, việc sử dụng kỹ thuật chiếu xạ như là biện pháp xử lý kiểm dịch thực vật cho trái cây tươi còn là một trong những nhiệm vụ chiến lược chính của Trung tâm trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 22768

89334. 12-2023 **Hỗ trợ doanh nghiệp đóng gói sản phẩm trái cây tươi xuất khẩu ứng dụng nền tảng số trong quản lý sản xuất/** ThS. Lê Nhật Thành, ThS. Trần Văn Chiến; TS. Đoàn Thị Lương; ThS. Trần Thị Hồng Thúy; ThS. Hoàng Hải Vũ; ThS. Vũ Thị Hiền; ThS. Lưu Công Đức; KS. Nguyễn Hoàng Trung

Anh; KS. Lê Nguyên Tuấn; KS. Nguyễn Minh Trang - Hà Nội - Trung tâm Kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu I, 2022; 04/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng và ứng dụng nền tảng số (desktop và mobile) quản lý sản phẩm tại cơ sở đóng gói đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu và chuẩn bị dữ liệu phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm trái cây tươi xuất khẩu. Hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu trái cây quản lý nguồn gốc, quy trình, biện pháp kỹ thuật sản xuất từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm. Các phần mềm ứng dụng có thể kết nối với các cơ quan quản lý tại địa phương để thiết lập và giám sát mã số phục vụ xuất khẩu.

Số hồ sơ lưu: 22826

90121. 12-2023 **Chế tạo vật liệu tổ hợp trên cơ sở polymer tự nhiên ứng dụng bảo quản trái cây sau thu hoạch/** ThS. Vũ Thị Hương, Nguyễn Thị Anh Thư; Nguyễn Thị Lương, Lê Thị Hồng Thúy, Nguyễn Học Thắng, Lê Quỳnh Anh, Bùi Văn Hoài, Trương Ngọc Yến, Huỳnh Thị Lê Dung, Nguyễn Thị Huyền Trang - Tp. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2021; 01/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu sự hình thành nhũ tương shellac, thể keo cellulose và khảo sát đặc trưng, tính chất và hình thái cấu trúc. Nghiên cứu sự hình thành màng composite ăn được HPMC/sáp ong, HPMC/shellac và khảo sát đặc trưng, tính chất, hình

thái cấu trúc và đánh giá tính an toàn của màng composite. Nghiên cứu sự hình thành màng composite ăn được HPMC/sáp ong/tinh dầu, HPMC/shellac/tinh dầu và khảo sát đặc trưng, tính chất, hình thái cấu trúc và đánh giá khả năng kháng khuẩn của màng composite. Nghiên cứu hiệu quả bảo quản quả chanh không hạt và cà chua cherry bằng chế phẩm tạo lớp phủ composite ăn được và đánh giá chất lượng quả trước và sau bảo quản.

Số hồ sơ lưu: HCM-027-2023

40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác

90071. 12-2023 **Xây dựng vườn ươm giống cây keo lai BV16 bằng phương pháp giâm hom, phục vụ công tác đào tạo nghề cho bà con dân tộc thiểu số tại huyện Minh Hóa/** ThS. Đinh Thị Lê Giang; Cao Văn Bài; Hà Mỹ Linh Trang; Cao Thị Thành Lưu; Nguyễn Thị Vân Giang; Đinh Ngọc Sĩ; Nguyễn Văn Minh - Công ty TNHH Giải pháp Chất lượng VQB - Công ty TNHH giải pháp chất lượng VQB, 2023; 11/2022 - 10/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình nhân giống cây keo lai BV16 bằng phương pháp giâm hom. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống và chăm sóc cây giống keo lai BV 16 bằng phương pháp giâm hom phù hợp với điều kiện tự nhiên tại địa phương để hỗ trợ đào tạo nghề cho bà con dân tộc thiểu số huyện Minh Hóa.

Số hồ sơ lưu: 19/2023-QLKHCN

40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi

89918. 12-2023 **Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình phát triển chăn nuôi lợn Mán tại huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam/ ThS. Lưu Văn Tráng, ThS. Nguyễn Đại Việt; CN. Nguyễn Thị Phương Thảo; CN. Doãn Thị Minh Khánh; KTV. Nguyễn Trọng Lộc; KTV. Trần Thị Nụ; TS. Nguyễn Văn Trung; CN. Đặng Văn Dũng; TS. Phạm Văn Sơn; TS. Phạm Văn Giới - Hà Nam - Hợp tác xã nông nghiệp sạch V3M, 2023; 05/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tiếp nhận và làm chủ được các quy trình kỹ thuật chăn nuôi lợn Mán: Tuyển chọn được lợn Mán sinh sản; Chăm sóc nuôi dưỡng được lợn Mán sinh sản; Chăm sóc và nuôi dưỡng được lợn Mán thương phẩm; Làm tốt công tác vệ sinh thú y và phòng bệnh lợn Mán sinh sản; Làm tốt công tác vệ sinh thú y và phòng bệnh lợn Mán thương phẩm; Xây dựng được các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật: Mô hình trang trại chăn nuôi lợn Mán sinh sản tập trung, quy mô: 120 nái và 10 đực giống; sản xuất 1800 lợn giống/3 lứa. Mô hình trang trại chăn nuôi lợn Mán thương phẩm tập trung quy mô: 450 con/lứa (3 lứa); & 120 con thương phẩm mua nuôi đối chứng ban đầu. Mô hình gia trại chăn nuôi lợn Mán thương phẩm trong nông hộ, quy mô 450 con: 05 hộ x 30 con/hộ/lứa x 3 lứa.

Số hồ sơ lưu: 23023

89924. 12-2023 **Bước đầu đánh giá khả năng sinh trưởng và đa dạng di truyền của giống ngan xám dựa vào vùng Cytochrome b trên ty thể/ ThS. Nguyễn Thị Lan Anh, CN. Nguyễn Thị Thủy Tiên; TS. Hoàng Tuấn Thành; CN. Đỗ Thế Anh - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2021; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đánh giá khả năng sinh trưởng, đa dạng di truyền của giống ngan Xám làm cơ sở cho việc bảo tồn và phát triển giống ngan Xám. Nhận biết được mối quan hệ di truyền giữa giống ngan Xám với một số giống ngan khác dựa vào trình tự nucleotide trên vùng gene mục tiêu của cytochrome b trên ty thể.

Số hồ sơ lưu: HCM-144-2023

90032. 12-2023 **Khảo sát đa hình gene prolactin và heat shock protein trên tổ hợp lai vịt hướng thịt (trống Star53, mái Biền) bằng phương pháp PCR-RFLP./ ThS. Phạm Thị Như Tuyết, CN. Nguyễn Ngọc Liên; TS. Hoàng Tuấn Thành; CN. Lê Văn Trang; CN. Nguyễn Hữu Thức - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2021; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Khảo sát đa hình gen prolactin và heat shock protein trên tổ hợp lai vịt hướng thịt (trống Star 53, mái Biền) bằng phương pháp PCR-RFLP cụ thể: Khuếch đại được đoạn gen

mục tiêu HSP70 trên mẫu DNA vệt bằng primer phù hợp; Khuếch đại được đoạn gen mục tiêu PRL trên mẫu DNA vệt bằng primer phù hợp. Từ đó, Xác định tần số alen, tần số Ho, He, kiểu gen, thông tin đa hình (PIC) tương ứng với vị trí đa hình nhận biết được trên đoạn gen mục tiêu HSP70 và PRL của mẫu DNA vệt bằng phương pháp PCR – RFLP với enzyme cắt thích hợp.

Số hồ sơ lưu: HCM-021-2023

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi

89120. 12-2023 **Nghiên cứu tiềm năng đa dạng sinh học của các loài ong cự (Hymenoptera: Ichneumonidae) hoạt động ban đêm ở Việt Nam/** TS. Phạm Thị Nhị, PGS.TS. Khuất Đăng Long; TS. Cao Thị Kim Thu; ThS. Cao Thị Quỳnh Nga; ThS. Phạm Văn Phú; CN. Lê Mỹ Hạnh; CN. Hoàng Vũ Trụ - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2023; 04/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá mức độ đa dạng thành phần loài ong cự Ichneumonidae ở Việt Nam, trong đó tập trung chủ yếu vào các loài ong hoạt động ban đêm thuộc hai phân họ Ophioninae và Tryphoninae. Đánh giá đặc điểm phân bố của các loài ong giữa các hệ sinh thái thuộc các phân vùng địa lý sinh vật, hệ sinh thái và độ cao khác nhau. Xác định thành phần loài ong cự thuộc hai phân họ Ophioninae và Tryphoninae. Phát hiện các loài mới cho khoa học và ghi nhận mới về ong cự ở Việt Nam. Xây dựng khóa định loại các loài ong cự thuộc hai phân họ Ophioninae và Tryphoninae

ở Việt Nam. Xác định đặc điểm phân bố của các loài ong cự thuộc hai phân họ Ophioninae và Tryphoninae ở Việt Nam. Phân tích đặc điểm phân bố của các loài ong cự thuộc hai phân họ Ophioninae và Tryphoninae ở các phân vùng địa lý. Phân tích đặc điểm phân bố của các loài ong cự thuộc hai phân họ Ophioninae và Tryphoninae ở các hệ sinh thái khác nhau. Phân tích đặc điểm phân bố của các loài ong cự thuộc hai phân họ Ophioninae và Tryphoninae ở các độ cao khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 22735

89442. 12-2023 **Phát triển mô hình chăn nuôi vệt Biển đảm bảo an toàn sinh học/** ThS. Lê Thị Mai Hoa, ThS. Vương Thị Lan Anh; ThS. Tạ Phan Anh; ThS. Văn Thị Chiều; TS. Nguyễn Văn Duy; ThS. Nguyễn Văn Tuấn; KS. Đỗ Thị Liên; BSTY; Lê Sĩ Thành; KS. Huỳnh Thị Kim Nga; KS. Lê Thanh Tùng - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu vệt đại xuyên, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, xây dựng 9 mô hình chăn nuôi vệt Biển thương phẩm an toàn sinh học, với quy mô 42.000 con. Nghiên cứu chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật 10 tuần tuổi: Tỷ lệ nuôi sống > 90%, khối lượng 10 tuần tuổi > 2,5 kg/con, tiêu tốn TĂ < 2,8 kg/kg tăng khối lượng. Tiến hành xây dựng 3 chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm và chứng nhận 6 cơ sở đạt tiêu chuẩn VietGAHP và tổ chức hoạt động đào tạo tập huấn, tham quan, tổng kết, thông tin tuyên

truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình theo quy định.

Số hồ sơ lưu: 22866

89524. 12-2023 **Hoàn thiện quy trình công nghệ chăn nuôi gà chuyên trứng GT tại một số tỉnh phía Bắc/** ThS. Nguyễn Trọng Thiện, TS. Trần Ngọc Tiến; TS. Nguyễn Quý Khiêm; ThS. Trần Thị Hà; ThS. Lê Ngọc Tân; ThS. Vũ Quốc Dũng; ThS. Đặng Đình Tứ; ThS. Lê Văn Hùng; ThS. Nguyễn Thị Tình; ThS. Đỗ Hữu Quyết - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương, 2023; 03/2020 - 02/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ôn định năng suất trứng/mái/68 tuần tuổi của 4 dòng gà: Dòng GT1 ≥ 253 quả; GT2 ≥ 248 quả; GT3 ≥ 246 quả; GT4 ≥ 242 quả. Gà bố mẹ có năng suất trứng/mái/68 tuần tuổi ≥ 260 quả; Tỷ lệ trứng có phôi $\geq 90\%$. Gà thương phẩm có năng suất trứng/mái/80 tuần tuổi ≥ 317 quả; Khối lượng trứng 50-60g; Tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng $\leq 1,6$ kg; Tỷ lệ lòng đỏ $\geq 29\%$; Hoàn thiện 02 quy trình chăn nuôi gà bố mẹ và gà thương phẩm chuyên trứng GT theo 3 phương thức chăn nuôi. Xây dựng 03 mô hình nuôi gà bố mẹ quy mô 4.000 con tại 3 tỉnh (mỗi mô hình từ 1.000-1.500 mái sinh sản). Xây dựng 03 mô hình nuôi gà thương phẩm quy mô 20.000 con tại 3 tỉnh (mỗi mô hình từ 6.000-7.000 con).

Số hồ sơ lưu: 22903

90022. 12-2023 **Nghiên cứu hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý, phát triển bền vững nghề**

nuôi yến ở Tp. Hồ Chí Minh/ ThS. Lương Đức Thiện, TS. NCVC Nguyễn Văn Tú; TS. Nguyễn Hoàng Dũng; ThS. Hồ Thị Loan; ThS. Nguyễn Thành Công; CN. Phan Doãn Đăng; ThS. Lê Thị Trang; ThS. Nguyễn Đăng Hoàng Vũ; ThS. Trần Văn Tiến; ThS. Lê Thị Nguyệt Nga; ThS. Trần Thị Lan Anh; CN. Lê Thị Cẩm Hà - TP. Hồ Chí Minh - Viện sinh học Nhiệt đới, 2022; 09/2019 - 02/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về thực trạng nuôi chim yến ở Tp. Hồ Chí Minh. Đánh giá thực trạng nuôi chim yến và công nghệ nuôi chim yến hiện có tại Tp. Hồ Chí Minh, đồng thời tìm hiểu về những tác động của nghề nuôi chim yến đối với môi trường - xã hội. Từ đó, đề xuất quy trình nuôi thích hợp, xây dựng các giải pháp quản lý và giải pháp kỹ thuật hỗ trợ phát triển bền vững nghề nuôi yến cho Tp. Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-016-2023

40206. Sinh trưởng và phát triển của động vật nuôi

90155. 12-2023 **Hiện trạng sinh sản và một số giải pháp nâng cao khả năng sinh sản của bò lai hướng thịt tại thành phố Hồ Chí Minh và Đông Nam bộ/** TS. Phạm Văn Quyến, ThS. Nguyễn Văn Tiến; ThS. Giang Vi Sal; ThS. Bùi Ngọc Hùng; ThS. Nguyễn Thị Thủy; ThS. Hoàng Thị Ngân; KTV. Bùi Văn Phi; ThS. Lê Minh Trí; KS. Bùi Thanh Điền - Tp. Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chăn nuôi Gia súc lớn, thuộc Phân Viện Chăn

nuôi Nam bộ., 2022; 09/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định thực trạng chăn nuôi bò lai hướng thịt ở thành phố Hồ Chí Minh. Xác định khả năng sinh sản của một số nhóm bò lai hướng thịt ở thành phố Hồ Chí Minh. Xây dựng một số giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao khả năng sinh sản của đàn bò lai hướng thịt ở thành phố Hồ Chí Minh. Đề xuất giải pháp nâng cao khả năng sinh sản của đàn bò thịt ở thành phố Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-041-2023

40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác

89821. 12-2023 **Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Nheo Mỹ *Ictalurus punctatus* (Rafinesque, 1818) tại tỉnh Phú Thọ/ NCS.** Nguyễn Văn Bé, KS. Hoàng Văn Hiếu; KS. Đỗ Thị Hồng Lữ; CN. Nguyễn Thị Quỳnh Nga; KS. Hoàng Thị Hân; KS. Phạm Văn Thỏa; KS. Nguyễn Xuân Hoa; KS. Nguyễn Thị Tước; Th.S. Phạm Văn Phong; Th.S. Lê Thị Khánh - Tỉnh Phú Thọ - Công ty CPNC và ứng dụng khoa học nông nghiệp Tây Bắc, 2023; 07/2020 - 09/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Chuyển giao và tiếp nhận các quy trình công nghệ sản xuất giống, ương nuôi cá, nuôi thương phẩm cá Nheo Mỹ trong lồng phù hợp với điều kiện của tỉnh Phú Thọ. Xây dựng mô hình sản xuất giống cá

Nheo Mỹ phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp; Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Nheo Mỹ. Khảo sát đánh giá hiện trạng và xây dựng cơ sở hạ tầng. Xây dựng mô hình sản xuất cá giống Nheo Mỹ, xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Nheo Mỹ trong lồng. Đào tạo kỹ thuật viên, tập huấn cho người dân về nhân giống và nuôi thâm canh cá Nheo Mỹ nắm vững kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: PTO - 14 - 2023

89971. 12-2023 **Nuôi thử nghiệm giống Sư Tử thương phẩm theo phương thức bán thâm canh trên địa bàn xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch/ ThS.** Nguyễn Việt Cường; Trương Chí Thành; Nguyễn Thị Loan; Nguyễn Thị Huyền My; Nguyễn Đức Tính. - Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Quảng Trạch. - Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Quảng Trạch, 2023; 03/2023 - 09/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nuôi thử nghiệm giống Sư Tử thương phẩm theo phương thức bán thâm canh trên địa bàn xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch. Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển và mức độ cảm nhiễm với một số bệnh thông thường của giống Sư Tử qua từng giai đoạn. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật chăn nuôi giống Sư Tử thương phẩm theo phương thức bán thâm canh phù hợp với địa phương. Đánh giá hiệu quả, báo cáo tổng kết, nghiệm thu kết quả của nhiệm vụ

Số hồ sơ lưu: 17/2023-QLKHCN

40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản

89148. 12-2023 **Nghiên cứu đa dạng di truyền của các loài cá da cá da tron Siluriformes ở đồng bằng sông Cửu Long/** PGS. TS. Dương Thúy Yên, GS.TS. Lê Thanh Hoà; PGS.TS. Trần Đắc Định; GS.TS. Siti Azizah Mohd Nor; KTV. Nguyễn Thị Ngọc Trân; KTV. Phạm Thị Cẩm Lài - Hà Nội - Trường Đại Học Cần Thơ, 2023; 09/2019 - 05/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu về chỉ thị di truyền của các loài cá da tron (bộ Siluriformes) và cung cấp thông tin về đa dạng di truyền và hệ gen ty thể của một số loài cá da tron quan trọng để phục vụ cho công tác chọn giống trong nuôi trồng và quản lý, bảo tồn nguồn lợi các loài cá này ở ĐBSCL nói riêng và Việt Nam nói chung. Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu di truyền của các loài cá thuộc bộ cá da tron phân bố ở ĐBSCL; Đánh giá được mức độ đa dạng di truyền của một số loài cá da tron quan trọng về giá trị kinh tế và bảo tồn; Giải mã bộ gen ty thể của một số loài cá kinh tế quan trọng để phục vụ cho các nghiên cứu phân loại và di truyền quần thể.

Số hồ sơ lưu: 22732

90033. 12-2023 **Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống hào Thái Bình Dương (Crassostrea gigas) tại huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình/** KS. Nguyễn Quý Nghĩa, Nguyễn Văn Hóa; Vũ Hữu Chung;

Vũ Thanh Bình; Phạm Thị Xuyên; Trần Thị Dung - Ninh Bình - Công ty cổ phần đầu tư phát triển thủy sản Bình Minh, 2023; 08/2020 - 01/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, hỗ trợ ứng dụng công nghệ và tiếp nhận Bộ Quy trình công nghệ sản xuất giống nhân tạo Hào Thái Bình Dương (*Crassostrea gigas*) gồm 07 quy trình kỹ thuật. Xây dựng mô hình sản xuất giống Hào thái Bình Dương, quy mô diện tích khu ương nuôi ấu trùng, hào giống: 2.000m². Tiến hành đào tạo được 10 kỹ thuật viên, tập huấn cho 100 hộ dân các quy trình kỹ thuật trong bộ Quy trình công nghệ sản xuất giống nhân tạo hào Thái Bình Dương (hào đơn và hào tám).

Số hồ sơ lưu: 23093

90046. 12-2023 **Nghiên cứu sinh sản nhân tạo cá hồng mi Ấn Độ (Sahyadria denisonii) tại Thành phố Hồ Chí Minh/** ThS. Nguyễn Thị Kim Liên, KS. Trương Thị Thúy Hằng; KS. Ngô Khánh Duy; KS. Nguyễn Hồng Yên; KS. Lâm Hoàng Lai; KS. Phạm Việt Khái - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao, 2022; 10/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu đặc điểm sinh học sinh sản và nghiên cứu kỹ thuật sinh sản của cá hồng mi Ấn Độ. Đồng thời, tìm hiểu, nghiên cứu ương nuôi cá bột lên cá giống. Từ những nghiên cứu trên, xây dựng quy trình

sản xuất giống cá hồng mi Ấn Độ và đánh giá hiệu quả kinh tế.

Số hồ sơ lưu: HCM-003-2023

40503. Bệnh học thủy sản

90015. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng qui trình kiểm soát bệnh do vi khuẩn gây ra trên một số đối tượng thủy sản quan trọng/** PGS.TS. Võ Văn Nha, TS. Lê Hồng Phước; TS. Trương Thị Mỹ Hạnh; ThS. Võ Thị Ngọc Trâm; ThS. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Thị Chi; ThS. Võ Văn Tân; CN. Tô Đông Tịnh; KS. Trần Thị Minh Hải; KS. Hà Thị Thanh Huyền - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2023; 01/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu mối quan hệ giữa các yếu tố vô sinh và hữu sinh đến sự bùng phát bệnh hoại tử gan tụy cấp (AHPND) trên tôm nuôi nước lợ; bệnh sứa, bệnh đỏ thân trên tôm hùm nuôi lồng; bệnh gan thận mũ trên cá tra nuôi và Streptococcosis trên cá rô phi nuôi ao nước ngọt, qua đó, xác định ngưỡng mật độ vi khuẩn gây các bệnh. Từ những nghiên cứu trên đưa ra quy trình kiểm soát từng loại vi khuẩn gây bệnh đạt các chỉ tiêu: kiểm soát mật độ vi khuẩn dưới ngưỡng gây bệnh; trong quá trình nuôi không gây bệnh cho đối tượng nuôi, được đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 23087

40504. Nuôi trồng thủy sản

89519. 12-2023 **Quan trắc môi trường các vùng nuôi trồng thủy**

sản tập trung tại miền Bắc năm 2015/ ThS. Nguyễn Hữu Nghĩa, ThS. Nguyễn Thị Là; KS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; ThS. Nguyễn Đức Bình; BSTY. Nguyễn Thị Nguyễn; KS. Trần Văn Dũng; KS. Lê Thị Mây; KS. Nguyễn Thị Hạnh; KS. Nguyễn Thị Hương; KS. Trần Thị Lý - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2015; 01/2015 - 12/2015. (Đề tài cấp Bộ)

Năm 2015, nhiệm vụ tập trung vào việc quan trắc định kỳ và thường xuyên một số vùng nuôi tập trung của hai đối tượng nuôi chính là tôm nước lợ và nghêu; quan trắc đột xuất được thực hiện chủ yếu với 3 nhóm đối tượng là tôm nước lợ, nhuyễn thể và cá rô phi nuôi tại các tỉnh phía Bắc khi xuất hiện hiện tượng thủy sản nuôi bị chết bất thường. Nội dung hoạt động quan trắc quan tâm đến hoạt động phối hợp giữa phía cơ quan chủ trì nhiệm vụ với lãnh đạo địa phương và cộng đồng tham gia hoạt động nuôi tôm và nghêu.

Số hồ sơ lưu: 22901

89520. 12-2023 **Quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường vùng nuôi trồng thủy sản tại một số tỉnh trọng điểm khu vực phía Bắc/** ThS. Nguyễn Hữu Nghĩa, ThS. Nguyễn Thị Là; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; KS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; TS. Trương Thị Mỹ Hạnh; TS. Phạm Thái Giang; BSTY. Nguyễn Thị Nguyễn; ThS. Nguyễn Đức Bình; KS. Lê Thị Mây; ThS. Phạm Thế Việt; ThS. Phạm Thị Thanh - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu

nuôi trồng thủy sản I, 2019; 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá diễn biến chất lượng môi trường tại khu vực nguồn nước cấp vùng nuôi tôm nước lợ tập trung tại các tỉnh Nam Định, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế; vùng nuôi cá rô phi và cá lồng nước ngọt tập trung tại Hòa Bình, Yên Bái và Hải Dương; vùng nuôi nhuyễn thể (nuôi ngao, nuôi hào) tập trung tại các tỉnh Quảng Ninh, Thái Bình và Thanh Hóa. Theo dõi, giám sát chất lượng nước trong ao nuôi và tình hình bệnh hoại tử gan tụy cấp (AHPND), bệnh đốm trắng (WSSD), bệnh do vi bào tử trùng (EHP) trên tôm nuôi nước lợ tại Nam Định và Hà Tĩnh. Đưa ra các cảnh báo, khuyến cáo nâng cao chất lượng môi trường nước, biện pháp phòng trị bệnh kịp thời nhằm hạn chế sự lây lan dịch bệnh, hạn chế thiệt hại cho người nuôi; đồng thời phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất nuôi trồng thủy sản bền vững của Tổng cục Thủy sản và cơ quan quản lý địa phương. Thiết lập cơ sở dữ liệu về môi trường từ Trung ương đến địa phương phục vụ cho công tác chỉ đạo sản xuất cũng như công tác nghiên cứu

Số hồ sơ lưu: 22902

89533. 12-2023 **Quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường vùng nuôi tôm trên cát tại tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh/** ThS. Nguyễn Hữu Nghĩa, Thạc sỹ.Nguyễn Thị Là; Bác sỹ thú y.Nguyễn Thị Nguyễn; Tiến sỹ.Phạm Thái Giang; Tiến sỹ.Trương Thị Mỹ Hạnh; Thạc

sỹ.Nguyễn Thị Hạnh; Thạc sỹ.Nguyễn Đức Bình; Kỹ sư.Lê Thị Mây; Thạc sỹ.Phạm Thế Việt; Kỹ sư.Tổng Trần Huy; Kỹ sư.Nguyễn Thị Minh Nguyệt; Thạc sỹ.Phạm Thị Thanh - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2019; 08/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nhiệm vụ “Quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường vùng nuôi tôm trên cát tại tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh” với 03 mục tiêu bao gồm: 1) Quan trắc, giám sát chất lượng môi trường thường xuyên vùng nước cấp nuôi tôm trên cát tại Nghệ An và Hà Tĩnh; 2) Đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường nước vùng nuôi tôm trên cát tại Hà Tĩnh; đề xuất giải pháp quản lý nâng cao chất lượng môi trường và hạn chế ô nhiễm môi trường, phát sinh dịch bệnh trên đối tượng nuôi để phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất nuôi trồng thủy sản bền vững của Tổng cục Thủy sản và cơ quan quản lý địa phương; 3) Thiết lập cơ sở dữ liệu về chất lượng môi trường phục vụ việc lưu trữ, cung cấp và trao đổi thông tin thống nhất từ Trung ương đến địa phương phục vụ cho công tác chỉ đạo sản xuất cũng như công tác nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 22904

89535. 12-2023 **Đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường và đề xuất giải pháp phục hồi, ổn định sản xuất cho hoạt động nuôi trồng thủy sản tại một số tỉnh miền Trung sau lũ lụt/** ThS. Nguyễn Hữu Nghĩa, ThS. Phan Trọng Bình; TS. Phạm Thái Giang; KS. Nguyễn Thị

Minh Nguyệt; ThS. Nguyễn Đức Bình; BSTY. Nguyễn Thị Nguyên; TS. Trương Thị Mỹ Hạnh; KS. Lê Thị Mây; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; ThS. Phạm Thế Việt - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2020; 10/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thiệt hại tại các vùng nuôi trồng thủy sản gây ra bởi mưa lũ từ ngày 06/10/2020 đối với các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Quan trắc các thông số môi trường và bệnh để cảnh báo nguy cơ ô nhiễm môi trường, dịch bệnh sau mưa lũ. Bổ sung quan trắc 02 đợt định kỳ cho các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Xác định thời điểm môi trường ổn định để đưa ra khuyến cáo việc tái sản xuất. - Xây dựng được bộ tài liệu xử lý môi trường, các giải pháp khắc phục và cơ chế chính sách cho phục hồi ổn định nuôi trồng thủy sản sau mưa lũ.

Số hồ sơ lưu: 22900

89554. 12-2023 Giám sát biến động môi trường và chỉ đạo phòng, trừ dịch bệnh vùng nuôi tôm nước lợ, ngao tập trung tại một số tỉnh trọng điểm khu vực phía Bắc/ ThS. Nguyễn Hữu Nghĩa, ThS. Nguyễn Thị Là; BSTY. Nguyễn Thị Nguyên; ThS. Nguyễn Đức Bình; KS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; ThS. Phạm Thế Việt; KS. Phan Trọng Bình; ThS. Phạm Thị Yến - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2017; 01/2017 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Cập nhật thông tin, số liệu; đánh giá diễn biến chất lượng môi trường, cảnh báo nguy cơ ô nhiễm môi trường tại khu vực nước cấp vùng nuôi tôm nước lợ tập trung tại các tỉnh Nam Định, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế; Chủ động theo dõi, giám sát chất lượng nước trong ao nuôi và tác nhân gây bệnh hoại tử gan tụy cấp (AHPND), tác nhân gây bệnh đốm trắng (WSSV), tác nhân gây bệnh còi trên tôm nuôi nước lợ tại Nam Định, Hà Tĩnh và vùng nuôi ngao tại Thái Bình và Thanh Hóa. Đưa ra các cảnh báo, khuyến cáo nâng cao chất lượng môi trường nước, biện pháp phòng trị bệnh kịp thời nhằm khống chế sự lây lan dịch bệnh giúp giảm thiểu rủi ro gây thiệt hại cho người nuôi đồng thời phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất nuôi trồng thủy sản bền vững của Tổng cục Thủy sản và cơ quan quản lý địa phương. Chủ động, phản ứng nhanh trong những trường hợp khẩn cấp, dịch bệnh/biến động môi trường tại các vùng nuôi trồng thủy sản trọng điểm.

Số hồ sơ lưu: 22913

89732. 12-2023 Nghiên cứu tuyển chọn, lưu giữ và nhân nuôi sinh khối một số loài tảo biển giàu dinh dưỡng làm thức ăn nuôi ngao giống trên địa bàn tỉnh Nam Định/ Vũ Thị Nguyệt, Nguyễn T Thu Trang; Dương Thị Thúy; Hoàng Trung Kiên; Đặng T Mai Anh; Nguyễn Thị Như Hương; Nguyễn Thị Kiều Oanh; Hoàng Thị Quỳnh; Nguyễn Hương Thảo; Vũ Văn Duy - Hà Nội - Viện Công nghệ môi

trường, 2022; 11/2020 - 03/2022.
(Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tuyển chọn, lưu giữ và nhân nuôi sinh khối một số loài tảo biển giàu dinh dưỡng làm thức ăn nuôi ngao giống trên địa bàn tỉnh Nam Định nhằm tuyển chọn được 02 loài tảo biển giàu dinh dưỡng phù hợp với điều kiện tỉnh Nam Định làm thức ăn cho ngao giống; nghiên cứu, xây dựng quy trình nhân nuôi sinh khối và sử dụng thức ăn tươi sống từ chủng tảo tuyển chọn cho ngao giống.

Số hồ sơ lưu: 05-2023

90043. 12-2023 **Thiết lập chương trình kiểm soát Hàu nuôi (*Crassostrea* sp) trong thu hoạch tại khu vực Long Sơn, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu/KS.** Nguyễn Anh Phương; KS. Bùi Thị Thu; KS. Trịnh Đức Toàn; KS. Nguyễn Mạnh Toàn; TS. Nguyễn Tiến Dũng; ThS. Giang Minh Thọ; KS. Nguyễn Đức Thành; KS. Nguyễn Thị Vân; KS. Hoàng Thanh Lịch - Bà Rịa - Vũng Tàu - Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và thủy sản tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, 2022; 05/2019 - 12/2022.
(Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, đánh giá điều kiện nuôi, chất lượng môi trường nước và xác định nguồn gây ô nhiễm tại vùng nuôi Hàu. Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng tích lũy chất ô nhiễm hóa học, vi sinh vật và độc tố sinh học tích tụ trong cơ thể Hàu. Nghiên cứu giải pháp làm giảm nồng độ ô nhiễm vi sinh trong cơ thịt hàu. Đề xuất vùng thu hoạch Hàu bản địa

(*Crassostrea belcheri*) và Hàu Thái Bình Dương (*Crassostrea gigas*) tại Bà Rịa Vũng Tàu vào Chương trình giám sát vệ sinh, an toàn thực phẩm trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ.

Số hồ sơ lưu: BTU_2023_001

90101. 12-2023 **Xây dựng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng *Litopenanus vannamei* theo hướng hữu cơ, sử dụng công nghệ sinh học thay thế thuốc kháng sinh và hóa chất/** Đỗ Hoàng Hiệp; Trần Thị Hải Bình; Trần Duy Chinh; Đỗ Quang Nam; Nguyễn Xuân Đoàn; Nguyễn Thị Khoát; Lương Đức Sinh; Nguyễn Xuân Dự; Trần Thị Phương Thảo; Lê Văn Trung - Nam Định - Công ty TNHH sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản Hoàng Hiệp, 2023; 11/2020 - 07/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng theo hướng hữu cơ phù hợp sinh thái tỉnh Nam Định; Triển khai mô hình hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng theo hướng hữu cơ phù hợp điều kiện tỉnh Nam Định; Tập huấn đào tạo, chuyển giao hướng dẫn kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 09-2023

90132. 12-2023 **Xây dựng quy trình nhân giống ba loài cây thủy sinh Tiêu thảo lá nhẵn (*Cryptocoryne wendtii*), Bucep (*Bucephalandra motleyana*) và Trầu bà lá nhỏ (*Anubias barteri* var. *nana*) phục vụ thị trường cá cảnh/** TS. Đỗ Đăng Giáp, ThS.

Nguyễn Thị Huyền Trang; TS. Trần Trọng Tuấn; ThS. Đặng Thị Kim Thúy; KS. Nguyễn Thị Thu Hằng; ThS. Trần Thị Mỹ Trâm; ThS. Đỗ Đức Thăng; KS. Nguyễn Võ Thu Thảo. - TP. Hồ Chí Minh - Viện sinh học Nhiệt đới, 2023; 12/2019 - 06/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu kiểm tra một số virus gây hại chính trên mẫu đầu dòng bằng kỹ thuật PCR. Từ đó xây dựng quy trình nhân giống các cây thủy sinh trong điều kiện in vitro. Đồng thời nhân nhanh chồi cây thủy sinh trong các hệ thống nuôi cấy khác nhau và kiểm tra virus trên cây giống thủy sinh có nguồn gốc in vitro. Từ đó xây dựng quy trình nuôi trồng cây giống thủy sinh có nguồn gốc in vitro trong vườn ươm. Khảo sát sự sinh trưởng của cây giống thủy sinh có nguồn gốc từ nuôi cấy in vitro trong hồ thủy sinh và sản xuất cây giống thủy sinh theo quy trình nhân giống in vitro.

Số hồ sơ lưu: TPHCM-2023-033

40505. Hệ sinh thái và đánh giá nguồn lợi thủy sản

89263. 12-2023 **Nghiên cứu cơ chế hình thành lớp EPS (extracellular polymeric substance) trong khối kết lắng của tảo *Chlorella vulgaris* nuôi trong nước thải thủy sản/** TS. Nguyễn Thị Đông Phương, ThS. Trần Thị Ngọc Thư; TS. Bùi Thị Thơ; ThS. Đinh Thị Mỹ Hương; ThS. Nguyễn Phan Trúc Xuyên; TS. Lê Thị Vân Anh; ThS. Phạm Phú Song Toàn - Đà

Nẵng - Đại học Đà Nẵng, 2023; 09/2019 - 09/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định thành phần hoá học cấu trúc của lớp EPS bao bọc khối vi tảo - vi khuẩn (MABAs). Xác định sự hiện diện các nhóm vi khuẩn trong cấu trúc MABAs và khả năng sinh tổng hợp EPS. Xác định khả năng hình thành khối MABAs giữa các vi khuẩn phân lập và *C. vulgaris*. Xây dựng mô hình các khối MABAs

Số hồ sơ lưu: 22786

40599. Khoa học công nghệ thủy sản khác

89935. 12-2023 **Nghiên cứu quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Bè vầu (*Caranx ignobilis* Forsskal, 1775) tại Khánh Hòa./** Phạm Đức Hùng, - ThS. Hoàng Thị Thanh - TS. Lục Minh Diệp - TS. Ngô Văn Mạnh - ThS. Phan Văn Út - Nha Trang, Khánh Hòa - Trường Đại học Nha Trang, 2023; 05/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tuyển chọn và nuôi vỗ thành thực được 70 con cá bố mẹ, kích thước 6 – 9 kg/con. Tỷ lệ sống trên 96% với tỷ lệ thành thực trung bình 64,23%. Cá bè vầu có thể thành thực quanh năm khi nhiệt độ nước trên 28oC. Mùa vụ sinh sản chính của cá bè vầu tập trung từ tháng 3 đến tháng 10. Cá bè vầu được kích thích sinh sản bằng hormone HCG 1.100IU + LHRHa 35µg/kg cá cái với hai lần tiêm. Tỷ lệ thụ tinh trung bình 74,12%, tỷ lệ nở trung bình 78%. Mật độ 1 con/L là phù hợp cho

ương cá hương lên cá giống. Khẩu phần cho ăn 7% khối lượng thân. Ở giai đoạn đầu nuôi thương phẩm, mật độ 25 con/m³ là phù hợp cho sinh trưởng và tỷ lệ sống của cá bè vầu. Ở giai đoạn giống lớn, mật độ 10 đến 14 con/m³ là phù hợp cho phát triển của cá. Khẩu phần 8%BW là phù hợp cho sinh trưởng và tỷ lệ sống của cá bè vầu giai đoạn < 100g/con và khẩu phần cho giai đoạn > 100g/con là 5% BW. Sau 15 tháng nuôi, cá bè vầu đạt khối lượng trung bình 1,19 kg/con khi sử dụng thức ăn công nghiệp. Tỷ lệ sống đạt trên 80% với năng suất trên 9kg/m³ lồng nuôi. Đề tài đã đào tạo kỹ thuật sản xuất giống nhân tạo cho 03KTV với 31.000 con giống, kích thước 4 – 5 cm được sản xuất từ 02 mô hình. Đã đào tạo kỹ thuật nuôi thương phẩm cá bè vầu bằng thức ăn công nghiệp cho 03KTV. 03 cơ sở đã thực nghiệm nuôi thương phẩm với tổng sản lượng đạt 1.798 kg, tỷ lệ sống trung bình 75,68% và kích thước trung bình 0,86 kg/con sau 13 – 14 tháng nuôi

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/355

89620. 12-2023 **Ứng dụng Công nghệ Thông tin cho quan trắc cảnh báo Môi trường và Dịch bệnh Thủy sản/** ThS. Nguyễn Hữu Nghĩa, KS. Nguyễn Văn Khánh; CN. Nguyễn Hải Minh; ThS. Phan Thị Vân; ThS. Mai Văn Tài; ThS. Lê Văn Lợi; ThS. Nguyễn Đình Lượng; KS. Lê Đình Hanh; KS. Phạm Đình Thê; KS. Nguyễn Kim Anh; TS. Lý Thanh Loan; KS. Nguyễn Công Dũng; KS. Trương Thanh Tuấn; ThS. Nguyễn Hữu Thọ; KS. Nguyễn

Trọng Lực; ThS. Trần Lưu Khanh; KS. Dương Văn Phúc; KS. Trần Quốc Huy; KS. Bùi Tố Nga; TS. Flavio Corsin - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2023; 01/2006 - 12/2008. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thành và cập nhật thông tin cho website về cảnh báo thông tin môi trường dịch bệnh thủy sản. Hoàn thành xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về môi trường và dịch bệnh thủy sản toàn quốc. Hoàn thành xây dựng cơ chế cung cấp thông tin, cập nhật cơ sở dữ liệu cho các bên tham gia. Hoàn thành và đưa vào sử dụng các module hỗ trợ người dùng tích hợp vào hệ thống như bản đồ GIS trực tuyến, hệ thống nhắn tin SMS, ứng dụng logic mờ trong xây dựng module cảnh báo tự động khả năng nhiễm bệnh dựa vào kiến thức chuyên gia.

Số hồ sơ lưu: 22941

90096. 12-2023 **Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, sinh thái loài Móng tay (Solen strictus) ở Vườn quốc gia Xuân Thủy phục vụ bảo tồn và khai thác bền vững/** Hoàng Văn Thắng; Đỗ Quang Trung; Lê Đức Minh; Lưu Thế Anh; Lý Trọng Đại; Đỗ Nhật Huỳnh; Ngô Thị Hạnh; Nguyễn Thị Thắm; Lê Bá Biên; Đỗ Thị Mùi - Hà Nội - Viện Tài nguyên và Môi trường, 2023; 07/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xác định được một số đặc điểm sinh học và sinh thái của loài Móng tay (Solen strictus) ở vườn Quốc gia

Xuân Thủy. Xác định được các yếu tố sinh thái ảnh hưởng đến khả năng sinh sản, phát triển và hiệu quả kinh tế của loài móng tay (*Solen strictus*) ở Vườn quốc gia Xuân Thủy; Đề xuất được các giải pháp bảo tồn và khai thác bền vững loài móng tay (*Solen strictus*) ở Vườn quốc gia Xuân Thủy; Đề xuất được bản đồ phân bố và vùng bảo tồn loài móng tay (*Solen strictus*) ở vườn quốc gia Xuân Thủy tỷ lệ 1:10.000 hoặc 1:25.000

Số hồ sơ lưu: 08-2023

90104. 12-2023 **Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất Probiotic - đa enzyme và ứng dụng bổ sung trong thức ăn nuôi trồng thủy sản, xử lý môi trường nuôi nhằm tăng hiệu quả kinh tế và đảm bảo tính bền vững tại tỉnh Nam Định**/Lưu Thế Anh; Vũ Văn Hạnh; Nguyễn Thị Nguyệt; Nguyễn Thị Quỳnh Mai; Nguyễn Thị Tuyên; Đỗ Quang Trung; Ngõ Thị Hạnh; Nguyễn Thị Thắm; Nguyễn Thị Vinh; Đỗ Thị Mùi - Hà Nội - Viện Tài nguyên và Môi trường, 2022; 11/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Hoàn thiện quy trình sản xuất Probiotic - đa enzyme xử lý hiệu quả nước NTTS, quy mô pilot; 01 quy trình sản xuất Probiotic - đa enzyme bổ sung vào thức ăn nuôi trồng thủy sản, quy mô phức pilot; Sản xuất được 250 kg Probiotic - đa enzyme (Probiotic đạt $1 \times 10^8 - 3 \times 10^8$ CFU/g; amy lase, cellulase, protease, phytase mỗi loại đạt 100U/g để bổ sung vào thức ăn

nuôi tôm, hào giống.; Sản xuất được 250 kg Probiotic - đa enzyme (Probiotic đạt $1 \times 10^8 - 3 \times 10^8$ CFU/g; amy lase, cellulase, protease, phytase mỗi loại đạt 100U/g để xử lý nước nuôi tôm, hào giống; xây dựng được 01 mô hình thử nghiệm nuôi tôm; 01 mô hình thử nghiệm nuôi hào giống có sử dụng Probiotic - đa enzyme để xử lý nước nuôi và bổ sung vào thức ăn

Số hồ sơ lưu: 10-2023

40699. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp khác

90054. 12-2023 **Kit trồng nấm tại nhà**/ ThS. Nguyễn Ngọc Tuyết Sơn, TS. Nguyễn Ngọc Phương Thảo; KS. Vũ Nguyễn Thu Minh; KS. Đặng Thế Thanh Phương - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Ươm tạo Doanh nghiệp Nông nghiệp Công nghệ cao, 2022; 04/2021 - 02/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu tối ưu hóa các loại nguyên liệu đa dạng tương ứng với các loại nấm rơm, nấm hồng ngọc, nấm hoàn kim, nấm linh chi cho hiệu suất sinh học tăng đáng kể so với các công thức phối trộn ban đầu. Tiến hành thiết kế sản phẩm trên thị trường được thu thập và ứng dụng thử nghiệm cho kit nấm tại nhà với nhóm nấm rơm và nấm bào ngư, linh chi. Đề ra quy trình sản xuất tối ưu và điều chỉnh sản phẩm phù hợp với thị hiếu khách hàng.

Số hồ sơ lưu: HCM-007-2023

499. Khoa học nông nghiệp khác

89751. 12-2023 **Hoàn thiện quy trình tổng hợp trong xử lý lúa cỏ trên địa bàn huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định**/Nguyễn Xuân Trường; Trần Chí Thành; Phạm Thị Hương Thanh; Trịnh Thị Khuyên; Ngô Thị Diệp; Nguyễn Ngọc Hà; Vũ Anh Hùng - Nam Định - Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Xuân Trường, 2022; 12/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình tổng hợp trong xử lý lúa cỏ trên địa bàn huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định: Điều tra khảo sát tình hình lúa cỏ trên địa bàn huyện Xuân Trường, xây dựng bản mô tả đặc tính lúa cỏ tại huyện Xuân Trường; Xây dựng thí nghiệm diện rộng tại 3 xã, quy mô 02 ha/xã/vụ, thực hiện trong vụ Xuân và vụ Mùa năm 2021; Hoàn thiện quy trình tổng hợp trong xử lý lúa cỏ; Tập huấn cho 935 lượt người về quy trình tổng hợp trong xử lý lúa cỏ; Xây dựng mô hình trình diễn ứng dụng quy trình tổng hợp trong xử lý lúa cỏ quy mô 25 ha (tại 5 xã, mỗi xã 5 ha) trong vụ Xuân năm 2022.

Số hồ sơ lưu: 06-2023

5. Khoa học xã hội

89702. 12-2023 **Đánh giá thực trạng về công nghệ và đề xuất giải pháp đổi mới công nghệ đối với các cơ sở xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**/ThS. Phạm Thị Hiền; ThS. Tạ Đức Hiện; ThS. Nguyễn Cao Cường; KS. Nguyễn

Vinh Quang; ThS. Nguyễn Bích Thủy; ThS. Nguyễn Thế Thông; ThS. Đặng Thị Kim Oanh; ThS. Nguyễn Bảo Hương; ThS. Hoàng Thanh Vân; ThS. Trần Thị Linh; ThS. Vũ Kim Phượng; ThS. Phạm Văn Đức; ThS. Phạm Thành Chung - Thái Nguyên - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên, 2023; 12/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá được thực trạng công nghệ của các cơ sở xử lý rác thải đang hoạt động trên địa bàn tỉnh; tác động, ảnh hưởng của các cơ sở xử lý rác thải đối với phát triển kinh tế xã hội và đề ra các giải pháp đổi mới công nghệ xử lý rác thải hiện nay. Khảo sát, đánh giá thực trạng công nghệ các cơ sở xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; đề xuất giải pháp thực hiện đổi mới công nghệ đối với các đơn vị xử lý rác thải. Nghiên cứu đánh giá tác động, ảnh hưởng của các cơ sở xử lý rác thải về kinh tế xã hội, tác động của công nghệ đến môi trường. Nghiên cứu, xây dựng thí điểm các nhóm tiêu chí đánh giá trình độ công nghệ phù hợp điều kiện của tỉnh (tập trung vào công nghệ chôn lấp, công nghệ đốt, công nghệ sản xuất phân hữu cơ và công nghệ tái chế).

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-20

89964. 12-2023 **Hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Bình Dương từ 1997 - nay và một số bài học kinh nghiệm**/ TS. Ngô Hồng Diệp, TS. Nguyễn Hoàng Huế - Bình Dương - Trường đại học Thủ Dầu Một, 2023;

12/2022 - 06/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu làm rõ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh Bình Dương từ năm 1997 đến nay, từ đó đúc kết một số bài học kinh nghiệm cho sự phát triển và hội nhập của tỉnh nhà.

Số hồ sơ lưu: BDG-2023-033

50102. Tâm lý học chuyên ngành

89144. 12-2023 **Nghiên cứu xu hướng giải trí của thanh niên hiện nay/** ThS. Vũ Thị Bích Thảo, TS. Nguyễn Thế Thắng; TS. Đỗ Ngọc Hà; ThS. Ngô Thanh Thủy; ThS. Đỗ Minh Hoàng; TS. Đặng Vũ Cảnh Linh; ThS. Nguyễn Duy Hiệp; ThS. Nguyễn Diệu Linh; TS. Hoàng Minh Tuấn; CN. Lê Thanh Tú - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Thanh niên, 2023; 03/2022 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý thuyết, phương pháp tiếp cận nghiên cứu xu hướng giải trí của thanh niên trong điều kiện phát triển của công nghệ thông tin, truyền thông hiện đại và hội nhập quốc tế; Nhận diện quan niệm, nhu cầu, nội dung, phương thức giải trí của thanh niên hiện nay; Phân tích xu hướng giải trí của thanh niên và những nhân tố tác động đến xu hướng giải trí của thanh niên hiện nay; Đề xuất khuyến nghị, giải pháp định hướng tổ chức hoạt động, tạo môi trường giải trí lành mạnh trong thanh niên và các chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng hoạt động giải trí cho thanh niên hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 22729

50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh

87969. 12-2023 **Tác động của chính sách tài chính đối với phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam trong quá trình hội nhập/** TS. Lê Trung Đạo, ThS. Phạm Minh Tiến; PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga; TS. Nguyễn Quang Minh; TS. Nguyễn Quyết; TS. Trần Thị Diễm; TS. Trần Văn Hưng; ThS. Huỳnh Thị Thu Hòa; TS. Tô Anh Thơ - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tài chính - Marketing, 2022; 12/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích tác động của chính sách tài chính đến phát triển kinh tế tư nhân và đưa ra hàm ý chính sách nhằm phát triển kinh tế tư nhân nhanh và bền vững trong quá trình hội nhập. Đánh giá chính sách tài chính đối với phát triển kinh tế tư nhân giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020. Phân tích tác động của các yếu tố thuộc chính sách tài chính đến phát triển kinh tế tư nhân tại Việt Nam. Xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố thuộc chính sách tài chính đến phát triển kinh tế tư nhân tại Việt Nam. Đề xuất một số giải pháp và hàm ý chính sách nhằm phát triển kinh tế tư nhân nhanh và bền vững trong quá trình hội nhập.

Số hồ sơ lưu: 22158

88456. 12-2023 **Phản ứng chính sách của Cục dự trữ Liên bang Mỹ đối với Đại dịch COVID-19 và hàm ý cho Việt Nam/** TS. Nguyễn Ngọc Mạnh, ThS. Lê Thị Thu Trang; TS. Phạm Quỳnh Mai;

TS. Lộc Thị Thủy; ThS. Nguyễn Thùy Dương - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Mỹ, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ mục tiêu và các biện pháp ứng phó của Fed đối với Đại dịch COVID-19. Đánh giá việc thực thi các chính sách của Fed đối với kinh tế Mỹ và dự báo xu hướng chính sách của Fed trong thời gian tới. Đánh giá ảnh hưởng chính sách của Fed đối với kinh tế Việt Nam. Rút ra hàm ý chính sách cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22385

89381. 12-2023 **Cơ sở lý luận, thực tiễn áp dụng phương pháp thuê tài sản tại Bộ Tài chính/** ThS. Lại Thị Mai Tuyết, ThS. Vũ Thị Hương; ThS. Lê Thị Kim Chi; CN. Nguyễn Đức Thắng; ThS. La Thị Thùy Dương; ThS. Nguyễn Thị Hương; ThS. Lê Thị Ngọc Lan; ThS. Nguyễn Thị Bích Trang; ThS. Lê Thị Thi Nga; CN. Bùi Thị Kim Hải - Hà Nội - Cục Kế hoạch - Tài chính, 2023; 11/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về tài sản công, thuê tài sản và quản lý, sử dụng tài sản thuê tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; Nhận diện thực trạng về thuê tài sản và mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và Bộ Tài chính trong thời gian qua, xác định những tồn tại, nguyên nhân và yêu cầu đặt ra; nghiên cứu kinh nghiệm của một số đơn vị và các nước từ đó rút ra bài

học kinh nghiệm cho Việt Nam và Bộ Tài chính; Đề xuất các kiến nghị giải pháp áp dụng phương thức thuê tài sản, nhằm nâng cao tính hiệu quả, công khai, minh bạch góp phần thúc đẩy nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ Tài chính và phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

Số hồ sơ lưu: 22831

89407. 12-2023 **Kinh tế Việt Nam 2022: Tăng cường chuyển đổi số để thúc đẩy phục hồi kinh tế/** TS. Phạm Anh Tuấn, TS. Bùi Thu Trang; TS. Lý Đại Hùng; TS. Phạm Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Đức Long; ThS. Trần Văn Hoàng; ThS. Trần Thị Mỹ Anh; ThS. Dương Hồ Điệp; CN. Bùi Nhật Huy - Hà Nội - Viện kinh tế Việt Nam, 2023; 01/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích các vấn đề nổi bật của bức tranh kinh tế thế giới năm 2022 dưới các khía cạnh tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư, tài chính tiền tệ, lao động việc làm; Phân tích các vấn đề nổi bật của bức tranh kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2022 dưới các khía cạnh tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư, tài chính tiền tệ, lao động việc làm. Làm rõ những xu hướng tăng cường chuyển đổi số để phục hồi kinh tế của thế giới và Việt Nam giai đoạn hậu đại dịch. Dự báo bối cảnh và triển vọng kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2023, đề xuất các giải pháp nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, phục hồi nhanh tăng trưởng và bắt nhịp nhanh vào các xu hướng tiên bộ của quá trình chuyển đổi số của nền kinh tế giai đoạn hậu đại dịch.

Số hồ sơ lưu: 22845

89553. 12-2023 **Hoàn thiện chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trong bối cảnh thực thi các Hiệp định thương mại tự do/** ThS. Trần Thị Bích Ngọc, ThS. Dương Bá Hải; ThS. Trần Thị Hương Anh; CN. Biện Thị Hoài; ThS. Trịnh Khánh Toàn; ThS. Phạm Quang Hùng; ThS. Nguyễn Trường Bắc; CN. Đặng Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Thu Phương; ThS. Hoàng Văn Cường - Hà Nội - Vụ Chính sách thuế, Bộ Tài chính, 2023; 12/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan một số vấn đề về Hiệp định thương mại tự do và chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Đánh giá thực trạng chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trong bối cảnh thực thi hiệp định thương mại tự do. Đề xuất các khuyến khích nghị về hoàn thiện chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trong bối cảnh thực thi các hiệp định thương mại tự do hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 22916

89567. 12-2023 **Kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2022: Tổng quan tình hình và kiến nghị chính sách/** TS. Đặng Xuân Thanh, TS. Phạm Anh Tuấn; PGS. TS. Bùi Nhật Quang; PGS. TS. Bùi Quang Tuấn; TS. Nguyễn Thắng; PGS. TS. Nguyễn Chiến Thắng; PGS. TS. Nguyễn Huy Hoàng; PGS. TS. Nguyễn Xuân Trung; TS. Phạm Sỹ An; TS. Hà Thị Hồng Vân; TS. Trần Hoàng Long; TS. Kiều Thanh Nga;

TS. Hà Huy Ngọc; PGS. TS. Nguyễn Đức Chiện; TS. Phạm Minh Thái; TS. Hoàng Xuân Trung; TS. Trương Quang Hoàn - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2023; 06/2022 - 05/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan kinh tế thế giới năm 2022 và triển vọng phát triển kinh tế trong năm 2023. Nghiên cứu phát triển kinh tế các nước và khu vực trong thời gian từ năm 2022 đến năm 2023. Nghiên cứu sự phát triển kinh tế Việt Nam năm 2022 và triển vọng trong năm 2023. Đánh giá các vấn đề môi trường, xã hội trong sự phát triển bền vững của kinh tế Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22919

89591. 12-2023 **Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dưới tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0: Những vấn đề pháp lý cơ bản/** TS. Phan Chí Hiếu, TS. Nguyễn Văn Cương; TS. Chu Thị Hoa; TS. Nguyễn Minh Khuê; PGS. TS. Nguyễn Thị Quế Anh; ThS. Tạ Quang Đôn; TS. Trần Văn Biên; Lê Minh Khiêm; TS. Nguyễn Văn Bình; TS. Hồ Quang Huy; TS. Trần Thị Quang Hồng; ThS. Lê Thị Thúy Nga; TS. Trịnh Anh Tuấn; ThS. Lưu Thị Phấn; ThS. Hoàng Thị Kim Nhung; ThS. Đinh Công Tuấn; TS. Trương Hồng Quang; ThS. Cao Xuân Phong; ThS. Lê Hồng Thái; ThS. Ngô Thanh Xuyên; ThS. Nguyễn Hoàng Chi Mai; ThS. Hoàng Diệu My; CN. Nguyễn Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Thị Hằng Như; ThS. Kiều Thị Hào; ThS. Đào

Bá Minh; ThS. Ngô Xuân Kỳ; ThS. Doãn Nhật Linh; ThS. Hòa Thị Thủy; ThS. Phan Vũ; ThS. Bé Hoài Anh - Hà Nội - Viện Chiến lược và Khoa học pháp lý, 2023; 03/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Những vấn đề lý luận về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dưới tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư - từ góc nhìn pháp lý. Thực trạng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam dưới tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và giải pháp hoàn thiện. Kinh nghiệm quốc tế về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường dưới tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Kiến nghị hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam dưới tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Số hồ sơ lưu: 22926

89604. 12-2023 **Mô hình ổn định hệ thống tài chính ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp/** TS. Trần Thị Quỳnh Hoa, ThS. Phạm Thanh Thủy; TS. Lê Thị Thanh Huyền; ThS. Đinh Ngọc Linh; ThS. Nguyễn Thị Mai Linh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Hữu Đại; ThS. Vũ Quang Trung; ThS. Nguyễn Ngọc Ân; ThS. Nguyễn Ngọc Tuấn - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách tài chính, 2023; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về mô hình ổn định hệ thống tài chính ở góc độ mô hình quản lý. Khảo sát

kinh nghiệm của một số quốc gia về mô hình ổn định hệ thống tài chính. Đánh giá mô hình ổn định hệ thống tài chính của Việt Nam và đề xuất mô hình ổn định tài chính cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22932

89605. 12-2023 **Xây dựng bộ chỉ số đánh giá mức độ minh bạch thông tin trên báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam/** TS. Vũ Thị Phương Liên, ThS. Dương Thị Thắm; ThS. Trần Anh Tâm; TS. Mai Khánh Vân; CN. Đặng Hữu Hoàng; ThS. Nguyễn Hoàng Long; TS. Phí Thị Kiều Anh; TS. Nguyễn Thị Thanh Phương; TS. Nguyễn Thanh Thủy; Ths. Bùi Tố Quyên - Hà Nội - Học viện tài chính, 2023; 12/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán và thông tin trên báo cáo tài chính. Thực trạng minh bạch thông tin trên báo cáo tài chính của công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đề xuất giải pháp tăng cường minh bạch thông tin trên báo cáo tài chính của công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22934

89708. 12-2023 **Đánh giá đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố, định hướng các ngành nghề đầu tư trực tiếp nước ngoài/** ThS. Hồ Thủy Tiên, TS. Võ Văn Thành; TS. Nguyễn Văn Ít; ThS. Cao Minh Nghĩa; ThS. Trương

Thiết Hà; ThS. Đoàn Khuru Diễm Nga; ThS. Trần Thị Đổ; ThS. Hồng Vũ Tuấn Cường; ThS. Trần Thị Triều Nhật; CN. Nguyễn Vĩnh - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Phát triển, 2023; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Bối cảnh kinh tế vĩ mô và hoạt động đầu tư FDI toàn cầu, giai đoạn 2011-2020. Thực trạng hoạt động của khu vực FDI gắn với phát triển các ngành kinh tế quan trọng của thành phố Hồ Chí Minh. Thực trạng triển khai thực hiện các Chính sách liên quan đến FDI tại thành phố Hồ Chí Minh. Bài học kinh nghiệm của một số quốc gia, vùng lãnh thổ trong khu vực về thu hút thành công dòng vốn FDI toàn cầu. Hàm ý chính sách, đề xuất giải pháp và định hướng phát triển ngành gắn với thu hút FDI.

Số hồ sơ lưu: HCM-050-2023

89836. 12-2023 **Chính sách tài khóa của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19**/ ThS. Lê Thị Mai Liên, PGS. TS. Đoàn Hương Quỳnh ThS. Hoàng Như Quỳnh; ThS. Vũ Thị Quỳnh Nga; ThS. Phạm Thượng Tùng; ThS. Nguyễn Tuyết Mai; ThS. Ngô Thị Cúc Phương; ThS. Hoàng Văn Luận; ThS. Nguyễn Văn Ngọc; ThS. Triệu Thủy Nguyên - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách tài chính, 2022; 12/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất các giải pháp Chính sách tài khóa nhằm phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19, đồng thời góp phần đảm bảo tính bền vững của

Ngân sách nhà nước. Những vấn đề lý luận chung về chính sách tài khóa ứng phó với dịch bệnh. Chính sách tài khóa của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Đề xuất chính sách tài khóa của Việt Nam trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 23008

89872. 12-2023 **Định hướng đàm phán hiệp định thương mại tự do của Việt Nam trong lĩnh vực tài chính với Hoa Kỳ**/ ThS. Nguyễn Phương Linh, CN. Nguyễn Quý Anh; CN. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; CN. Đinh Nhật Linh; CN. Trần Thị Châu; ThS. Bùi Thùy Dương; ThS. Ngô Thùy Linh; CN. Phạm Thị Hà; ThS. Trần Thị Quỳnh Hoa - Hà Nội - Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tài chính, 2022; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xu hướng điều chỉnh chính sách thương mại của Hoa Kỳ giai đoạn từ 2016 đến nay. Phân tích về đặc điểm kinh tế Hoa Kỳ và một số hiệp định thương mại tự do của Hoa Kỳ (Hoa Kỳ - Canada - Mexico; Hoa Kỳ - Hàn Quốc, Hoa Kỳ - Nhật Bản, Hoa Kỳ - Trung Quốc). Nghiên cứu về quan hệ kinh tế - thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ và các vấn đề còn tồn tại. Nghiên cứu tổng quan về các hiệp định thương mại của Việt Nam đã ký kết và kết thúc đàm phán với Hoa Kỳ (BTA 1995, TIFA 2007 và TPP 2016). Phân tích về xu hướng hình thành một FTA song phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong thời gian tới, phân tích các thuận lợi và

thách thức đối với Việt Nam. Nghiên cứu các kịch bản khi hình thành FTA song phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Đề xuất các khuyến nghị về định hướng đàm phán của Việt Nam trong lĩnh vực thuế quan và dịch vụ tài chính.

Số hồ sơ lưu: 23014

90041. 12-2023 **Rủi ro thị trường các ngành của Việt Nam và cú sốc COVID -19/** ThS. Hồ Chí Minh, Võ Hồng Đức - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2021; 12/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu sự thay đổi rủi ro của mười ngành kinh tế chính của Việt Nam, đặc biệt là ở thị trường Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn trước và trong diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19. Đồng thời, xem xét các yếu tố tác động đến rủi ro của các doanh nghiệp thuộc các nhóm ngành trên. Từ kết quả nghiên cứu, đưa ra một số gợi ý chính sách cho cơ quan quản lý trong việc hạn chế rủi ro của các ngành quan trọng trong thời kỳ dịch bệnh Covid hiện tại và các giai đoạn phát triển trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: HCM-002-2023

50202. Kinh doanh và quản lý

87950. 12-2023 **Hoàn thiện chính sách tài chính phát triển kinh tế số ở Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030/** TS. Huỳnh Thế Nguyễn, PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga; TS. Lê Trung Đạo; TS. Lê Thị Thúy Hằng; TS. Nguyễn Tấn Hưng;

TS. Hà Huy Tuấn; ThS. Nguyễn Hoàng Vinh; ThS. Nguyễn Thị Mai Liên; ThS. Đặng Minh Luân; ThS. Nguyễn Vũ Duy - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tài chính - Marketing, 2022; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết kế và đề xuất chính sách tài chính cho kinh tế số nhằm hoàn thiện chính sách tài chính thúc đẩy phát triển kinh tế số ở Việt Nam. Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kinh tế số và chính sách tài chính thúc đẩy phát triển kinh tế số. Nghiên cứu kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới trong việc xây dựng chính sách tài chính cho phát triển kinh tế số và rút ra bài học cho Việt Nam về chính sách tài chính phát triển kinh tế số. Phân tích thực trạng phát triển kinh tế số; đánh giá thực tiễn triển khai các chính sách tài chính thúc đẩy tiến trình phát triển kinh tế số và các tiền đề, điều kiện triển khai chính sách tài chính cho phát triển kinh tế số của Việt Nam. Đề xuất quan điểm, định hướng và chính sách tài chính thúc đẩy phát triển kinh tế số phù hợp với bối cảnh của Việt Nam trong giai đoạn 2021 – 2030.

Số hồ sơ lưu: 22157

88143. 12-2023 **Nghiên cứu đề xuất quy định ràng buộc thu hút FDI của doanh nghiệp đầu chuỗi phát triển công nghệ số/** ThS. Đồng Hoàng Vũ, ThS. Vũ Phúc Yên; TS. Vũ Phi Tuyền; ThS. Nguyễn Quang Vũ - Hà Nội - Viện Chiến lược thông tin và truyền thông, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về FDI, xu hướng và thách thức thu hút FDI hiện nay. Nghiên cứu hiện trạng vấn đề về thu hút đầu tư FDI của doanh nghiệp đầu chuỗi công nghệ số tại Việt Nam. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về cơ chế chính sách, giải pháp của một số nước về thu hút các doanh nghiệp đầu chuỗi công nghệ số. Nghiên cứu kinh nghiệm về thu hút đầu tư nước ngoài nói chung và trong lĩnh vực công nghệ số nói riêng của các nước trên thế giới từ đó đề xuất giải pháp thúc đẩy thu hút đầu tư nước ngoài của các doanh nghiệp đầu chuỗi công nghệ số trên thế giới đầu tư vào Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21830

89213. 12-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để sửa đổi, bổ sung quy định về đo lường trong kinh doanh xăng dầu/** ThS. Bùi Trung Dũng, ThS. Nguyễn Bích Ngọc; CN. Trần Thị Thúy Hà; ThS. Cao Việt Bách; ThS. Phan Thị Bích Hạnh; ThS. Trần Quý Giàu; ThS. Lê Thị Thúy Sâm; KS. Đào Thị Hồng; CN. Phạm Thị Đào Anh; CN. Doãn Đình Dũng - Hà Nội - Vụ Đo lường, 2023; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn để đề xuất, sửa đổi, bổ sung một số quy định về đo lường trong kinh doanh xăng dầu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về đo lường. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định thiết bị ghi in kết quả đo tại Thông tư 15 và Thông tư số 08; Sửa đổi, bổ sung quy định về đo lường đối với

phép đo cho phù hợp thực tế; Bổ sung quy định về biện pháp kiểm soát đo lường đối với phương tiện đo bán xăng dầu quy mô nhỏ; Sửa đổi một số quy định liên quan đến việc sửa chữa cột đo xăng dầu, trách nhiệm của cơ sở sản xuất, nhập khẩu cung cấp phương tiện đo, thương nhân bán lẻ xăng dầu. Bổ sung quy định quản lý đo lường đối với hệ thống đo. Bổ sung quy định Hoạt động bán lẻ xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bán lẻ xăng dầu.

Số hồ sơ lưu: 22766

89227. 12-2023 **Nâng cao khả năng chống chịu của nền tài chính quốc gia giai đoạn 2021-2030/** TS. Lê Thị Thùy Vân, ThS. Trần Thu Thủy; ThS. Lưu Ánh Nguyệt; ThS. Nguyễn Thị Thúy; ThS. Phạm Thanh Thủy; ThS. Dương Hoàng Lan Chi; TS. Lã Thị Lâm; TS. Trịnh Thanh Huyền; ThS. Đỗ Ngọc Sơn; ThS. Trần Quảng Ninh - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách tài chính, 2022; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu khả năng chống chịu của nền tài chính quốc gia trên các trụ cột bao gồm: khu vực tài chính công, khu vực thị trường tài chính và khu vực tài chính doanh nghiệp. Phân tích tổng quan nền tài chính giai đoạn 2011-2020 để thấy được xu hướng phát triển thời gian qua; sau đó sẽ tập trung đánh giá khả năng chống chịu của nền tài chính trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến nay. Đây là thời kỳ đẩy mạnh cơ cấu lại Ngân sách nhà nước, các Tổ

chức tín dụng và Doanh nghiệp nhà nước, qua đó có thể đóng góp vào nâng cao hiệu quả và sức chống chịu của nền tài chính. Hơn nữa, đây cũng là giai đoạn kinh tế trong nước chịu cú sốc đáng kể từ đại dịch Covid-19. Xây dựng khung phân tích, đánh giá khả năng chống chịu của nền tài chính quốc gia; vận dụng để đánh giá khả năng chống chịu của nền tài chính quốc gia Việt Nam. Trên cơ sở đó, khuyến nghị các giải pháp nhằm nâng cao khả năng chống chịu của nền tài chính quốc gia trong giai đoạn 2021-2030.

Số hồ sơ lưu: 22761

89229. 12-2023 Xu hướng cải cách chính sách thuế trên thị trường chứng khoán thế giới và vấn đề đổi mới chính sách thuế trên thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay/ ThS. Phạm Thị Thùy Linh, CN. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Thủy; TS. Phạm Thị Tường Vân; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Mai; ThS. Nguyễn Thị Khánh Ly; ThS. Ngô Thu Trang; ThS. Nguyễn Tiến Dũng; ThS. Cao Thị Thanh Lan - Hà Nội - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Bộ Tài chính, 2023; 12/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xu hướng cải cách chính sách thuế trên Thị trường chứng khoán (TTCK) để rút ra bài học kinh nghiệm cải cách chính sách thuế trên TTCK ở Việt Nam. Hệ thống hóa những vấn đề lý luận, đặc điểm tổng quan về chính sách thuế, vai trò của chính sách thuế, các sắc thuế và phân tích các nhân tố ảnh hưởng, tác động đến chính sách thuế

trên TTCK. Phân tích ưu nhược điểm của cách thức đánh thuế đối với từng loại thuế trên TTCK, nghiên cứu xu hướng cải cách chính sách thuế trên TTCK của một số quốc gia trên thế giới và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Nghiên cứu thực trạng triển khai chính sách thuế trên TTCK Việt Nam hiện tại, đánh giá sự phù hợp của chính sách thuế trên TTCK hiện tại với xu hướng của thế giới. Khuyến nghị cải cách chính sách thuế trên TTCK Việt Nam trong thời gian tới phù hợp với xu hướng cải cách chính sách thuế của thế giới.

Số hồ sơ lưu: 22765

89259. 12-2023 Xây dựng bộ chỉ số phát triển kinh tế bền vững/ Tiến sỹ. Nguyễn Ngọc Trung, TS. Lê Văn Hùng; TS. Vũ Hoàng Linh; TS. Bùi Thu Trang; TS. Trần Thị Hà; ThS. Vũ Ngọc Quyên; ThS. Bùi Thị Hồng Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết; ThS. Trần Đình Nuôi; ThS. Trần Thị Mỹ Anh; ThS. Nguyễn Việt Anh; ThS. Nguyễn Phương Thảo; CN. Phạm Thị Thanh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung; TS. Trần Thị Vân Anh; ThS. Bùi Hữu Long - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2023; 08/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và phương pháp xây dựng Bộ chỉ số phát triển kinh tế bền vững. Xây dựng các chỉ số thành phần, chỉ số tổng hợp phát triển kinh tế bền vững và thử nghiệm, áp dụng trên thực tế. Đề xuất kiến nghị, hướng dẫn sử dụng Bộ chỉ số Phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 22793

89362. 12-2023 **Nghiên cứu giải pháp quản lý giá dịch vụ cảng biển trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam/** ThS. Hoàng Hồng Giang, ThS. Võ Duy Thắng; TS. Lưu Việt Hùng; TS. Trịnh Thế Cường; ThS. Hà Thị Hồng Khang; CN. Võ Thanh Tuấn; TS. Trần Quang Huy; TS. Đặng Thanh Hà; ThS. Vũ Quỳnh Anh; KS. Nguyễn Thị Thương - Hà Nội - Cục Hàng hải Việt Nam, 2023; 01/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu giải pháp quản lý nhà nước về giá dịch vụ cảng biển trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa làm cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung xây dựng văn bản quy phạm pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giá dịch vụ tại cảng biển; tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh, thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động; góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ cảng biển làm tiền đề cho sự phát triển bền vững của hệ thống cảng biển Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22830

89401. 12-2023 **Áp dụng nguyên tắc kế toán quản trị quốc tế vào khu vực công ở Việt Nam/** PGS. TS. Ngô Thanh Hoàng, TS. Ngô Thị Thùy Quyên; TS. Hy Thị Hải Yến; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Hồng Chinh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; TS. Phạm Văn Trường; ThS. Mai Thị Bích Ngọc; TS. Nguyễn Đào Tùng; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Thiệu - Hà

Nội - Học viện tài chính, 2023; 11/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu giải thích các nguyên tắc kế toán quản trị (KTQT) quốc tế. Các nguyên tắc này dựa trên hướng dẫn thông lệ thực hành tốt nhất được soạn thảo vào năm 2017 bởi Hiệp hội KTQT công chứng Anh (CIMA) và Hiệp hội kế toán viên công chứng của Mỹ (AICPA). Nghiên cứu tình hình áp dụng các nguyên tắc KTQT tại các nước tiên tiến phát triển để từ đó có những bài học áp dụng cho khu vực công ở Việt Nam. Đánh giá tổng quan về KTQT công ở Việt Nam hiện hành (giai đoạn 2017 - 2021: thời gian kể từ khi áp dụng Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Thông tư 107/2017/TT-BTC); phân tích chuyên sâu về KTQT trong đơn vị sử dụng và không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (đơn vị hành chính sự nghiệp), đối chiếu tính tương đồng và chưa tương đồng với những nguyên tắc KTQT quốc tế, từ đó đưa ra các đánh giá về những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế cần có giải pháp khắc phục và đánh giá khả năng áp dụng các nguyên tắc KTQT quốc tế tại khu vực công của Việt Nam nói chung và đơn vị hành chính sự nghiệp nói riêng. Đề xuất định hướng và giải pháp áp dụng nguyên tắc KTQT quốc tế vào khu vực công ở Việt Nam, mà trọng tâm là KTQT trong đơn vị hành chính sự nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 22852

89450. 12-2023 **Xây dựng các chỉ tiêu giám sát tài chính đơn vị**

sự nghiệp công lập có đủ điều kiện để chuyển sang công ty cổ phần/ ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương, TS. Nguyễn Thị Thanh; CN. Đặng Thị Thanh Minh; ThS. Lê Xuân Hải; ThS. Vũ Đức Kiên; TS. Hồ Thị Thu Hương; TS. Bạch Thị Thu Hường; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Thiều; ThS. Nguyễn Thu Phương; TS. Nguyễn Lê Hoa - Hà Nội - Cục Tài chính doanh nghiệp, 2023; 11/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Lý luận về giám sát tài chính đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện chuyển sang công ty cổ phần. Nghiên cứu kinh nghiệm sử dụng các chỉ tiêu giám sát tài chính đơn vị sự nghiệp công lập của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm đối với Việt nam. Tìm hiểu hệ thống chỉ tiêu giám sát tài chính để xác định đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện chuyển sang công ty cổ phần ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22875

89490. 12-2023 Xây dựng hệ thống chỉ số đánh giá hiệu suất các Đội thuộc Chi cục Thuế ở Việt Nam/ ThS. Lê Duy Minh, ThS. Phạm Trung Hải ThS. Nguyễn Đức Thanh; CN. Vũ Thị Thanh Thảo; CN. Nguyễn Thụy Phương Nhi; ThS. Nguyễn Thanh Thảo; ThS. Bùi Thị Thùy Dương; CN. Trần Thị Đài Trang; CN. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Mai Thị Phương - Hà Nội - Tổng cục Thuế, 2023; 11/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về chỉ số đánh giá hiệu suất công việc ở cơ

quan thuế và kinh nghiệm quốc tế. Đồng thời, nghiên cứu thực trạng công tác đánh giá hiệu suất các đội thuộc Chi cục Thuế ở Việt Nam. Xây dựng hệ thống chỉ số đánh giá hiệu suất các đội thuộc Chi cục Thuế ở Việt Nam. Từ đó, đề xuất quy trình xây dựng hệ thống chỉ số đánh giá hiệu suất vào đánh giá các đội thuộc Chi cục Thuế ở Việt Nam. Triển khai thực hiện các bước theo quy trình như đề xuất các biện pháp hỗ trợ thực hiện áp dụng hệ thống chỉ số đánh giá hiệu suất vào đánh giá các đội thuộc Chi cục Thuế ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22884

89603. 12-2023 Phát triển kế toán môi trường trong các doanh nghiệp ở Việt Nam/ PGS. TS. Ngô Thị Thu Hồng, TS. Nguyễn Thu Hiền; TS. Bùi Thị Hằng; TS. Nguyễn Thị Nga; TS. Ngô Văn Lượng; TS. Lê Thị Hương; ThS. Nguyễn Hữu Đại; TS. Bùi Thị Thu Hương; TS. Lý Lan Yên; ThS. Mai Thị Bích Ngọc - Hà Nội - Học viện tài chính, 2023; 05/2022 - 05/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về kế toán môi trường trong các doanh nghiệp. Các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán môi trường và doanh nghiệp áp dụng kế toán môi trường. Lý luận về kế toán môi trường trong các doanh nghiệp. Thực trạng kế toán môi trường trong các doanh nghiệp ở Việt Nam. Giải pháp phát triển kế toán môi trường trong các doanh nghiệp ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22935

89608. 12-2023 **Nghiên cứu phát triển thị trường gỗ và sản phẩm gỗ nội địa phục vụ tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp Việt Nam/** TS. Hoàng Liên Sơn, ThS. Lê Văn Cường, ThS. Trần Thanh Cao; TS. Nguyễn Gia Kiêm, ThS. Phạm Thị Luyện, ThS. Phạm Thế Tấn, ThS. Vũ Duy Hưng, ThS. Nguyễn Hoàng Tiệp, Nguyễn Tôn Quyền, CN. Dương Quỳnh Hoa, ThS. Nguyễn Thị Thu Hà, CN. Hoàng Đức Việt, CN. Bùi Ngọc Thu Hà, ThS. Nguyễn Xuân Hữu, TS. Kiều Tuấn Đạt, CN. Đỗ Huy Dũng, TS. Nguyễn Tiến Hải, ThS. Nguyễn Thị Cúc, ThS. Hoàng Tuấn Huy, Vũ Quốc Vương, Trần Lê Huy, CN. Đào Tiến Dũng - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam, 2023; 07/2018 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Luận giải cơ sở lý luận và thực tiễn về tổ chức và phát triển thị trường nội địa gỗ và sản phẩm gỗ. Đánh giá thực trạng tổ chức và phát triển thị trường nội địa gỗ và sản phẩm gỗ. Dự báo xu hướng phát triển thị trường gỗ và sản phẩm gỗ nội địa đến năm 2030. Phương án xây dựng kênh phân phối cho một số mặt hàng chính của gỗ và sản phẩm gỗ trên thị trường nội địa. Đề xuất giải pháp tổ chức và phát triển thị trường nội địa gỗ và sản phẩm gỗ phục vụ tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22937

89737. 12-2023 **Các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp trong các khu chế xuất,**

khu công nghiệp, công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0/ GS.TS. Nguyễn Thị Cảnh, Trần Hùng Sơn; Hà Hải Đăng; Nguyễn Minh Trí; La Xuân Đào; Lê Hoàng Sử; Đặng Minh Sự; Đàm Trung Hiếu; Nguyễn Thị Thanh Uyên; Phan Thị Lý - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường ĐH Kinh tế-Luật, 2022; 08/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý thuyết về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực, xác định nhu cầu của doanh nghiệp về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực. Phân tích và đánh giá thực trạng phát triển nguồn nhân lực và chất lượng nguồn nhân lực của thành phố Hồ Chí Minh. Thực trạng chất lượng nguồn nhân lực và khảo sát nhu cầu về đào tạo nhân lực của các doanh nghiệp trong các khu Chế xuất-Công nghiệp, Khu Công nghệ cao ở thành phố Hồ Chí Minh. Thực trạng hệ thống đào tạo nhân lực và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nhân lực qua khảo sát hệ thống đào tạo nghề nghiệp do thành phố Hồ Chí Minh quản lý và các trường thành viên trong Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu của các doanh nghiệp trong các khu Chế xuất-Công nghiệp-Công nghệ cao ở thành phố Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-056-2023

89778. 12-2023 **Hoàn thiện cơ chế tài chính của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng**

Việt Nam/ ThS. Hồ Thanh Thùy, Lê Đình Ngọc; Trịnh Bá Hưng; Nguyễn Hữu Hùng; Trần Phương Ly; Đỗ Tùng Lâm; Nguyễn Thị Anh Thư; Đào Nhật Tân; Vũ Minh Đức; Đặng Thị Vân Anh - Hà Nội - Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính, 2022; 11/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hoá và phát hiện, làm rõ những vấn đề còn tồn tại của cơ chế tài chính hiện nay của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC). Đánh giá thực trạng về cơ chế tài chính đối với VAMC hiện nay, làm rõ những bất cập, hạn chế về thể chế và những nội dung cần xử lý trong tổ chức thực hiện cơ chế tài chính VAMC để làm tiền đề xây dựng, hoàn thiện cơ chế tài chính của VAMC, đáp ứng các yêu cầu về vai trò, vị thế của VAMC trong thời kỳ mới. Trên cơ sở những phân tích, rà soát, đánh giá cụ thể những hạn chế bất cập của cơ chế tài chính hiện hành để từ đó đề tài có kiến nghị, đề xuất phương án hoàn thiện cơ chế tài chính của VAMC: Hoàn thiện cơ chế tài chính của VAMC nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của VAMC trong hiện tại và trong tầm nhìn dài hạn; Làm rõ những mặt đạt được, những mặt hạn chế, nguyên nhân trong triển khai thực hiện cơ chế tài chính theo các vấn đề về vốn, tài sản, quản lý doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận,... của VAMC gắn với mục tiêu xử lý nợ xấu và cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng.

Số hồ sơ lưu: 23006

89980. 12-2023 **Tầm quan trọng của giáo dục đến lực lượng lao động tại nông thôn Việt Nam: Những lợi ích tiền tệ và phi tiền tệ/** TS. Trần Bình Đại, TS. Lê Minh Hạnh; TS. Lê Văn Hà; TS. Hà Thúc Viên; ThS. Trần Thị Mỹ Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Tường Châu - Hà Nội - Trường đại học Việt Đức, 2023; 11/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, xác định lợi ích của giáo dục trên khía cạnh tiền tệ, cụ thể là thu nhập và phi tiền tệ, cụ thể là sức khỏe người lao động. Tiến hành phân tích chuyên sâu lợi ích này đến các khía cạnh chi tiết hơn ở các nhóm nhân khẩu học khác nhau như giới tính, khu vực địa lý, nghề nghiệp và dân tộc thiểu số. Qua đó, đề xuất một số giải pháp cải thiện tỷ suất sinh lợi của giáo dục ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 23066

89987. 12-2023 **Kết nối cung cầu các dịch vụ ngân hàng số nhằm thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng bền vững của các hộ dân tộc thiểu số tại vùng Tây Bắc , Việt Nam/** PGS.TS. Đỗ Xuân Luận, TS. Trần Mạnh Hải; TS. Dương Hoài An; PGS.TS. Trần Văn Quyết; TS. Phạm Thái Thủy; ThS. Lý Thị Thủy Dương; ThS. Trần Văn Nguyễn - Hà Nội - Trường Đại học Nông Lâm, 2023; 06/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích thực trạng kinh doanh du lịch cộng đồng, các dòng thu nhập và chi tiêu cho du lịch của các

hộ gia đình dân tộc thiểu số ở vùng Tây Bắc. Đánh giá nhu cầu, mức độ tiếp cận và sử dụng các dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là các dịch vụ trên nền tảng ứng dụng công nghệ trong phát triển du lịch cộng đồng của các hộ dân tộc thiểu số. Phân tích những rào cản trong tiếp cận dịch vụ ngân hàng và đánh giá tác động của tiếp cận dịch vụ ngân hàng số, đặc biệt là các dịch vụ trên nền tảng công nghệ số tới kết quả kinh doanh du lịch cộng đồng của các hộ dân tộc thiểu số. Qua đó, đề xuất những giải pháp nhằm kết nối cung cầu dịch vụ ngân hàng số trong phát triển du lịch cộng đồng.

Số hồ sơ lưu: 23065

89990. 12-2023 **Giải pháp đảm bảo cân đối Quỹ bảo hiểm xã hội Việt Nam/** PGS.TS. Nhữ Trọng Bách, ThS. Hà Vũ Nam; TS. Nguyễn Thùy Linh; TS. Hà Thị Hương Lan; TS. Võ Văn Hải; ThS. Trương Thùy Linh; ThS. Hoàng Thị Giang; ThS. Vũ Ngọc Anh; ThS. Lê Đôn; ThS. Đoàn Đức Thành - Hà Nội - Trường Bồi dưỡng cán bộ tài chính, 2023; 05/2022 - 05/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về hoạt động thu, chi và đầu tư quỹ Bảo hiểm xã hội cũng như cơ sở lý luận về cân đối quỹ Bảo hiểm xã hội thông qua các hoạt động thu, chi và đầu tư quỹ Bảo hiểm xã hội. Phân tích, làm rõ thực trạng công tác quản lý, sử dụng và cân đối quỹ Bảo hiểm xã hội, chỉ ra những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân của những hạn chế trong cân đối các quỹ Bảo hiểm xã hội. Qua đó, đề xuất mô hình kinh

tế lượng (các nhân tố tác động đến cân đối các quỹ Bảo hiểm xã hội và lượng hóa mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tác động đến cân đối các quỹ Bảo hiểm xã hội). Đồng thời, đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo cân đối các quỹ Bảo hiểm xã hội trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 23067

90000. 12-2023 **Nghiên cứu thực trạng đổi mới sáng tạo mở và đề xuất các giải pháp thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong ngành chế biến - chế tạo ở Việt Nam/** TS. Phạm Văn Hồng, TS. Nguyễn Hà Thị Quỳnh Trang; ThS. Nguyễn Quỳnh Anh; ThS. Phan Xuân Linh; CN. Nguyễn Hương Giang; ThS. Lê Minh Tâm; TS. Phạm Minh Đạt; ThS. Trần Danh Tuấn; CN. Bùi Tố Tâm; CN. Phạm Thị Thắm - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2022; 01/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về đổi mới sáng tạo mở, phân tích xu hướng phát triển của mô hình đổi mới mở và những vấn đề đặt ra đối với doanh nghiệp Việt Nam hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, hấp thu công nghệ của các doanh nghiệp. Từ đó, đề xuất các giải pháp để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, hấp thu công nghệ của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành chế biến – chế tạo.

Số hồ sơ lưu: 23074

90023. 12-2023 **Kế toán doanh thu theo thông lệ quốc tế tại các**

đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính/ ThS. Trần Thị Thu Hương, ThS. Đào Thị Thu Hà; CN. Đỗ Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Hoàng Tùng; ThS. Hồ Thị Vinh; TS. Đặng Văn Quang; ThS. Phạm Thúy Làn; CN. Nguyễn Hồng Sơn; ThS. Đào Sỹ Minh; CN. Hoàng Kim Yên - Hà Nội - Cục Quản lý giám sát kế toán, kiểm toán, 2023; 09/2022 - 09/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, lý luận về kế toán doanh thu tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính theo thông lệ quốc tế. Phân tích và đánh giá thực trạng về kế toán doanh thu tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính. Qua đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu tại đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính theo thông lệ quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 23090

90024. 12-2023 **Bảo vệ quyền lợi của người tham gia bảo hiểm theo Luật Kinh doanh bảo hiểm: Thực trạng và giải pháp/** ThS. Trần Thanh Hà, ThS. Nguyễn Thị Hoài Thu; TS. Nguyễn Thị Hoài Thu; ThS. Nguyễn Thị Minh Huyền; ThS. Nguyễn Hoàng Bách; CN. Vũ Thị Thu Thảo; ThS. Đào Thu Hằng; ThS. Hoàng Thị Thanh Hoa; ThS. Đỗ Thị Thủy - Hà Nội - Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, 2022; 11/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một số vấn đề lý luận và kinh nghiệm quốc tế về bảo vệ quyền lợi người tham gia bảo hiểm, trong đó tập trung vào việc tổng hợp quy định pháp lý của các

nước về bảo vệ quyền lợi người tham gia bảo hiểm. Trên cơ sở kinh nghiệm quốc tế và đánh giá thực trạng bảo vệ quyền lợi người tham gia bảo hiểm tại Việt Nam, đề xuất hoàn thiện quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm để bảo vệ quyền lợi của người tham gia bảo hiểm, tập trung vào các giải pháp về phía cơ quan quản lý nhà nước, Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam và các doanh nghiệp bảo hiểm.

Số hồ sơ lưu: 23083

50299. Kinh tế học và kinh doanh khác

89494. 12-2023 **Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế tri thức: Khung khổ lý thuyết và trường hợp Việt Nam/** PGS. TS. Nguyễn Thị Nguyệt, TS. Võ Trí Thành; ThS. Hạ Thị Thu Thủy; PGS.TS. Lê Quốc Hội; PGS.TS. Lê Thị Lan Hương; TS. Nguyễn Hà Thanh; ThS. Nghiêm Thị Vân; ThS. Tạ Minh Thảo; ThS. Nguyễn Thị Hải Linh; CN. Đặng Thị Bồng - Hà Nội - Viện chiến lược phát triển, 2023; 04/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề xuất nên cải cách các chính sách hỗ trợ, đặc biệt là trong khả năng tiếp cận vốn, đặc biệt phát triển vốn tri thức của các doanh nghiệp. Các nhà hoạch định chính sách cần hoàn thiện các chính sách tương ứng với các đặc điểm ngành, lĩnh vực, loại hình doanh nghiệp cụ thể để thúc đẩy hiệu quả của các yếu tố tri thức. Ngoài ra, chính phủ cần có các chính sách dựa trên quy mô doanh nghiệp để giảm thiểu các tác động

tiêu cực từ vấn đề tập trung thị trường.

Số hồ sơ lưu: 22891

89531. 12-2023 **Điều tra thực trạng kinh tế - xã hội của các hộ gia đình Tây Nam Bộ tại nông thôn các tỉnh Đông Nam Bộ hiện nay/** PGS. TS. Đỗ Hương Giang, ThS. Nguyễn Đăng Minh Thảo; PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; PGS.TS. Lê Thanh Sang; TS. Nguyễn Thị Luyện; TS. Nguyễn Thu Vân; TS. Hoàng Thị Thu Huyền; TS. Nguyễn Lan Hương; TS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; ThS. Nguyễn Ngọc Toại; TS. Đỗ Lý Hoài Tân; ThS. Nguyễn Thị Kim Nương - Tp. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu động lực của các hộ gia đình, bao gồm các yếu tố ở nơi đi là Tây Nam Bộ và tại nơi đến là khu vực nông thôn của các tỉnh Đông Nam Bộ; Phân tích đặc điểm các lĩnh vực kinh tế-xã hội cơ bản của các hộ gia đình Tây Nam Bộ tại khu vực nông thôn các tỉnh Đông Nam Bộ; Đánh giá tính định cư bền vững, khả năng mở rộng số lượng các hộ gia đình Tây Nam Bộ và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình này. Điều tra số liệu cơ bản về thực trạng kinh tế-xã hội của các hộ gia đình di dân từ Tây Nam Bộ tại khu vực nông thôn các tỉnh Đông Nam Bộ hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 22908

89543. 12-2023 **Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp hỗ trợ pháp**

lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành Công Thương/ ThS. Nguyễn Thị Giang, CN. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Trần Đỗ Quyên; ThS. Phạm Mai Hoa; CN. Hoàng Văn Trường; ThS. Nguyễn Anh Thơ; CN. Nguyễn Ngân Huệ; CN. Vũ Hương Giang; CN. Vũ Quang Khải; CN. Nguyễn Việt Khương - Hà Nội - Vụ Pháp chế, 2023; 09/2022 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan lý luận về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nghiên cứu tổng hợp kinh nghiệm quốc tế về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Mỹ, Philipine, Trung Quốc) và đề xuất bài học cho Việt Nam. Đánh giá thực trạng hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam trước và sau khi Luật Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có hiệu lực. Khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và doanh nghiệp nhỏ và vừa trong các lĩnh vực ngành Công Thương, tổng hợp kết quả khảo sát. Đề xuất một số giải pháp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam và ngành Công Thương đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 22909

90158. 12-2023 **Tăng trưởng kinh tế và ô nhiễm môi trường ở Việt Nam và các quốc gia châu Á/** TS. Hồ Thị Lam, PGS. TS. Nguyễn Thị Mỹ Linh; PGS. TS. Hồ Thủy Tiên; ThS. Nguyễn Xuân Bảo Châu; ThS. Hồ Thu Hoài Ngô Thị Mỹ Linh; Lê Hồng Ngọc - Tp. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa

học và Công nghệ Trẻ, 2021; 12/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và mức độ ô nhiễm môi trường tại Việt Nam và các quốc gia châu Á. Đánh giá tác động của các yếu tố tiêu thụ năng lượng, mở cửa thương mại, phát triển tài chính, đầu tư trực tiếp nước ngoài, chất lượng thể chế đến mức độ ô nhiễm môi trường. Đề xuất các hàm ý chính sách để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và phù hợp với mục tiêu tăng trưởng kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam và các quốc gia châu Á.

Số hồ sơ lưu: HCM-048-2023

50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..

89468. 12-2023 **Đổi mới tư duy phát triển giáo dục đại học Việt Nam trong thời kỳ hội nhập/** GS.TS.Trình Quang Phú, GS.TS. Trần Hồng Quân; TS. Vũ Ngọc Hoàng; TS. Nguyễn Thành Quang; PGS.TS. Nguyễn Kim Hồng; TS. Lê Văn Út; TS. Tuyết Nhung Buôn Krông; ThS. Hồ Thị Thu Nguyệt; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Tuyết - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Phát triển Phương Đông, 2022; 06/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu và đánh giá tư duy quản lý nhà nước về giáo dục đại học Việt Nam qua các thời kỳ. Nghiên cứu một số mô hình đại học tiên tiến trên thế giới để rút ra bài học về xây dựng chính sách quản lý

của nhà nước đối với giáo dục đại học. Nghiên cứu tư duy giáo dục đại học gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tìm hiểu sự gắn bó chặt chẽ giữa giáo dục đại học với nhu cầu nhân lực của từng ngành nghề trong nước. Tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật về tự chủ đại học, trong đó nghiên cứu sâu các quy định về mối quan hệ giữa Cơ quan chủ quản - Hội đồng trường - Hiệu trưởng - Tổ chức đảng trong các cơ sở giáo dục đại học. Trên cơ sở nghiên cứu phân tích tư duy quản lý nhà nước về giáo dục đại học, đề tài nghiên cứu sẽ đề xuất các quan điểm, giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về giáo dục đại học trong xu thế toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 22877

89711. 12-2023 **Tác động của phong cách lãnh đạo chuyển đổi đến sự đổi mới trong các trường đại học: Vai trò điều tiết của động lực nội tại/** ThS. Ngô Thị Xuân, - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2021; (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá tác động của 4 khía cạnh phong cách lãnh đạo chuyển đổi đến sự đổi mới tại các trường đại học. Đánh giá tác động của 4 khía cạnh phong cách lãnh đạo chuyển đổi đến sự sáng tạo của nhân viên tại các trường đại học. Đánh giá vai trò điều tiết của động lực nội tại đến mối quan hệ giữa phong cách lãnh đạo chuyển đổi và sáng tạo của nhân viên tại các trường đại học. Đề xuất

các hàm ý chính sách cho các trường đại học Việt Nam trong điều hành và quản lý.

Số hồ sơ lưu: HCM-053-2023

90005. 12-2023 **Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên chính quy chưa tốt nghiệp đúng hạn và giải pháp khắc phục (Nghiên cứu trường hợp Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)/ TS. Nguyễn Văn Tường, Tô Huỳnh Ngọc Nhã; Võ Thanh Tuyền; Trương Hoàng Tố Nga; Nguyễn Ngọc Trinh; Ngô Tuyết Nhi; Hồ Cẩm Nhung; Phan Nguyễn Đông Trường; Nguyễn Hoàng Anh Thư; Lê Thị Tuyết Nga - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2021; 12/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Khảo sát các tài liệu liên quan đến các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên nói chung và sinh viên chưa tốt nghiệp đúng hạn nói riêng. Tiến hành xây dựng thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên chưa tốt nghiệp đúng hạn tại Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn và thu thập dữ liệu. Khảo sát thực trạng sinh viên chưa tốt nghiệp đúng hạn và thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của nhóm sinh viên chưa tốt nghiệp đúng hạn tại Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn. Phân tích kết quả thực trạng kết quả học tập và thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả

học tập của sinh viên chưa tốt nghiệp đúng hạn tại Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn. Qua đó, đề xuất một số giải pháp cho nhà trường, gia đình và bản thân sinh viên nhằm nâng cao kết quả học tập của nhóm sinh viên chưa tốt nghiệp đúng hạn

Số hồ sơ lưu: HCM-017-2023

90052. 12-2023 **Kết quả nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh trung học cơ sở qua sử dụng các di tích lịch sử văn hóa và bảo tàng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh/ TS. Vương Văn Cho, TS. Nguyễn Kim Dung; TS. Trần Thị Bích Liễu; TS. Nguyễn Thành Phát; NCS. ThS. Lê Thị Ngọc Nhân; ThS. Dương Quang Lý; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Lan Anh; Trần Thị Thu Giang; NCS. Nguyễn Thị Thu - TP. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2021; 12/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu cơ sở lý luận và pháp lý thực hiện phát triển năng lực sáng tạo qua sử dụng di tích lịch sử văn hóa và bảo tàng. Nghiên cứu cơ sở thực tiễn (Tìm hiểu các danh lam thắng cảnh của thành phố ; Khảo sát cán bộ quản lý , giáo viên, học sinh, phụ huynh; nghiên cứu tài liệu , sản phẩm triển khai giáo dục địa phương, hoạt động trải nghiệm sử dụng các danh lam thắng cảnh của TP. Hồ Chí Minh trong các hoạt động dạy học và giáo dục . Xây dựng tài liệu hướng dẫn giáo viên soạn và

tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh trung học cơ sở sử dụng di tích lịch sử văn hóa và bảo tàng. Đồng thời, xây dựng tiêu chí đánh giá mức độ phát triển năng lực sáng tạo của học sinh.

Số hồ sơ lưu: HCM-005-2023

90127. 12-2023 **Đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ngành Tài chính Ngân hàng/** TS. Đinh Thị Thu Hồng, PGS.TS. Trần Thị Hải Lý; TS. Lê Đạt Chí; TS. Từ Thị Kim Thoa; TS. Nguyễn Hoàng Thụy Bích Trâm; ThS. Nguyễn Văn Thiện Tâm; ThS. Hồ Thu Hoài; ThS. Dương Kha; PGS.TS. Phùng Đức Nam; PGS.TS. Lê Thị Phương Vy; TS. Quách Doanh Nghiệp; TS. Nguyễn Thị Hồng Nhâm; ThS. Tô Công Nguyên Bảo; ThS. Trần Hoài Nam; ThS. Trương Trung Tài; TS. Huỳnh Thị Cẩm Hà; TS. Lê Thị Hồng Minh; ThS. Lương Thị Thảo. - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh, 2023; 07/2022 - 07/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thiết kế, xây dựng chương trình đào tạo và đề xuất tổ chức thực hiện đào tạo nhân lực trình độ quốc tế đối với ngành Tài chính – Ngân hàng giai đoạn 2021 – 2035; góp phần phát triển lực lượng lao động chất lượng cao, từ đó tạo ra lợi thế cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đối với Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và Việt Nam nói chung trong quá trình hội nhập chuỗi giá trị toàn cầu; góp phần đổi mới

toàn diện giáo dục, đáp ứng xu thế toàn cầu hoá lực lượng lao động.

Số hồ sơ lưu: TPHCM-2023-031

90135. 12-2023 **Đề án Đào tạo nguồn nhân lực trình độ quốc tế ngành Trí tuệ nhân tạo/** PGS.TS. Nguyễn Văn Vũ, GS.TS. Lê Hoài Bắc; PGS.TS. Trần Minh Triết; PGS.TS. Nguyễn Tuyết Phương; PGS.TS. Hồ Quốc Bằng; PGS.TS. Phạm Trần Vũ; TS. Đinh Bá Tiên; TS. Lâm Quang Vũ; TS. Trần Thái Sơn; TS. Nguyễn Ngọc Thảo; TS. Ngô Đức Thành; TS. Nguyễn Vinh Tiệp; ThS. Văn Chí Nam; ThS. Lê Ngọc Thành; ThS. Nguyễn Hải Đăng. - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Quốc gia TP.HCM Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 08/2022 - 08/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu và xây dựng đề án đào tạo nguồn nhân lực trình độ quốc tế ngành trí tuệ nhân tạo nhằm đưa TP. Hồ Chí Minh trở thành trung tâm đào tạo, phát triển, chuyển giao công nghệ ngành CNTT của cả nước và khu vực và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực trình độ quốc tế bậc đại học và sau đại học ngành CNTT trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh từ đó đề xuất mục tiêu, giải pháp, mô hình và kế hoạch thực hiện cụ thể theo các giai đoạn từ nay đến năm 2035.

Số hồ sơ lưu: TPHCM-2023-035

50302. Giáo dục chuyên biệt

88433. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng Chương trình tập luyện**

Thử nghiệm Thể thao can thiệp phục hồi chức năng, hòa nhập cộng đồng cho trẻ tự kỷ/ PGS. TS. Phan Thanh Hải, TS. Nguyễn Thái Bền; PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng; PGS.TS. Trần Duy Hòa; TS. Nguyễn Việt Tuấn; TS. Phạm Tuấn Hùng; TS. Nguyễn Thị Quỳnh Mai; TS. Phạm Quang Thảo; ThS. Nguyễn Xuân Việt - Đà Nẵng - Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng, 2022; 01/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Qua đánh giá thực trạng chương trình tập luyện Thể dục thể thao (TDTT) can thiệp phục hồi chức năng, hòa nhập cộng đồng cho trẻ tự kỷ, đồng thời tiến hành phân loại mức độ tự kỷ của trẻ. Qua đó xây dựng chương trình tập luyện TDTT can thiệp phục hồi chức năng, hòa nhập cộng đồng phù hợp với đặc điểm của trẻ mắc chứng tự kỷ ở mức độ nhẹ và trung bình đối với lứa tuổi 6-10, giúp các em nâng cao hiểu biết, nhận thức, kiểm soát được hành vi của mình, sớm hòa nhập với cộng đồng.

Số hồ sơ lưu: 22453

90143. 12-2023 Thiết kế trò chơi cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi ở thành phố Hồ Chí Minh theo cách tiếp cận Steam./ TS. Nguyễn Thị Thanh Bình, PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh; TS. Phạm Đăng Khoa; TS. Bùi Thị Việt; ThS. Trần Đức Sự; TS. Lý Bình Nhung; ThS. Phan Tú Anh; ThS. Lê Kiều Trang; ThS. Vũ Khắc Hùng; ThS. Nguyễn Ngọc Châu - Tp. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục và

Kinh tế EXIM, 2022; 09/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận thiết kế trò chơi cho trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi theo cách tiếp cận STEAM. Khảo sát thực trạng thiết kế và tổ chức trò chơi cho trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh theo cách tiếp cận STEAM. Thiết kế và thực nghiệm một số trò chơi cho trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh theo cách tiếp cận STEAM. Xây dựng quy trình hướng dẫn thiết kế và tổ chức trò chơi cho trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi theo cách tiếp cận STEAM. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về thiết kế và tổ chức trò chơi theo cách tiếp cận STEAM, thiết kế và tổ chức thực nghiệm một số trò chơi cho trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi theo cách tiếp cận này nhằm phát triển năng lực cho trẻ trong điều kiện đổi mới giáo dục mầm non ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-042-2023

50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác

90020. 12-2023 Quản lý công tác tư vấn tâm lý cho học sinh các trường trung học cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh/ TS. Nguyễn Hồng Phan, TS. Nguyễn Văn Tường; TS. Nguyễn Đức Danh; TS. Hồ Võ Quế Chi; ThS. Nguyễn Thị Anh Thư; ThS. Hà Văn Tú; ThS. Lê Văn Trỗi; ThS. Bạch Thị Ngọc Dung; CN. Nguyễn Thị Mỹ Xuân - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2022;

08/2020 - 08/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu, hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý công tác tư vấn tâm lý cho học sinh các trường trung học cơ sở như: Công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trường trung học cơ sở; quản lý công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trường trung học cơ sở; Các yếu tố ảnh hưởng;... Tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng công tác tư vấn tâm lý và quản lý công tác tư vấn tâm lý cho học sinh các trường trung học cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh. Qua đó, đề xuất, khảo nghiệm tính cấp thiết và tính khả thi, cũng như thực nghiệm giải pháp quản lý công tác tư vấn tâm lý cho học sinh các trường trung học cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-019-2023

90058. 12-2023 **Mối quan hệ giữa vốn tâm lý học tập, cảm xúc tích cực liên quan học tập và kết quả học tập của sinh viên**/ TS. Ngô Thành Trung, Vũ Hữu Thành; Huỳnh Lương Tâm - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2021; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu, đánh giá tác động của cảm xúc tích cực liên quan học tập đến kết quả học tập của sinh viên. Đánh giá tác động của cảm xúc tích cực liên quan học tập đến vốn tâm lý học tập của sinh viên. Đồng thời, đánh giá tác động của vốn tâm lý học tập đến kết quả học tập của sinh viên và đánh giá vai trò trung

gian của vốn tâm lý tích cực trong mối quan hệ giữa cảm xúc tích cực liên quan học tập và kết quả học tập của sinh viên. Căn cứ kết quả nghiên cứu thu được, đưa ra các khuyến nghị liên quan đến vốn tâm lý học tập và cảm xúc tích cực liên quan học tập để nâng cao kết quả học tập của sinh viên.

Số hồ sơ lưu: HCM-008-2023

50401. Xã hội học nói chung

89709. 12-2023 **Con người đô thị**/ TS. Dư Phước Tân, CN. La Tị Xuân Phương; TS. Phạm Trần Hải; TS. Nguyễn Thị Cẩm Vân; ThS. Phạm Hoàng Phước; ThS. Vương Đình Huy; ThS. Lê Hồng Nhật; ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang; ThS. Nguyễn Như Ý - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 05/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Cơ sở lý luận về con người đô thị và xây dựng các tiêu chí về con người đô thị. Nhận định và đánh giá thực trạng dân cư đang sinh sống trên địa bàn 5 huyện ngoại thành. Dự báo một số rủi ro (tác động tiêu cực) trong quá trình chuyển đổi huyện thành quận/ thành phố thuộc thành phố. Đề xuất các giải pháp, chính sách áp dụng cho quá trình chuyển đổi huyện thành quận hoặc thành thành phố trong thành phố dưới góc độ xây dựng con người đô thị.

Số hồ sơ lưu: HCM-051-2023

50404. Dân tộc học

89842. 12-2023 **Bảo tồn và phát huy một số giá trị văn hóa dân tộc gắn liền với phát triển du lịch Ba Bể/ Hà Văn Trường; Hoàng Minh Thư; Trần Hoàng Tiến; Nguyễn Thị Hương; Ôn Thị Chuyên.**
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Kạn - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Kạn, 2020; 10/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Dự án đã xây dựng và duy trì được mô hình hoạt động của 05 Đội văn nghệ dân gian dân tộc để phục vụ khách du lịch tại địa phương, trong đó: 03 Đội văn nghệ dân gian dân tộc Tày, 01 Đội văn nghệ dân gian dân tộc Dao và 01 Đội văn nghệ dân gian dân tộc Mông; xây dựng và duy trì được mô hình hoạt động của Khu vui chơi giải trí và giao lưu văn hóa, ẩm thực dân tộc (Chợ đêm) để phục vụ khách du lịch vào tối thứ 7, chủ nhật hàng tuần; xây dựng và duy trì được mô hình hoạt động của khu Tắm thuốc người Dao và Trưng bày, giới thiệu, bán các sản phẩm du lịch văn hóa đặc trưng, tiêu biểu làm quà lưu niệm cho khách du lịch; xây dựng được Kế hoạch bảo tồn và phát huy 15 món Ẩm thực đặc trưng của dân tộc tại các khách sạn, nhà hàng và quán ăn khu du lịch hồ Ba Bể để phục vụ khách du lịch; tổ chức 02 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nhằm nâng cao nhận thức cho người dân về công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch tại địa phương; tổ chức sản xuất 01 Bộ phim tài liệu (35 phút) để tuyên truyền, giới thiệu và

quảng bá về di sản văn hóa các dân tộc Bắc Kạn với khách du lịch ở trong nước, khu vực và quốc tế; tổ chức xuất bản cuốn Sách có nội dung giới thiệu về Văn hóa dân gian các dân tộc vùng hồ Ba Bể - Bắc Kạn.

Số hồ sơ lưu: 01/2021 Quyển số 01-STD-QLCNCN

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội

89214. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng môi trường văn hóa ở khu vực nông thôn mới/ TS. Đinh Thị Cẩm Lê, ThS. Phạm Thu Hà; TS. Phạm Quế Anh; TS. Hoàng Minh Thái; TS. Trần Thị Tuyết Mai; TS. Nguyễn Đức Tân; ThS. Lê Thị Thanh Huyền; ThS. Lê Xuân Mai; ThS. Nguyễn Tuấn; CN. Nguyễn Thị Phương Dung - Hà Nội - Trường Cán bộ quản lý văn hóa, thể thao và du lịch, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Tổng thuật tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước và nước ngoài về Môi trường văn hóa (MTVH) và xây dựng MTVH ở khu vực Nông thôn mới (NTM). Hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về MTVH, Môi trường văn hóa nông thôn mới. Xác định quan điểm, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh tiến trình xây dựng MTVH ở khu vực NTM hiện nay. Phân tích các yếu tố tác động, dự báo xu hướng vận động, biến đổi của Môi trường văn hóa nông thôn mới

hiện nay. Nghiên cứu đánh giá thực trạng xây dựng MTVH ở khu vực NTM hiện nay; làm rõ những hạn chế rút ra từ thực trạng công tác xây dựng Môi trường văn hóa nông thôn mới hiện nay. Đề xuất nội dung Bộ tiêu chí xây dựng MTVH ở khu vực NTM và biện pháp tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay. Đưa ra các giải pháp khả thi nhằm xây dựng MTVH ở khu vực NTM một cách toàn diện, thật sự trong sạch, lành mạnh, cải thiện điều kiện hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Số hồ sơ lưu: 22767

89225. 12-2023 **Người đồng tính, chuyển giới trong văn hóa đại chúng Việt Nam hiện nay/ TS. Vũ Hoàng Hiếu, ThS. Đinh Việt Hà; TS. Phạm Văn Hưng; TS. Đặng Diệu Trang; TS. Lại Thị Hải Bình; CN. Nguyễn Thu Hương; CN. Phạm Thị Nga - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Văn hóa, 2023; 01/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)**

Tìm hiểu cách người đồng tính, chuyển giới đã được tái trình hiện trong nền văn hóa đại chúng Việt Nam hiện nay; ý nghĩa của những hình ảnh và sự biểu hành căn tính của họ trong việc thách thức khái niệm “nam tính bá quyền” đặt trong bối cảnh biến đổi của đời sống văn hóa, xã hội Việt Nam đương đại. Nghiên cứu, lý giải sự xuất hiện và phổ biến hình ảnh người đồng tính, chuyển giới trong văn hóa đại chúng; tìm hiểu động năng văn hóa, xã hội của hiện tượng đó; Tìm hiểu ý nghĩa biểu trưng của những hình ảnh ấy và việc sản xuất tri thức/diễn

ngôn về người đồng tính và chuyển giới; Nghiên cứu việc kiến tạo căn tính ở nhóm thiểu số tính dục đặc thù này, qua đó tìm hiểu xem việc kiến tạo căn tính ấy đã thách thức “nam tính bá quyền” và tái định nghĩa các khái niệm “nam tính”, “nữ tính” như thế nào.

Số hồ sơ lưu: 22774

89331. 12-2023 **Đổi mới hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm đến năm 2030/ PGS. TS. Nguyễn Thị Lan Hương, ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Ngô Xuân Liễu; ThS. Nguyễn Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Hải Ninh; ThS. Nguyễn Thành Tuấn; ThS. Phùng Thị Như Nhân; CN. Bùi Văn Tứ - Hà Nội - Hiệp hội giáo dục nghề nghiệp và Nghề Công tác xã hội Việt Nam, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu cơ sở pháp lý về các hoạt động của trung tâm dịch vụ việc làm; Tổng quan các hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm; Các kết quả chính, các điều kiện để thực hiện: Tổ chức, nhân lực, cơ sở vật chất. Các tác động của Cách mạng Công nghiệp 4.0 đến xu thế và biến động của thị trường Lao động; Tương quan cung-cầu lao động theo các ngành, nghề và trình độ chuyên môn kỹ thuật của lực lượng lao động. Các yêu cầu đổi mới hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong điều kiện Cách mạng Công nghiệp 4.0; Các giải pháp đổi mới các hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm.

Số hồ sơ lưu: 22821

89378. 12-2023 **Nghiên cứu giải pháp hỗ trợ đào tạo lại và chuyển đổi nghề nghiệp đối với thanh niên làm việc tại các khu công nghiệp/** ThS. Đặng Đình Thanh, ThS. Nguyễn Thành Tuân; TS. Nguyễn Chí Trường; ThS. Bạch Liên Hương; ThS. Trần Hữu; ThS. Phạm Quang Chính; CN. Đỗ Thị Thảo; CN. Ngô Thùy Linh; CN. Nguyễn Thị Tiến Ngọc; ThS. Kiều Vũ Thái Ninh; CN. Nguyễn Xuân Nam - Hà Nội - Trung tâm Dịch vụ việc làm thanh niên Trung ương đoàn, 2023; 03/2022 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về hỗ trợ đào tạo lại và chuyển đổi nghề nghiệp cho lao động đối với thanh niên làm việc tại các khu công nghiệp; Đánh giá thực trạng hỗ trợ đào tạo lại và chuyển đổi nghề nghiệp đối với thanh niên làm việc tại các khu công nghiệp; Nghiên cứu xu hướng nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp, khả năng dịch chuyển việc làm của thanh niên làm việc tại các khu công nghiệp; Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hỗ trợ đào tạo lại và chuyển đổi nghề nghiệp đối với thanh niên làm việc tại các khu công nghiệp (vai trò của Nhà nước và vai trò của Đoàn thanh niên).

Số hồ sơ lưu: 22836

89386. 12-2023 **Những vấn đề chung trong xây dựng Bộ chỉ số An sinh quốc gia/** TS. Phí Vĩnh Tường, TS. Trần Thị Hà; TS. Võ Thị Minh Lệ; TS. Lưu Quang Tuấn; TS. Nguyễn Đình Khuyển; TS. Nguyễn Thị Xuân Mai; TS. Bùi Quang Bình; TS. Nghiêm Tuấn Hùng; TS. Chu Phương Quỳnh; TS. Hồ Ngọc Châm; TS. Phạm Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Hồng Nga; ThS. Đoàn Thị Kim Tuyền; ThS. Nguyễn Đình Ngân; ThS. Trần Thị Cẩm Trang; TS. Trần Thị Quỳnh Trang - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2023; 08/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ khái niệm an sinh quốc gia; khái niệm đối với từng trụ cột thuộc Bộ chỉ số an sinh quốc gia; Nghiên cứu đặc điểm, vai trò và những yêu cầu đối với từng trụ cột thuộc Bộ chỉ số an sinh quốc gia; Nguyên tắc, phương pháp xây dựng Bộ chỉ số tổng hợp/bộ chỉ số đối với từng trụ cột thuộc Bộ chỉ số an sinh quốc gia; Kinh nghiệm quốc tế đối với từng trụ cột thuộc Bộ chỉ số an sinh quốc gia; Đánh giá thực trạng các Bộ chỉ số hiện đang sử dụng trong nước; Xác định quy trình xây dựng các chỉ số thành phần và chỉ số tổng hợp về an sinh quốc gia; Đề xuất kiến nghị, hướng dẫn sử dụng Bộ chỉ số an sinh quốc gia ở Việt Nam. Hoàn thiện bản hướng dẫn khi xây dựng Bộ chỉ số an sinh quốc gia.

Số hồ sơ lưu: 22834

89398. 12-2023 **Đánh giá tác động của Hiệp định CPTPP và**

EVFTA đến lĩnh vực quan hệ lao động ở Việt Nam đến năm 2025/ ThS. Nguyễn Huy Hưng, ThS. Nguyễn Thùy Linh; ThS. Nguyễn Huyền Lê; ThS. Bùi Ngọc Mạnh; ThS. Nguyễn Phương Trang; ThS. Bùi Thị Hoàn; ThS. Phạm Thị Chung - Hà Nội - Cục Quan hệ lao động và Tiền lương, 2022; 07/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về tác động của các cam kết về quan hệ lao động trong Hiệp định CPTPP và EVFTA đến các vấn đề quan hệ lao động. Phân tích thực trạng và xác định tác động của các cam kết về quan hệ lao động trong Hiệp định CPTPP và EVFTA đến các vấn đề quan hệ lao động đến năm 2025. Khuyến nghị các giải pháp hoàn thiện thể chế, chính sách và xây dựng quan hệ lao động hài hòa và tiên bộ theo Bộ luật lao động 2019 và thực thi các cam kết của CPTPP và EVFTA đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: 22837

89835. 12-2023 Xây dựng mô hình giảm nghèo cho phụ nữ dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên dựa vào khung sinh kế bền vững/ TS. Vũ Thị Thùy Dung, GS.TS. Trịnh Duy Luân; GS.TS. Nguyễn Hữu Minh; TS. Dương Kim Anh; ThS. Đào Thị Hiếu; ThS. Nguyễn Thị Minh Hiền; ThS. Đặng Văn Soi; Trần Tuấn - Lâm Đồng - Trường Đại học Đà Lạt, 2020; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở lý luận về nghèo đói phụ nữ dân tộc thiểu số ở

Tây Nguyên dựa vào khung sinh kế bền vững; Phân tích thực trạng nghèo và năng lực thoát nghèo của phụ nữ dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên; Phân tích các yếu tố tác động đến năng lực thoát nghèo bền vững của phụ nữ dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên; Xây dựng mô hình giảm nghèo cho phụ nữ dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên dựa vào khung sinh kế bền vững; Đề xuất giải pháp thực hiện mô hình giảm nghèo cho phụ nữ dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên dựa vào khung sinh kế bền vững.

Số hồ sơ lưu: 23011

89882. 12-2023 Nghiên cứu cơ hội và thách thức đối với việc làm của người lao động trong bối cảnh chuyển đổi số/ TS. Đoàn Thị Yên, TS. Đỗ Thị Tươi; TS. Nguyễn Thị Hồng; TS. Phạm Ngọc Toàn; ThS. Đặng Đỗ Quyên; ThS. Ngô Xuân Liễu; ThS. Vũ Thị Ánh Tuyết; TS. Khuất Thị Thu Hiền; TS. Vũ Hồng Phong; TS. Trần Thị Minh Phương - Hà Nội - Trường đại học Lao động - xã hội, 2023; 01/2022 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về cơ hội và thách thức đối với việc làm của người lao động trong bối cảnh chuyển đổi số; Đánh giá chính sách hỗ trợ việc làm cho người lao động trong bối cảnh chuyển đổi số, thực trạng việc làm của người lao động, nhận diện những cơ hội và thách thức đối với việc làm của người lao động trong bối cảnh chuyển đổi số; Đề xuất các giải pháp, chính sách nhằm hỗ trợ việc

làm cho người lao động, giúp người lao động tận dụng cơ hội và ứng phó, thích nghi với thách thức về việc làm trong bối cảnh chuyển đổi số.

Số hồ sơ lưu: 23020

89932. 12-2023 **Đời sống của người dân trong các dự án đầu tư xây dựng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh: thực trạng và giải pháp/** ThS. Trần Văn Phương, ThS. Mai Thị Quế; TS. Phạm Trần Hải; TS. Nguyễn Thị Thu Thoa; TS. Nguyễn Thị Hồng Duyên; TS. Ngô Hoài Sơn; ThS. Nguyễn Trúc Vân; ThS. Nguyễn Thị Hà; ThS. Phạm Hoàng Phước; ThS. Ngô Anh Vũ; ThS. Võ Đức Thanh; ThS. Võ Đức Bảo; ThS. Hoàng Văn Thắng; ThS. Nguyễn Long Tiên; ThS. Phạm Long Hải; ThS. Nguyễn Đăng Phương Truyền; ThS. Cao Thị Lý; ThS. Lê H'Vinh; CN. Hồ Thị Luán; CN. Lê Thị Dung; CN. Vũ Thị Thu Hương; CN. Lê Đoàn Thành Tài - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Phát triển TP. Hồ Chí Minh, 2022; (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Phân tích và đánh giá thực trạng về các dự án đầu tư xây dựng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian qua, từ đó cho thấy những vấn đề vướng mắc, tồn tại trong công tác quản lý dự án quy hoạch để dẫn đến tình trạng dự án quy hoạch chậm tiến độ (đánh giá từ chính sách, công tác quản lý các dự án đầu tư xây dựng và thực hiện dự án). Phân tích, đánh giá đời sống và nhu cầu của người

dân dưới tác động của các dự án quy hoạch chậm tiến độ trong thời gian qua để từ đó đề xuất các chính sách hỗ trợ phù hợp. Đề xuất các chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao đời sống của người dân tại các dự án quy hoạch chậm tiến độ; Đề xuất các giải pháp nhằm quản lý tốt công tác thực hiện các dự án đầu tư xây dựng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: HCM-153-2023

89993. 12-2023 **Hợp tác nghiên cứu hỗ trợ xây dựng văn bản quản lý và đào tạo nâng cao năng lực cho Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Lào/** TS. Phạm Đình Nguyên, TS. Hoàng Văn Tuyên; TS. Lê Đình Tiến; ThS. Nguyễn Hoàng Hải; ThS. Lê Ngọc Bích; ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung; CN. Phùng Thị Hoàng Mai; ThS. Nguyễn Thị Thúy Hà; ThS. Vũ Thị Quỳnh Trang; ThS. Nguyễn Minh Quân; ThS. Nguyễn Thị Mai Phương; ThS. Trương Thị Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Quỳnh Hoa; TS. Nguyễn Diệu Hương; ThS. Nguyễn Thị Phương; TS. Nguyễn Thị Mỹ An; ThS. Lê Thúy Nga; ThS. Phan Thị Minh Nguyệt; CN. Nguyễn Đình Hưng; CN. Nguyễn Thị Phương Hảo; ThS. Phùng Thị Hiệp; TS. Đỗ Tiến Dũng - Hà Nội - Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, 2022; 11/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn tại Việt Nam cũng như một số nước trong việc xây dựng hệ

thông văn bản về quản lý tài trợ, hỗ trợ khoa học và công nghệ. Tổng kết kinh nghiệm của NAFOSTED trong việc xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu tài trợ, hỗ trợ. Đồng thời, nghiên cứu cơ sở thực tiễn tại Lào đối với tài trợ, hỗ trợ hoạt động khoa học và công nghệ. Hỗ trợ STDF xây dựng dự thảo các văn bản phục vụ triển khai chương trình tài trợ nghiên cứu khoa học và công nghệ. Qua đó, hỗ trợ STDF xây dựng dự thảo các văn bản phục vụ triển khai chương trình hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 23071

89998. 12-2023 **Quản lý, sử dụng quỹ nhà, đất công giao cho Công ty quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý: Thực trạng và giải pháp/** TS. Chu Thị Thủy Chung, ThS. Ngô Việt Hùng; TS. Phạm Thị Hồng Nhung; CN. Lê Thị Thanh Nga; ThS. Nguyễn Thị Dân; CN. Lưu Thị Thu Quế; CN. Đinh Thị Phi Nga; CN. Trần Trọng Bình - Hà Nội - Cục Quản lý công sản, 2020; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về: Quỹ nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước đang giao cho công ty quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý; Quản lý, sử dụng Quỹ nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước đang giao cho công ty quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý. Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý quản lý quỹ nhà, đất đang giao cho công ty quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý trên hai phương diện: Thực trạng

về quỹ nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước đang giao cho công ty quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý; Thực trạng quản lý, sử dụng Quỹ nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước đang giao cho công ty quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, gồm: cơ chế chính sách và tổ chức quản lý. Từ đó, đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng quỹ nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước đang giao cho công ty quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý đảm bảo đúng quy định của pháp luật; sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả, phù hợp với thực tiễn, công khai, minh bạch và thuận lợi trong quản lý; tránh thất thoát, lãng phí

Số hồ sơ lưu: 23075

89999. 12-2023 **Các giải pháp lao động, việc làm và an sinh xã hội nhằm tận dụng lợi thế cơ cấu dân số vàng và thích ứng với già hóa dân số/** TS. Trịnh Thu Nga, ThS. Nguyễn Hải Ninh; ThS. Trần Thị Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Lê Thu Huyền; ThS. Trịnh Hoàng Hiếu; ThS. Nguyễn Chiến Thắng; ThS. Lê Hải Anh; ThS. Vũ Hồng Phong; ThS. Hà Duy Tân - Hà Nội - Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2022; 01/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về giải pháp lao động, việc làm và an sinh xã hội nhằm phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng và thích ứng với già hóa dân số. Tìm hiểu thực trạng các giải pháp, chính sách lao động việc làm và an sinh xã hội nhằm phát huy lợi thế cơ cấu dân số

vàng và thích ứng với già hóa dân số ở Việt Nam giai đoạn 2011-2021. Từ đó đưa ra các giải pháp lao động việc làm và an sinh xã hội nhằm phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng và thích ứng với già hóa dân số trong giai đoạn 2021-2030

Số hồ sơ lưu: 23076

90012. 12-2023 **Mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội/** PGS.TS. Vũ Trọng Lâm, GS.TS. Hoàng Thị Kim Quê; GS.TS. Hoàng Chí Bảo; GS.TSKH. Đào Trí Úc; TS. Lê Hải; TS. Nguyễn Thị Trang; TS. Lê Thị Phương Nga; TS. Nguyễn Thu An; ThS. Kim Ngọc Đàm; ThS. Nguyễn Anh Đức - Hà Nội - Tạp chí Cộng sản, 2021; 12/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Tìm hiểu thực trạng mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Qua đó đề xuất phương hướng, giải pháp và kiến nghị về thực hiện đúng đắn mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Số hồ sơ lưu: 23086

90028. 12-2023 **Tác động của COVID-19 tới tâm lý và thể chất của người dân/** TS. Nguyễn Trà My, TS. Lê Kiên; TS. Hoàng Thị Thanh Hương; CN. Nguyễn Khánh Hằng; CN. Lê Thùy Trang - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển

Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2021; 12/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu, đánh giá mức độ ảnh hưởng của các chính sách ứng phó COVID-19 của chính phủ tới tình hình sức khỏe tâm lý lẫn thể chất của người dân. Tiến hành sử dụng dữ liệu khảo sát tác động COVID và số liệu khảo sát hộ gia đình chuyên về trải nghiệm cá nhân trong đợt bùng phát COVID-19. Về nhận dạng, áp dụng mô hình Difference-in-Differences (DiD). Cụ thể, khai thác sự khác biệt giữa các địa điểm trong bùng phát dịch và việc triển khai các quy định ứng phó trong mô hình Difference-in-Differences (DID).

Số hồ sơ lưu: HCM-023-2023

90034. 12-2023 **Hoàn thiện pháp luật hỗ trợ vốn cho thanh niên khởi nghiệp/** TS. Nguyễn Ngọc Lương, PGS.TS. Phạm Thị Giang Thu PGS.TS. Vũ Thị Lan Anh; TS. Đoàn Trung Kiên; PGS.TS. Lê Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Ngọc Yến - Hà Nội - Ủy ban Quốc gia về thanh niên Việt Nam, 2023; 03/2022 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về hỗ trợ vốn cho thanh niên khởi nghiệp và hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ vốn cho thanh niên khởi nghiệp Chương. Tìm hiểu thực trạng pháp luật Việt Nam về hỗ trợ vốn cho thanh niên khởi nghiệp. Qua đó đưa ra những định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật hỗ trợ vốn

cho thanh niên khởi nghiệp ở Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 23070

90059. 12-2023 **Nghiên cứu kết quả thực hiện chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020 và đề xuất chính sách phát triển kinh tế - xã hội dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2035/** CN. Nguyễn Thị Thanh Nga, CN. Đồng Nữ Hoàng Yên; TS. Văn Trung Hiếu; CN. Thạch Quốc Lộc; CN. Trần Lệ Phương; CN. Trần Ngọc Tường Vân; PGS.TS. Huỳnh Ngọc Thu; ThS. Huỳnh Hoàng Ba - TP. Hồ Chí Minh - Ban dân tộc, 2022; 07/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan cơ sở lý luận và thực tiễn. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách về kinh tế, chính trị, văn hóa, quốc phòng - an ninh, giáo dục và môi trường đối với dân tộc thiểu số được thực thi trong giai đoạn 2010 - 2020. Từ kết quả đó làm cơ sở khoa học để đề xuất chính sách phát triển kinh tế - xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số TP . Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2035, góp phần bảo đảm tiến trình hội nhập và phát triển bền vững các dân tộc thiểu số ở Thành phố.

Số hồ sơ lưu: HCM-009-2023

50501. Luật học

89427. 12-2023 **Xung đột lợi ích đất đai ở Đông Nam Bộ hiện nay - thực trạng và giải pháp/** PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy,

PGS.TS. Đỗ Hương Giang; ThS. Nguyễn Ngọc Toại; ThS. Nguyễn Thị Vân; ThS. Vũ Thị Thu Thanh; ThS. Trần Thanh Hồng Lan; CN. Phan Hùng Cường; CN. Nguyễn Thị Soa; CN. Nguyễn Thị Thủy Tiên; CN. Phạm Thị Mỹ Trinh - TP. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, 2022; 01/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích quá trình thực hiện chính sách đất đai ở Đông Nam Bộ, nêu ra những điểm phù hợp và chưa phù hợp trong quá trình triển khai và thực thi chính sách đất đai. Tiến hành khảo sát tại 04 tỉnh Đông Nam Bộ phân tích thực trạng đột lợi ích đất đai, xác định các loại xung đột lợi ích đất đai ở Đông Nam Bộ hiện nay. Đồng thời, xác định các bên, nhóm liên quan đến xung đột lợi ích đất đai; Chỉ ra các nguyên nhân chính dẫn đến xung đột lợi ích đất đai, phân tích mức độ, tác động xã hội của các xung đột lợi ích đất đai ở Đông Nam Bộ. Qua đó, đề xuất một số kiến nghị về chính sách nhằm giảm thiểu xung đột lợi ích đất đai vùng Đông Nam Bộ hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 22862

89461. 12-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn nhằm xây dựng phương án nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước/** TS. Đỗ Thành Long, ThS. Phạm Thị Phương Oanh; ThS. Lê Đình Hạnh; TS. Nguyễn Phú Bình, TS. Nghiêm

Quốc Đạt; TS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Trần Thị Nga; CN. Nguyễn Công Minh; CN. Nguyễn Thu Hường; ThS. Phạm Thị Phương Dung - Hà Nội - Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia, 2022; 11/2021 - 08/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu hoàn thiện cơ sở khoa học và thực tiễn để sửa đổi, hoàn thiện quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN), chính sách kinh tế để thúc đẩy KHCN và đổi mới sáng tạo. Đề xuất quan điểm tiếp cận mới theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, đổi mới cơ chế, phương thức quản lý các chương trình, nhiệm vụ KH&CN, xây dựng cơ chế quản lý khoa học theo hướng hiện đại để giảm các thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chương trình, nhiệm vụ KH&CN. Đồng thời, nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn nhằm xây dựng phương án nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Số hồ sơ lưu: 22879

89758. 12-2023 **Thu hồi tài sản trong các vụ án kinh tế, tham nhũng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh/** ThS. Đỗ Mạnh Bông, CN. Mai Trung Thành; ThS. Nguyễn Thanh Sang; ThS. Hoàng Thành Nam; CN. Nguyễn Quang Vinh; ThS. Ngô Phạm Việt; CN. Lưu Mỹ Hường; ThS. Lê Ngọc Tiến; ThS.

Nguyễn Trung Chánh; ThS. Nguyễn Vũ Mai Diễm; CN. Lê Hoàng Di Linh; ThS. Lê Hoàng Nam; CN. Trần Lê Thanh; CN. Trần Châu Mai Loan; ThS. Huỳnh Thị Mỹ Hạnh; CN. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; CN. Vũ Thị Thu Hường; ThS. Lê Thị Thuận Hòa; CN. Lại Thị Lan; CN. Lê Quang Thái - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Kiểm sát Nhân dân TP. Hồ Chí Minh, 2022; 12/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Những vấn đề lý luận và pháp lý cơ bản về thu hồi tài sản trong các vụ án kinh tế, tham nhũng. Tình hình thụ lý, giải quyết các vụ án kinh tế, tham nhũng và thiệt hại tài sản trong các vụ án kinh tế, tham nhũng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Đánh giá thực trạng công tác thu hồi tài sản các vụ án kinh tế, tham nhũng và kết quả điều tra khảo sát tình hình thực hiện công tác thu hồi tài sản tại các cơ quan tố tụng và cơ quan thi hành án dân sự tại TPHCM. Đề xuất quan điểm và các giải pháp nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản trong các vụ án kinh tế, tham nhũng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-061-2023

89871. 12-2023 **Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 10 năm thi hành và những định hướng cần sửa đổi bổ sung/** TS. Bùi Hữu Toàn, TS. Viên Thế Giang; ThS. Nguyễn Thanh Hương; ThS. Dương Thị Thanh Bình; ThS. Đỗ Hoàng Anh; TS. Nguyễn Thái Hà; TS. Lê Ngọc Thắng; TS. Đỗ Mạnh Phương; TS.

Phan Đăng Hải; ThS. Võ Thị Mỹ Hương - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2023; 10/2022 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về thực thi Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Xây dựng tiêu chí rà soát Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam từ 2011 đến nay nhằm làm rõ những thành tựu, hạn chế trong quy định và thực tiễn thi hành Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam từ vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ cơ cấu tổ chức cho đến thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bao gồm: tính đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch và nâng cao trách nhiệm giải trình của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Nhận diện và làm rõ nhu cầu sửa đổi, bổ sung Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phù hợp với mục tiêu của Chính phủ liên chính, kiến tạo, hành động, phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp trong lĩnh vực tiếp cận và sử dụng vốn; từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội đất nước. Nghiên cứu đề xuất giải pháp để sửa đổi, bổ sung Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, đáp ứng nhiệm vụ thực hiện thành công các mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 2021-2025 và 2030 của Đảng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ đặt ra trong Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 23013

89919. 12-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc hoàn thiện hành lang pháp lý về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử/** ThS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung, ThS. Phạm Xuân Linh; ThS. Nguyễn Hoàng Anh; ThS. Phạm Trung Quân; CN. Đào Ngọc Phương; ThS. Trần Xuân Bách - Hà Nội - Văn phòng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, 2023; 03/2023 - 11/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan kinh nghiệm của quốc tế và thực trạng của Việt Nam về hoạt động xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; Nghiên cứu, đánh giá kết quả công tác xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử từ khi Thông tư số 27/2014/TT-BKHHCN có hiệu lực thi hành; Nội dung 3: Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, đánh giá sự tương thích giữa các quy định pháp luật hiện hành về xử lý vi phạm hành chính và yêu cầu về bảo đảm an toàn bức xạ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; Tổng hợp kết quả đánh giá quy định hiện hành và đề xuất giải pháp hoàn thiện hành lang pháp lý về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

Số hồ sơ lưu: 23024

50601. Khoa học chính trị

89195. 12-2023 **Vấn đề người lao động Việt Nam tại Nhật Bản, Hàn Quốc và kiến nghị chính sách cho Việt Nam/** TS. Phan Cao Nhật Anh, CN. Vũ Thị Phương Hoa ;

PGS.TS. Phạm Quý Long; TS. Ngô Hương Lan; TS. Võ Hải Thanh; TS. Lê Thị Thu Giang; TS. Tống Thùy Linh; ThS. Nguyễn Ngọc Long; CN. Nguyễn Thị Nhân - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích và đánh giá thực trạng người lao động Việt Nam tại Nhật Bản và Hàn Quốc, những vấn đề nảy sinh liên quan đến lĩnh vực kinh tế, xã hội và văn hóa cần phải giải quyết. Từ đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng hợp tác lao động giữa Việt Nam với Nhật Bản và Hàn Quốc. Tình hình tiếp nhận lao động người nước ngoài của Nhật Bản, Hàn Quốc và chính sách phái cử của Việt Nam. Thực trạng người lao động Việt Nam tại Nhật Bản và Hàn Quốc. Những vấn đề của người lao động Việt Nam tại Nhật Bản và Hàn Quốc trên ba khía cạnh kinh tế, xã hội và văn hóa. Đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề.

Số hồ sơ lưu: 22758

89405. 12-2023 **An ninh phi truyền thống ở Tây Nguyên hiện nay: Thực trạng và giải pháp/** TS. Nguyễn Văn Quang, ThS. Phạm Thị Thu Sương; TS. Nguyễn Dũng Anh; PGS.TS. Nguyễn Thị Tâm; ThS. Lê Thị Cẩm Nhung; ThS. Hồng Thế Vinh; ThS. Nguyễn Thị Cẩm Liên; ThS. Hoàng Thế Nhân; ThS. Trương Cao Huyền Trang; CN. Vũ Phan Tố Uyên - Hà Nội - Học viện chính trị khu vực III, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa, làm rõ những vấn lý luận và thực tiễn về an ninh

phi truyền thống ở Tây Nguyên. Đánh giá thực trạng những vấn đề đặt ra đối với công tác đảm bảo an ninh phi truyền thống ở Tây Nguyên giai đoạn 2011 (Các vấn đề an ninh môi trường, biến đổi khí hậu và nguồn nước; Các vấn dân tộc, tôn giáo; Vấn đề an ninh tư tưởng chính trị). Đề xuất phương hướng, giải pháp ứng phó với những thách thức an ninh phi truyền thống ở Tây Nguyên thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 22846

89420. 12-2023 **Quan hệ quốc tế của các nước trên biển Đông hiện nay và đối sách của Việt Nam/** PGS.TS. Trần Thị Lan Hương, ThS. Vũ Thị Thanh; TS. Vũ Thùy Dương; TS. Nguyễn Ngọc Lan; TS. Nguyễn Ngọc Mạnh; PGS.TS. Nguyễn Văn Dân; ThS. Vĩnh Bảo Ngọc; ThS. Trần Thị Thái; TS. Phạm Thu Phương; ThS. Phạm Kim Huế; GS.TS. Hoàng Khắc Nam; ThS. Hoàng Thị Phượng - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2023; 06/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, cung cấp luận cứ khoa học về quan hệ quốc tế trên biển, đại dương. Tìm hiểu làm rõ các vấn đề quốc tế trên biển Đông, các thực thể tham gia quan hệ quốc tế trên biển Đông, lợi ích và ý đồ của các thực thể đó, làm rõ bản chất của các cặp quan hệ quốc tế cơ bản trên biển Đông: Mỹ - Trung, Mỹ - ASEAN, Trung Quốc - ASEAN, Trung Quốc - Mỹ - ASEAN, từ đó định dạng bản chất quan hệ quốc tế trên biển Đông. Đồng thời, tìm hiểu

thực trạng quan hệ quốc tế trên biển Đông của Việt Nam hiện nay, các vấn đề cần rút ra từ thực trạng này. Qua đó, nhận diện cơ hội và thách thức của biển Đông trong thập niên thứ 3 của thế kỷ XXI, bài học kinh nghiệm từ quan hệ quốc tế trên biển Đông thời gian qua. Trên cơ sở nghiên cứu, tìm hiểu trên rút ra các đối sách cho Việt Nam trong việc ứng phó và xử lý hiệu quả các mối quan hệ quốc tế trên biển.

Số hồ sơ lưu: 22859

89560. 12-2023 **Hoàn thiện công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản ngành Bảo hiểm xã hội/** CN. Nguyễn Thị Hà, ThS. Đặng Thị Minh Tâm; KS. Trần Xuân Bách; KS. Kiều Thanh Hải; CN. Nguyễn Thị Lam; KS. Dương Văn Viện; ThS. Phùng Quang Tuyên; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Vũ Công Vượng; ThS. Phùng Tuấn Anh - Hà Nội - Vụ Kế hoạch và Đầu tư, 2023; 01/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản ở cơ quan sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp. Thực trạng công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản ngành bảo hiểm xã hội. Định hướng phát triển của ngành bảo hiểm xã hội và yêu cầu đặt ra trong đầu tư xây dựng cơ bản. Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản ngành bảo hiểm xã hội.

Số hồ sơ lưu: 22915

89740. 12-2023 **Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng, triển khai các phương án phòng ngừa, ứng phó với khủng hoảng và thảm họa an ninh phi truyền thống trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh/** GS.TS Nguyễn Xuân Yêm, PGS.TS Đỗ Cảnh Thìn; GS.TS Nguyễn Minh Đức; ThS Lê Hồng Nam; PGS.TS Nguyễn Ngọc Thế; GS.TS Bùi Minh Thanh; PGS.TS Bùi Ngọc Hà; ThS Trịnh Ngọc Thúy; TS Nguyễn Việt Linh; TS. Trần Thị Hương - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện An ninh phi truyền thống, 2022; 11/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Lý luận về phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa, khủng hoảng và thảm họa an ninh phi truyền thống. Tình hình có liên quan và thực trạng phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa, khủng hoảng và thảm họa an ninh phi truyền thống trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Dự báo những yếu tố tác động và giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa, khủng hoảng và thảm họa an ninh phi truyền thống trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-059-2023

89759. 12-2023 **Vai trò của quản trị công trong mối quan hệ giữa thâm hụt tài khóa và lạm phát ở các quốc gia/** ThS. Nguyễn Thị Bảo Ngọc, PGS. TS. Hồ Thủy Tiên; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Linh; TS. Nguyễn Văn Bốn; TS. Trần Thị Thanh Nga; ThS. Nguyễn Vũ Duy; ThS. Tô Thị Hồng Gấm; ThS.

Nguyễn Ngọc Thảo Trang; ThS. Lê Võ Đại Hải; Đặng Phú Hiệp - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2021; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực nghiệm vai trò của quản trị công trong mối quan hệ thâm hụt tài khóa - lạm phát cho các quốc gia. Phát triển khung phân tích phù hợp để lý giải cho các phát hiện mới. Đề xuất một số hàm ý chính sách cho chính phủ các quốc gia đang phát triển, đặc biệt chính phủ Việt Nam, về việc cải cách và cải thiện quản trị công có liên quan đến mối quan hệ thâm hụt tài khóa - lạm phát.

Số hồ sơ lưu: HCM-062-2023

50602. Hành chính công và quản lý hành chính

89502. 12-2023 Nghiên cứu đề xuất khung giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an ninh cảng biển tại Việt Nam đến năm 2030/ ThS. Dương Đại Thắng, ThS. Lưu Hải Hưng; ThS. Nguyễn Đức Tùng; ThS. Trần Đức Vinh; ThS. Đỗ Hồng Cương; ThS. Đàm Văn Minh; ThS. Nguyễn Xuân Mạnh; ThS. Nguyễn Hoàng Vũ; ThS. Bùi Liêm Chính; CN. Bùi Thị Lan Hương - Hà Nội - Cục Hàng hải Việt Nam, 2023; 01/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình có liên quan đến bảo đảm an ninh cảng biển ở Việt Nam; thực trạng triển khai thực hiện công tác bảo đảm an ninh cảng biển ở Việt

Nam; đánh giá những tác động tích cực và tác động tiêu cực đến công tác bảo đảm an ninh cảng biển ở Việt Nam; tổng kết, đánh giá việc triển khai thực hiện “Đề án nâng cao năng lực bảo đảm an ninh hàng hải” từ năm 2014 đến năm 2022. Từ kết quả nghiên cứu thực trạng bảo đảm an ninh hàng hải, Nhóm nghiên cứu đề tài rút ra các kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân tồn tại, hạn chế của công tác bảo đảm an ninh cảng biển ở Việt Nam hiện nay. Dự báo và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an ninh cảng biển tại Việt Nam, trong đó nêu rõ những giải pháp, nhiệm vụ trung hạn từ nay đến năm 2030 và những nhiệm vụ dài hạn có tầm nhìn đến năm 2045.

Số hồ sơ lưu: 22892

89561. 12-2023 Định hướng đổi mới quy trình, nghiệp vụ lĩnh vực thuế, hải quan trong bối cảnh chuyển đổi số/ TS. Nguyễn Như Quỳnh, ThS. Lê Thị Mai Liên; ThS. Ngô Thị Mỹ Hạnh; ThS. Nguyễn Duy Hòa; ThS. Nguyễn Đức Khánh; ThS. Nguyễn Tiến Huy; ThS. Nguyễn Thị Thu; ThS. Dương Hoàng Lan Chi; ThS. Dương Hoàng Linh; ThS. Lê Minh Hương - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách tài chính, 2023; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về lĩnh vực chuyển đổi số. Những vấn đề chung về chuyển đổi số và quy trình, nghiệp vụ lĩnh vực Thuế, Hải quan trong bối cảnh chuyển đổi số. Thực trạng quy trình, nghiệp vụ lĩnh vực Thuế, Hải

quan trọng bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay. Định hướng đổi mới quy trình, nghiệp vụ lĩnh vực Thuế, Hải quan trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 22917

89614. 12-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp tăng cường năng lực quản lý của Bộ Giao thông vận tải trong hoạt động đầu tư công cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ/** ThS. Ngô Anh Tuấn, ThS. Trần Tuấn Phong; TS. Đinh Thị Hải Yến; ThS. Hoàng Lê Minh; ThS. Trần Văn Ước; ThS. Dương Thị Hòa; ThS. Lê Khắc Khoa; ThS. Trịnh Thị Trang; KS. Trần Thị Thu - Hà Nội - Trường cán bộ quản lý giao thông vận tải, 2023; 01/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiện trạng đầu tư công xây dựng và thực trạng quản lý nhà nước về đầu tư công xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ tại Việt Nam. Nghiên cứu vận dụng các cơ sở phương pháp luận trong lĩnh vực quản lý phù hợp để xây dựng mô hình đánh giá tác động các chức năng quản lý đầu tư công xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ. Các chức năng quản lý bao gồm: Chức năng lập kế hoạch đầu tư công xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ; Chức năng tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ; Chức chỉ đạo và điều hành kế hoạch đầu tư công xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ; Chức năng kiểm soát thực hiện kế hoạch đầu tư

công xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ.

Số hồ sơ lưu: 22940

89623. 12-2023 **Luận cứ khoa học để xác định ngưỡng chi tiêu công ở Việt Nam/** TS. Nguyễn Thị Hải Thu, ThS. Vũ Thị Huyền Trang; ThS. Kiều Ngọc Sơn; ThS. Đinh Ngọc Linh; ThS. Trần Đức Cường; ThS. Phạm Hồng Giang; TS. Lê Thị Thanh Huyền; CN. Đỗ Thị Thu Thảo; ThS. Mai Xuân Long; ThS. Phạm Thúy Làn - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách tài chính, 2023; 11/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan các vấn đề về chi tiêu công, ngưỡng chi tiêu công và xác định ngưỡng chi tiêu công. Xác định ngưỡng chi tiêu công và nợ công trong điều hành ngân sách nhà nước của một số quốc gia trên thế giới. Thực trạng chi tiêu công ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2021. Xác định ngưỡng chi tiêu công ở Việt Nam và các kiến nghị.

Số hồ sơ lưu: 22943

89650. 12-2023 **Nguy cơ khủng hoảng nợ công trước tác động của đại dịch Covid-19 ở một số nước và khuyến nghị cho Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thị Phương Thúy, ThS. Đinh Ngọc Linh; ThS. Văn Thị Kim Huệ; ThS. Lê Thị Thu Hà; ThS. Đinh Thanh Hải; ThS. Quản Mạnh Cường; ThS. Nguyễn Khắc Chiến; ThS. Đinh Cao Cường; CN. Nguyễn Như Sơn; CN. Lê Thị Huyền Nhung - Hà Nội - Viện chiến

lược và chính sách tài chính, 2023; 11/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý thuyết về nợ công và nguy cơ khủng hoảng nợ công. Các chỉ tiêu đánh giá mức an toàn nợ công. Đại dịch Covid-19 và xu hướng gia tăng nợ công trên thế giới. Nhận diện nguy cơ khủng hoảng nợ công ở một số quốc gia. Thực trạng và xu hướng nợ công của Việt Nam. Phân tích ảnh hưởng của nguy cơ khủng hoảng nợ công trên thế giới đối với Việt Nam. Khuyến nghị giải pháp cho Việt Nam nhằm phòng ngừa và ứng phó với nguy cơ khủng hoảng nợ công.

Số hồ sơ lưu: 22944

89921. 12-2023 **Hoàn thiện quản lý nhà nước về giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo ở Việt Nam/** Thạc sỹ. Nguyễn Thị Hương, CN. Nguyễn Thùy Linh; ThS. Đoàn Thị Kim Dung; ThS. Trương Thị Huyền Hạnh; ThS. Đào Thị Phương; CN. Hoàng Thiên Long; ThS. Hoàng Thanh Hải; CN. Mai Thị Phương Hồng; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh; ThS. Nguyễn Xuân Trinh - Hà Nội - Cục quản lý giá, 2023; 11/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lý luận và cơ sở khoa học về dịch vụ công để làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò, phân loại dịch vụ giáo dục và đào tạo. Phân tích phương thức quản lý, công cụ quản lý, mục tiêu quản lý và vai trò của Nhà nước trong quản lý nhà nước về dịch vụ và các phương pháp xác định, điều kiện, lộ trình thực

hiện và các yếu tố ảnh hưởng đến giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Nghiên cứu kinh nghiệm quản lý nhà nước về giá dịch vụ giáo dục và đào tạo của một số nước trên thế giới để rút ra bài học có thể áp dụng cho Việt Nam; Đánh giá thực trạng triển khai những quy định pháp luật hiện hành về quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Phân tích những yếu tố tác động đến công tác quản lý nhà nước về giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Những kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế và các vấn đề quản lý giá đối với dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo cần hoàn thiện; Đề xuất các kiến nghị, giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo ở Việt Nam, các điều kiện, lộ trình để thực hiện giải pháp. Đánh giá tác động của việc áp dụng các nhóm giải pháp về quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Số hồ sơ lưu: 23025

89923. 12-2023 **Hoàn thiện cơ chế quản lý tài sản công để liên doanh, liên kết trong các đơn vị sự nghiệp y tế công lập/** ThS. Tạ Thanh Tú, TS. Phạm Minh Hóa; ThS. Lê Ngọc Linh; ThS. Phan Minh Tuấn; ThS. Vũ Kiên Trung; ThS. Trịnh Thu Hiền; ThS. Nguyễn Thu Thủy; ThS. Nguyễn Hữu Bình; ThS. Vũ Hồng Trang - Hà Nội - Cục Quản lý công sản, 2021; 06/2020 - 07/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Những vấn đề cơ bản về tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tại đơn vị sự nghiệp công lập; Thực trạng quản lý tài sản công để liên doanh, liên kết tại đơn vị sự nghiệp y tế công lập; Đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý tài sản công để liên doanh, liên kết tại đơn vị sự nghiệp y tế công lập tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 23027

50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị

89402. 12-2023 **Nghiên cứu đánh giá vấn đề đô thị hóa và phát triển đô thị Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020, đề xuất định hướng chính sách về đô thị hóa và phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045/** Phó giáo sư. Tiến sỹ. Lưu Đức Hải, CN. Nguyễn Cường; ThS. Phạm Thị Nhâm; KS. Phạm Văn Hải; ThS. Lê Kim Hòa; TS. Nguyễn Đức Thắng; KS. Nguyễn Văn Nam; KS. Nguyễn Tuyết Mai; KS. Nguyễn Xuân Đức; TS. Trần Ngọc Linh; ThS. Nguyễn Đỗ Ánh; ThS. Trần Thu Hương; ThS. Trịnh Huy Lập; CN. Bùi Thị Thùy Liên; CN. Thành Ngọc Dũng; KS. Đỗ Thị Thùy; KTS. Vũ Trường Hạo; KTS. Nguyễn Xuân Hải; Nguyễn Thị Minh Trang; Phạm Thị Thuần; KTS. Lưu Đức Anh Quân - Hà Nội - Viện Nghiên cứu đô thị và phát triển hạ tầng, 2022; 05/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, đánh giá về quá trình đô thị hóa và phát triển đô thị giai đoạn 2010 - 2020 về: di cư và dân số đô thị, đất đô thị, tổ chức không gian đô thị, mối quan hệ đô thị, nông

thôn, công nghiệp hóa, hạ tầng kỹ thuật đô thị. Nghiên cứu, đánh giá các chính sách về đô thị hóa và phát triển đô thị giai đoạn 2010 - 2020. Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn. Đề xuất chính sách về đô thị hóa và phát triển đô thị đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 về vấn đề di cư và dân số đô thị, đất đô thị, tổ chức không gian đô thị, mối quan hệ đô thị, nông thôn, công nghiệp hóa, đô thị hóa và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Số hồ sơ lưu: 22847

90021. 12-2023 **Giải pháp thúc đẩy việc khai thác các khu đất đô thị chưa được sử dụng theo quy hoạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh/** TS. Phạm Trần Hải, ThS. Lê Hồng Nhật; ThS. Vương Đình Huy; CN. La Thị Xuân Phương; ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang; ThS. Lê Vân Anh; CN. Nguyễn Dương Minh Hoàng; CN. Lương Thành Đạt; TS. Dương Thị Thúy Nga; ThS. Nguyễn Văn Khoa; ThS. Nguyễn Ngọc Tuấn; ThS. Phan Thị Thanh Thúy; ThS. Nguyễn Thanh Nhuận; ThS. Nguyễn Hoàng Mỹ Lan; ThS. Lê Khánh Hưng; ThS. Nguyễn Văn Tài - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, 2023; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tình hình chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn Tp.HCM trong giai đoạn 2011-2020. Tìm hiểu cơ sở khoa học để giải quyết các vấn đề phát sinh trong

quá trình chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn Tp.HCM. Qua đó đưa ra các giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn Tp.HCM trong giai đoạn đến năm 2030

Số hồ sơ lưu: HCM-020-2023

90026. 12-2023 **Hiện tượng quy hoạch "treo" trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh - Kết quả giải quyết, những vấn đề đặt ra và giải pháp đề xuất/** TS. Nguyễn Thị Cẩm Vân, ThS. Nguyễn Như Ý; ThS. KTS. Nguyễn Mai Anh; CN. La Thị Xuân Phương; ThS. Trần Nhật Nguyên; ThS. Trịnh Thị Minh Châu; CN. Nguyễn Thị Huyền Trang; KS. Đào Thị Hồng Hoa; ThS. Huỳnh Thái Ngọc; ThS. Bùi Anh Tuấn - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tìm hiểu thực trạng hiện tượng quy hoạch "treo" và dự án "treo" trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và những ảnh hưởng của hiện tượng này. Xác định nguyên nhân dẫn đến hiện tượng quy hoạch "treo" và dự án "treo" trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Kiến nghị các giải pháp hạn chế những ảnh hưởng của quy hoạch "treo" và dự án "treo" và ngăn ngừa hiện tượng diễn ra trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: HCM-015-2023

90030. 12-2023 **Xây dựng thành phố trở thành trung tâm mua sắm – thương mại của khu vực và cả nước/** PGS.TS. Trần Hoàng Ngân, TS. Trương Thị Mai Hương; ThS. Trần Văn Bích; ThS. Phan Thụy Kiều; ThS. Trương Thiết Hà; ThS. Hồ Thủy Tiên; ThS. Đoàn Khuru Diễm Nga; Nguyễn Khắc Hiếu; Nguyễn Hàn Dũng; ThS. Nguyễn Minh Trí - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu phát triển Tp. Hồ Chí Minh, 2021; 09/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về Khu trung tâm thương mại. Nghiên cứu thực trạng phát triển Trung tâm thương mại của Thành phố Hồ Chí Minh bối cảnh hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp 4.0. Từ đó đưa ra giải pháp xây dựng Thành phố thành Trung tâm mua sắm – thương mại của cả nước và khu vực Đông Nam Á đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: HCM-022-2023

90139. 12-2023 **BlockBox – Giải pháp nâng cao nơi ở cho người lao động/** KS. Bànng Thái Ngọc, Trần Thị Nguyễn Thảo; Hồ Thịnh; Cao Anh Tuấn; Trần Duy Ngọc; Trịnh Trúc Linh; Hà Thanh Tùng; Trần Lập Đức; Phạm Ngọc Chiêu; Phan Thị Mỹ Linh - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Ươm tạo Doanh nghiệp Công nghệ, 2022; 12/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cung cấp mô hình nhà ở dạng mô đun theo kiến trúc khoa học hiện

đại được chuẩn hóa dạng lắp ghép mô đun với các đặc điểm nổi bật: An toàn, chi phí xây dựng thấp, dễ tháo ráp và di dời, hệ thống nội thất tối ưu và hệ thống điện, nước được thi công sẵn giúp tiết kiệm nước và năng lượng. Cung cấp mô hình sống cộng đồng văn minh đô thị kiểu mẫu với tiện ích gia tăng nhằm tích hợp các chức năng: Diện tích sử dụng chung, chỗ để xe, thư viện đọc sách, không gian mở... Cung cấp nhiều gói sản phẩm từ cơ bản đến nâng cao nhằm đáp ứng khả năng tiếp cận và sử dụng sản phẩm cho khách hàng (Gói sản phẩm để ở và gói tiện ích kinh doanh) và tăng tính thanh khoản cho đối tượng người sử dụng thông qua các phương án tạo lập môi trường kinh doanh khép kín. Cung cấp giải pháp nâng cao nơi ở cho người lao động thông qua mô hình nhà mô đun Blockbox. Qua đó, góp phần giải quyết vấn nạn thiếu nhà ở cho người lao động có thu nhập thấp tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: HCM-039-2023

50704. Quy hoạch giao thông và các khía cạnh xã hội của giao thông vận tải

89992. 12-2023 **Ô nhiễm không khí: chúng ta phải trả giá bao nhiêu cho sát thủ thầm lặng này? và có phải xe buýt tốc hành (BRT) là một giải pháp hiệu quả để giải quyết vấn đề này?/** TS. Tống Yên Đan, PGS.TS. Võ Thành Danh; TS. Huỳnh Việt Khải; TS. Khổng Tiến Dũng; ThS. Bùi Lê Thái Hạnh - Hà Nội - Trường Đại Học

Cần Thơ, 2023; 05/2019 - 05/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ước lượng chi phí bệnh tật do tiếp xúc với nồng độ PM10 ở mức cao, bao gồm: Xác định những tác động sức khỏe từ việc phơi nhiễm cấp tính và mãn tính liên quan đến ô nhiễm không khí; Ước lượng các chi phí kinh tế xã hội của các tác động sức khỏe liên quan đến ô nhiễm không khí. Đánh giá hiện trạng hệ thống giao thông công cộng (GTCC) và ước lượng mức sẵn lòng trả của người sử dụng phương tiện GTCC, bao gồm: Đánh giá hiện trạng hệ thống GTCC; Ước tính mức sẵn lòng trả tiền (Willing to pay WTP) của người dùng xe buýt cho xe buýt nhanh (Bus rapid transit - BRT). Từ những nghiên cứu trên đề xuất một số hàm ý chính sách cho dự án xe buýt nhanh BRT.

Số hồ sơ lưu: 23069

50799. Địa lý kinh tế và xã hội khác

90134. 12-2023 **Sa**Cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội theo mô hình phát triển kinh tế đô thị của các huyện chuyển thành quận (hoặc thành phố thuộc Thành phố) trong giai đoạn 2021-2030 và đề xuất các giải pháp thực hiện/ PGS.TS Nguyễn Anh Phong, ThS. Phạm Trung Kiên GS.TS. Nguyễn Thị Cành; TS. Trần Quang Văn; TS. Lê Hoàng Vinh; TS. Nguyễn Thị Đông; ThS. Nguyễn Thị Gấm; ThS. Nguyễn Hoàng Anh; ThS. Trần Phương Thảo; ThS. Phạm Hoàng Nam; ThS. Lê Phú Khương; ThS.

Lương Công Khánh; CN. Lê Ngọc Kiên; ThS. Nguyễn Phan Anh. - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh, 2023; 08/2022 - 05/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đưa ra khung phân tích đánh giá thực trạng phát triển kinh tế xã hội và các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững của mô hình kinh tế đô thị. Đồng thời đánh giá thực trạng phát triển bền vững kinh tế xã hội của các huyện ngoại thành TP.HCM giai đoạn 2016-2020, so sánh với một số quận nội thành. Từ đó xây dựng các mục tiêu, định hướng và đề xuất các chương trình, dự án, các giải pháp thực hiện nhằm phát triển kinh tế xã hội theo mô hình kinh tế đô thị cho 5 quận mới (hoặc Thành phố thuộc Thành phố) trong giai đoạn dài hạn 2021 – 2030.

Số hồ sơ lưu: TPHCM-2023-034

50801. Báo chí

89389. 12-2023 **Nữ quyền luận và diễn ngôn nữ quyền trong tư liệu báo chí đầu thế kỷ XX/ TS. Cao Kim Lan, TS. Vũ Thị Thu Hà; TS. Trần Thị Hải Yến; TS. Bùi Thị Thiên Thai; TS. Nguyễn Thị Tịnh Thy; TS. Nguyễn Mạnh Tiến; PGS.TS. Lê Trà My; ThS. Lê Quốc Hiếu - Hà Nội - Viện Văn học, 2023; 01/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Khảo sát, nghiên cứu nghiên cứu vấn đề phụ nữ và phong trào nữ quyền Việt Nam đầu thế kỷ XX

được phản ánh trong một khu vực tư liệu quan trọng: báo chí đầu thế kỷ XX. Phụ nữ và phong trào nữ quyền luận ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX; Đàn ông và/trong phong trào nữ quyền ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX; Mối quan hệ giữa Nữ quyền luận và Nho giáo ở Việt Nam: Vấn đề lịch sử, chính trị và văn hóa.

Số hồ sơ lưu: 22851

89408. 12-2023 **Nghiên cứu áp dụng cách mạng công nghiệp 4.0 vào Báo điện tử Xây dựng để nâng cao hiệu quả tuyên truyền/ ThS. Nguyễn Sơn Tùng, Nguyễn Anh Dũng; Vũ Thường Chiến; Dương Văn Bắc; Nguyễn Thị Quỳnh Hoa; Nguyễn Văn Trường; Đỗ Hải Nguyên; Trương Văn Luân; Hoàng Thùy Linh; Hà Quang Hiệp - Hà Nội - Báo Xây dựng, 2021; 06/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng công tác quản lý việc áp dụng Cách mạng công nghiệp 4.0 trên báo điện tử. Hoàn thiện hệ thống phần mềm quản lý trực tuyến việc áp dụng Cách mạng công nghiệp 4.0 trên báo điện tử xây dựng. Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, lưu trữ và tra cứu hồ sơ thông tin áp dụng Cách mạng công nghiệp 4.0 trên báo điện tử xây dựng. Nghiên cứu ứng dụng hệ thống phần mềm hệ thống quản trị (CMS) quản lý, vận hành, xuất bản, lưu trữ dữ liệu áp dụng Cách mạng công nghiệp 4.0 trên báo điện tử xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 22843

50802. Thông tin học

89159. 12-2023 **Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai và đề xuất sử dụng đất, phân bón có hiệu quả, bền vững cho tỉnh Tuyên Quang/** TS. Vũ Anh Tú, ThS. Đoàn Văn Anh; ThS. Nguyễn Thu Nam; ThS. Lê Mạnh Dũng; ThS. Trần Mậu Tân; KS. Hoàng Thị Ngọc Hà; TS. Nguyễn Quang Dũng; TS. Hoàng Công Mệnh; KS. Nguyễn Mạnh Tú; ThS. Đỗ Đình Huy; ThS. Phạm Thế Tuyển; TS. Phan Bá Học; ThS. Đặng Thị Thu Lan; KS. Ngô Thị Hồng Hạnh; CN. Đào Văn Hùng; CN. Lưu Đình Lâm; KS. Vũ Anh; KS. Nguyễn Thị Bắc; ThS. Tống Thị Thanh Thủy - Hà Nội - Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, 2023; 03/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu về tài nguyên đất sản xuất nông nghiệp và đề xuất sử dụng đất, phân bón có hiệu quả, bền vững cho tỉnh Tuyên Quang phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu về đất đai (thổ nhưỡng, nông hóa...) đến các cấp huyện, xã và lập quy trình và phương thức khai thác dữ liệu. Xác định được mức độ thích hợp đất đai cho các loại cây trồng chính. Đề xuất được giải pháp sử dụng đất, phân bón hiệu quả và bền vững cho sản xuất nông nghiệp tỉnh Tuyên Quang.

Số hồ sơ lưu: 22741

599. Khoa học xã hội khác

89720. 12-2023 **Tuyên truyền nâng cao nhận thức và hỗ trợ đăng**

ký, phát triển quyền sở hữu trí tuệ đối với bản quyền tác giả, quyền liên quan trên địa bàn tỉnh Nam Định/ Nguyễn Tiến Dũng; Doãn Sinh Nam; Nguyễn Văn Hòa; Lê Thị Hạnh; Kiều Khắc Dur; Đoàn Xuân Hiếu; Trần Thị Hồng Hạnh - Nam Định - Sở văn hóa thể thao và du lịch tỉnh Nam Định, 2022; 12/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tuyên truyền nhận thức và hỗ trợ đăng ký, phát triển quyền sở hữu trí tuệ đối với bản quyền tác giả, quyền liên quan trên địa bàn tỉnh Nam Định: Tổ chức hội thảo khoa học chuyên đề về quyền tác giả, quyền liên quan tới các đại biểu là tác giả văn học nghệ thuật trên địa bàn tỉnh Nam Định; Tổ chức tập huấn đào tạo kiến thức về quyền tác giả, quyền liên quan; Xây dựng truyền mục tuyên truyền trên Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Nam Định về quyền tác giả, quyền liên quan; Đăng báo tuyên truyền về quyền tác giả, quyền liên quan trên báo Nam Định; Đào tạo cán bộ về quyền tác giả, quyền liên quan; Hỗ trợ tư vấn, lập hồ sơ đăng ký bản quyền tác giả tại Cục Bản quyền tác giả.

Số hồ sơ lưu: 01-2023

89730. 12-2023 **Nghiên cứu một số giải pháp thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm ocop tỉnh Nam Định/** Nguyễn Thị Dương Nga; Nguyễn Tuấn Sơn; Trần Thu Trang; Lê Khắc Bộ; Đồng Thanh Mai; Nguyễn Anh Đức; Đặng Nam Phương; Bùi Thị Khánh Hòa;

Nguyễn Văn Hữu; Nguyễn Thị Thu Huyền - Nam Định - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2022; 09/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trên cơ sở đánh giá thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến thương mại hóa sản phẩm OCOP của tỉnh Nam Định thời gian qua đề xuất giải pháp đẩy mạnh thương mại hóa sản phẩm ocop của tỉnh thời gian tới; Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về thương mại hóa sản phẩm của chương trình OCOP; Đánh giá thực trạng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thương mại hóa sản phẩm OCOP của tỉnh Nam Định thời gian qua; Đề xuất giải pháp đẩy mạnh thương mại hóa sản phẩm OCOP của tỉnh Nam Định thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 04-2023

90119. 12-2023 **Xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực phù hợp với vị trí việc làm của các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre/** ThS. Nguyễn Thị Ngọc Giàu, ThS Nguyễn Thị Ngọc Thi; ThS Nguyễn Văn Nhân; CN Trần Văn Thiêm; ThS Lê Văn Sáu; ThS Nguyễn Minh Truyền; CN Lê Hoàng Minh; ThS Bùi Quang Hải; CN Huỳnh Ngọc Minh; CN Phạm Thị Ngọc Ân; ThS Lê Yên Duy; CN Lê Thị Bé Sơn; ThS Lê Trung Thê; CN Nguyễn Hồng Quân; CN Trần Công Khẩn; CN Nguyễn Hữu Toàn; CN Phạm Thị Yên Nhi; CN Lý Hoàng Phi; CN Đoàn Hùng Sơn - Bến Tre - Sở Nội vụ tỉnh Bến Tre,

2023; 09/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng các bản mô tả công việc và xác định rõ khung năng lực của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã nhằm cụ thể hóa, công khai, minh bạch chức năng, nhiệm vụ, đầu công việc, trình độ chuyên môn, tiêu chí đánh giá công việc của người hoạt động không chuyên trách. Qua đó, giúp người hoạt động không chuyên trách và người kiêm việc của người hoạt động không chuyên trách có cơ sở thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; giúp Đảng ủy, UBND cấp xã sắp xếp, bố trí, tổ chức thực hiện kiêm nhiệm các chức danh người hoạt động không chuyên trách bảo đảm khoa học, hiệu quả; phát huy được năng lực, khả năng công tác và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách cấp xã được thực chất, chính xác.

Số hồ sơ lưu: BTE-201-2023

90167. 12-2023 **Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại tỉnh Nam Định/** Nguyễn Đình Quỳnh; Trần Hoài Thu; Vũ Ngọc Hà; Trần Thị Thanh Mai; Hoàng Việt Anh; Ngô Quang Trung; Lục Việt Dũng; Lại Sơn Tùng; Dương Văn Nghĩa; Trần Văn Đức - Hà Nội - Học viện chính trị khu vực I, 2023; 10/2022 - 09/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trên cơ sở hệ thống hóa một số vấn đề lý luận và thực tiễn mô hình về công tác xây dựng cấp xã đạt

chuẩn TCPL, đề tài đánh giá thực trạng, đề xuất các giải pháp và đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL tại tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Để thực hiện được những mục tiêu đó, cần triển khai các nội dung nghiên cứu như: Chỉ số một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL; Đánh giá thực trạng công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL tại tỉnh Nam Định giai đoạn 2016-2021; Xác định phương hướng; giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn TCPL tại tỉnh Nam Định trong giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo.

Số hồ sơ lưu: 14-2023

6. Khoa học nhân văn

89832. 12-2023 **Đánh giá thực trạng và khả năng phục hồi của doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ trong bối cảnh dịch Covid - 19 tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang/ CN.** Lê Xuân Giới, ThS. Lê Thị Hồng Hạnh - An Giang - Trung Tâm Nghiên Cứu Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn Tỉnh An Giang, 2022; 12/2021 - 08/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

COVID-19 đã gây ra những gián đoạn và thách thức chưa từng có đối với DN và nền kinh tế. Khả năng phục hồi và vươn lên sau đại dịch là yếu tố quyết định ảnh hưởng tới tương lai của không chỉ bản thân

DN mà còn là sự ổn định và phát triển của xã hội, của đất nước. Với mục tiêu phân tích các tác động của đại dịch COVID-19, thực trạng ứng phó và khả năng phục hồi của DNNVSN

(DNNVSN) trên địa bàn thành phố Long Xuyên, nghiên cứu dựa trên hai mẫu đối tượng, đó là khảo sát 630 DN (DN) và phỏng vấn sâu 30 người đại diện DN trong khoảng thời gian từ tháng 1 năm 2022 đến tháng 8 năm 2022. Từ những phát hiện trên, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp nhằm hỗ trợ DNNVSN phục hồi sau đỉnh dịch và phát triển. Các giải pháp cần được thực hiện đồng bộ cùng nhau là: (1) Tăng khả năng tiếp cận vốn; (2) Khuyến khích DNNVSN tiếp tục phát triển các sản phẩm, dịch vụ, chuỗi cung ứng mới và tham gia vào chuỗi cung ứng lớn; (3) Tái cấu trúc quản lý, chiến lược kinh doanh và áp dụng kinh doanh kỹ thuật số; (4) Đẩy mạnh và kích thích phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; và (5) Tăng cường công tác truyền thông về chủ trương, chính sách chương trình, dự án hỗ trợ DN và phòng chống dịch bệnh COVID-19.

Số hồ sơ lưu: AGG-2023-017

60101. Lịch sử Việt Nam

88466. 12-2023 **Nghiên cứu, chỉnh lý, bảo quản, xây dựng hồ sơ khoa học và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa di tích, di vật địa điểm đường hầm và bãi xe ngầm tại 36 Điện Biên Phủ, năm 2021/** PGS. TS. Bùi Văn Liêm, PGS.TS. Tống Trung Tín; TS. Nguyễn Văn Đoàn;

TS. Nguyễn Văn Sơn; PGS.TS. Hoàng Văn Khoán; TS. Phạm Văn Triệu; TS. Trần Anh Dũng; TS. Ngô Thị Lan; TS. Hoàng Thúy Quỳnh; TS. Nguyễn Văn Anh; ThS. Mai Thùy Linh; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Đức Bình; ThS. Nguyễn Thị Lan Hương; ThS. Thân Thị Hằng; CN. Lưu Văn Hùng; CN. Bùi Văn Sơn; ThS. Thân Văn Tiệp; ThS. Lê Cảnh Lam; HS. Nguyễn Đăng Cường; Nguyễn Hữu Thiết; ThS. Quách Thị Sớm; ThS. Lê Quốc Vụ; ThS. Đặng Ngọc Đức; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hiếu - Hà Nội - Viện Khảo cổ học, 2022; 05/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, chỉnh lý, phân loại, bảo quản, bảo tồn, lập hồ sơ khoa học toàn bộ hệ thống di tích, di vật đã được khai quật và di dời về kho tạm tại số 2 Nguyễn Tri Phương (trong khu di tích Hoàng thành Thăng Long) của khu vực khai quật đường hầm và bãi xe ngầm tại 36 Điện Biên Phủ. Nghiên cứu, tổng hợp, đánh giá giá trị hệ thống các di tích và di vật phát hiện được tại khu vực xây dựng đường hầm và bãi xe ngầm tại 36 Điện Biên Phủ. Xây dựng hồ sơ khoa học, báo cáo khoa học toàn bộ hệ thống di tích, di vật. Bảo quản di tích, di vật thường xuyên nhằm tránh xuống cấp. Nghiên cứu và bảo quản đồ nhuộm thê, đồ xương và kim loại. Bàn giao toàn bộ di tích, di vật và hồ sơ khoa học về di tích và di vật cho Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Viện Hàn lâm Khoa

học xã hội Việt Nam, Viện Khảo cổ học theo đúng quy định hiện hành.

Số hồ sơ lưu: 22329

89406. 12-2023 **Môi trường khu di tích Khảo cổ học Óc Eo - Ba Thê, Nền Chùa qua phân tích Bào tử phần hoa/** TS. Nguyễn Thị Mai Hương, ThS. Nguyễn Anh Tuấn; CN. Trương Hữu Nghĩa; TS. Phạm Văn Hải; TS. Lê Thị Liên; ThS. Thân Thị Hằng; ThS. Đinh Thị Thanh Nga; ThS. Nguyễn Thị Thúy; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hiếu; CN. Lê Thị Xuân - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2022; 06/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích 206 mẫu phần hoa thu được từ các cuộc khai quật di tích Gò Óc Eo, Gò Giồng Trôm và Nền Chùa thuộc đề án “Nghiên cứu khu di tích khảo cổ học Óc Eo - Ba Thê, Nền Chùa (văn hóa Óc Eo Nam Bộ)” nhằm tái dựng môi trường, thông qua hệ thực vật ghi nhận được qua phân tích bào tử phần hoa. Cũng qua các kết quả phân tích nhận xét về điều kiện khí hậu, những tác động qua lại giữa con người và môi trường cũng như những thích ứng của cư dân văn hóa Óc Eo trong sự thay đổi môi trường tự nhiên của khu vực Tây Nam Bộ.

Số hồ sơ lưu: 22844

89845. 12-2023 **Tài chính nhân dân trong kháng chiến chống Pháp/** ThS. Hoàng Minh Tuấn, CN. Nguyễn Hữu Thọ; ThS. Mai Thị Hằng Thu; ThS. Vũ Thị Hoài Phương; CN. Tạ Vũ Thu Hằng; CN.

Nguyễn Thị Thanh Huyền; CN. Trần Thị Thúy Nga; CN. Trần Thị Hải; CN. Nguyễn Văn Mai - Hà Nội - Văn phòng Bộ Tài Chính, 2022; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu bối cảnh ra đời, vai trò và giá trị lịch sử của các chính sách tài chính được Trung ương Đảng, Chính phủ và Bộ Tài chính áp dụng trong thời kỳ đầu thành lập Chính quyền cách mạng để huy động nguồn lực tài chính thông qua các khoản đóng góp tự nguyện và các khoản huy động khác của nhân dân. Phân tích và làm nổi bật sự đóng góp và vai trò đặc biệt quan trọng của nhân dân thông qua các chính sách tài chính nhằm động viên nhân dân đóng góp vào công quỹ của Nhà nước để có nguồn lực phục vụ công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Nghiên cứu các chính sách tài chính được sử dụng trong thời kỳ nhằm giúp chúng ta tổng kết và rút ra được những bài học kinh nghiệm gắn với thực tiễn trong bối cảnh hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 23015

60103. Khảo cổ học và tiền sử

87763. 12-2023 **Nghiên cứu, đánh giá giá trị lịch sử và văn hóa các di tích khảo cổ học ở tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 2008-2020)/** TS. Trịnh Hoàng Hiệp, Nguyễn Phúc Cần; CN. Nguyễn Quyết Chiến; ThS. Bùi Xuân Tuân; ThS. Thân Thị Hằng - Hà Nội - Viện Khảo cổ học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tập hợp tư liệu về các di tích, di vật được phát hiện từ năm 2008 đến năm 2020. Tiến hành điều tra, khảo sát các địa điểm khảo cổ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Xác định vị trí, thực trạng các địa điểm khảo cổ học (giai đoạn 2008 - 2020), xác định tọa độ GPS (Global Positioning System). Dự báo về những nơi có khả năng nghiên cứu, đề xuất phương pháp bảo vệ, khai quật trong tương lai. Trên cơ sở tọa độ GPS của từng di tích, đề tài sẽ tiến hành xây dựng sơ đồ phân bố các di tích khảo cổ đã thăm dò, khai quật từ năm 2008 đến năm 2020. Đánh giá công tác bảo tồn, quản lý, khai thác di tích vào đời sống dân cư và phát triển kinh tế khu vực. Xây dựng định hướng nghiên cứu, khai quật khảo cổ và phát huy giá trị di sản gắn kết văn hóa với việc phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo thực hiện tốt Luật di sản văn hóa. Đánh giá giá trị lịch sử - văn hóa các di tích khảo cổ ở tỉnh Bắc Giang (giai đoạn 2008 - 2020), với mục đích nâng cao vai trò quản lý nhà nước, nâng cao nhận thức và sự tham gia đóng góp của toàn xã hội trong việc quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, di sản khảo cổ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Tập hợp, thu hút các nhà khoa học trẻ vào nghiên cứu, biên soạn... dưới dạng tổng hợp tư liệu. Trong quá trình đó sẽ lựa chọn, giúp đỡ một số cán bộ trẻ định hướng đề tài nghiên cứu, cũng như thu thập tư liệu phục vụ cho luận văn thạc sĩ, tiến sĩ trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: 22451

89397. 12-2023 **Tác động của giao thương trong thời Tiền sơ sử ở ven biển miền Trung Việt Nam/** TS. Nguyễn Ngọc Quý, TS. Nguyễn Thị Thanh Vân; PGS.TS. Bùi Văn Liêm; GS.TS. Lâm Thị Mỹ Dung; TS. Nguyễn Anh Thư; ThS. Nguyễn Thơ Đình; ThS. Nguyễn Thị Thanh Dịu; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hiếu; Nguyễn Phương Kiều Linh - Hà Nội - Viện Khảo cổ học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa tư liệu bao gồm sắp xếp, hiệu chỉnh các di tích, di vật khảo cổ thời tiền sơ sử ở vùng ven biển miền Trung Việt Nam có chứa các yếu tố văn hóa ngoại lai đã phát hiện từ trước đến nay nhằm làm rõ đặc trưng phân bố của các di tích, di vật này trong tổng thể các di tích, di vật còn lại. Định vị di tích trong một bản đồ phân bố các địa điểm có chứa các di tích, di vật có nguồn gốc ngoại nhập. Trên cơ sở đó, có thể làm rõ con đường cũng như niên đại các di tích, di vật được du nhập vào miền Trung Việt Nam. Nghiên cứu hệ thống các di tích, di vật khảo cổ có nguồn gốc ngoại nhập trong bối cảnh chung của khu vực nhằm làm sáng tỏ hơn vai trò và những tác động của con đường giao lưu, trao đổi các vật phẩm thương mại thời tiền sơ sử đến việc phân hóa xã hội và từng bước hình thành nhà nước sơ khai ở miền Trung Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22848

60199. Các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác

89514. 12-2023 **Nghiên cứu so sánh di tích - di vật văn hóa Óc Eo**

Nam Bộ với các nước trong khu vực (Campuchia, Thái Lan)/ TS. Phạm Văn Triệu, TS. Nguyễn Văn Quảng; ThS. Nguyễn Đức Bình; TS. Nguyễn Khánh Trung Kiên; TS. Nguyễn Anh Thư; ThS. Mai Thùy Linh; ThS. Đặng Ngọc Kính; TS. Nguyễn Quốc Mạnh; CN. Nguyễn Thị Bích Hương; ThS. Nguyễn Thị Hảo; ThS. Lê Hoàng Phong; PGS.TS. Tống Trung Tín; CN. Trần Ngọc Thiều; CN. Nguyễn Nhật Phương; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hiếu - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2022; 06/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập, tổng hợp tình hình nghiên cứu về văn hóa Óc Eo và những tư liệu liên quan trong mối quan hệ với khu vực (Campuchia, Thái Lan). Thu thập các nguồn tư liệu bản ảnh về di tích và di vật thông qua chương trình nghiên cứu tại Campuchia và Thái Lan. Nghiên cứu, so sánh hệ thống các di tích và di vật nhằm làm nổi bật giá trị lịch sử văn hóa của Khu di tích Óc Eo - Ba Thê, Nền Chùa với các địa điểm di tích tham quan, trong các chương trình khảo sát nghiên cứu tại Thái Lan và Campuchia thuộc phạm vi đề án.

Số hồ sơ lưu: 22894

89743. 12-2023 **Ứng dụng công nghệ sản xuất phim hoạt hình 3D về truyền thuyết Hùng Vương./** ThS. Nguyễn Thị Tuyết Chinh, ThS. Lê Hồng Khanh; ThS. Lê Hải Nam; CN. Nguyễn Ngọc Tân; CN. Nguyễn Quốc Khánh; CN.

Dương Duy Khoa; ThS. Cao Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Kiều Liên Phương; TS. Hà Thị Lịch; ThS. Nguyễn Quang Hưng - Tỉnh Phú Thọ - Đài Phát thanh và Truyền hình Phú Thọ, 2023; 03/2021 - 09/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Biên tập các tập phim về Truyền thuyết Hùng Vương. Suu tầm, thu thập thông tin về các truyền thuyết Hùng Vương. Tư liệu hóa các truyền thuyết Hùng Vương làm căn cứ để sản xuất các tập phim hoạt hình 3D. Hội thảo lựa chọn nội dung để xây dựng 12 kịch bản phim hoạt hình từ các tư liệu về truyền thuyết Hùng Vương được sưu tầm. Biên tập, hoàn thiện nội dung 12 kịch bản phim hoạt hình (có tên gọi cụ thể) về Truyền thuyết Hùng Vương. Biên tập, hoàn thiện nội dung 12 kịch bản phim hoạt hình để sản xuất 5 tập phim hoạt hình 3D về truyền thuyết Hùng Vương. Tổ chức sản xuất phim hoạt hình 3D về truyền thuyết Hùng Vương. Tổ chức phát sóng thử 05 tập phim hoạt hình 3D về truyền thuyết Hùng Vương.

Số hồ sơ lưu: PTO - 2023 - 13

60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung

90050. 12-2023 **Xây dựng văn hóa cộng đồng cư dân đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh/** CN. Nguyễn Thị Thanh Tâm, CN. Hồ Thị Luân; TS. Nguyễn Thị Hoài Hương; ThS. Nguyễn Thị Lê Uyên; ThS. Mai Thị Quế; ThS. Nguyễn Thị Hà; ThS. Phạm Hoàng Phước; CN. Nguyễn Thị Hương; CN. Nguyễn Thái Đặng Hồng Ân; CN. Lê Thị

Dung; CN. Nguyễn Hải Loan; CN. Nguyễn Tôn Thị Tường Vân; CN. Đặng Thị Hải Yến; CN. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Chu Thúy Anh - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu phát triển Tp. Hồ Chí Minh, 2022; 09/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thực trạng và các yếu tố tác động đến các hoạt động văn hóa cộng đồng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Tiến hành phân tích và đánh giá thực trạng người dân tham gia các hoạt động văn hóa cộng đồng. Đồng thời, phân tích những hiệu quả và hạn chế của hoạt động văn hóa cộng đồng thông qua những đánh giá của người dân. Trên cơ sở phân tích những thực trạng và yếu tố tác động đã nêu trên, đề xuất những giải pháp để xây dựng văn hóa cộng đồng cư dân đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-004-2023

90053. 12-2023 **Số hóa hiện vật, di tích, bảo tàng thông qua mã QR Guiding nhằm phát huy giá trị văn hóa lịch sử/** CN. Nguyễn Văn Thắng, Đỗ Đình Chí Hiếu; Nguyễn Minh Vương; Nguyễn Thắng Duy; Cao Nhật Khương Duy; Nguyễn Thục Quyên - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp, 2022; 12/2021 - 05/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng giải pháp quản lý thông tin trưng bày tại các điểm đến, xây dựng giải pháp truy xuất thông tin qua mã QR hiện vật đa ngôn ngữ, đa phương tiện.

Nghiên cứu quy trình triển khai ứng dụng giải pháp tại các điểm đến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tiền đề cho việc mở rộng từ đó giúp việc triển khai giải pháp số hóa trong trưng bày tới khách hàng là các cơ quan, tổ chức quản lý bảo tàng được thuận lợi.

Số hồ sơ lưu: HCM-006-2023

60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam

52626. 12-2023 **Văn hóa tộc người và giao thoa văn hóa ở miền Tây Cao Bằng/** PGS.TS. Đàm Thị Uyên, PGS.TS. Hà Thị Thu Thủy; PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Chi; TS. Dương Quỳnh Phương; TS. Lương Thị Hạnh; ThS. Đỗ Hằng Nga - Thái Nguyên - Đại học Thái Nguyên, 2014; (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở khoa học về văn hóa tộc người và sự giao thoa văn hóa tộc người trên cả phương diện lý luận và thực tiễn của miền Tây Cao Bằng nhằm đề xuất các giải pháp triển kinh tế - xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa cho cộng đồng các dân tộc theo hướng phát triển bền vững. Đề xuất một số giải pháp nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong điều kiện giao lưu văn hóa giữa các địa phương và hội nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 11005

89419. 12-2023 **Văn hóa tín ngưỡng của người Tày ở miền núi phía Bắc trong bối cảnh đương đại/** Tiến sỹ. Đoàn Thị Tuyên, PGS.TS. Nguyễn Thị Yên; TS. Phan

Thị Hoa Lý; TS. Chu Xuân Giao; ThS. Trần Đức Tùng; ThS. Hoàng Anh Tuấn; CN. Nguyễn Thu Hương - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Văn hóa, 2023; 01/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận diện thực trạng các thực hành văn hoá tín ngưỡng trong đời sống của người Tày ở các điểm nghiên cứu, đặt trong tương quan với bối cảnh đương đại và các quan điểm của chủ thể về văn hoá tín ngưỡng của mình. Phân tích các yếu tố tác động/ảnh hưởng tới diện mạo văn hoá tín ngưỡng của người Tày cũng như xu hướng tồn tại của các thực hành này tại các điểm nghiên cứu, từ đó góp phần hiểu rõ hơn về thực trạng tôn giáo, tín ngưỡng của người Tày nói riêng và các tộc người thiểu số nói chung trong xã hội đương đại.

Số hồ sơ lưu: 22858

60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ

89566. 12-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo hộ nhãn hiệu 3 chiều nhằm hoàn thiện các quy định về xác lập quyền đối với nhãn hiệu dạng ba chiều/** ThS. Nguyễn Việt Hà, ThS. Trần Nguyệt Minh; ThS. Đỗ Thị Hạnh; ThS. Dương Thị Quỳnh Thu; CN. Ngô Thị Bích Dung; CN. Vũ Thanh Bình; ThS. Nguyễn Quang Tuấn; CN. Hoàng Mai Chi; Lê Quang Vinh - Hà Nội - Phòng Pháp chế và Chính sách, 2023; 03/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Cơ sở lý luận và thực tiễn quốc tế của bảo hộ nhãn hiệu 3 chiều trong quá trình thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu. Thực tiễn về việc xác lập và bảo hộ nhãn hiệu 3 chiều trong quá trình thẩm định nhãn hiệu tại Việt Nam. Chồng lấn giữa bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và bảo hộ nhãn hiệu 3 chiều. Kiến nghị và đề xuất quy định cụ thể liên quan đến xác lập quyền đối với nhãn hiệu 3 chiều ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22920

89596. 12-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng quy trình khung chương trình so sánh liên phòng đối với các tổ chức hiệu chuẩn chuẩn đo lường/** ThS. Lê Thị Thúy Sâm, ThS. Bùi Trung Dũng; CN. Trần Thị Thúy Hà; ThS. Phan Thị Bích Hạnh; ThS. Nguyễn Bích Ngọc; KS. Đào Thị Hồng; ThS. Chu Mạnh Quang; KS. Tạ Ngọc Tú; ThS. Nguyễn Anh Triết - Hà Nội - Vụ Đo lường, 2023; 07/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tình hình hoạt động so sánh liên phòng được tổ chức bởi các tổ chức quốc tế về đo lường và một số nước trên thế giới. Thực trạng hoạt động so sánh liên phòng của các tổ chức ở Việt Nam. Xây dựng tiêu chí, cách thức lựa chọn lĩnh vực thực hiện so sánh liên phòng. xây dựng yêu cầu lựa chọn mẫu chuẩn so sánh đối với lĩnh vực áp suất, điện, dung tích - lưu lượng. Xây dựng nội dung cách thức, trình tự, thủ tục lựa chọn phương pháp để tiến hành thực hiện so sánh liên phòng đối với lĩnh vực áp suất, điện,

dung tích - lưu lượng. Tổng hợp kết quả áp dụng thử so sánh liên phòng của từng lĩnh vực áp suất, điện, dung tích - lưu lượng và xây dựng nội dung biểu mẫu báo cáo kết quả thực hiện.

Số hồ sơ lưu: 22927

60402. Mỹ thuật

89883. 12-2023 **Phát huy giá trị bộ sưu tập tranh lụa tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam/** ThS. Trần Thị Hương, ThS. Vương Lê Mỹ Học; ThS. Hoàng Thị Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; PGS.TS. Đoàn Thị Mỹ Hương; TS. Đặng Thị Phong Lan; TS. Nguyễn Anh Minh; CN. Phạm Thị Lâm; CN. Bùi Bích Châu; ThS. Đỗ Trọng Hiếu - Hà Nội - Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, 2023; 01/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận diện giá trị bộ sưu tập tranh lụa tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam. Đánh giá thực trạng công tác bảo quản và phát huy giá trị bộ sưu tập tranh lụa của Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam. Đề xuất giải pháp phát huy giá trị các tác phẩm mỹ thuật chất liệu lụa của Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, đáp ứng nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của công chúng trong và ngoài nước.

Số hồ sơ lưu: 23022

699. Khoa học nhân văn khác

89056. 12-2023 **Triển khai áp dụng các biện pháp rèn luyện kỹ năng tự đánh giá hoạt động học tập của học sinh trong các trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Phú**

Thọ đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018/ TS. Đỗ Tùng, TS.Lê Thị Hồng Chi; TS.Hoàng Công Kiên ; TS.Phan Thị Tình; TS.Nguyễn Xuân Huy ; TS.Bùi Thị Thu Thủy; ThS.Phùng Quốc Lập; TS.Nguyễn Ánh Hoàng; ThS.Nguyễn Thị Ngọc Lan; ThS.Nguyễn Thị Hương Lan - Phú Thọ - Trường Đại học Hùng Vương, 2022; 03/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, hoàn thiện bản thảo Bộ tài liệu hướng dẫn rèn luyện kỹ năng tự đánh giá hoạt động học tập của học sinh trong các trường Tiểu học; Bộ tài liệu hướng dẫn rèn luyện kỹ năng tự đánh giá hoạt động học tập của học sinh trong các trường tiểu học gồm: Hướng dẫn học sinh tiểu học rèn luyện kỹ năng tự đánh giá hoạt động học tập; Tài liệu hướng dẫn phụ huynh học sinh rèn luyện kỹ năng tự đánh giá hoạt động học tập cho học sinh tiểu học; Tài

liệu hướng dẫn giáo viên rèn luyện kỹ năng tự đánh giá hoạt động học tập cho học sinh tiểu học; Tổ chức hội thảo khoa học lấy ý kiến góp ý hoàn thiện Bộ tài liệu hướng dẫn rèn luyện kỹ năng. Triển khai áp dụng các biện pháp và bộ tài liệu hướng dẫn rèn luyện kỹ năng tự đánh giá hoạt động học tập của học sinh trong các trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Tổ chức tập huấn cho các đơn vị thực hiện. Đánh giá kết quả áp dụng thực hiện các biện pháp và bộ tài liệu hướng dẫn rèn luyện kỹ năng tự đánh giá hoạt động học tập của học sinh trong các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Thông tin, tuyên truyền kết quả thực hiện dự án.

Số hồ sơ lưu: PTO - 2022 - 026

Phu lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

2. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục

Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cách thức thực hiện:

- Đăng ký trực tuyến tại một trong các trang dịch vụ công của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: <https://dichvucong.vista.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ <https://dichvucong.most.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công quốc gia của Chính phủ <https://dichvucong.gov.vn>.

- Nộp trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Khi nhận được hồ sơ, Bộ phận Một cửa sẽ liên hệ để hướng dẫn tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 nhiệm vụ

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- 01 quyển báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng bìa mạ chữ vàng, gáy in tên chủ nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trang bìa lót bên trong có chữ ký của chủ nhiệm vụ và dấu xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.

- 01 biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản sao);

- 01 văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 văn bản minh chứng việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.
- 01 phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
- Phiếu mô tả công nghệ.
- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.
- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.
- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024-3934-9116; Fax: 024-3934-9127.

Email: quanly@vista.gov.vn

** Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 024-3934-9119*